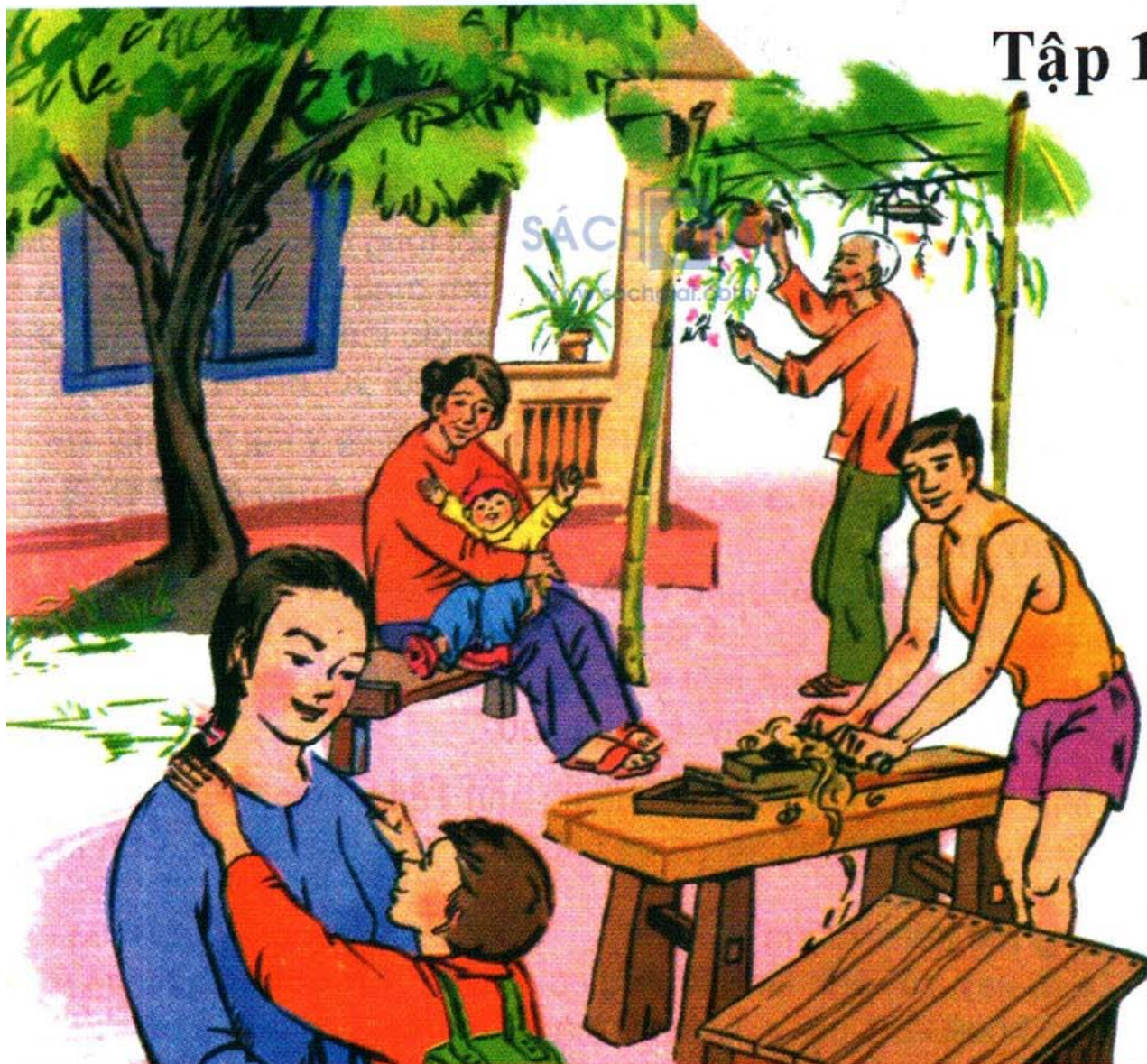


NGUYỄN THỊ KIM DUNG
HỒ THỊ VÂN ANH

Giải bài tập
TIẾNG VIỆT 3
Biên soạn theo chương trình mới

Tập 1



MỤC LỤC

Tuần	Chủ điểm	Phân môn	Nội dung	Trang
1.	MĂNG NON	Tập đọc	Cậu bé thông minh	5
		Kể chuyện	Cậu bé thông minh	6
		Chính tả	Tập chép: <i>Cậu bé thông minh</i>	7
			Phân biệt l / n, an / ang.	8
		Tập đọc	Hai bàn tay em	9
		Luyện từ và câu	Ôn về từ chỉ sự vật. So sánh	10
		Tập viết	Ôn chữ hoa: <i>A</i>	11
		Tập đọc	Đơn xin vào đội	13
		Chính tả	Nghe - viết: <i>Chơi thuyền</i>	14
			Phân biệt ao / oao, l / n, an / ang	15
2.	MĂNG NON	Tập làm văn	Nói về Đội TNTP	16
			Điền vào giấy tờ in sẵn	17
		Tập đọc	Ai có lỗi?	18
		Kể chuyện	Ai có lỗi?	19
		Chính tả	Nghe - viết: <i>Ai có lỗi?</i>	20
			Phân biệt uêch / uy, s / x, ăn / ăng	21
		Tập đọc	Khi mẹ vắng nhà	22
		Luyện từ và câu	Mở rộng vốn từ: Thiếu nhi	23
			Ôn tập câu: <i>Ai là gì?</i>	24
		Tập viết	Ôn chữ hoa: <i>A A</i>	25
3.	MÁI ẤM	Tập đọc	Cô giáo tí hon	26
		Chính tả	Nghe - viết: <i>Cô giáo tí hon</i>	27
			Phân biệt s / x, ăn / ăng	28
		Tập làm văn	Viết đơn	29
		Tập đọc	Chiếc áo len	30
		Kể chuyện	Chiếc áo len	31
		Chính tả	Nghe - viết: <i>Chiếc áo len</i>	32
			Phân biệt tr / ch, dấu hỏi / dấu ngã.	33
		Tập đọc	Quạt cho bà ngủ	34
		Luyện từ và câu	So sánh. Dấu chấm	35
4.	MÁI ẤM	Tập viết	Ôn chữ hoa: <i>B</i>	36
		Tập đọc	Chú sẻ và bông bằng lăng	37
		Chính tả	Tập chép: <i>Chị em</i>	38
			Phân biệt ăc / oăc, tr / ch, dấu hỏi / dấu ngã	39
		Tập làm văn	Kể về gia đình	40
			Điền vào giấy tờ in sẵn	41
		Tập đọc	Người mẹ	42
		Kể chuyện	Người mẹ	43
		Chính tả	Nghe - viết: <i>Người mẹ</i>	44
			Phân biệt d / gi / r, ân / ăng	45
5.	MÁI ẤM	Tập đọc	Mẹ vắng nhà ngày bão	46
		Luyện từ và câu	Mở rộng vốn từ: Gia đình	47
			Ôn tập câu: <i>Ai là gì?</i>	48
		Tập viết	Ôn chữ hoa: <i>C</i>	49
		Tập đọc	Ông ngoại	50
		Chính tả	Nghe - viết: <i>Ông ngoại</i>	51
			Vấn oay. Phân biệt d / gi / r, ân / ăng	52
		Tập làm văn	Nghe - kể; <i>Dại gì mà đổi</i>	53
			Điền vào giấy tờ in sẵn	54

5. TỐI TRƯỜNG	Tập đọc	Người lính dũng cảm	42
	Kể chuyện	Người lính dũng cảm	43
	Chính tả	Nghe - viết : <i>Người lính dũng cảm</i> Phân biệt: n / l, en / eng.	44
	Tập đọc	Mùa thu của em	45
	Luyện từ và câu	So sánh	46
	Tập viết	Ôn chữ hoa: <i>Ư</i> (tiếp theo)	47
	Tập đọc	Cuộc họp chữ viết	48
	Chính tả	Tập chép: <i>Mùa thu của em</i> Vấn oam. Phân biệt l / n, en / eng	50
6. TỐI TRƯỜNG	Tập làm văn	Tập tổ chức cuộc họp	51
	Tập đọc	Bài tập làm văn	52
	Kể chuyện	Bài tập làm văn	53
	Chính tả	Nghe - viết: <i>Bài tập làm văn</i> Phân biệt eo / oeo, s / x, dấu hỏi / dấu ngã	54
	Tập đọc	Ngày khai trường	55
	Luyện từ và câu	Mở rộng vốn từ: Trường học Dấu phẩy	56
	Tập viết	Ôn chữ hoa: <i>Đ Đ</i>	57
	Tập đọc	Nhớ lại buổi đầu đi học	58
7. CỘNG ĐỒNG	Chính tả	Nghe - viết; <i>Nhớ lại buổi đầu đi học</i> Phân biệt: eo / oeo, s / x, ươn / ương	59
	Tập làm văn	Kể lại buổi đầu đi học	60
	Tập đọc	Trận bóng dưới lòng đường	62
	Kể chuyện	Trận bóng dưới lòng đường	63
	Chính tả	Tập chép: <i>Trận bóng dưới lòng đường</i> Phân biệt tr / ch, iên / iêng	64
	Tập đọc	Lừa và ngựa	65
	Luyện từ và câu	Ôn tập về từ chỉ hoạt động, trạng thái So sánh	66
	Tập viết	Ôn chữ hoa: <i>Ê Ê</i>	67
8. CỘNG ĐỒNG	Tập đọc	Bạn	68
	Kể chuyện	Nghe - viết: <i>Bạn</i> Phân biệt en / oen, tr / ch, iên / iêng	69
	Chính tả	Nghe - kể: <i>Không nỡ nhìn</i>	70
	Tập làm văn	Tập tổ chức cuộc họp	70
	Tập đọc	Các em nhỏ và cụ già	72
	Kể chuyện	Các em nhỏ và cụ già	73
	Chính tả	Nghe - viết: <i>Các em nhỏ và cụ già</i> Phân biệt d / gi / r, uôn / uông	74
	Tập đọc	Tiếng ru	75
8. CỘNG ĐỒNG	Luyện từ và câu	Mở rộng vốn từ: Cộng đồng Ôn tập câu: <i>Ai làm gì?</i>	76
	Tập viết	Ôn chữ hoa: <i>Ơ</i>	78
	Tập đọc	Những chiếc chuông reo	79
	Chính tả	Nhớ - viết: <i>Tiếng ru</i> Phân biệt d / gi / r, uôn / uông	80
	Tập làm văn	Kể về người hàng xóm	80

9.		Ôn tập giữa học kì I	82
10. QUÊ HƯƠNG	Tập đọc	Giọng quê hương	88
	Kể chuyện	Giọng quê hương	89
	Chính tả	Nghe - viết : <i>Quê hương ruột thịt</i>	
		Phân biệt oai / oay, l / n, dấu hỏi / dấu ngã	90
	Tập đọc	Quê hương	91
	Luyện từ và câu	So sánh. Dấu chấm	92
	Tập viết	Ôn chữ hoa: <i>Q</i> (tiếp theo)	92
	Tập đọc	Thư gửi bà	93
	Chính tả	Nghe - viết: <i>Quê hương</i>	
		Phân biệt oai / oay, l / n, dấu hỏi / dấu ngã	95
	Tập làm văn	Tập viết thư và phong bì thư	95
11. QUÊ HƯƠNG	Tập đọc	Đất quý, đất yêu	97
	Kể chuyện	Đất quý, đất yêu	98
	Chính tả	Nghe - viết: <i>Tiếng hò trên sông</i>	
		Phân biệt ong / oong, s / x, ươn / ương	99
	Tập đọc	Vẽ quê hương	100
	Luyện từ và câu	Mở rộng vốn từ: <i>Quê hương</i>	
		Ôn tập câu: <i>Ai làm gì?</i>	101
	Tập viết	Ôn chữ hoa: <i>Q</i> (tiếp theo)	102
	Tập đọc	Chỗ bánh khúc của dì tôi	103
	Chính tả	Nhớ - viết: <i>Vẽ quê hương</i>	
		Phân biệt s / x, ươn / ương	105
	Tập làm văn	Nghe - kể: <i>Tôi có học đâu!</i>	
		Nói về quê hương	105
12. BẮC - TRUNG - NAM	Tập đọc	Nắng phương nam	107
	Kể chuyện	Nắng phương nam	108
	Chính tả	Nghe - viết: <i>Chiều trên sông Hương</i>	
		Phân biệt oc / ooc, tr / ch, at / ac	109
	Tập đọc	Cảnh đẹp non sông	110
	Luyện từ và câu	Ôn tập về từ chỉ hoạt động, trạng thái.	
		So sánh	111
	Tập viết	Ôn chữ hoa: <i>H</i>	112
	Tập đọc	Luôn nghĩ đến miền Nam	113
	Chính tả	Nghe - viết: <i>Cảnh đẹp non sông</i>	
		Phân biệt tr / ch, at / ac	115
	Tập làm văn	Nói, viết về cảnh đẹp đất nước	115
13. BẮC - TRUNG - NAM	Tập đọc	Người con của Tây Nguyên	117
	Kể chuyện	Người con của Tây Nguyên	118
	Chính tả	Nghe - viết: <i>Đêm trăng trên Hồ Tây</i>	
		Phân biệt iu / uyu, d / gi / r, dấu hỏi / dấu ngã	119
	Tập đọc	Vàm Cỏ Đông	129
	Luyện từ và câu	Mở rộng vốn từ: Từ địa phương	
		Dấu chấm hỏi, chấm than	121
	Tập viết	Ôn chữ hoa: <i>Q</i>	122
	Tập đọc	Cửa Tùng	123
	Chính tả	Nghe - viết: <i>Vàm Cỏ Đông</i>	
		Phân biệt iu / uyu, d / gi / r, dấu hỏi / dấu ngã	124
	Tập làm văn	Viết thư	125

14. ANH EM MỘT NHÀ	Tập đọc	Người liên lạc nhỏ	126
	Kể chuyện	Viết thư	127
	Chính tả	Nghe - viết: <i>Người liên lạc nhỏ</i>	128
		Phân biệt ay / ây, i / n, i / iê	129
	Tập đọc	Nhớ Việt Bắc	130
	Luyện từ và câu	Ôn tập về từ chỉ đặc điểm	131
		Ôn tập câu: <i>Ai thế nào?</i>	132
	Tập viết	Ôn chữ hoa: K	134
15. ANH EM MỘT NHÀ	Tập đọc	Một trường tiểu học vùng cao	135
	Kể chuyện	Nghe - viết: <i>Nhớ Việt Bắc</i>	137
	Chính tả	Phân biệt au / âu, i / n, i / iê	138
		Nghe - kể: <i>Tôi cũng như bác</i>	139
	Tập đọc	Giới thiệu hoạt động	140
	Luyện từ và câu	Hũ bạc của người cha	142
		Hũ bạc của người cha	143
	Tập viết	Nghe - viết: <i>Hũ bạc của người cha</i>	145
16. THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN		Phân biệt ui / uôi, s / x, ăt / ăc	146
	Tập đọc	Nhà bố ở	147
	Luyện từ và câu	Mở rộng vốn từ: Các dân tộc	148
		Luyện đặt câu có hình ảnh so sánh	149
	Tập viết	Ôn chữ hoa: L	150
	Tập đọc	Nhà rồng ở Tây Nguyên	151
	Chính tả	Nghe - viết: <i>Nhà rồng ở Tây Nguyên</i>	152
		Phân biệt ưi / uôi, s / x, ăt / ăc	153
17. THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN		Nghe - kể: <i>Giấu cây</i>	154
	Tập làm văn	Giới thiệu về tổ em	155
	Tập đọc	Đôi bạn	157
	Kể chuyện	Đôi bạn	158
	Chính tả	Nghe - viết: <i>Đôi bạn</i>	159
		Phân biệt tr / ch, dấu hỏi / dấu ngã	161
	Tập đọc	Về quê ngoại	162
	Luyện từ và câu	Mở rộng vốn từ: Thành thị - Nông thôn	163
18.		Dấu phẩy	164
	Tập viết	Ôn chữ hoa: M	165
	Tập đọc	Ba điều ước	166
	Chính tả	Nhớ - viết: Về quê ngoại	167
		Phân biệt tr / ch, dấu hỏi / dấu ngã	168
	Tập làm văn	Nghe - kể: <i>Kéo cây lúa lên</i>	169
		Nội-về thành thị, nông thôn	170
		Mồ côi xử kiện	171
		Mồ côi xử kiện	172
		Nghe - viết: <i>Vắng trắng quê em</i>	173
		Phân biệt d / gi / r, ăt / ăc	174
	Tập đọc	Anh đom đóm	175
	Luyện từ và câu	Ôn về từ chỉ đặc điểm	176
		Ôn tập câu <i>Ai thế nào?</i> Dấu phẩy	177
	Tập viết	Ôn chữ hoa: N	178
	Tập đọc	Âm thanh thành phố	179
	Chính tả	Nghe - viết: <i>Âm thanh thành phố</i>	180
		Phân biệt ui / uôi, d / gi / r, ăt / ăc	181
	Tập làm văn	Viết về thành thị, nông thôn	182
Ôn tập cuối học kỳ I			183

Chủ điểm

MĂNG NON

TUẦN 1

Tập đọc

Cậu bé thông minh

A. Mục tiêu bài học

– Rèn kĩ năng đọc thành tiếng: Đọc trôi chảy toàn bài, đọc đúng các từ khó: *bình tĩnh, xin sữa, đuổi đi, bật cười*,... Ngắt nghỉ đúng sau dấu chấm, dấu phẩy và giữa các cụm từ. Biết phân biệt lời người kể chuyện với lời các nhân vật (*cậu bé, nhà vua*).

– Rèn kĩ năng đọc - hiểu: Hiểu nghĩa của các từ: *bình tĩnh, kinh đô, om sòm, trọng thưởng*. Hiểu nội dung ý nghĩa của câu chuyện: *Ca ngợi sự thông minh và tài trí của cậu bé*.

B. Tìm hiểu nội dung

Câu chuyện *Cậu bé thông minh* gồm ba đoạn:

– Đoạn 1: Nhà vua muốn tìm người tài giỏi, nên đưa ra một lệnh hết sức vô lí (nộp một con gà trống biết đẻ trứng) khiến cả làng đều sợ hãi, riêng có cậu bé tỏ ra bình tĩnh và đòi cha cho lên kinh đô để gặp Đức vua và hứa sẽ lo được việc này.

– Đoạn 2: Cậu bé nói một chuyện vô lí để làm cho nhà vua phải thừa nhận: lệnh của ngài là oái oăm, không thể thực hiện được.

– Đoạn 3: Cậu bé yêu cầu sứ giả một việc khiến vua không thể thực hiện được, và chính lời đề nghị của cậu bé khiến vua phải trọng thưởng và công nhận: cậu là một người tài giỏi.

I. Hướng dẫn luyện đọc

Khi đọc chú ý phát âm rõ các từ: *bình tĩnh, kinh đô, đuổi đi, xin sữa*... Phân biệt lời người kể chuyện với lời các nhân vật:

– Lời người dẫn chuyện chậm rãi ở những dòng mở đầu câu chuyện; thể hiện sự lo lắng trước yêu cầu của nhà vua; thoải mái sau mỗi lần cậu bé qua được thử thách của nhà vua. Ví dụ:

• *Ngày xưa,/ có một ông vua muốn tìm người tài ra giúp nước.// Vua hạ lệnh cho mỗi làng trong vùng nộp/ nộp một con gà trống biết đẻ trứng,/ nếu không có/ thì cả làng phải chịu tội.//* (giọng đọc chậm rãi).

• *Vua bật cười,/ thậm khen cậu bé,/ nhưng vẫn muốn thử tài cậu bé lần nữa.//* (giọng thoải mái)

– Giọng cậu bé lễ phép, tự tin.

• *Cha đưa con lên kinh đô gặp Đức Vua,/ con sẽ lo được việc này.//*

- Giọng nhà vua oai nghiêm, có lúc vờ bực tức quát.
- *Cậu bé kia,/ sao dám đến đây làm âm ỉ.*// (giọng oai nghiêm).
- *Thằng bé này láo,/ dám đùa với trẫm!!!* *Bố người là đàn ông thì sao để được!!!* (giọng bực tức).

II. Hướng dẫn trả lời câu hỏi

1. Nhà vua nghĩ ra kế gì để tìm người tài giỏi?

Để tìm người tài giỏi, nhà vua đã lệnh cho mỗi làng *phải nộp một con gà trống biết đẻ trứng*.

2. Vì sao dân chúng lo sợ khi nghe lệnh của nhà vua?

Dân chúng lo sợ khi nghe lệnh của nhà vua vì gà trống không biết đẻ trứng.

3. Cậu bé đã làm cách nào để vua thấy lệnh của ngài là vô lí?

Để vua thấy lệnh của ngài là vô lí, cậu bé đã kể một chuyện khiến nhà vua cho là vô lí (*bố đẻ em bé*) để từ đó vua phải thừa nhận: lệnh của ngài khiến mọi người không thể thực hiện được.

4. Trong cuộc thử tài lần sau, cậu bé yêu cầu điều gì? Vì sao cậu bé yêu cầu như vậy.

- Trong cuộc thử tài lần sau, cậu bé đã yêu cầu sứ giả: *rèn chiếc kim thành một con dao thật sắc để xẻ thịt chim*.

- Cậu bé yêu cầu như vậy là để vua không thể làm nổi và như thế cậu bé khỏi phải thực hiện lệnh của vua.

Kể chuyện **Cậu bé thông minh**

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng nói: Dựa vào tranh biết kể lại từng đoạn của câu chuyện, biết thay đổi giọng kể cho phù hợp với nội dung câu chuyện.
- Rèn kĩ năng nghe: Nghe bạn kể, biết nhận xét, đánh giá lời kể của bạn và kể tiếp được lời kể của bạn.

B. Tìm hiểu nội dung (*Hướng dẫn kể chuyện*)

Khi kể chuyện phải kể bằng ngôn ngữ tự nhiên của các em, tránh đọc thuộc lòng câu chuyện trong sách. Cần phân biệt lời người kể chuyện với lời nhân vật (phần này đã hướng dẫn kĩ trong bài tập đọc).

- Dựa vào các tranh sau (SGK trang 5), kể lại từng đoạn câu chuyện

Cậu bé thông minh:

* Tranh 1.

Ngày xưa, có một ông vua muốn tìm người tài giỏi ra giúp nước. Vua bèn nghĩ ra một kế là lệnh cho mỗi làng phải nộp một con gà trống

biết đẻ trứng, nếu không cả làng phải chịu tội. Lệnh vua ban ra khiến cả làng lo sợ, chỉ có một cậu bé tỏ ra rất bình tĩnh, cậu đã nói với cha:

– Cha đưa con lên kinh đô gặp Đức Vua, con sẽ lo được việc này.

Cả làng nửa tin, nửa ngờ nhưng cũng đành cấp tiền cho cha con lên đường hi vọng sẽ giải quyết được việc này.

* Tranh 2.

Đến trước cung vua, cậu bé kêu khóc om sòm. Thấy lạ, vua cho gọi vào. Cậu nói với vua:

– Cha con đẻ em bé, bắt con đi xin sữa cho em, con không xin được, liền bị đuổi đi.

Vua nghe và cho là vô lí, thấy thế cậu bé liền nói:

– Vậy sao Đức vua lại ra lệnh cho làng con phải nộp gà trống biết đẻ trứng.

Vua bật cười khen thầm cậu bé, nhưng vẫn muốn thử tài cậu lần nữa.

* Tranh 3.

Vua sai sứ giả đem một con chim sẻ nhỏ và yêu cầu cậu bé làm ba mâm cỗ. Cậu bèn đưa cho sứ giả một chiếc kim khâu và nói:

– Xin ông về tâu với Đức Vua rèn cho tôi chiếc kim này thành một con dao thật sắc để xẻ thịt chim.

Vua biết cậu bé là một người tài giỏi bèn trọng thưởng cho cậu và gửi cậu vào trường học để luyện thành tài.

Chính tả (Tập chép) **Cậu bé thông minh**

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng viết chính tả: Chép lại chính xác một đoạn trong bài *Cậu bé thông minh* (từ *Hôm sau...* đến *để xẻ thịt chim*).
- Biết cách trình bày một đoạn văn. Biết viết hoa chữ cái đầu câu. Viết đúng những tiếng có âm vần dễ lẫn *l / n; an / ang*.
- Ôn bảng chữ cái. Điền đúng 10 chữ cái, chép tên của 10 chữ cái đó vào bảng và thuộc lòng.

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn tập chép: Đoạn chép gồm ba câu:

- Câu 1: *Hôm sau, nhà vua... làm ba mâm cỗ.*
- Câu 2: *Cậu bé đưa cho sứ giả... nói:*
- Câu 3: *Xin ông về tâu... xẻ thịt chim.*

Cuối câu 1 và câu 3 có dấu chấm, cuối câu 2 có dấu hai chấm.

Chú ý viết đúng các từ khó: *chim sẻ, mâm cỗ, sứ giả, xẻ.*

II. Hướng dẫn làm bài tập

1. Tập chép: *Cậu bé thông minh* (từ *Hôm sau...* đến *xẻ thịt chim*).

- Lời nói của cậu bé được đặt sau dấu hai chấm và dấu gạch ngang.
- Những chữ trong bài phải viết hoa: *Hôm, Cậu, Xin, Đức Vua*.

2. Điền vào chỗ trống:

- a) *l* hay *n* ? – hạ lệnh b) *an* hay *ang* ? – **đàng** hoàng
– nộp bài – **đàn** ông
– hôm nọ – **sáng** loáng

3. Viết vào vở những chữ và tên chữ còn thiếu trong bảng sau.

Số thứ tự	Chữ	Tên chữ
1	a	a
2	ă	á
3	â	ơ
4	b	bê
5	c	xê

Số thứ tự	Chữ	Tên chữ
6	ch	xê hát
7	d	dê
8	đ	đê
9	e	e
10	ê	ê

Tập đọc

Hai bàn tay em

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng đọc thành tiếng: Đọc trôi chảy cả bài, phát âm đúng các từ khó: *xinh, ngủ, giảng giảng, thủ thủ*.
- Biết nghỉ hơi sau mỗi dòng thơ và giữa các khổ thơ.
- Rèn kĩ năng đọc - hiểu: Hiểu nghĩa của các từ: *siêng năng, giảng giảng, thủ thủ*.
- Hiểu nội dung từng khổ thơ và ý nghĩa của bài thơ: *Hai bàn tay rất đẹp, rất đáng yêu và rất có ích*.

B. Tìm hiểu nội dung

Bài thơ ***Hai bàn tay em*** gồm năm khổ thơ.

- Khổ thơ 1: Tả đôi bàn tay em rất xinh đẹp như nụ hoa đầu cành.
- Khổ thơ 2: Khi bé ngủ hai bàn tay luôn ở bên cạnh.
- Khổ thơ 3: Bàn tay chăm chỉ giúp em đánh răng, chải tóc.
- Khổ thơ 4: Khi bé ngồi học bài bàn tay siêng năng làm cho những hàng chữ nở hoa trên giấy.
- Khổ thơ 5: Khi chỉ có một mình, bé thủ thủ với hai bàn tay.

I. Hướng dẫn luyện đọc

- Đọc bài thơ, với giọng vui tươi, dịu dàng, tình cảm.
- Chú ý phát âm đúng các từ khó (Xem mục A. Mục tiêu bài học).

– Nghỉ hơi ngắn khi đọc hết một dòng thơ, nghỉ hơi dài khi đọc hết một khổ thơ. Ví dụ: *Đêm em nằm ngủ/ Hai hoa ngủ cùng/ Hoa thì bên má/ Hoa ấp cạnh lòng.* //

II. Hướng dẫn trả lời câu hỏi

1. Hai bàn tay của bé được so sánh với gì (khổ thơ 1)?

Hai bàn tay của bé được so sánh với những nụ hoa hồng; những ngón tay xinh như những cánh hoa.

2. Hai bàn tay thân thiết với bé như thế nào (các khổ thơ còn lại)?

– Buổi tối khi bé nằm ngủ: *Hai hoa ngủ cùng - Hoa thì bên má - Hoa ấp cạnh lòng.*

– Buổi sáng: hai bàn tay giúp bé đánh sạch răng, chải tóc.

– Khi bé học bài: hai bàn tay làm cho những hàng chữ nở hoa trên giấy.

– Khi chỉ có một mình: bé thủ thỉ tâm sự với bàn tay.

3. Em thích nhất khổ thơ nào? Vì sao?

Tùy theo ý thích, các em chọn cho mình một khổ thơ nhưng cần nêu rõ lí do. Ví dụ:

– Thích khổ thơ 1: Vì hai bàn tay rất đẹp giống như nụ hoa hồng.

– Thích khổ thơ 2: Vì hai bàn tay lúc nào cũng ở bên cạnh bé.

– Thích khổ thơ 3: Vì hai bàn tay giúp bé đánh răng, chải tóc.

– Thích khổ thơ 4: Vì hai bàn tay giúp bé viết chữ đẹp.

– Thích khổ thơ 5: Vì hai bàn tay như người bạn thân, để bé thủ thỉ tâm sự.

4. Học thuộc lòng bài thơ (Học sinh tự học).

Luyện từ và câu Ôn về từ chỉ sự vật - So sánh

A. Mục tiêu bài học

– Ôn về các từ chỉ sự vật. Làm quen với biện pháp tu từ: *so sánh*.

– *So sánh* là đối chiếu hai hiện tượng, hai sự vật nhằm làm nổi bật đặc điểm của hiện tượng sự vật này nhờ những tính chất có dấu hiệu chung cùng được biểu hiện cụ thể ở hiện tượng kia, sự vật kia.

Ví dụ: *trắng như bông; đen như mực; đẹp như tiên.*

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

1. Tìm các từ chỉ sự vật trong khổ thơ sau:

Tay em đánh răng

Răng trắng hoa nhài.

*Tay em chải tóc
Tóc ngồi ánh mai.*

Trong khổ thơ trên, các từ chỉ sự vật là: *tay em, răng, hoa nhài, tay em, tóc, ánh mai.*

2. Tìm những sự vật được so sánh với nhau trong các câu dưới đây:

a) Hai bàn tay em

Như hoa đầu cành.

Hai bàn tay em được so sánh với hoa đầu cành.

b) Mặt biển sáng trong như tấm thảm khổng lồ bằng ngọc thạch.

Mặt biển được so sánh với tấm thảm khổng lồ bằng ngọc thạch.

c) Cánh diều như dấu "á".

Ai vừa tung lên trời.

Cánh diều được so sánh với dấu "á".

d) Ô, cái dấu hỏi

Trông ngộ ngộ ghê,

Như vành tai nhỏ

Hỏi rồi lắng nghe.

Dấu hỏi, được so sánh với vành tai nhỏ.

3. Trong những hình ảnh so sánh ở bài tập 2, em thích hình ảnh nào? Vì sao?

– Em thích hình ảnh *Hai bàn tay* so sánh với *hoa đầu cành* vì cho thấy hai bàn tay em rất đẹp.

– Em thích hình ảnh *Mặt biển* so sánh với *tấm thảm khổng lồ bằng ngọc thạch* vì cho thấy biển rất đẹp, rộng rãi.

– Em thích hình ảnh *Cánh diều* cong cong vồng xuống giống dấu "á" vì nghe rất lạ tai, rất hay.

– Em thích hình ảnh *Dấu hỏi* so sánh giống *vành tai nhỏ* vì nghe rất ngộ nghĩnh.

Tập viết

Ôn chữ hoa: A

A. Mục tiêu bài học

– Củng cố cách viết chữ hoa A (viết đúng mẫu, đều nét và nối nét đúng quy định). Viết tên riêng bằng chữ cỡ nhỏ Từ A Đình.

– Viết câu ứng dụng bằng chữ cỡ nhỏ.

B. Hướng dẫn viết

1. Luyện viết chữ hoa: Các chữ hoa có trong bài A, T, D.

– Chữ A: Gồm 3 nét, hai nét lượn từ trái sang phải (một nét từ dưới lên trên, một nét từ trên xuống dưới) và một nét lượn ngang.

- Chữ $\mathcal{V}$: Gồm 3 nét (nét 1 là kết hợp của nét cong trái và nét lượn ngang, nét hai là nét lượn dọc, nét 3 là nét móc xuôi phải).
- Chữ $\mathcal{D}$: Được viết liền mạch từ hai nét cơ bản; nét lượn đứng và nét cong phải nối liền nhau tạo nên nét thắt nhỏ ở chân chữ.

2. Luyện viết từ ứng dụng:

- *Vừ A Dính* là tên riêng. *Vừ A Dính* là một thiếu niên dũng cảm, người dân tộc Hmông, anh đã hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Pháp để bảo vệ cán bộ cách mạng.
- Nối nét giữa các chữ: chữ *Vừ* khoảng cách giữa chữ *V* với chữ *ư* gần hơn bình thường. Chữ *Dính* cũng tương tự vậy (giữa chữ *D* với chữ *i*).
- Viết vào vở 2 dòng cỡ nhỏ. Khi viết, chú ý viết hoa chữ *A, \mathcal{V}, \mathcal{D}*.

3. Luyện viết câu ứng dụng:

- Hiểu nội dung câu tục ngữ: *Anh em phải thương yêu nhau, đùm bọc lẫn nhau, gắn bó với nhau như chân với tay.*
- Chú ý viết hoa hai chữ *Anh, Rách*. Biết trình bày cân đối hai câu thơ (thể lục bát). Viết câu tục ngữ hai lần.

Tập đọc

Đơn xin vào Đội

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng đọc thành tiếng: Đọc trôi chảy cả bài. Phát âm đúng các từ khó: *Kính gửi, thiếu niên, giữ gìn,...* Đọc bài với giọng rõ ràng, rành mạch, dứt khoát.
- Rèn kĩ năng đọc - hiểu: Hiểu nghĩa của các từ: *điều lệ, danh dự*. Hiểu nội dung bài. Hiểu về đơn từ và cách viết đơn.

B. Tìm hiểu nội dung

- Đơn từ là loại giấy tờ của cá nhân hoặc tập thể gửi đến một cá nhân, một cơ quan, một tổ chức có quyền hạn và trách nhiệm để đề đạt một nguyện vọng, trình bày một yêu cầu hoặc khiếu nại một sự việc...
- Đơn từ là loại giấy tờ mang tính chất hành chính vì thế có những đòi hỏi riêng, khác biệt với các loại văn bản khác, đặc biệt là ở hình thức lá đơn, ở một số câu chữ mang tính chất chuyên biệt của văn phòng hành chính...
- Có thể chia đơn ra làm hai loại: loại có mẫu quy định (được in sẵn để người viết đơn điền vào chỗ trống hoặc có mẫu sẵn để người viết đơn viết theo mẫu cho đúng quy định) và loại không có mẫu quy định (tùy thuộc vào cách viết của từng người làm đơn).

I. Hướng dẫn luyện đọc

Đọc rõ ràng, rành mạch, dứt khoát: *Đơn xin vào Đội*. Chú ý ngắt, nghỉ cho đúng. Ví dụ:

*Kính gửi:// - Ban phụ trách Đội/ Trường Tiểu học Kim Đồng//
- Ban chỉ huy liên đội//*

Em tên là/ Lưu Tường Vân//

Sinh ngày/ 22/ tháng 6/ năm 1995//

Học sinh lớp 3C/ Trường Tiểu học Kim Đồng//

Đơn xin vào đội có thể chia ra làm bốn đoạn để cho dễ đọc.

- Đoạn 1: Từ đầu đến “*Đơn xin vào đội*”.
- Đoạn 2: Từ “*Kính gửi...*” đến “*lớp 3C Trường Tiểu học Kim Đồng*”.
- Đoạn 3: Từ “*Sau khi được học...*” đến “*có ích cho đất nước*”.
- Đoạn 4: Đoạn còn lại.

II. Hướng dẫn trả lời câu hỏi

1. Đơn này là của ai gửi cho ai? Nhờ đâu em biết điều đó?

- Đơn này là của bạn Lưu Tường Vân học sinh lớp 3C Trường Tiểu học Kim Đồng gửi Ban phụ trách Đội và Ban chỉ huy Liên đội Trường Tiểu học Kim Đồng.

- Em biết được điều đó nhờ nội dung đơn ghi rất rõ ràng: Người viết đơn tự giới thiệu rất rõ họ tên ngày tháng năm sinh, lớp học của mình, đồng thời ghi rõ địa chỉ gửi đến.

2. Bạn học sinh viết đơn để làm gì? Nhờ những câu nào trong đơn cho biết điều đó?

Bạn học sinh viết đơn để xin vào Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh. Những câu trong đơn cho biết điều đó:

- *Đơn xin vào Đội*
- *Em làm đơn này xin được vào Đội và xin hứa:*

3. Nêu nhận xét về cách trình bày đơn:

a) Phần đầu đơn (từ đầu đến Ban chỉ huy Liên đội) viết những gì?

Phần đầu đơn gồm có:

- Tên Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh ở góc trái.
- Địa điểm, ngày, tháng, năm viết đơn ở góc phải.
- Tên đơn ở chính giữa.
- Tên địa chỉ gửi đơn đến (Nơi nhận đơn).

b) Ba dòng cuối đơn viết những gì?

Ba dòng cuối đơn gồm có: Tên và chữ kí của người viết đơn.

Chính tả (Nghe - viết)

Chơi chuyên

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng viết chính tả: Nghe - viết chính xác bài thơ *Chơi chuyên*. Biết cách trình bày một bài thơ 3 chữ.
- Điền đúng vào chỗ trống vần *ao / oao*.
- Tìm đúng tiếng có âm đầu *l / n, an / ang* theo nghĩa đã cho.

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn nghe - viết

- Đọc từ 1 đến 2 lần để hiểu nội dung bài. Bài thơ có 2 khổ thơ:
 - Khổ thơ 1: Tả các bạn đang chơi chuyên với bàn tay mềm mại khéo léo, đôi mắt sáng ngời nhìn theo hòn cuội, miệng không ngớt nói...
 - Khổ thơ 2: Ích lợi của việc chơi chuyên làm cho tinh mắt, nhanh nhẹn, có sức dẻo dai.
- Viết hoa các chữ cái đầu dòng. Đặt trong dấu ngoặc kép câu "*Chuyên chuyên một... Hai, hai đôi*" vì đó là câu nói của các bạn khi chơi chuyên.
- Trình bày bài thơ: Vì đây là bài thơ 3 chữ nên các em sẽ chia vở ra làm 2 phần bằng nhau và viết giống như trong sách giáo khoa.

II. Hướng dẫn làm bài tập

1. Nghe - viết: *Chơi chuyên*.

- Trong bài thơ trên những chữ đầu mỗi dòng phải được viết hoa.

2. Điền vào chỗ trống *ao* hay *oao*?

ngọt ng**ào**; mèo kêu ng**oao** ng**oao**; ng**ao** ngán.

3. Tìm các từ:

a) Chứa tiếng bắt đầu bằng *l* hay *n*, có nghĩa như sau:

- Cùng nghĩa với hiền - **lành**.
- Không chìm dưới nước - **nổi**.
- Vật dùng để gặt lúa cắt cỏ - **liềm**.

b) Chứa tiếng có vần *an* hay *ang*, có nghĩa như sau:

- Trái nghĩa với dọc - **ngang**.
- Nắng lâu không mưa, làm đất nứt nẻ vì thiếu nước - **hạn**.
- Vật có dây hoặc bàn phím để chơi nhạc - **đàn**.

Điền vào giấy tờ in sẵn

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng nói: Biết nói về những điều hiểu biết về Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.
- Rèn kĩ năng viết: Biết điền đúng vào mẫu *Đơn xin cấp thẻ đọc sách*.

B. Tìm hiểu nội dung (*Hướng dẫn làm bài tập*)

1. Hãy nói những điều em biết về Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

a) **Đội thành lập ngày nào?**

Đội được thành lập vào ngày 15/5/1941 tại Pắc Bó - Cao Bằng lúc đầu gọi là Đội Nhi Đồng Cứu quốc.

b) **Những đội viên đầu tiên của Đội là ai?**

Những đội viên đầu tiên của Đội: Nông Văn Dền (bí danh *Kim Đồng*); Nông Văn Thàn (bí danh *Cao Sơn*), Lí Văn Tịnh (bí danh *Thanh Minh*), Lí Thị Mì (bí danh *Thủy Tiên*), Lí Thị Xấu (bí danh *Thanh Thủy*).

c) **Đội được mang tên Bác Hồ khi nào?**

Đội được mang tên Bác Hồ vào ngày 30/1/1970.

2. Hãy chép mẫu đơn vào vở và điền các nội dung cần thiết vào chỗ trống.

Tham khảo cách điền sau:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC

TP. Hồ Chí Minh ngày 10 tháng 9 năm 2014

ĐƠN XIN CẤP THẺ ĐỌC SÁCH

Kính gửi: Thư viện trường Tiểu học Hòa Bình

Em tên là: Hồ Thị Vân Anh Nam (nữ): Nữ

Sinh ngày: 29/8/2007

Nơi ở: 52 Nguyễn Du - Phường 3 - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh.

Học sinh lớp 3A Trường Tiểu học Hòa Bình.

Em làm đơn này xin đề nghị Thư viện cấp cho em thẻ đọc sách năm học 2014 - 2015.

Được cấp thẻ đọc sách, em xin hứa thực hiện đúng mọi quy định của Thư viện. Em xin trân trọng cảm ơn.

Người làm đơn

Hồ Thị Vân Anh

TUẦN 2

Ai có lỗi?

Tập đọc

A. Mục tiêu bài học

– Rèn kĩ năng đọc thành tiếng: Đọc trôi chảy cả bài, phát âm đúng các từ khó: *Cô-rét-ti, khuỷu tay, nổi giận, vui lòng...* Biết nghỉ hơi hợp lí sau dấu chấm, dấu phẩy và giữa các cụm từ. Phân biệt được lời người kể với lời các nhân vật (*En-ri-cô; Cô-rét-ti; Bố của En-ri-cô*).

– Rèn kĩ năng đọc - hiểu: Hiểu nghĩa của các từ: *kiêu căng, hối hận, can đảm, ngậy*. Hiểu ý nghĩa của câu chuyện: *Trong cuộc sống phải biết yêu thương, nhường nhịn, nghĩ tốt về bạn và phải biết dũng cảm trước những cử chỉ không tốt, không phải với bạn.*

B. Tìm hiểu nội dung

Câu chuyện *Ai có lỗi* gồm năm đoạn:

– Đoạn 1: Giới thiệu hai người bạn *Cô-rét-ti* và *En-ri-cô*, lí do khiến cho *En-ri-cô* nổi giận.

– Đoạn 2: Sự trả thù của *En-ri-cô* đối với *Cô-rét-ti* và thái độ của *Cô-rét-ti*.

– Đoạn 3: Sự ăn năn hối hận của *En-ri-cô*.

– Đoạn 4: *En-ri-cô* và *Cô-rét-ti* làm lành với nhau.

– Đoạn 5: Lời dạy bảo của cha *En-ri-cô*.

I. Hướng dẫn luyện đọc

Đọc thông thả với giọng kể, phân biệt lời người kể với lời các nhân vật:

– Đoạn 1: Giọng đọc chậm rãi, nhấn giọng ở các từ: *nấn nót, nguệch ra, nổi giận*. Câu nói của *Cô-rét-ti* "*Mình không cố ý đâu!*" thể hiện sự chân thật.

– Đoạn 2: Giọng đọc nhanh, thể hiện sự bức tức (lời của *Cô-rét-ti*)

– Đoạn 3: Giọng đọc nhẹ nhàng, thể hiện sự hối hận của *En-ri-cô*, nhấn giọng ở các từ: *lặng xuống, hối hận*.

– Đoạn 4: Thể hiện sự đối thoại của hai nhân vật.

– Đoạn 5: Lời của cha *En-ri-cô* nghiêm khắc.

II. Hướng dẫn trả lời câu hỏi

1. Vì sao hai bạn nhỏ giận nhau?

Hai bạn nhỏ (*En-ri-cô* và *Cô-rét-ti*) giận nhau vì *Cô-rét-ti* vô ý chạm khuỷu tay vào *En-ri-cô* làm cho *En-ri-cô* viết hỏng. *En-ri-cô* giận bạn và để trả thù nên đẩy *Cô-rét-ti* làm hỏng hết trang giấy viết của *Cô-rét-ti*.

2. Vì sao En-ri-cô hối hận, muốn xin lỗi Cô-rét-ti?

En-ri-cô hối hận muốn xin lỗi Cô-rét-ti vì sau khi cơn giận lắng xuống, En-ri-cô bình tĩnh lại và nghĩ rằng Cô-rét-ti không cố ý chạm vào khuỷu tay mình, đồng thời En-ri-cô lại nhìn thấy vai áo của bạn mình sứt chỉ, cậu thấy thương bạn, muốn xin lỗi bạn nhưng không đủ lòng dũng cảm.

3. Hai bạn đã làm lành với nhau ra sao?

Hai bạn đã làm lành với nhau như sau:

Tan học En-ri-cô thấy Cô-rét-ti theo sau. Tưởng bạn đánh mình, En-ri-cô rút cây thước cầm theo nhưng thấy Cô-rét-ti cười hiền hậu và đề nghị: "Ta lại thân nhau như trước đi!". Từ thái độ ngạc nhiên đến ngây ra rồi ôm chầm lấy bạn, hai bạn nhỏ đã làm lành với nhau và họ cũng hứa không bao giờ giận nhau nữa.

4. Bố đã trách mắng En-ri-cô như thế nào?

Bố đã trách mắng En-ri-cô, chính con là người có lỗi, đáng lẽ con phải xin lỗi bạn, đằng này lại định giơ thước dọa đánh bạn.

Ở đây ta nhận thấy lời trách mắng của bố đối với En-ri-cô rất nghiêm khắc và rất đúng vì En-ri-cô là người có lỗi nên phải xin lỗi trước, nhưng En-ri-cô không đủ can đảm để nhận lỗi.

5. Theo em, mỗi bạn có điểm gì đáng khen?

Theo em, hai bạn nhỏ đều có những điểm đáng khen:

- Cô-rét-ti là người biết quý trọng tình bạn, vị tha, đã chủ động làm lành với bạn.
- En-ri-cô biết hối hận với việc làm sai trái của mình, có lòng thương bạn khi nhìn thấy vai áo của bạn bị sứt chỉ. Khi bạn làm lành với mình thì cảm động, ôm chầm lấy bạn.

Kể chuyện

Ai có lỗi?

A. Mục tiêu bài học

– Rèn kĩ năng nói: Dựa vào trí nhớ và tranh kể lại từng đoạn câu chuyện theo lời của mình. Biết thay đổi nét mặt và giọng kể cho phù hợp với nội dung.

– Rèn kĩ năng nghe: Nghe bạn kể biết nhận xét đánh giá và kể tiếp được lời của bạn.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn kể chuyện)

Dựa vào các tranh sau (SGK trang 14) kể lại từng đoạn câu chuyện **Ai có lỗi?** bằng lời của em.

Tham khảo cách kể sau:

*** Tranh 1.**

Trong lớp, En-ri-cô và Cô-rét-ti ngồi cạnh nhau. Một lần, En-ri-cô đang viết, chẳng may do vô tình Cô-rét-ti chạm vào khuỷu tay của En-ri-cô làm cho cây bút nguệch ra một đường rất xấu khiến En-ri-cô nổi giận.

*** Tranh 2.**

Để trả thù bạn, En-ri-cô đã cố tình đẩy bạn làm hỏng hết trang giấy viết của Cô-rét-ti. Cô-rét-ti giận đỏ cả mặt và giơ tay dọa En-ri-cô và nói: "Cậu cố ý đấy nhé!"

Thấy thầy giáo nhìn mình, cậu hạ tay xuống nhưng lại nói thêm: "Lát nữa ta gặp nhau ở cổng".

*** Tranh 3.**

Sau khi cơn giận lắng xuống, En-ri-cô cảm thấy hối hận và nghĩ rằng chắc Cô-rét-ti không cố ý chạm vào khuỷu tay mình. Rồi cậu nhìn vào vai áo của Cô-rét-ti thấy sứt chỉ và cậu nghĩ chắc Cô-rét-ti đã vác củi giúp mẹ, cậu cảm thấy muốn xin lỗi nhưng không đủ lòng dũng cảm.

*** Tranh 4.**

Tan học Cô-rét-ti đi theo En-ri-cô. Để đề phòng, En-ri-cô cầm theo cây thước kẻ. Thấy Cô-rét-ti đi tới cậu ta giơ thước kẻ lên thì Cô-rét-ti cười hiền hậu nói:

– Ta lại thân nhau như trước đi!

Cậu ngạc nhiên ngây ra một lúc rồi ôm chầm lấy bạn. Cùng lúc đó Cô-rét-ti nói:

– Chúng ta sẽ không bao giờ giận nhau nữa phải không En-ri-cô?

Cậu vội vàng trả lời:

– Không bao giờ! không bao giờ!

*** Tranh 5.**

Về nhà cậu bé kể chuyện cho bố nghe, bố nghiêm khắc nói với cậu:

– Đáng lẽ con phải xin lỗi bạn vì con có lỗi. Thế mà con lại giơ thước dọa đánh bạn.

Chính tả (Nghe - viết)

Ai có lỗi?

A. Mục tiêu bài học

– Rèn kĩ năng viết chính tả: Nghe viết chính xác đoạn 3 của bài *Ai có lỗi*. Chú ý viết đúng tên riêng nước ngoài.

– Tìm các từ ngữ chứa tiếng có vần *uêch*, *uyu* phân biệt *s/ x; ăn/ ăng*.

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn nghe - viết

– Đọc lại đoạn 3 bài *Ai có lỗi*, hiểu nội dung của đoạn viết: *En-ri-cô bình tĩnh lại, cảm thấy hối hận, rồi nhìn thấy vai áo của bạn bị sứt chỉ, cậu muốn xin lỗi bạn nhưng không đủ can đảm.*

– Chú ý viết đúng tên riêng *Cô-rét-ti*; viết đúng các từ khó: *khuyết tay, sứt chỉ, vác củi*,...

II. Hướng dẫn làm bài tập

1. Nghe - viết: *Ai có lỗi?* (đoạn 3).

– Tên riêng trong bài chính tả: *Cô-rét-ti*.

– Tên riêng đó được viết hoa chữ cái đầu tiên và có dấu gạch ngang nối giữa các tiếng.

2. Tìm các từ ngữ chứa tiếng:

a) Có vần *uêch*: *khuếch khoác, tuệch toạc, rỗng tuếch, nguyệt ngoạc, trống huếch trống hoác*....

b) Có vần *uyu*: *khuyết tay, khuyết chân, khúc khuỷu, ngã khuỷu*,...

3. Em chọn chữ nào trong ngoặc đơn để điền vào chỗ trống?

a) – (xấu, sấu): cây sấu; chữ xấu

– (sẻ, xẻ): san sẻ; xẻ gỗ

– (sấn, xấn): xấn tay áo; củ sắn

b) – (căn, cặng): kiêu cặng; căn dặn

– (nhần, nhằng): nhọc nhần; lằng nhằng

– (vấn, vặng): vắng mặt; vắng tắt.

Tập đọc

Khi mẹ vắng nhà

A. Mục tiêu bài học

– Rèn kĩ năng đọc thành tiếng: Đọc trôi chảy cả bài, đọc đúng các từ khó: *luộc khoai, nấng cháo, giã gạo, quét cống, trắng tinh, quang vườn*,... Biết nghỉ hơi đúng sau mỗi dòng thơ và giữa các khổ thơ.

– Rèn kĩ năng đọc - hiểu: Hiểu nghĩa của các từ: *buổi, quang*. Hiểu nội dung bài thơ: *Tình cảm yêu mẹ rất sâu nặng của bạn nhỏ.*

B. Tìm hiểu nội dung

Bài thơ *Khi mẹ vắng nhà* gồm hai khổ thơ:

– Khổ thơ 1 (Từ đầu đến “*em quét sân và quét cống*”): Khi mẹ đi vắng bạn nhỏ đã làm nhiều công việc để giúp mẹ (*luộc khoai, giã gạo, thổi cơm, nhổ cỏ, quét sân, quét cống*).

– Khổ thơ 2 (Còn lại): Khi mẹ về mọi việc ở nhà đã hoàn tất, nhưng cậu bé vẫn cảm thấy chưa ngoan vì mẹ vẫn còn phải khó nhọc, vất vả.

I. Hướng dẫn luyện đọc

– Đọc trôi chảy bài thơ với giọng vui tươi, tình cảm thể hiện tấm lòng của con đối với mẹ. Chú ý nghỉ hơi sau dấu phẩy, cuối mỗi dòng thơ và giữa các khổ thơ. Chú ý đọc đúng câu:

Mẹ bảo em:// Dạo này ngoan thế!//

Không,/ mẹ ơi!// con đã ngoan đâu!//

– Chú ý nhấn mạnh vào các từ: *văng nhà, luộc khoai, giã gạo, thổi cơm, nhổ cỏ vườn, quét sân quét cổng,...*

II. Hướng dẫn trả lời câu hỏi

1. Bạn nhỏ làm những việc gì đỡ mẹ?

Bạn nhỏ làm những việc đỡ mẹ như luộc khoai, cùng chị giã gạo, thổi cơm, nhổ cỏ trong vườn, quét sân và quét cổng.

2. Kết quả công việc của bạn nhỏ thế nào?

Kết quả công việc của bạn nhỏ rất tốt, khi mẹ về mọi công việc trong gia đình đã làm xong tươm tất, khoai đã chín, gạo trắng tinh, cơm dẻo và ngon, cỏ đã quang vườn, cổng nhà sạch sẽ.

3. Vì sao bạn nhỏ không dám nhận lời khen của mẹ?

Bạn nhỏ không dám nhận lời khen của mẹ vì bạn nhỏ tự thấy mình chưa ngoan, chưa giúp mẹ được nhiều hơn, mẹ vẫn khó nhọc ngày đêm: áo mẹ mưa bạc màu, đầu mẹ nắng cháy tóc.

4. Em thấy bạn nhỏ có ngoan không? Vì sao?

– Em thấy bạn nhỏ trong bài thơ rất ngoan vì bạn đã làm được những công việc trong gia đình để giúp đỡ mẹ, điều đó chứng tỏ bạn rất yêu mẹ của mình.

– Bạn nhỏ trong bài thơ tự cho là mình chưa ngoan vì bạn vẫn cảm thấy mẹ vất vả khó nhọc trong công việc đồng áng mà công việc này thì bạn chưa làm được vì còn nhỏ.

5. Học thuộc lòng bài thơ. (Học sinh tự học).

Luyện từ và câu

Mở rộng vốn từ: *Thieu nhi*

Ôn tập câu *Ai là gì?*

A. Mục tiêu bài học

- Mở rộng vốn từ về trẻ em.
- Ôn tập hiểu câu *Ai (cái gì, con gì)?/ Là gì?*

B. Tìm hiểu nội dung (*Hướng dẫn làm bài tập*)

1. Tìm các từ:

- a) Chỉ trẻ em: *thiếu nhi, nhi đồng, trẻ con, trẻ em, trẻ nhỏ,...*
- b) Chỉ tính nết của trẻ em: *ngoan ngoan, vâng lời, lễ phép, thật thà, chăm chỉ, siêng năng, cần cù, ngây thơ, dễ thương,...*
- c) Chỉ tình cảm hoặc sự chăm sóc của người lớn đối với trẻ em: *thương yêu, dạy bảo, chăm sóc, quan tâm, chăm chút, lo lắng,...*

2. Tìm các bộ phận của câu:

- Trả lời câu hỏi "Ai (cái gì, con gì)?"
- Trả lời câu hỏi "Là gì?"

Bộ phận trả lời câu hỏi: Ai (cái gì, con gì)?	Bộ phận trả lời câu hỏi: Là gì?
a) Thiếu nhi	là măng non của đất nước.
b) Chúng em	là học sinh tiểu học.
c) Chích bông	là bạn của trẻ em.

3. Đặt câu hỏi cho các bộ phận câu in đậm.

- a) **Cây tre** là hình ảnh thân thuộc của làng quê Việt Nam.

Đặt câu hỏi: **Cái gì là hình ảnh thân thuộc của làng quê Việt Nam?**

- b) **Thiếu nhi** là những chủ nhân tương lai của Tổ quốc.

Đặt câu hỏi: **Ai là những chủ nhân tương lai của Tổ quốc?**

- c) **Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh là tổ chức tập hợp và rèn luyện thiếu niên Việt Nam.**

Đặt câu hỏi: **Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh là gì?**

Tập viết

Ôn chữ hoa: Ǻ - Ǻ

A. Mục tiêu bài học

Củng cố lại cách viết chữ Ǻ, Ǻ (đúng mẫu, đều nét và nối chữ đúng quy định). Viết tên riêng Ǻu Ǻac bằng chữ cỡ nhỏ. Viết câu ứng dụng.

B. Hướng dẫn viết

1. Luyện viết chữ hoa: Các chữ hoa có trong bài: Ǻ, Ǻ, Ǻ.

– Chữ Ǻ : gồm 4 nét, ba nét đầu viết giống chữ A, nét 4 là một dấu phụ (giống chiếc nón).

– Chữ Ǻ : gồm 4 nét, ba nét đầu giống chữ A, nét 4 là một dấu phụ (giống vầng trăng khuyết, hướng lên trên).

– Chữ Ǻ : gồm 3 nét; cong trái, lượn đứng và lượn ngang nối liền nhau tạo một vòng xoắn (nét thắt) to ở đầu chữ (gần giống phần đầu các chữ cái viết hoa Ǻ, Ǻ) và vòng xoắn (nét thắt) nhỏ ở chân chữ (giống chân chữ cái viết hoa Ǻ).

2. Hướng dẫn viết từ ứng dụng (tên riêng):

– *Âu Lạc* là tên nước ta thời cổ (thời vua An Dương Vương đóng đô ở Cổ Loa).

– Khi viết cả chữ *Âu* và *Lạc* đều viết hoa. Điểm cuối của chữ *Â* nối liền với điểm bắt đầu của chữ *u*. Nét cong trái của chữ *a* chạm vào điểm cuối của chữ *L*.

3. Hướng dẫn viết câu ứng dụng:

Ăn quả nhớ kẻ trồng cây

Ăn khoai nhớ kẻ cho dây mà trồng.

Hiểu câu tục ngữ: *Phải nhớ ơn những người đã giúp mình, những người đã làm ra của cải vật chất.* Viết câu tục ngữ vào vở tập viết 2 lần.

Tập đọc

Cô giáo tí hon

A. Mục tiêu bài học

– Rèn kĩ năng đọc thành tiếng: Đọc trôi chảy cả bài, phát âm đúng các từ khó: *nón, khoan thai, khúc khích, ngọng lịu, núng nính,...*

– Rèn kĩ năng đọc - hiểu: Hiểu nghĩa của các từ: *khoan thai, khúc khích, tỉnh khô, trâm bầu, núng nính.* Hiểu nội dung bài: *Tả một lớp học rất ngộ nghĩnh của mấy chị em. Qua trò chơi thể hiện ước muốn được trở thành cô giáo của các bạn nhỏ.*

B. Tìm hiểu nội dung

Bài *Cô giáo tí hon* gồm hai đoạn:

– Đoạn 1 (Từ đầu đến “*cười chào cô*”): Giới thiệu bé làm cô giáo.

– Đoạn 2 (Đoạn còn lại): Lớp học ngộ nghĩnh của mấy bạn nhỏ.

I. Hướng dẫn luyện đọc

– Giọng đọc thông thả, vui, nhẹ nhàng. Chú ý đọc đúng các câu:

Bé kẹp tóc, / thả ống quần xuống, / lấy cái nón của má đội lên đầu. // Nó cố bắt chước dáng đi khoan thai của cô giáo / khi cô bước vào lớp. // Mấy đứa nhỏ làm y hệt đám học trò, / đứng cả dậy, / khúc khích cười chào cô. //

– Phát âm đúng các từ: *khoan thai, khúc khích, ngọng lịu, núng nính,...*

II. Hướng dẫn trả lời câu hỏi

1. Các bạn nhỏ trong bài chơi trò chơi gì?

Các bạn nhỏ trong bài chơi trò chơi dạy học (Bé đóng vai cô giáo, thằng Hiền, cái Anh, cái Thanh đóng vai học trò).

2. Những cử chỉ nào của "cô giáo" Bé làm em thích thú?

Những cử chỉ của cô "giáo" Bé làm em thích thú:

- Bé làm ra vẻ người lớn: *kẹp lại tóc, thả ống quần xuống, lấy cái nón của má đội lên đầu.*
- Bé bắt chước cô giáo vào lớp: *dáng đi khoan thai, treo nón, mặt tỉnh khô, đưa mắt nhìn đám học trò.*
- Cử chỉ của bé khi dạy học: *bẻ nhánh trâm bầu làm thước, tay nhịp nhịp trên tấm bảng, đánh vần từng tiếng.*

3. Tìm những hình ảnh ngộ nghĩnh, đáng yêu của đám "học trò".

Những hình ảnh ngộ nghĩnh, đáng yêu của đám học trò:

- Giống như đám học trò thật: *đứng dậy, khúc khích cười chào cô; riu rít đánh vần theo.*
- Cả 3 đứa mỗi người một vẻ:
 - Thăng Hiển: *ngọng liú, nói không kịp hai đứa lớn.*
 - Cái Anh: *má núng nính, ngời gọn tròn như củ khoai, bao giờ cũng giành phần đọc trước.*
 - Cái Thanh: *ngồi cao hơn, mở to đôi mắt hiền dịu nhìn tấm bảng, vừa đọc vừa mân mê mó tóc mái (mân mê: sờ nhẹ và lâu, có vẻ triu mến).*

www.sachgiai.com

Chính tả (Nghe - viết)

Cô giáo tí hon

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng viết chính tả: Nghe - viết chính xác một đoạn trong bài *Cô giáo tí hon*.
- Phân biệt được: *s/x; ăn/ăng*, tìm đúng tiếng có thể ghép với mỗi tiếng đã cho có âm đầu là *s/x* hoặc vần *ăn/ăng*.

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn nghe - viết

- Đọc lại đoạn văn, hiểu nội dung đoạn viết: *Bé bắt chước dáng của cô giáo khi cô bước vào lớp.*
- Đoạn viết gồm 5 câu, các chữ đầu câu phải viết hoa: *Bé, Má, Làm, Nó, Đàn* và viết hoa tên riêng *Bé*.
- Viết đúng các từ khó: *tỉnh khô, thước, đánh vần,...*

II. Hướng dẫn làm bài tập

1. Nghe - viết: *Cô giáo tí hon* (từ *Bé treo nón... đến đánh vần theo*).

Tên riêng trong bài chính tả: *Bé*.

2. Tìm những tiếng có thể ghép với mỗi tiếng sau:

- a) – **xét**: *xét duyệt, xem xét, xét hỏi, xét xử, xét duyệt,...*
– **sét**: *đất sét, thần sét, sấm sét, sét đánh,...*
– **xào**: *xào nấu, xào xáo, xào xạc, rau xào,...*
– **sào**: *cây sào, một sào đất, sào huyết,...*
– **xinh**: *xinh đẹp, xinh xinh, xinh xắn, xinh tươi,...*
– **sinh**: *sinh nhật, sinh nở, ngày sinh, sinh sống, sinh hoạt lớp,...*
- b) – **gắn**: *hàn gắn, gắn bó, keo gắn, gắn hết,...*
– **gắng**: *gắng sức, gắng công, cố gắng, gắng lên, gắng gượng,...*
– **nặn**: *nhào nặn, nặn tượng, nặn óc,...*
– **nặng**: *cân nặng, vác nặng, nặng nề, nặng nhọc, nặng kì,...*
– **khăn**: *khăn quàng, khăn tay, khó khăn,...*
– **khăng**: *khăng khít, khăng khăng, chơi khăng,...*

Tập làm văn

Viết đơn

A. Mục tiêu bài học

Dựa vào mẫu đơn đã học, em hãy viết đơn xin vào Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

Tham khảo cách viết đơn sau:

ĐỘI THIẾU NIÊN TIỀN PHONG HỒ CHÍ MINH

TP Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2014

ĐƠN XIN VÀO ĐỘI

Kính gửi: – Ban phụ trách Đội Trường Tiểu học Hòa Bình
– Ban chỉ huy Liên đội

Em tên là: Hồ Thị Vân Anh

Sinh ngày 29 tháng 8 năm 2007.

Học sinh lớp 3A Trường tiểu học Hòa Bình.

Sau khi được học Điều lệ và tìm hiểu về Đội, em thấy Đội Thiếu niên Tiền phong là một tổ chức tốt nhất giúp em rèn luyện, học tập và phấn đấu trở thành một người con ngoan, trò giỏi, có ích cho Tổ quốc. Em rất thích trên vai của mình được đeo chiếc khăn quàng đỏ thắm.

Em làm đơn này xin vào Đội và xin hứa:

- Sẽ tuân theo Điều lệ Đội và giữ gìn danh dự Đội.
- Thực hiện tốt 5 điều Bác Hồ dạy.

Người làm đơn
Hồ Thị Vân Anh

Chủ điểm

MÁI ẤM

TUẦN 3

Tập đọc

Chiếc áo len

A. Mục tiêu bài học

– Rèn kĩ năng đọc thành tiếng: Đọc trôi chảy cả bài, phát âm đúng các từ khó: *lạnh buốt, lát phát, phụng phịu*,... Biết nghỉ hơi sau dấu chấm, dấu phẩy và giữa các cụm từ. Biết phân biệt lời người dẫn chuyện với lời nhân vật (*mẹ, Lan, Tuấn*).

– Rèn kĩ năng đọc - hiểu: Hiểu nghĩa của từ: *bối rối, thì thào, âu yếm*. Hiểu ý nghĩa của câu chuyện: *Anh em phải biết yêu thương, nhường nhịn, quan tâm đến nhau*.

B. Tìm hiểu nội dung

Câu chuyện *Chiếc áo len* chia thành bốn đoạn:

– Đoạn 1: Giới thiệu mùa đông giá lạnh đã đến, Lan thấy Hòa có chiếc áo len đẹp, Lan đã mặc thử chiếc áo đó thấy ấm, Lan đã nói với mẹ muốn có chiếc áo len như vậy.

– Đoạn 2: Lan dối mẹ vì ý muốn của em không thực hiện được.

– Đoạn 3: Tuấn nói với mẹ nhường tiền mua chiếc áo của mình cho Lan.

– Đoạn 4: Lan cảm thấy xấu hổ và ân hận về hành động của mình.

I. Hướng dẫn luyện đọc

Đọc toàn bài với giọng nhẹ nhàng, tình cảm. Nhấn giọng ở các từ: *lạnh buốt, ấm ơi là ấm, bối rối, phụng phịu, thì thào*. Chú ý giọng đọc của các nhân vật:

– Giọng Lan nũng nịu, phụng phịu:

Nhưng con / chỉ muốn một chiếc áo như thế thôi. //

– Giọng Tuấn thì thào, mạnh mẽ, thuyết phục:

Con khỏe lắm, / mẹ ạ // Con sẽ mặc thêm nhiều áo cũ ở bên trong. //

– Giọng mẹ lúc bối rối, cảm động, âu yếm:

• *Cái áo của Hòa đắt bằng tiền / cả hai cái áo của anh em con đấy. //*

• *Năm nay trời lạnh lắm // không có áo ấm, / con sẽ ốm mất. //*

II. Hướng dẫn trả lời câu hỏi

1. Chiếc áo len của bạn Hòa đẹp và tiện lợi như thế nào?

Chiếc áo len của bạn Hòa đẹp và rất tiện lợi, áo len màu vàng, có dây kéo ở giữa, có cả mũ để đội khi có gió lạnh hoặc mưa lát phát.

2. Vì sao Lan dối mẹ?

Lan dối mẹ vì mẹ nói rằng không thể mua chiếc áo đắt tiền như vậy.

3. Anh Tuấn nói với mẹ những gì?

Anh Tuấn đã nói với mẹ dành tiền mua cái áo ấy cho Lan đi, con không cần thêm áo đâu. Con khỏe lắm, chỉ cần mặc thêm nhiều áo cũ bên trong là đủ.

4. Vì sao Lan ân hận?

Lan ân hận vì:

- Lan đã làm cho mẹ buồn, bối rối.
- Lan ích kỉ chỉ nghĩ cho bản thân mình.
- Cảm động trước lòng tốt của anh và tấm lòng thương yêu của mẹ.

5. Tìm một tên khác cho truyện.

- Tên khác cho truyện:
- *Mẹ và hai con*
 - *Tấm lòng người anh.*

Kể chuyện

Chiếc áo len

A. Mục tiêu bài học

– Rèn kĩ năng nói: Dựa vào gợi ý trong sách giáo khoa kể lại từng đoạn câu chuyện theo lời của nhân vật Lan. Biết thay đổi giọng kể, nét mặt cho phù hợp với nội dung câu chuyện.

– Rèn kĩ năng nghe: Nghe bạn kể, biết nhận xét, đánh giá và kể tiếp được lời của bạn.

B. Tìm hiểu nội dung (*Hướng dẫn kể chuyện*)

Dựa vào các gợi ý dưới đây, kể lại từng đoạn câu chuyện *Chiếc áo len* theo lời của Lan.

Tham khảo cách kể sau:

a) Đoạn 1: *Chiếc áo đẹp*

Mùa đông năm nay đến sớm, gió thổi từng cơn buốt lạnh. Hơn một tuần nay, tôi thấy Hòa có một chiếc áo len thật đẹp, áo màu vàng, lại có dây kéo ở giữa và mũ để đội khi có gió lạnh hoặc mưa lất phất. Tôi đã được Hòa cho mặc thử ấm ới là ấm. Tối hôm đó, tôi đã nói với mẹ muốn có một chiếc áo len như bạn Hòa.

b) Đoạn 2: *Dối mẹ*

Mẹ tôi bèn nói "Cái áo của Hòa đắt tiền lắm, mẹ đang định để số tiền đó mua cho con và anh Tuấn mỗi người một chiếc".

Tôi phụng phịu nói với mẹ: "Nhưng con chỉ muốn một chiếc áo như thế thôi."

Dối mẹ, tôi đi nằm ngay và giả vờ ngủ.

c) Đoạn 3: *Nhường nhịn*

Một lúc lâu, tôi thấy anh Tuấn thì thảo với mẹ: "Mẹ dành tiền mua áo ấy cho Lan đi con không cần thêm áo đâu".

Tôi nghe thấy giọng mẹ trầm xuống: "Năm nay trời lạnh lắm. Không có áo ấm, con sẽ ốm mất".

Anh Tuấn hăng hái nói to hơn: "Con khỏe lắm mẹ ạ, con chỉ cần mặc thêm nhiều áo cũ bên trong là đủ ấm rồi!"

Giọng mẹ buồn rầu: "Để mẹ nghĩ đã, con đi ngủ đi!"

d) Đoạn 4: *Ân hận*

Nằm trong chăn ấm áp, tôi cảm thấy ân hận, tôi muốn ngồi dậy xin lỗi mẹ và anh, nhưng lại cảm thấy xấu hổ vì mình đã vờ ngủ. Nằm áp mặt xuống gối, tôi mong cho trời mau sáng để nói với mẹ: "Con không thích chiếc áo ấy nữa. Mẹ hãy để tiền mua áo cho cả hai anh em."

Chính tả (Nghe - viết)

Chiếc áo len

A. Mục tiêu bài học

– Rèn kĩ năng viết chính tả: Nghe - viết chính xác đoạn 4 của bài *Chiếc áo len*.

– Làm bài tập chính tả: phân biệt cách viết các phụ âm đầu hoặc thanh dễ lẫn (*tr/ ch, thanh hỏi/ thanh ngã*).

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn nghe - viết

– Đọc lại đoạn 4 bài *Chiếc áo len*, hiểu nội dung của đoạn: *Lan ân hận vì hành động của mình*.

– Những chữ trong đoạn phải viết hoa: những chữ đầu đoạn, đầu câu và tên riêng của người (*Năm, Lan, Em, Áp, Con, Mẹ*).

– Tập viết các từ khó: *năm cuộn tròn, chăn bông, xin lỗi, vờ ngủ...*

II. Hướng dẫn làm bài tập

1. Nghe - viết: *Chiếc áo len* (đoạn 4).

Lời nói của Lan được đặt sau dấu hai chấm và trong dấu ngoặc kép.

2 a) Điền vào chỗ trống *ch* hay *tr*?

cuộn **tr**òn, **ch**ân thật, chậm **tr**ể

b) Đặt trên chữ in đậm *dấu hỏi* hay *dấu ngã*? Giải câu đố.

– Vừa dài mà lại vừa vuông

Giúp nhau **kẻ** chỉ, vạch đường **thẳng** bằng

Lời giải: Là cái thước kẻ

- Tên nghe nặng trĩu
Lòng dạ **thẳng** băng
Vành tai thợ mộc nằm ngang
Anh đi học **vẽ, sẵn** sàng đi theo

Lời giải: Là cái bút chì

3. Viết vào vở những chữ và tên chữ còn thiếu trong bảng sau:

Số thứ tự	Chữ	Tên chữ
1	g	giê
2	gh	giê hát
3	gi	giê i
4	h	hát

Số thứ tự	Chữ	Tên chữ
5	i	i
6	k	ca
7	kh	ca hát
8	l	e-lờ
9	m	em-mờ

Tập đọc

Quạt cho bà ngủ

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng đọc thành tiếng: Đọc trôi chảy toàn bài, phát âm đúng các từ khó: *lặng, lim dim, chích chòe, vẫy quạt...* Biết ngắt đúng nhịp giữa các dòng thơ, nghỉ hơi đúng sau mỗi dòng thơ và giữa các khổ thơ.

- Rèn kĩ năng đọc - hiểu: Hiểu nghĩa của các từ: *thiu thiu*. Hiểu nội dung bài thơ: *Tình cảm thương yêu bà của bạn nhỏ.*

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn luyện đọc

Đọc trôi chảy bài thơ với giọng dịu dàng, tình cảm, chú ý cách ngắt nhịp trong bài thơ.

Ơi / chích chòe ơi! //

Chim đừng hót nữa, /

Bà em ốm rồi, /

Lặng cho bà ngủ. //

Hoa cam / hoa khế /

Chín lặng trong vườn, /

Bà mơ tay cháu //

Quạt / đầy hương thơm. //

II. Hướng dẫn trả lời câu hỏi

1. Bạn nhỏ trong bài thơ đang làm gì?

Bạn nhỏ trong bài thơ đang quạt cho bà ngủ.

2. Cảnh vật trong nhà, ngoài vườn như thế nào?

Cảnh vật trong nhà và ngoài vườn đều yên lặng: ngán nằng ngủ thiu thiu trên tường, cốc chén nằm im; hoa cam hoa khế chín lặng trong vườn. Chỉ có chú chích chòe đang hót.

3. Bà mơ thấy gì? Vì sao có thể đoán bà mơ như vậy?

- Bà mơ thấy cháu đang quạt hương thơm tới
- Có thể đoán bà mơ như vậy là vì:
 - Bà và cháu rất yêu quý nhau.
 - Cháu đã quạt cho bà trước khi bà ngủ nên bà mơ thấy cháu ngồi quạt.
 - Trong giấc mơ bà ngủi thấy mùi hương thơm của hoa cam, hoa khế.

4. Học thuộc lòng bài thơ. (Học sinh tự học)

Luyện từ và câu So sánh - Dấu chấm

A. Mục tiêu bài học

- Tìm được hình ảnh so sánh trong các câu thơ, câu văn. Nhận biết được từ so sánh.
- Ôn về dấu chấm, điền đúng dấu chấm vào chỗ thích hợp trong đoạn văn.

II. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

1. Tìm các hình ảnh so sánh trong những câu thơ, câu văn dưới đây:

- a) Mất hiền sáng tựa vì sao
Bác nhìn đến tận Cà Mau cuối trời
Hình ảnh so sánh: *mất hiền* với *vì sao*.
Từ chỉ sự so sánh: *tựa*.

- b) Em yêu nhà em
Hàng xoan trước ngõ
Hoa xao xuyến nở
Như mây từng chùm
Hình ảnh so sánh: *hoa xao xuyến nở* với *mây từng chùm*.
Từ chỉ sự so sánh: *như*.

- c) Mùa đông
Trời là cái tủ ướp lạnh
Mùa hè
Trời là cái bếp lò nung
Hình ảnh so sánh: *Trời (mùa đông)* với *tủ ướp lạnh*.
Trời (mùa hè) với *bếp lò nung*.
Từ chỉ sự so sánh: *là, là*.

- d) Những đêm trăng sáng, dòng sông là một đường trăng lung linh dát vàng.

Hình ảnh so sánh: dòng sông với một đường trắng lung linh dát vàng.
Từ chỉ sự so sánh: là.

2. Ghi lại các từ chỉ sự so sánh trong những câu trên.

Đó là các từ: tựa, như, là, là, là.

3. Chép đoạn văn dưới đây vào vở sau khi đặt dấu chấm thích hợp và viết hoa chữ đầu câu:

Đoạn văn đã đặt dấu chấm thích hợp và viết hoa chữ đầu câu:

Ông tôi vốn là thợ gò hàn vào loại giỏi. Có lần, chính mắt tôi đã thấy ông tán đinh đồng. Chiếc búa trong tay ông hoa lên, nhát nghiêng, nhát thẳng, nhanh đến mức tôi chỉ cảm thấy trước mặt ông phát phơ những sợi tơ mỏng. Ông là niềm tự hào của gia đình tôi.

Tập viết

Ôn chữ hoa: B

A. Mục tiêu bài học

Củng cố lại cách viết chữ hoa B. Viết tên riêng Bó Hả bằng chữ cỡ nhỏ. Viết câu ứng dụng (tục ngữ) bằng chữ cỡ nhỏ.

B. Hướng dẫn viết

1. Luyện viết chữ hoa: Các chữ hoa có trong bài: B, H, C

– Chữ B: Được cấu tạo bởi 2 nét: nét móc ngược trái, nét cong trên và cong phải nối liền nhau tạo vòng xoắn nhỏ giữa thân chữ.

– Chữ H: Được cấu tạo bởi 3 nét: nét 1 kết hợp hai nét cơ bản: cong trái và lượn ngang; nét 2 kết hợp của 3 nét cơ bản: khuyết ngược, khuyết xuôi và móc phải, nét 3 là nét thẳng đứng (nằm giữa đoạn nối của hai nét khuyết).

– Chữ C: Gồm một nét viết liền là kết hợp của ba nét cơ bản: 2 nét cong trái và một nét lượn ngang.

2. Luyện viết từ ứng dụng (tên riêng): Bó Hả

Bó Hả là một xã ở huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang nơi có giống cam ngon nổi tiếng.

Chú ý khoảng cách giữa chữ B và chữ ô nhỏ hơn khoảng cách viết một chữ cái. Hai chữ B và ô không nối liền nhau. Nét cong trái của chữ a chạm với nét móc phải của chữ H. Viết vào vở chữ Bó Hả 2 dòng.

3. Luyện viết câu ứng dụng:

Bầu ơi thương lấy bí cùng

Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.

Nội dung câu tục ngữ: *Khuyên mọi người trong một nước phải biết thương yêu đùm bọc lẫn nhau.*

Chú ý viết đúng nét, độ cao và khoảng cách giữa các chữ. Viết hoa hai chữ *Bầu* và *Tuy*. Viết vào vở tập viết câu tục ngữ 2 lần.

Tập đọc Chú sẻ và bông hoa bằng lăng

A. Mục tiêu bài học

– Rèn kĩ năng đọc thành tiếng: Đọc trơn toàn bài, phát âm đúng các từ: *bằng lăng, cửa sổ, mảnh,...* Phân biệt được lời người dẫn chuyện với lời nhân vật (*bé Thơ*).

– Rèn kĩ năng đọc - hiểu: Hiểu nghĩa của các từ: *bằng lăng, chúc (xuống)*. Hiểu nội dung câu chuyện: *Tình cảm đẹp đẽ và cảm động mà sẻ non và hoa bằng lăng dành cho bé Thơ.*

B. Tìm hiểu nội dung

Câu chuyện *Chim sẻ và bông hoa bằng lăng* chia ra làm bốn đoạn.

– Đoạn 1 (Từ đầu đến “*bé Thơ*”): Bé Thơ bị ốm phải nằm viện, bằng lăng đã giữ lại một bông hoa để đợi bé.

– Đoạn 2 (Từ “*Sáng hôm ấy*” đến “*ngỡ là mùa hoa đã qua*”): Bé Thơ ở bệnh viện về, bằng lăng đã nở bông hoa cuối cùng để bé nhìn nhưng cành hoa cao quá bé không nhìn thấy.

– Đoạn 3 (Từ “*Sẻ non*” đến “*lọt vào khuôn cửa sổ*”): Sẻ non đã đứng lên cành hoa để hoa chúc xuống cho bé Thơ nhìn.

– Đoạn 4 (Còn lại): Sự vui sướng của bé Thơ khi nhìn thấy bông hoa bằng lăng.

I. Hướng dẫn luyện đọc

- Đọc thông thả toàn bài, chú ý giọng đọc của từng đoạn.
- Đoạn 1 và đoạn 2 đọc chậm rãi, nhẹ nhàng. Đoạn 3 đọc giọng hồi hộp. Đoạn 4 đọc vui, lời bé Thơ như một tiếng reo.

II. Hướng dẫn trả lời câu hỏi

1. Bằng lăng để dành bông hoa cuối cùng cho ai?

Bằng lăng để dành bông hoa cuối cùng cho bé Thơ.

2. Vì sao bé Thơ nghĩ là mùa hoa đã qua?

Bé Thơ nghĩ là mùa hoa đã qua vì bé không nhìn thấy một bông hoa bằng lăng nào cả.

3. Sẻ non đã làm gì để giúp đỡ hai bạn của mình?

Sẻ non đã giúp đỡ hai bạn của mình, nó chấp cánh bay vù vù về

phía cành bằng lẵng mành mai, rồi đáp xuống làm cho cành hoa chao đi chao lại, cố đứng vững để cho cành hoa chúc xuống lọt vào khuôn cửa sổ cho bé Thơ nhìn thấy bông hoa bằng lẵng.

4. Mỗi người bạn của bé Thơ có điều gì tốt?

Mỗi người bạn của bé Thơ đều có những điều tốt:

- Bằng lẵng muốn dành một bông hoa cho bé Thơ vui.
- Sẻ non mặc dù bay chưa vững nhưng cũng rất dũng cảm đậu xuống cành hoa để giúp đỡ hai bạn (hoa chúc xuống, bé Thơ nhìn thấy).

Chính tả (Tập chép)

Chị em

A. Mục tiêu bài học

Rèn kĩ năng viết chính tả: Tập chép đúng chính tả, trình bày đúng bài thơ. Làm đúng các bài tập phân biệt tiếng có âm, vần dễ lẫn: *tr/ ch; ăc/ oăc*.

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn tập chép

– Đọc bài thơ *Chị em* hiểu nội dung của bài: *Ca ngợi người chị chăm chỉ, đảm đang (trải chiếu, buông màn, ru em ngủ, quét sạch thềm, đuổi gà không cho phá vườn rau).*

– Biết cách trình bày một bài thơ lục bát: Chữ đầu của dòng 6 chữ viết cách lề vở 2 ô li. Chữ đầu của dòng 8 chữ viết cách lề vở 1 ô li.

– Những chữ trong bài phải viết hoa: (*Chị, Cái, Để, Chối, Hòn, Đàn, Luống, Mẹ, Nhìn*). Tập viết các chữ khó: *trải chiếu, lim dim, ngoan...*

II. Hướng dẫn làm bài tập

1. Tập chép: *Chị em*.

2. Điền vào chỗ trống **ăc** hay **oăc**?

đọc ng**ăc** ngủ; ng**oăc** tay nhau; dẫu ng**oăc** đơn.

3. Tìm các từ:

a) Chứa tiếng bắt đầu bằng **tr** hoặc **ch** có nghĩa như sau:

- Trái nghĩa với *riêng*: **chung**.
- Cùng nghĩa với *leo*: **trèo**.
- Vật đựng nước để rửa mặt, rửa tay, rửa rau... : **chậu**.

b) Chứa tiếng có **thanh hỏi** hoặc **thanh ngã** có nghĩa như sau:

- Trái nghĩa với *đóng*: **mở**.
- Cùng nghĩa với *vỡ*: **bể**.
- Bộ phận ở trên mặt dùng để thở và ngửi: **mũi**.

Tập làm văn

Kể về gia đình Điền vào giấy tờ in sẵn

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng nói: Kể được một cách đơn giản về gia đình với một người bạn mới quen.
- Rèn kĩ năng viết: Biết viết một lá đơn nghỉ học đúng mẫu.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

1. Hãy kể về gia đình em với một người bạn em mới quen.

Bài tham khảo

Gia đình tôi gồm có bốn người, bố mẹ, chị Mĩ Hạnh và tôi. Bố tôi là kĩ sư xây dựng. Hàng ngày bố cùng các cô chú công nhân xây dựng những ngôi nhà cao tầng làm cho thành phố trở nên nguy nga, đồ sộ. Còn mẹ là giảng viên của trường đại học Bách Khoa. Sau mỗi giờ lên lớp, mẹ ở nhà giặt giũ, nấu cơm và chăm sóc ba bố con tôi. Chị Mĩ Hạnh hiện đang học lớp sáu trường chuyên Nguyễn Du. Chị học giỏi và hát hay lắm. Gia đình tôi lúc nào cũng hạnh phúc vui vẻ.

2. Dựa theo mẫu dưới đây, hãy viết một lá đơn xin nghỉ học.

Tham khảo cách viết sau:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 10 năm 2014

ĐƠN XIN PHÉP NGHỈ HỌC

Kính gửi: Cô giáo chủ nhiệm lớp 3B. Trường Tiểu học Hòa Bình.

Em tên là: Nguyễn Thị Quỳnh Anh

Học sinh lớp: 3B

Em làm đơn này xin phép cô cho em được nghỉ buổi học ngày hôm nay (5 - 10 - 2014).

Lí do nghỉ học: Em bị đau bụng.

Em xin hứa sẽ chép bài đầy đủ và làm bài cẩn thận.

Ý kiến của gia đình học sinh:

Tôi là cha của cháu Quỳnh Anh,

cháu bị đau bụng, rất mong

cô giáo cho cháu được nghỉ học.

Tôi xin cảm ơn cô

Học sinh

Nguyễn Thị Quỳnh Anh

Nguyễn Văn Hùng

TUẦN 4

Tập đọc

Người mẹ

A. Mục tiêu bài học

– Rèn kĩ năng đọc thành tiếng: Đọc trôi chảy toàn bài, phát âm đúng các từ khó: *hốt hải, thiếp đi, áo choàng, khăn khăn, lã chã, lạnh lẽo...* Biết phân biệt giọng người kể chuyện với giọng các nhân vật (bà mẹ, Thần Đêm Tối, bụi gai, hồ nước, Thần Chết).

– Rèn kĩ năng đọc - hiểu: Hiểu nghĩa của các từ: *mấy đêm ròng, thiếp đi, khăn khăn, lã chã*. Hiểu nội dung chuyện: *Thấy được đức hi sinh của người mẹ, vì con người mẹ có thể làm được tất cả mọi việc.*

B. Tìm hiểu nội dung

Câu chuyện *Người mẹ* gồm bốn đoạn:

– Đoạn 1: Thần Chết bắt đứa con của người mẹ, người mẹ nhờ Thần Đêm Tối chỉ đường để đi tìm con.

– Đoạn 2: Bà mẹ chấp nhận lời đề nghị của bụi gai.

– Đoạn 3: Bà mẹ chấp nhận lời yêu cầu của hồ nước.

– Đoạn 4: Bà mẹ đã đến được nơi của Thần Chết để tìm con.

I. Hướng dẫn luyện đọc

Đọc trôi chảy toàn bài, chú ý giọng đọc ở các đoạn:

– Đoạn 1: Giọng đọc nhanh, dồn dập thể hiện sự hốt hoảng của người mẹ. Chú ý nhấn giọng ở các từ: *hốt hải, thiếp đi, nhanh hơn gió, khăn khăn,...*

– Đoạn 2 và 3: Giọng đọc thiết tha thể hiện sự sẵn sàng chấp nhận mọi yêu cầu.

Bà mẹ ôm ghì bụi gai vào lòng để sưởi ấm nó.// Gai đâm vào da thịt bà/ máu nhỏ xuống từng giọt đậm.// Bụi gai đâm chồi, nảy lộc/ và nở hoa ngay giữa mùa đông buốt giá.// Bụi gai chỉ đường cho bà.//

– Đoạn 4: Giọng Thần Chết ngạc nhiên. Giọng người mẹ điềm đạm nhưng dứt khoát. Ví dụ:

Thấy bà, / Thần Chết ngạc nhiên, / hỏi: //

- Làm sao người có thể tìm đến tận nơi đây? // Bà mẹ trả lời: //

- Vì tôi là mẹ. // Hãy trả con cho tôi! //

II. Hướng dẫn trả lời câu hỏi

1. Kể lại vắn tắt chuyện xảy ra ở đoạn 1.

Một bà mẹ thức suốt mấy đêm ròng trông con ốm. Bà thiếp đi

một lúc; tỉnh dậy không thấy con mình đâu. Thần Đêm Tối cho bà biết Thần Chết đã bắt mất con bà và chỉ đường cho bà đi tìm con.

2. Người mẹ đã làm gì để bụi gai chỉ đường cho bà?

Để bụi gai chỉ đường, người mẹ đã chấp nhận lời yêu cầu của bụi gai: *ôm ghì bụi gai vào lòng để sưởi ấm cho nó. Gai đâm vào da thịt làm máu nhỏ xuống từng giọt. Bụi gai đâm chồi, nảy lộc, nở hoa giữa mùa đông.*

3. Người mẹ đã làm gì để hồ nước chỉ đường cho bà?

Để hồ nước chỉ đường, bà mẹ đã chấp nhận lời đề nghị của hồ nước: *khóc đến nỗi đôi mắt theo dòng lệ rơi xuống hồ hóa thành hai hòn ngọc.*

4. Chọn ý đúng nhất nói lên nội dung câu chuyện:

- a) Người mẹ là người rất dũng cảm.
- b) Người mẹ không sợ Thần Chết.
- c) Người mẹ có thể hi sinh tất cả vì con.

Cả 3 ý trên đều đúng. Nhưng đúng nhất là ý c) *Người mẹ có thể hi sinh tất cả vì con.*

Kể chuyện

Người mẹ

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng nói: Biết cùng các bạn dựng lại câu chuyện theo cách phân vai.
- Rèn kĩ năng nghe: Nghe bạn kể, biết nhận xét, đánh giá lời kể của bạn.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn kể chuyện)

Phân vai (người dẫn chuyện, bà mẹ, Thần Đêm Tối, bụi gai, hồ nước, Thần Chết), dựng lại câu chuyện *Người mẹ*.

Để có thể phân vai dựng lại câu chuyện *Người mẹ*, các em nên chọn cho mình một nhân vật mà mình ưa thích.

Ví dụ: *Vai người mẹ.*

- Đoạn 1: Giọng hồi hộp thể hiện tâm trạng hoảng hốt khi mất con.
- Đoạn 2 và 3: Giọng thiết tha thể hiện sự sẵn sàng hi sinh vì con.
- Đoạn 4: Giọng điềm đạm khiêm tốn, nhưng dứt khoát khi yêu cầu Thần Chết trả lại con cho mình.

Chính tả (Nghe - viết)

Người mẹ

A. Mục tiêu bài học

Rèn kĩ năng viết chính tả: Nghe - viết lại chính xác đoạn tóm tắt

nội dung truyện *Người mẹ*. Biết viết hoa chữ cái đầu câu và tên riêng. Làm đúng các bài tập phân biệt âm và vần: *d/ gi/ r ; ân/ âng*.

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn nghe - viết

- Đọc đoạn văn, hiểu nội dung đoạn viết: *Thấy được tấm lòng và đức hi sinh của người mẹ.*
- Đoạn văn gồm bốn câu. Các chữ cần viết hoa (*Một, Thần Chết, Nhờ, Thần Đêm Tối, Thấy, Thần*).
- Chú ý các từ khó viết: *bất, vượt, giành lại, ngạc nhiên, tất cả.*

II. Hướng dẫn làm bài tập

1. Nghe - viết: *Người mẹ*.

- Các tên riêng trong bài chính tả: *Thần Chết, Thần Đêm Tối.*
- Các tên riêng ấy phải được viết hoa.

2. a) Điền vào chỗ trống *d* hay *r*? Giải câu đố.

Hòn gì bằng đất nặn ra
Xếp vào lò lửa nung ba bốn ngày
Khi ra, **đ**a đỏ hây hây
Thân hình vuông vắn đem xây cửa nhà.

Lời giải: viên gạch

b) Giải câu đố sau:

Trắng phau cây thừa ruộng đen
Bao nhiêu cây trắng mọc lên thẳng hàng.

Lời giải: hộp phấn trắng viết bảng

3. Tìm các từ:

a) Chứa tiếng bắt đầu bằng *d, gi* hoặc *r* có nghĩa như sau:

- Hát nhẹ và êm cho trẻ ngủ: **ru**.
- Có cử chỉ, lời nói êm ái, dễ chịu: **dịu dàng**.
- Phần thưởng trong cuộc thi hay trong trò chơi: **giải thưởng**.

b) Chứa tiếng có vần *ân* hoặc *âng* có nghĩa như sau:

- Cơ thể người: **thân thể**.
- Cùng nghĩa với nghe lời: **vâng lời**.
- Dụng cụ đo trọng lượng (sức nặng): **cái cân**.

Tập đọc Mẹ vắng nhà ngày bão

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng đọc thành tiếng: Đọc trôi chảy toàn bài, phát âm đúng các từ: *bão nổi, chặn lối, về quê, thao thức, củi mùn*. Biết ngắt

đúng nhịp, nghỉ hơi sau mỗi dòng thơ và giữa các khổ thơ.

– Rèn kĩ năng đọc - hiểu: Hiểu nghĩa của các từ: *thao thức, củi mùn, nấu chua*. Hiểu nội dung bài thơ: *Mọi người trong gia đình luôn lo nghĩ về nhau. Qua bài thơ nói lên tình cảm gia đình đầm ấm, hạnh phúc.*

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn luyện đọc

Đọc bài thơ với giọng nhẹ nhàng, tình cảm, thể hiện sự vui mừng ở khổ thơ 6. Chú ý cách ngắt nhịp:

<i>Hai chiếc giường ướt một /</i>	<i>Nghĩ / giờ này ở quê /</i>
<i>Ba bố con nằm chung /</i>	<i>Mẹ cũng không ngủ được /</i>
<i>Vẫn thấy trống phía trong /</i>	<i>Thương bố con vụng về /</i>
<i>Nằm ấm mà thao thức. //</i>	<i>Củi mùn thì lại ướt. //</i>

II. Hướng dẫn trả lời câu hỏi

1. Ngày bão vắng mẹ, ba bố con vất vả như thế nào?

Ngày bão vắng mẹ, ba bố con rất vất vả:

- Nhà có hai chiếc giường, một chiếc bị ướt nước mưa
- Củi mùn để nấu cơm cũng bị ướt
- Ba bố con phải làm những công việc: cắt cỏ để cho thả ăn, cho gà vịt ăn, bố đi chợ mua cá về nấu canh chua.

2. Tìm những câu thơ cho thấy cả nhà luôn nghĩ đến nhau.

Những câu thơ cho thấy cả nhà luôn nghĩ đến nhau:

- Vẫn thấy trống phía trong
Nằm ấm mà thao thức
- Thương bố con vụng về
Củi mùn thì lại ướt

3. Tìm những hình ảnh nói lên niềm vui của cả nhà khi mẹ về.

Hình ảnh nói lên niềm vui của cả nhà khi mẹ về: *Mẹ về như nắng mới làm cho cả căn nhà như sáng ấm lên.*

4. Học thuộc lòng bài thơ (Học sinh tự học).

Luyện từ và câu Mở rộng vốn từ: *Gia đình*

Ôn tập câu: *Ai là gì?*

A. Mục tiêu bài học

Mở rộng vốn từ về gia đình. Ôn kiểu câu *Ai (cái gì, con gì)? / Là gì?*

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

1. Tìm những từ ngữ chỉ gộp những người trong gia đình:

Những từ ngữ chỉ gộp những người trong gia đình: ông bà, chú bác, dì dượng, cô chú, cậu mợ, chú cháu, bác cháu, dì cháu, cha mẹ, anh chị em,...

2. Xếp các thành ngữ và tục ngữ sau vào nhóm thích hợp:

- a) Con hiền cháu thảo.
- b) Con cái khôn ngoan, vẻ vang cha mẹ.
- c) Con có cha như nhà có nóc.
- d) Con có mẹ như măng ấp bẹ.
- e) Chị ngã em nâng.
- g) Anh em như thể chân tay

Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần.

Cha mẹ đối với con cái	Con cháu đối với ông bà, cha mẹ	Anh chị em đối với nhau
c) Con có cha như nhà có nóc d) Con có mẹ như măng ấp bẹ.	a) Con hiền cháu thảo b) Con cái khôn ngoan vẻ vang cha mẹ	e) Chị ngã em nâng g) Anh em như thể chân tay, Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần.

3. Dựa theo nội dung các bài tập đọc đã học ở tuần 3, tuần 4, hãy đặt câu theo mẫu Ai là gì? để nói về:

a) Bạn Tuấn trong truyện Chiếc áo len.

- Tuấn là anh của bạn Lan.
- Tuấn là người biết nhường nhịn.
- Tuấn là người anh biết thương yêu em gái.
- Tuấn là người con hiếu thảo.

b) Bạn nhỏ trong bài thơ Quạt cho bà ngủ.

- Bạn nhỏ là người biết thương yêu bà.
- Bạn nhỏ là người biết quan tâm đến bà.
- Bạn nhỏ là cô bé ngoan.

c) Bà mẹ trong truyện Người mẹ.

- Mẹ là người hi sinh vì con.
- Mẹ là người vĩ đại.
- Mẹ là người yêu con nhiều nhất.

d) Chú chim sẻ trong truyện Chú sẻ và bông hoa bằng lăng.

- Chú chim sẻ là người bạn tốt của bé Thơ.
- Chú chim sẻ là người bạn thân của bé Thơ và hoa bằng lăng.
- Chú chim sẻ là người bạn tốt bụng.

Tập viết

Ôn chữ hoa: C

A. Mục tiêu bài học

Củng cố cách viết chữ hoa C. Viết tên riêng Cửu Long bằng chữ cỡ nhỏ. Viết câu ứng dụng (ca dao) bằng cỡ chữ nhỏ.

B. Hướng dẫn viết

1. Luyện viết chữ hoa:

- Các chữ hoa có trong bài: C, L, E, J, N.
- Chữ C: Viết liền một nét, là sự kết hợp của hai nét cơ bản cong dưới và cong trái nối liền nhau tạo vòng to ở đầu chữ.
- Chữ L: Cấu tạo gồm 3 nét: cong trái, lượn đứng và lượn ngang nối liền nhau tạo một vòng xoắn (nét thắt) to ở đầu chữ (gần giống phần đầu các chữ cái viết hoa C, G) và vòng xoắn (nét thắt) nhỏ ở chân chữ (giống chân chữ cái viết hoa D).
- Chữ E: Gồm một nét viết liền là kết hợp của ba nét cơ bản: 2 nét cong trái và một nét lượn ngang.
- Chữ J: Gồm một nét viết liền là kết hợp của hai nét cơ bản: cong dưới và móc ngược (trái) nối liền nhau, tạo vòng xoắn to ở đầu chữ (giống phần đầu chữ L hoa) cuối nét móc lượn vào trong.
- Chữ N: Gồm 3 nét: nét 1 móc ngược phải, nét 2 thẳng đứng, nét 3 xiên phải.
- Viết vào vở chữ C 1 dòng; chữ L, N 1 dòng.

2. Luyện viết từ ứng dụng: Cửu Long

- Cửu Long là dòng sông lớn nhất nước ta, chảy qua nhiều tỉnh Nam bộ.
- Khi viết chữ Cửu Long cần chú ý: giữa chữ C vòng chữ ư không nối liền nét. Nét cuối của chữ L chạm vào nét cong phải của chữ o.
- Viết vào vở chữ Cửu Long 2 dòng.

3. Luyện viết câu ứng dụng:

Công cha như núi Thái Sơn

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

- Hiểu nội dung câu ca dao: Công ơn của cha mẹ như trời biển.
- Viết vào vở câu ca dao 2 lần, chú ý khoảng cách giữa các chữ, cách đánh dấu thanh và viết hoa ở các chữ (Công, Thái Sơn, Nghĩa).

Tập đọc

Ông ngoại

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng đọc thành tiếng: Đọc trơn toàn bài, phát âm đúng các từ khó: *thành phố, luồng khí, trời xanh, lạnh lẽo*. Phân biệt lời dẫn chuyện và lời nhân vật (ông).
- Rèn kĩ năng đọc - hiểu: Hiểu nghĩa của các từ: *loang lổ*. Hiểu nội dung bài: *Thấy được tình yêu thương giữa ông và cháu.*

B. Tìm hiểu nội dung

Câu chuyện *Ông ngoại* chia làm bốn đoạn:

- Đoạn 1 (Từ đầu đến “ngọn cây hè phố”): Thành phố sắp vào thu.
- Đoạn 2 (Từ “Năm nay” đến Ông cháu mình đến xem trường thế nào”): Ông ngoại giúp bạn nhỏ chuẩn bị đồ dùng để đi học.
- Đoạn 3 (Từ “Ông chậm rãi” đến “của tôi sau này”): Ông dẫn cháu đến thăm trường.
- Đoạn 4 (Đoạn còn lại): Lòng biết ơn của cháu đối với ông - người thầy đầu tiên của cháu trước ngưỡng cửa trường tiểu học.

I. Hướng dẫn luyện đọc

Đọc cả bài với giọng đọc chậm rãi, dịu dàng, nhấn giọng ở một số từ miêu tả mùa thu: *luồng khí mát dịu, xanh ngắt, trôi lặng lẽ*... Ví dụ:

*Thành phố sắp vào thu. / Những cơn gió nóng mùa hè, đã **nhường chỗ** / cho luồng không khí **mát dịu** buổi sáng // Trời **xanh ngắt** trên cao, / xanh như **dòng sông** trong, / trôi **lặng lẽ** / giữa những ngọn cây hè phố.*

II. Hướng dẫn trả lời câu hỏi

1. Thành phố sắp vào thu có gì đẹp?

Thành phố sắp vào thu rất đẹp; không khí mát dịu vào buổi sáng, trời xanh ngắt, xanh như dòng sông trong trôi lặng lẽ giữa những ngọn cây hè phố.

2. Ông ngoại giúp bạn nhỏ chuẩn bị đi học như thế nào?

Ông ngoại giúp bạn nhỏ chuẩn bị đi học như sau: ông dẫn bạn nhỏ đi mua vở, chọn bút, hướng dẫn cách bọc vở, dán nhãn, pha mực và dạy cho bạn nhỏ chữ cái đầu tiên.

3. Tìm một hình ảnh đẹp mà em thích trong đoạn ông dẫn cháu đến thăm trường.

Những hình ảnh đẹp (gợi ý):

- Ông chậm rãi nhấn từng nhịp chân trên chiếc xe đạp cũ, đèo tôi tới trường - *Thể hiện sự vất vả của ông khi chăm sóc cháu.*

• Trong cái vắng lặng của ngôi trường cuối hè, ông dẫn tôi lang thang khắp các căn lớp trống - Ông quan tâm tới trường lớp nơi cháu mình sẽ học.

• Ông còn nhắc bồng tôi trên tay, cho gõ thủ vào mặt da loang lỗ của chiếc trống trường - Thể hiện sự chiều chuộng của ông đối với cháu.

4. Vì sao bạn nhỏ gọi ông ngoại là người thầy đầu tiên?

Bạn nhỏ gọi ông ngoại là người thầy đầu tiên vì:

- Ông giúp bạn nhỏ chuẩn bị dụng cụ học tập.
- Ông là người dạy cho bạn chữ cái đầu tiên.
- Ông là người đầu tiên dẫn bạn đến trường.
- Ông nhắc bồng bạn lên, cho gõ thủ vào mặt trống để bạn được nghe thấy âm thanh của tiếng trống trường.

Chính tả (Nghe - viết)

Ông ngoại

A. Mục tiêu bài học

Rèn kĩ năng viết chính tả: Nghe viết đúng một đoạn văn trong bài Ông ngoại. Viết đúng các tiếng có vần khó oay. Phân biệt các tiếng có âm đầu r/ gi/ d và ân/ âng.

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn nghe - viết

- Đọc đoạn viết và hiểu nội dung: Sự quan tâm của ông đối với cháu.
 - Đoạn viết gồm 3 câu. Những chữ phải viết hoa: Trong, Ông, Tiếng.
- Chú ý viết đúng các từ khó: vắng lặng, loang lỗ, nhắc bồng, gõ thủ...

II. Hướng dẫn làm bài tập

1. Nghe - viết: Ông ngoại (từ Trong cái vắng lặng của ngôi trường... đến đời đi học của tôi sau này).

2. Tìm 3 tiếng có vần oay:

nước xoáy, xoáy dầu, loay hoay, ngúng ngoáy, hí hoáy, ngo ngoáy...

3. Tìm các từ:

a) Chứa tiếng bắt đầu bằng d, gi hoặc r, có nghĩa như sau:

- Làm cho ai việc gì đó: **giúp**
- Trái nghĩa với hiền lành: **dữ**
- Trái nghĩa với vào: **ra**.

b) Chứa tiếng có vần ân hoặc âng, có nghĩa như sau:

- Khoảng đất trống trước hoặc sau nhà: **sân**
- Dùng tay đưa một vật lên: **nâng**
- Cùng nghĩa với chăm chỉ, chịu khó: **cần cù, chuyên cần**.

Tập làm văn

Nghe - kể: *Dại gì mà đổi*

Điền vào giấy tờ in sẵn

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng nói: Nghe kể câu chuyện *Dại gì mà đổi*, nhớ nội dung và kể lại đầy đủ một cách tự nhiên.
- Rèn kĩ năng viết: Viết nội dung vào mẫu điện báo.

B. Tìm hiểu nội dung (*Hướng dẫn làm bài tập*)

1. Nghe và kể lại câu chuyện *Dại gì mà đổi*.

Nội dung câu chuyện:

Dại gì mà đổi

Có một cậu bé bốn tuổi rất nghịch ngợm. Một hôm mẹ cậu dọa, sẽ đổi cậu lấy một đứa trẻ ngoan về nuôi. Cậu bé nói:

– Mẹ sẽ chẳng đổi được đâu!

Mẹ ngạc nhiên hỏi:

– Vì sao thế?

Cậu bé trả lời:

– Vì chẳng ai muốn đổi đứa con ngoan lấy một đứa nghịch ngợm đâu, mẹ ạ.

(Theo *Tiếng cười tuổi học trò*)

a) Vì sao mẹ dọa đổi cậu bé? (*Vì cậu bé rất nghịch ngợm*).

b) Cậu bé trả lời mẹ thế nào? (*Mẹ sẽ chẳng đổi được đâu*).

c) Vì sao cậu bé nghĩ như vậy? (*Vì cậu bé cho rằng chẳng ai dại gì mà đổi một đứa con ngoan lấy một đứa con nghịch ngợm*).

Đây là câu chuyện vui, buồn cười vì một cậu bé bốn tuổi cũng hiểu rằng: *chẳng ai muốn đổi một đứa con ngoan lấy một đứa con nghịch ngợm*.

2. Em được đi chơi xa. Đến nơi, em muốn gửi điện báo tin cho gia đình biết. Hãy chép vào vở họ, tên, địa chỉ, người gửi, người nhận và nội dung bức điện.

TỔNG CÔNG TI BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM

a		b

DIỆN BÁO

--



ĐB1

c	d

Họ, tên, địa chỉ người nhận: Bà TRẦN THỊ TUYẾT MAI

Số 8 Nguyễn Du - Phường 7 - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

Nội dung: Con đi chơi vui, mẹ cứ yên tâm.

Họ, tên, địa chỉ người gửi (Cần chuyển thì ghi, không thì thôi).

Con: Nguyễn Thị Mỹ Trang - 63 Lê Lợi - Tp. Đà Lạt.

Chủ điểm

TỎI TRƯỜNG

TUẦN 5

Tập đọc

Người lính dũng cảm

A. Mục tiêu bài học

– Rèn kĩ năng đọc thành tiếng: Đọc trôi chảy toàn bài, phát âm đúng các từ: *hạ lệnh, thủ lĩnh, ngập ngừng, buồn bã...* Biết phân biệt lời người dẫn chuyện với lời nhân vật (*chú lính nhỏ, viên tướng, thầy giáo*).

– Rèn kĩ năng đọc - hiểu: Hiểu nghĩa của các từ: *nửa tép, ô quả trám, thủ lĩnh, nghiêm giọng, quả quyết*. Hiểu nội dung câu chuyện: *Biết nhận lỗi và sửa lỗi mới là người dũng cảm*.

B. Tìm hiểu nội dung

Câu chuyện *Người lính dũng cảm* chia làm bốn đoạn:

- Đoạn 1: Các cậu học trò đang chơi trò đánh trận giả ở vườn trường.
- Đoạn 2: Hàng rào bị đổ làm giập vườn hoa.
- Đoạn 3: Điều mong muốn của thầy giáo.
- Đoạn 4: Sự dũng cảm của chú lính nhỏ.

I. Hướng dẫn luyện đọc

Đọc trôi chảy toàn bài, chú ý giọng đọc của các nhân vật:

- Giọng viên tướng: mạnh, gọn, rõ.
- *Vượt rào, / bắt lấy nó!* (to mạnh kéo dài giọng ở từ *nó*).
- *Chỉ những thằng hèn mới chui. //* (giọng bức tức).
- Giọng chú lính nhỏ: rụt rè, bối rối ở phần đầu truyện, giọng quả quyết ở cuối truyện.
- *Chui vào à? //* (ngập ngừng, rụt rè).
- *Nhưng / như vậy là hèn. //* (giọng quả quyết).
- Giọng thầy giáo: nghiêm khắc, lúc dịu dàng, lúc buồn bã.
- *Hôm qua / em nào phá đổ hàng rào, / làm giập hoa trong vườn trường? //* (giọng nghiêm khắc).
- *Thầy mong em nào phạm lỗi / sẽ sửa lại hàng rào và luống hoa. //* (giọng buồn bã).

II. Hướng dẫn trả lời câu hỏi

1. Các bạn nhỏ trong truyện chơi trò gì? Ở đâu?

Các bạn nhỏ trong truyện chơi trò đánh trận giả ở trong vườn trường.

2. Vì sao chú lính nhỏ quyết định chui qua lỗ hổng dưới chân rào?

Chú lính nhỏ quyết định chui qua lỗ hổng dưới chân rào vì chú sợ làm đổ hàng rào vườn trường.

3. Việc leo rào của các bạn khác đã gây ra hậu quả gì?

Việc leo rào của các bạn khác đã gây ra hậu quả làm cho hàng rào của vườn trường bị đổ, các bạn ngã đè lên nhau, đè lên luống hoa mười giờ.

4. Thầy giáo chờ mong điều gì ở học sinh trong lớp?

Thầy giáo mong chờ các bạn hãy tự đứng lên nhận khuyết điểm đã làm đổ hàng rào và làm giập hoa trong vườn trường.

5. Ai là "người lính dũng cảm" trong truyện này?

"Người lính dũng cảm" trong truyện này chính là chú lính nhỏ, chú đã dám nhận lỗi và sửa lỗi bằng hành động đi về phía vườn trường.

Kể chuyện Người lính dũng cảm

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng nói: Dựa vào trí nhớ và tranh trong sách giáo khoa kể lại được toàn bộ câu chuyện.
- Rèn kĩ năng nghe: Nghe bạn kể biết nhận xét, đánh giá được lời kể của bạn.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn kể chuyện)

Dựa vào các tranh sau (SGK trang 40) kể lại câu chuyện *Người lính dũng cảm*.

Tham khảo cách kể sau:

*** Tranh 1.**

Các bạn nhỏ rủ nhau chơi trận giả ở trong vườn trường. Một bạn đóng vai viên tướng ra lệnh:

- Vượt rào, bắt sống nó!

Hàng rào là những cây nửa tép dựng xiên ô quả trám

Trong đám học trò, có một cậu lính bé nhất, nhìn thủ lĩnh ngấp ngừng:

- Chui vào à?

Thủ lĩnh nhìn cậu bé tỏ vẻ khinh miệt, cậu nói!

- Chỉ những thằng hèn mới chui.

*** Tranh 2.**

Thế là cả bọn nhảy lên hàng rào, còn chú lính nhỏ thì chui qua.

Nhưng chú mới chui được nửa thì hàng rào đổ, cả bọn ngã đè lên luống hoa mười giờ và đè lên cả chú. Thấy động, chú chuồn chuồn (là chiếc máy bay) giật mình cất cánh. Cả bọn sợ quá lao ra khỏi vườn.

*** Tranh 3.**

Sáng hôm sau, vào giờ học, thầy giáo nghiêm nét mặt hỏi:

– Hôm qua em nào phá đổ hàng rào và làm giập hoa trong vườn trường?

Cả bọn im lặng ngồi yên, thầy giáo chờ sự can đảm nhận lỗi. Riêng chú lính nhỏ thì run lên, chú sắp phun ra bí mật thì chú bị một bạn nào đó vẹo cho một cái nhấc chú ngồi im. Thầy giáo thấy không ai đứng lên nhận lỗi cả. Thầy buồn bã nói:

– Thầy mong em nào phạm lỗi sẽ sửa lại hàng rào và luống hoa.

*** Tranh 4.**

Hết giờ, chú lính nhỏ đứng đợi viên tướng ở cửa và nói khê:

– Ra vườn đi!

Nhưng viên tướng lại khoát tay:

– Về thôi!

Chú lính nhỏ bèn nói:

– Về là hèn.

Và chú quả quyết bước về phía vườn trường. Thấy vậy cả bọn sững lại nhìn chú. Rồi cả bọn bước nhanh theo chú như bước theo một người chỉ huy dũng cảm.

Chính tả (Nghe - viết) Người lính dũng cảm

A. Mục tiêu bài học

Rèn kĩ năng viết chính tả: Nghe - viết chính xác một đoạn trong bài *Người lính dũng cảm*. Phân biệt các tiếng có âm đầu và vần dễ lẫn *n/ l; en/ eng*. Ôn bảng chữ cái và thuộc tên chữ trong bảng.

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn nghe - viết

– Đọc lại đoạn văn trong bài *Người lính dũng cảm*, hiểu nội dung đoạn viết: *Thấy được chú lính nhỏ là người dũng cảm biết nhận lỗi và sửa lỗi.*

– Đoạn viết gồm sáu câu, các chữ cần viết hoa: *Viên, Về, Nhưng, Nói, Những, Rồi.*

– Lời nhân vật viết sau dấu hai chấm, xuống dòng, gạch đầu dòng. Chú ý các từ khó viết: *vườn trường, viên tướng, khoát tay, sững lại,...*

II. Hướng dẫn làm bài tập

1. Nghe - viết: *Người lính dũng cảm* (từ *Viên tướng khoát tay...* đến hết).

2. Điền vào chỗ trống:

a) / hay n?

Hoa lựu **n**ở đầy một vườn đỏ **n**ắng

Lũ bướm vàng lơ đãng lướt bay qua.

b) *en* hay *eng*?

– Tháp mười đẹp nhất bông **sen**

Việt Nam đẹp nhất có tên Bác **Hồ**.

– Bước tới đèo ngang bóng xế tà

Cỏ cây **chen** đá, lá **chen** hoa.

3. Chép vào vở những chữ và tên chữ còn thiếu trong bảng sau:

Số thứ tự	Chữ	Tên chữ
1	n	en-nờ
2	ng	en-nờ giê (en giê)
3	ngh	en-nờ giê hát (en giê hát)
4	nh	en-nờ hát (en hát)
5	o	o
6	ô	ô
7	ơ	ơ
8	p	pê
9	ph	pê hát

Tập đọc

Mùa thu của em

A. Mục tiêu bài học

– Rèn kĩ năng đọc thành tiếng: Đọc trôi chảy bài thơ, phát âm đúng các từ: *rước đèn, xanh, lật trang vở...* Biết nghỉ hơi đúng sau mỗi dòng thơ và giữa các khổ thơ.

– Rèn kĩ năng đọc - hiểu: Hiểu nghĩa các từ: *cốm, chị hằng*. Hiểu nội dung bài thơ: *Tình yêu của các bạn nhỏ đối với mùa thu - mùa bắt đầu một năm học mới.*

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn luyện đọc

Đọc bài thơ với giọng vui tươi nhẹ nhàng. Chú ý cách ngắt nhịp giữa các dòng thơ và các khổ thơ:

*Mùa thu của em /
Lá vàng hoa cúc /
Như nghìn con mắt /
Mở nhìn trời êm. //*

II. Hướng dẫn trả lời câu hỏi

1. Bài thơ tả những màu sắc nào của mùa thu?

Bài thơ tả những màu sắc của mùa thu: Màu vàng của hoa cúc, màu xanh của cốm mới.

2. Những hình ảnh gợi ra các hoạt động của học sinh vào mùa thu?

Những hình ảnh gợi ra các hoạt động của học sinh vào mùa thu:

– *Rước đèn hộp bạn*: Đây là hoạt động vui chơi của học sinh trong ngày Tết trung Thu.

– *Ngôi trường thân quen; Bạn thầy mong đợi; Lật trang vở mới*: Gợi hoạt động đón ngày khai giảng của các bạn học sinh vào mùa thu.

3. Hãy tìm hình ảnh so sánh trong khổ thơ 1.

Hình ảnh so sánh trong khổ thơ 1: *hoa cúc như nghìn con mắt mở nhìn trời*.

4. Học thuộc lòng bài thơ (Học sinh tự học).

Luyện từ và câu

So sánh

A. Mục tiêu bài học

- Nắm được một kiểu so sánh mới: so sánh hơn kém.
- Nắm được các từ có ý nghĩa so sánh hơn kém.

B. Tìm hiểu nội dung (*Hướng dẫn làm bài tập*)

1. Tìm các hình ảnh so sánh trong những khổ thơ sau:

a) Bế cháu ông thủ thi:

- Cháu khỏe hơn ông nhiều!
Ông là buổi trời chiều,
Cháu là ngày rạng sáng.

b) Ông trăng tròn sáng tỏ

Soi rõ sân nhà em
Trăng khuya sáng hơn đèn
Ồi ông trăng sáng tỏ.

- c) Những ngôi sao thức ngoài kia
 Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con
 Đêm nay con ngủ giấc tròn
 Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.

Từ ba khổ thơ trên ta có thể lập ra bảng so sánh như sau:

Hình ảnh so sánh	Kiểu so sánh
a) Cháu khoẻ hơn ông nhiều! Ông là buổi trời chiều Cháu là ngày rạng sáng	hơn kém ngang bằng ngang bằng
b) Trăng khuya sáng hơn đèn	hơn kém
c) Những ngôi sao thức chẳng bằng mẹ đã thức vì con Mẹ là ngọn gió của con suốt đời	hơn kém ngang bằng

2. Ghi lại các từ so sánh trong những khổ thơ trên.

Các từ so sánh trong những khổ thơ trên.

- a) hơn, là, là b) hơn c) chẳng bằng, là.

3. Tìm những sự vật được so sánh với nhau trong các câu thơ dưới đây:

Thân dừa bạc phếch tháng năm
 Quả dừa - đàn lợn con nằm trên cao.
 Đêm hè hoa nở cùng sao
 Tàu dừa - chiếc lược chải vào mây xanh.

Những sự vật được so sánh với nhau:

- Quả dừa được so sánh với đàn lợn con nằm trên cao.
- Tàu dừa được so sánh với chiếc lược chải vào mây xanh.

4. Hãy tìm các từ so sánh có thể thêm vào những câu chưa có từ so sánh ở bài tập 3.

- Quả dừa: như, như là, tựa như là, tựa như, như thế,...
- Tàu dừa: như, là, như là, tựa như, tựa như là,...

Tập viết

Ôn chữ hoa C (tiếp theo)

A. Mục tiêu bài học

Củng cố cách viết chữ hoa C(ch). Viết tên riêng: Chu Văn An bằng chữ cỡ nhỏ. Viết câu ứng dụng.

B. Hướng dẫn cách viết

1. **Luyện viết chữ hoa:** Các chữ hoa có trong bài: *Ch, V, A, N*.

– Chữ *Ch*: Đầu tiên viết chữ hoa *C* (chữ *C* viết liền một nét, là sự kết hợp của hai nét cơ bản: cong dưới và cong trái nối liền nhau tạo vòng to ở đầu chữ) sau đó viết chữ *h*, chữ *C* và chữ *h* không nối liền nét.

– Chữ *V*: Gồm 3 nét (nét 1 là kết hợp của nét cong trái và nét lượn ngang, nét 2 là nét lượn dọc, nét 3 là nét móc xuôi phải).

– Chữ *A*: Gồm 3 nét, hai nét lượn từ trái sang phải (một nét từ dưới lên trên, một nét từ trên xuống dưới) và một nét lượn ngang.

– Chữ *N*: gồm 3 nét. Nét 1 là nét móc ngược phải, nét hai thẳng đứng, nét 3 là nét xiên phải.

– Viết vào vở chữ *Ch* 1 dòng; chữ *V, A* 1 dòng.

2. **Luyện viết từ ứng dụng:**

Chu Văn An là một nhà giáo nổi tiếng đời *Trần* được coi là ông tổ của nghề dạy học ở nước ta. Viết vào vở hai dòng.

3. **Luyện viết câu ứng dụng:**

Chim khôn kêu tiếng rảnh rang

www.sachgiai.com

Người khôn ăn nói dịu dàng dễ nghe.

Đọc và hiểu được câu tục ngữ: *Con người phải biết nói năng dịu dàng, lịch sự*. Viết câu tục ngữ vào vở hai lần.

Tập đọc Cuộc họp của chữ viết

A. Mục tiêu bài học

– Rèn kĩ năng đọc thành tiếng: Đọc trôi chảy toàn bài, phát âm đúng các từ: *lắc đầu, tan học, đông dặc, mũ sắt, ẩu thế,...*

– Ngắt nghỉ hơi đúng dấu câu (dấu chấm, dấu phẩy, dấu chấm hỏi, dấu chấm than, dấu hai chấm). Phân biệt lời người dẫn chuyện và lời nhân vật (*bác Chữ A, đám đông, Dấu Chấm*).

– Rèn kĩ năng đọc - hiểu: Hiểu và biết cách tổ chức một cuộc họp.

B. Tìm hiểu nội dung

Câu chuyện *Cuộc họp của chữ viết* gồm bốn đoạn:

– Đoạn 1 (Từ đầu đến “*Đi đôi giày da, trên trán lấm tấm mồ hôi*”):

Bác Chữ A nêu mục đích của cuộc họp lớp để giúp đỡ em Hoàng.

- Đoạn 2 (Từ “*Có tiếng xì xào đến Trên trán lấm tấm mồ hôi*”): Bác Chữ A cắt nghĩa việc Hoàng đánh dấu câu sai.
- Đoạn 3 (Từ “*Tiếng cười rộ lên đến Ấu thế nhỉ!*”): mọi người nêu nguyên nhân dẫn đến tình trạng viết sai của Hoàng
- Đoạn 4 (Còn lại): Nêu cách giải quyết và giao việc cho mọi người.

I. Hướng dẫn luyện đọc

Đọc trôi chảy toàn bài, chú ý giọng đọc của các nhân vật:

- Giọng người dẫn chuyện: vui, hóm hỉnh
- Giọng bác Chữ A: to, đồng dục.

*Thưa các bạn!!! Hôm nay, / chúng ta họp để tìm cách **giúp đỡ** em Hoàng; // Hoàng **hoàn toàn không biết** chấm câu. // Có đoạn văn / em viết thế này: // “Chú lính **bước vào đầu** chú. // **Đội** chiếc mũ sắt **dưới chân**. // Đi đôi giày da trên trán lấm tấm mồ hôi. //*

- Chú ý ngắt nghỉ hơi đúng đoạn văn đặt sai dấu chấm câu của Hoàng.
- Giọng Dấu Chấm: rõ ràng, rành mạch:

Theo tôi, / tất cả là do cậu này chẳng bao giờ để ý đến dấu câu. // Mỗi tay chỗ nào, / cậu ta chấm chỗ ấy, //

- Giọng đám đông khi kinh ngạc (*Thế nghĩa là gì nhỉ?*) lúc phàn nàn (*Ấu thế nhỉ!*).

www.sachgiai.com

II. Hướng dẫn trả lời câu hỏi

1. Các chữ cái và dấu câu họp bàn việc gì?

Các chữ cái và dấu câu họp bàn việc giúp đỡ bạn Hoàng vì Hoàng không biết sử dụng dấu câu khi nào. Câu văn của Hoàng trực trặc khó hiểu.

2. Cuộc họp đề ra cách gì để giúp bạn Hoàng?

Cuộc họp đã giao trách nhiệm cho Dấu Chấm giúp đỡ bạn Hoàng bằng cách yêu cầu Hoàng đọc lại câu văn một lần mỗi khi định chấm câu.

3. Tìm những câu trong bài thể hiện đúng diễn biến của cuộc họp.

Diễn biến của cuộc họp.

a) Nêu mục đích cuộc họp	Hôm nay chúng ta họp để tìm cách giúp đỡ em Hoàng.
b) Nêu tình hình của lớp	Hoàng hoàn toàn không biết chấm câu. Có đoạn văn em viết thế này: “Chú lính bước vào đầu chú. Đội chiếc mũ sắt dưới chân. Đi đôi giày da trên trán lấm tấm mồ hôi”.

c) Nêu nguyên nhân dẫn đến tình hình đó	Tất cả là do Hoàng chẳng bao giờ để ý đến dấu câu. Mỗi tay chỗ nào, cậu ta chấm chỗ ấy.
d) Nêu cách giải quyết	Từ nay, mỗi khi Hoàng định đặt dấu chấm câu thì phải đọc lại câu văn một lần nữa.
e) Giao việc cho mọi người	Anh Dấu Chấm được giao trách nhiệm: yêu cầu Hoàng đọc lại câu văn trước khi đặt dấu chấm.

Chính tả (Tập chép)

Mùa thu của em

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng viết chính tả: Chép lại chính xác bài thơ *Mùa thu của em*. Biết cách trình bày bài thơ thể 4 chữ.
- Ôn vần khó *oam*. Phân biệt từ có âm hoặc vần dễ lẫn: *l/n; en/eng*.

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn tập chép

- Đọc lại bài thơ, hiểu được nội dung bài viết: *Tình cảm của các bạn nhỏ đối với mùa thu.*
- Bài thơ *Mùa thu của em* gồm 16 dòng thơ, viết hoa các chữ cái đầu dòng và tên riêng *chị Hằng* và lùi vào hai ô so với lề vở.
- Chú ý viết các từ khó: *lá sen, rước đèn, hội rằm, lật trang vở,...*

II. Hướng dẫn làm bài tập

1. Tập chép: *Mùa thu của em* (cả bài).

2. Tìm tiếng có vần *oam* thích hợp với chỗ trống:

- Sóng vỗ *oàm* oạp.
- Mèo *ngoam* miếng thịt.
- Đừng nhai nhồm *nhoàm*.

3. Tìm các từ:

a) Chứa tiếng bắt đầu bằng *l* hoặc *n*, có nghĩa như sau:

- Giữ chặt trong lòng bàn tay: *nắm*.
- Rất nhiều: *lắm*.
- Gạo dẻo để thổi xôi, làm bánh: *nếp*.

b) Chứa tiếng có vần *en* hoặc *eng*, có nghĩa như sau:

- Loại nhạc cụ phát ra âm thanh nhờ thổi hơi vào: *kèn*.
- Vật bằng sắt, gõ vào thì phát ra tiếng kêu để báo hiệu: *keng*.
- Vật đựng cơm cho mỗi người trong bữa ăn: *chén*.

Tập làm văn

Tổ chức cuộc họp

A. Mục tiêu bài học

Biết tổ chức một cuộc họp bằng cách xác định được rõ nội dung cuộc họp và theo đúng trình tự diễn biến của cuộc họp.

B. Tìm hiểu nội dung (*Hướng dẫn làm bài tập*)

Dựa theo cách tổ chức cuộc họp mà em đã biết, hãy cùng các bạn tập tổ chức một cuộc họp tổ.

Gợi ý về nội dung trao đổi trong cuộc họp:

- a) Giúp nhau trong học tập.
- b) Chuẩn bị tiết mục văn nghệ chào mừng ngày 20-11.
- c) Trang trí lớp học.
- d) Giữ vệ sinh chung.

Khi tổ chức cần đảm bảo được trình tự cuộc họp: *Nêu mục đích* → *Nêu tình hình của lớp* → *Nêu nguyên nhân dẫn đến tình hình đó* → *nêu cách giải quyết* → *giao việc cho mọi người*.

Ví dụ: Cuộc họp bàn về *Giúp nhau trong học tập*.

a) Mục đích cuộc họp	Thưa các bạn! Hôm nay chúng ta tổ chức họp bàn về việc giúp đỡ các bạn học kém ở trong lớp.
b) Nêu tình hình của lớp	Trong học kì I vừa qua chúng ta có một số bạn còn yếu về bộ môn Tiếng Việt và Toán.
c) Nêu nguyên nhân dẫn đến tình hình đó	Sở dĩ có sự yếu kém như vậy là do các bạn còn lười học, một số bạn mất kiến thức cơ bản, một số bạn ngồi trong lớp còn nói chuyện riêng không chú ý nghe cô giáo giảng bài. Vì vậy, tôi đề nghị các bạn bàn bạc tìm cách giải quyết để giúp các bạn đó, hy vọng lớp ta cuối năm không có bạn nào xếp vào loại yếu kém.
d) Cách giải quyết	Từ nay các bạn phải chú ý nghe cô giảng bài, về nhà phải làm bài đầy đủ, không chơi lêu lổng nữa. – Bạn Tuấn lớp trưởng sẽ đôn đốc các bạn và kiểm tra bài vở của các bạn trước khi vào lớp. – Bạn Lan hướng dẫn cho các bạn về bộ môn Tiếng Việt. – Bạn Hùng sẽ giúp các bạn về bộ môn Toán. – Bạn Hương sẽ học chung với Bình ở nhà để kèm thêm bạn vì Bình là người học yếu nhất lớp.
e) Giao việc cho mọi người	Bắt đầu từ nay các bạn được phân công cũng như các bạn yếu kém phải đôn đốc chăm chỉ học tập.

TUẦN 6

Tập đọc

Bài tập làm văn

A. Mục tiêu bài học

– Rèn kĩ năng đọc thành tiếng: Đọc trôi chảy toàn bài, phát âm đúng các từ: *làm văn, loay hoay, rửa bát đĩa, luôn luôn, vất vả,...* Biết đọc phân biệt lời nhân vật "tôi" với lời mẹ.

– Rèn kĩ năng đọc - hiểu: Hiểu nghĩa của các từ: *khăn mùi soa, viết lia lịa, ngăn ngủn,...* Hiểu nội dung câu chuyện: *Lời nói phải đi đôi với việc làm.*

B. Tìm hiểu nội dung

Câu chuyện *Bài tập làm văn* chia làm bốn đoạn:

- Đoạn 1: Cô giáo ra đề văn "Em đã làm gì để giúp đỡ mẹ".
- Đoạn 2: Cô-li-a cảm thấy khó viết bài tập làm văn này vì mọi việc trong nhà mẹ cậu đều làm cả.
- Đoạn 3: Bài văn của cậu được cô giáo đọc cho cả lớp nghe.
- Đoạn 4: Cô-li-a đã thực hiện được điều: Lời nói phải đi đôi với việc làm.

I. Hướng dẫn luyện đọc



Đọc diễn cảm toàn bài chú ý giọng đọc của các nhân vật:

- Giọng nhân vật "tôi" đọc hồn nhiên, tâm sự nhẹ nhàng.

*Nhưng chẳng lẽ lại nộp một bài văn **ngăn ngủn** như thế này?// Tôi nhìn xung quanh, / mọi người vẫn viết.// **Lạ thật,** / các bạn viết gì mà **nhieu thế?**// Tôi cố nhớ lại, / rồi viết tiếp.*

- Giọng mẹ dịu dàng.

Cô-li-a này!// Hôm nay con giặt áo sơ mi và quần áo lót đi nhé!

II. Hướng dẫn trả lời câu hỏi

1. Cô giáo ra cho lớp đề văn thế nào?

Cô giáo ra cho lớp đề văn: *Em đã làm gì để giúp đỡ mẹ.*

2. Vì sao Cô-li-a thấy khó viết bài tập làm văn?

Cô-li-a cảm thấy khó viết bài tập làm văn vì ở nhà cậu chẳng phải làm gì, mọi việc trong nhà đều do mẹ cậu làm hết.

3. Thấy các bạn viết nhiều, Cô-li-a làm cách gì để viết dài ra?

Để bài viết của mình dài ra, Cô-li-a đã cố nhớ lại những việc mà thỉnh thoảng mình mới làm cả những việc mà chưa bao giờ cậu làm như giặt áo lót, áo sơ mi, giặt bát tất... Nhưng cuối cùng Cô-li-a cũng

nghĩ ra được một điều: “Em muốn giúp mẹ nhiều việc hơn, để mẹ đỡ vất vả”. Với bài viết của mình, cậu đã được cô giáo khen và đọc bài văn của cậu trước lớp.

4. Vì sao khi mẹ bảo Cô-li-a đi giặt quần áo?

a) Lúc đầu, Cô-li-a ngạc nhiên?

Mẹ bảo Cô-li-a đi giặt quần áo, lúc đầu cậu ngạc nhiên vì chưa bao giờ cậu giặt quần áo và đây là lần đầu mẹ bảo cậu làm việc này.

b) Sau đó, bạn vui vẻ làm theo lời mẹ?

Nhưng sau đó, bạn vui vẻ làm theo lời mẹ vì Cô-li-a nhớ ra đó chính là những việc mà bạn đã viết ở trong bài tập làm văn của mình.

Kể chuyện Bài tập làm văn

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng nói: Biết sắp xếp lại các tranh theo đúng thứ tự trong câu chuyện. Kể được một đoạn của câu chuyện bằng lời của mình.
- Rèn kĩ năng nghe: Nghe bạn kể, biết nhận xét, đánh giá.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn kể chuyện)

1. Sắp xếp lại các tranh sau (SGK trang 47) theo đúng thứ tự câu chuyện

Bài tập làm văn.



Các tranh được sắp xếp theo thứ tự đúng là: 3 - 4 - 2 - 1.

*** Tranh 1 (là tranh 3 ở sách giáo khoa).**

Trong giờ tập làm văn viết, cô giáo ra cho lớp một đề: “Em đã làm gì để giúp đỡ mẹ”. Cả lớp chăm chú làm, riêng Cô-li-a loay hoay mãi vì từ trước đến nay, cậu chưa phải làm một việc gì kể cả giặt quần áo của mình.

*** Tranh 2 (là tranh 4 ở sách giáo khoa).**

Thấy các bạn trong lớp viết lia lịa, cậu cố nhớ lại những việc mẹ đã làm rồi viết vào bài văn của mình: “Đôi khi em giặt khăn mùi soa, còn giặt cả bít tất”.

*** Tranh 3 (là tranh 2 ở sách giáo khoa).**

Cậu cố nghĩ và viết thêm: “Em giặt cả áo lót, áo sơ mi và quần”. Cuối cùng cậu kết luận: “Em muốn giúp mẹ nhiều việc hơn, để mẹ đỡ vất vả”. Với bài viết của mình, cậu đã được cô giáo khen và đọc bài văn của cậu trước lớp.

*** Tranh 4 (là tranh 1 ở sách giáo khoa).**

Mấy hôm sau, vào sáng chủ nhật, mẹ cậu bảo: “Hôm nay, con giặt áo sơ mi và quần áo lót đi nhé!”.

Lúc đầu cậu cảm thấy rất ngạc nhiên vì chưa bao giờ mẹ bảo cậu làm việc này, nhưng sau đó cậu chợt hiểu ra và vui vẻ nhận lời bởi vì đó chính là những việc mà cậu đã viết ở trong bài tập làm văn.

2. Kể lại một đoạn của câu chuyện bằng lời của em.

Tùy theo ý thích của các em hãy chọn cho mình một đoạn và kể theo lời của mình, theo cách vừa kể ở trên.

Chính tả (Nghe - viết) Bài tập làm văn

A. Mục tiêu bài học

- Nghe viết chính xác đoạn văn tóm tắt truyện *Bài tập làm văn*.
- Làm đúng bài tập phân biệt các âm đầu và thanh dễ lẫn: s/ x, dấu hỏi/ dấu ngã.

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn nghe - viết:

- Đọc đoạn văn, tóm tắt bài *Bài tập làm văn*, hiểu nội dung đoạn viết: *Cô-li-a phải viết bài tập làm văn kể về những việc đã giúp mẹ. Cậu lúng túng nên đã viết những việc mà mẹ cậu đã làm, nhưng rồi cuối cùng chính cậu cũng làm được những việc đó.*

- Chú ý viết hoa tên riêng nước ngoài: *Cô-li-a* và viết hoa các chữ: *Một, Bạn, Máy, Lúc*. Viết đúng các từ khó: *viết bài, lúng túng, giật, ngạc nhiên, vui vẻ,...*

II. Hướng dẫn làm bài tập

1. Nghe - viết: *Bài tập làm văn*.

2. Em chọn chữ nào trong ngoặc đơn để điền vào chỗ trống?

a) (kheo, khoeo): **khoeo** chân

b) (khẻo, khoẻo): người lẻo **khẻo**

c) (nghéo, ngoéo): **ngoéo** tay.

3. a) Điền vào chỗ trống s hay x?

Giàu đôi con mắt, đôi tay
Tay **siêng** làm lụng, mắt hay kiểm tìm
Hai con mắt mở, ta nhìn
Cho sâu, cho **sáng** mà tin cuộc đời.

b) Đặt trên chữ in đậm dấu hỏi hay dấu ngã?

Tôi lại nhìn như đôi mắt **trẻ** thơ
Tổ quốc tôi, chưa đẹp thế bao giờ
Xanh núi, xanh sông, xanh đồng, xanh **biển**
Xanh trời, xanh **của** **những** ước mơ.

Tập đọc

Ngày khai trường

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng đọc thành tiếng: Đọc diễn cảm bài thơ, phát âm đúng các từ: *hớn hở, nắng mới, gióng giả, khăn quàng,...*
- Rèn kĩ năng đọc - hiểu: Hiểu nghĩa các từ: *tay bắt mắt mừng, gióng giả*. Hiểu nội dung bài thơ: *Niềm vui sướng của học sinh trong ngày khai trường.*

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn luyện đọc

- Đọc bài thơ với giọng vui tươi để diễn tả niềm hân hoan vui sướng của các bạn học sinh trong ngày khai trường.
- Ngắt nghỉ đúng nhịp các dòng thơ.

*Sáng đầu thu trong xanh / Gặp bạn, / cười hớn hở /
Em mặc quần áo mới / Dứa / tay bắt mắt mừng /
Đi đón ngày khai trường / Dứa / ôm vai bá cổ
Vui như là đi hội, // Cặp sách đùa trên lưng. //*

II. Hướng dẫn trả lời câu hỏi

1. Ngày khai trường có gì vui?

Ngày khai trường rất vui vì các bạn học sinh được mặc quần áo mới, được gặp lại bạn bè, thầy cô giáo, được đến trường, thấy lá cờ đỏ, nghe được tiếng trống trường.

2. Ngày khai trường có gì mới lạ?

Những điều mới lạ trong ngày khai trường: Ngày khai trường vui như hội, bạn bè như lớn lên, thầy cô giáo như trẻ lại, trời thu trong xanh, khăn quàng đỏ thắm trên vai, sân trường vàng nắng mới, lá cờ bay như reo vui,...

3. Tiếng trống khai trường muốn nói điều gì với em?

Tiếng trống khai trường như muốn nói với em: "Năm học mới đến rồi bạn hãy cố gắng lên nhé!" hoặc "chúc bạn một năm học mới mọi điều đều tốt đẹp".

4. Học thuộc lòng bài thơ. (Học sinh tự học).

Dấu phẩy

A. Mục tiêu bài học

- Mở rộng vốn từ về *Trường học*.
- Ôn tập về dấu phẩy.

B. Tìm hiểu nội dung (*Hướng dẫn làm bài tập*)

1. Giải ô chữ. Biết rằng các từ ở cột được in màu có nghĩa là *Buổi lễ mở đầu năm học mới*.

- Dòng 1: Được lên lớp trên (gồm 2 tiếng, bắt đầu bằng chữ L).
- LÊN LỚP
- Dòng 2: Đi thành hàng ngũ đi qua lễ đài hoặc đường phố để biểu dương sức mạnh (gồm 2 tiếng, bắt đầu bằng chữ D) - DIỆU HÀNH
- Dòng 3: Sách dùng để học trong nhà trường (gồm 3 tiếng, bắt đầu bằng chữ S).
- SÁCH GIÁO KHOA
- Dòng 4: Lịch học trong nhà trường (gồm 3 tiếng, bắt đầu bằng chữ T).
- THỜI KHÓA BIỂU
- Dòng 5: Những người thường được gọi là phụ huynh học sinh (gồm 2 tiếng, bắt đầu bằng chữ C).
- CHA MẸ
- Dòng 6: Nghỉ giữa buổi học (gồm 2 tiếng, bắt đầu bằng chữ R).
- RA CHƠI
- Dòng 7: Học trên mức khá (gồm 2 tiếng, bắt đầu bằng chữ H).
- HỌC GIỎI
- Dòng 8: Có thói xấu này thì không thể học giỏi (gồm 2 tiếng, bắt đầu bằng chữ L).
- LƯỜI HỌC
- Dòng 9: Thầy cô nói cho học sinh hiểu bài (gồm 2 tiếng, bắt đầu bằng chữ G).
- GIẢNG BÀI
- Dòng 10: Hiểu nhanh, tiếp thu nhanh, xử trí nhanh (gồm 2 tiếng, bắt đầu bằng chữ T).
- THÔNG MINH
- Dòng 11: Người phụ nữ dạy học (gồm 2 tiếng, bắt đầu bằng chữ C).
- CÔ GIÁO

Lời giải ô chữ:

						M:	1	L	Ê	N	L	Ó	P		
						2	D	I	Ê	U	H	À	N	H	
3	S	Á	C	H	G	I	Á	O	K	H	O	A			
			4	T	H	Ò	I	K	H	Ó	A	B	I	Ê	U
						5	C	H	A	M	E				
		6	R	A	C	H	Ó	I							
						7	H	Ô	C	G	I	Ó	I		
						8	L	Ú	Ò	I	H	Ô	C		
							9	G	I	Â	N	G	B	À	I
						10	T	H	Ô	N	G	M	I	N	H
							11	C	Ô	G	I	Á	O		

Từ mới, xuất hiện ở cột in màu: **LỄ KHAI GIẢNG**

2. Chép các câu sau vào vở, thêm dấu phẩy vào chỗ thích hợp.

a) Ông em, bố em và chú em đều là thợ mỏ.

b) Các ban mới được kết nạp vào Đội đều là con ngoan, trò giỏi.

c) Nhiệm vụ của đội viên là thực hiện 5 điều Bác Hồ dạy, tuân theo Điều lệ Đội và giữ gìn danh dự Đội.

www.sachgiai.com

Tập viết

Ôn chữ hoa: D - Đ

A. Mục tiêu bài học

Củng cố cách viết chữ hoa $\mathcal{D}$, $\mathcal{D}$. Viết tên riêng *Kim Đồng*.

Viết câu ứng dụng: *Dao có mài mới sắc, người có học mới khôn.*

B. Hướng dẫn viết

1. Luyện viết chữ hoa: Chữ hoa có trong bài: $\mathcal{H}$, $\mathcal{D}$, $\mathcal{D}$.

- Chữ 𠂔: Được viết bởi 3 nét: 2 nét đầu (1, 2) viết như chữ I (gồm 2 nét: nét 1 kết hợp của hai nét cơ bản, cong trái và lượn ngang. Nét 2 móc ngược trái, phần cuối lượn vào trong), nét 3 được kết hợp của hai nét cơ bản: móc cuối trái và móc ngược phải nối liền nhau, tạo vòng xoắn nhỏ (nét thắt) ở giữa thân chữ.

- Chữ **Đ**: Được viết liền mạch từ 2 nét cơ bản: nét lượn đứng và nét cong phải nối liền nhau tạo một nét thắt nhỏ ở chân chữ.

- Chữ $\mathcal{D}$: Được cấu tạo như chữ D (gồm hai nét lượn đứng và cong phải) thêm một nét ngang ngắn.

Viết vào vở chữ $\mathcal{D}$: 1 dòng; chữ $\mathcal{D}, \mathcal{K}$: 1 dòng.

2. Luyện viết từ ứng dụng:

– Đọc từ ứng dụng *Kim Đồng*, hiểu tên riêng: *Kim Đồng* là một trong những đội viên đầu tiên của *Đội Thiếu niên Tiền Phong*. Tên thật của anh là *Nông Văn Dền*, quê ở xã *Nà Mạ*, huyện *Hà Quang*, tỉnh *Cao Bằng*, anh hy sinh năm 1943, lúc 15 tuổi.

– Khi viết chữ *Kim Đồng* cần chú ý: chữ *Đ* nối liền nét với chữ *i* trong chữ *Kim*. Chữ *Đ* không nối liền nét với chữ *ô* trong chữ *Đồng*.

– Viết vào vở 2 dòng chữ *Kim Đồng*.

3. Luyện viết câu ứng dụng:

Đạo có mài mới sắc, người có học mới khôn.

Hiểu câu tục ngữ: *Con người phải chăm chỉ mới khôn ngoan, trưởng thành*. Viết câu tục ngữ vào vở ba lần.

Tập đọc

Nhớ lại buổi đầu đi học

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng đọc thành tiếng: Đọc trôi chảy bài văn, phát âm đúng ở các từ: *náo nức*, *kỉ niệm*, *mơ man*, *nảy nở*, *bỡ ngỡ*,...
- Rèn kĩ năng đọc - hiểu: Hiểu nghĩa của các từ: *náo nức*, *mơ man*, *quang đãng*, *bỡ ngỡ*, *ngập ngừng*. Hiểu nội dung của bài: Tác giả Thanh Tịnh hồi tưởng lại buổi đầu tiên tới trường.

B. Tìm hiểu nội dung

Bài văn *Nhớ lại buổi đầu đi học* chia làm ba đoạn:

- Đoạn 1 (Từ đầu đến “*bầu trời quang đãng*”): Mùa thu đến gợi lại cho tác giả kỉ niệm của buổi tựu trường.
- Đoạn 2 (Từ “*Buổi mai hôm ấy*” đến “*hôm nay tôi đi học*”): Tác giả hồi tưởng lại trong buổi đến trường đầu tiên dường như cảnh vật có sự thay đổi.
- Đoạn 3 (Từ “*Cũng như tôi*” đến hết): Tâm trạng *bỡ ngỡ* của những đứa trẻ khi lần đầu đến trường.

I. Hướng dẫn luyện đọc

Đọc toàn bài với giọng hồi tưởng nhẹ nhàng, tình cảm. Chú ý nhấn giọng ở các từ gợi tả, gợi cảm. Ví dụ:

– *Hàng năm, / cứ vào cuối thu, / lá ngoài đường rụng nhiều, / lòng tôi lại náo nức / những kỉ niệm mơ man của buổi tựu trường. //*
Tôi quên sao được những cảm giác trong sáng ấy / nảy nở trong lòng tôi / như mấy cánh hoa tươi / mỉm cười giữa bầu trời quang đãng. //

– Cũng như tôi, / mấy học trò mới bỏ ngõ đứng **nép** bên người thân, / chỉ dám đi **từng bước** nhẹ. // Họ như con chim nhìn quăng trời rộng muốn bay / nhưng còn **ngập ngừng e sợ**. // Họ **thèm vụng** / và **ao ước thâm** / được như những người học trò cũ, / biết lớp, / biết thầy / để khỏi phải **rụt rè** trong cảnh lạ. //

II. Hướng dẫn trả lời câu hỏi

1. Điều gì gợi tác giả nhớ những kỉ niệm của buổi tựu trường?

Khi mùa thu đã gần trôi qua, lá ngoài đường rụng nhiều gợi cho tác giả nhớ những kỉ niệm của buổi tựu trường.

2. Trong ngày tựu trường đầu tiên, vì sao tác giả thấy cảnh vật xung quanh có sự thay đổi lớn?

Trong ngày tựu trường đầu tiên, tác giả thấy cảnh vật như được thay đổi lớn: *con đường làng đã quen đi lại nhiều lần bỗng khác lạ; cảnh vật xung quanh cũng có nhiều thay đổi.*

Cảnh vật ở đây có sự thay đổi lớn vì đây là lần đầu tiên tác giả được cắp sách đi học, tác giả đã lớn và đã trở thành người học sinh.

3. Tìm những hình ảnh nói lên sự bỏ ngõ, rụt rè của đám học trò mới tựu trường.

Những hình ảnh nói lên sự bỏ ngõ, rụt rè của đám học trò mới tựu trường: *bỏ ngõ đứng nép bên người thân; chỉ dám đi từng bước nhẹ, như con chim nhìn quăng trời rộng muốn bay nhưng còn ngập ngừng e sợ; thèm vụng và ao ước thâm được như những người học trò cũ đã quen lớp, quen thầy.*

4. Học thuộc lòng một đoạn văn em thích. (Học sinh tự chọn và học).

Chính tả (Nghe - viết) Nhớ lại buổi đầu đi học

A. Mục tiêu bài học

– Rèn kĩ năng viết chính tả: Nghe - viết trình bày một đoạn trong bài *Nhớ lại buổi đầu đi học*. Biết viết hoa các chữ đầu dòng, đầu câu.

– Phân biệt cặp vần khó: eo / oeo. Phân biệt âm và vần dễ lẫn: s / x; ương / ương.

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn nghe - viết

– Đọc lại đoạn 3 của bài *Nhớ lại buổi đầu đi học*, hiểu nội dung đoạn viết: *Tâm trạng bỏ ngõ, rụt rè của những đứa trẻ lần đầu tiên cắp sách đi học.*

– Đoạn văn gồm ba câu, viết hoa các chữ: *Cũng, Họ, Họ.*

– Chú ý viết đúng các từ khó: *bỏ ngõ, nép, quăng trời, vụng,...*

II. Hướng dẫn làm bài tập

1. Nghe - viết: *Nhớ lại buổi đầu đi học* (từ *Cũng như tôi...* đến hết).

2. Điền vào chỗ trống eo hay oeo?

nhà **nghèo**; đường **ngoằn ngoèo**; cười **ngặt nghẽo**; **ngoėjo** đầu.

3. Tìm các từ:

a) Chứa tiếng bắt đầu bằng **s** hoặc **x**, có nghĩa như sau:

- Cùng nghĩa với chăm chỉ: **siêng năng**.
- Trái nghĩa với gần: **xa**.
- (Nước) chảy mạnh và nhanh: **xiết**.

b) Chứa tiếng có vần **ươn** hoặc **ương**, có nghĩa như sau:

- Cùng nghĩa với *thuê*: **mướn**.
- Trái nghĩa với *phạt*: **thưởng**.
- Làm chín bằng cách đặt trực tiếp trên than, lửa: **nướng**.

Tập làm văn Kể lại buổi đầu em đi học

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng nói: Kể lại một cách hồn nhiên, chân thật buổi đầu đi học của mình.
- Rèn kĩ năng viết: Viết lại được những điều vừa kể thành một đoạn văn ngắn (từ 5 đến 7 câu).

B. Tìm hiểu nội dung (*Hướng dẫn làm bài tập*)

1. Kể lại buổi đầu em đi học.

– *Gợi ý:*

Buổi đầu em đi học là buổi sáng hay buổi chiều. Hôm đó thời tiết như thế nào? Ai là người đưa em đi học? Em thấy cảnh trường ra làm sao? Tâm trạng em lúc đó thế nào?

– *Ví dụ:*

Em còn nhớ cách đây ba năm, cũng vào ngày 5 tháng 9. Ngày đầu tiên em cắp sách đến trường. Hôm đó, bầu trời như sáng hẳn ra, những tia nắng ban mai như nhảy múa trước mặt em. Đường làng rộng như thế nhưng sao hôm nay dường như bị nhỏ lại bởi đông đúc các bạn nhỏ đến trường. Em rất vui nhưng cũng không tránh khỏi sự hồi hộp, lo sợ. Đi bên mẹ mà em thấy trống ngực mình đập thình thình. Em rất muốn lớp học của em có nhiều người quen để em khỏi phải rụt rè trong cảnh lạ.

2. Viết những điều em vừa kể thành một đoạn văn ngắn (từ 5 đến 7 câu).

Từ các gợi ý trên các em sắp xếp thành một đoạn văn ngắn đủ ý.

Bài tham khảo

Mỗi khi hè qua, thu đến, lòng tôi lại náo nức những kỉ niệm của buổi tựu trường.

Mặc dù năm nay tôi đã học lớp Ba, nhưng tôi không sao quên được buổi sáng hôm ấy. Một buổi sáng đẹp trời. Bầu trời trong xanh, chỉ có vài áng mây trắng trôi lững lờ. Thỉnh thoảng một làn gió nhẹ thổi qua mơn man trên mái tóc thật dịu dàng và dễ chịu. Sau khi làm vệ sinh cá nhân và ăn sáng, tôi hớn hởi lên phòng thay quần áo. Mọi việc hôm nay, dường như có sự thay đổi. Tự tay mẹ mặc quần áo mới, đeo cặp sách cho tôi. Tôi nắm tay mẹ tung tăng tới trường.

Con đường làng này tôi đã đi lại nhiều lần, nhưng hôm nay tự nhiên tôi thấy lạ. Hai hàng cây bên đường bỗng trở nên thân thương và đẹp một cách kì lạ, các vòm cây như đan chặt vào nhau tỏa bóng mát cho tôi đi học. Máy chú chim lích chích trên cành cũng hân hoan chào đón tôi. Cảnh vật chung quanh có sự thay đổi và chính tôi cũng đang có một sự thay đổi lớn: Tôi đi học. Dọc đường tôi bắt gặp rất nhiều bạn học sinh trạc tuổi như tôi, quần áo tươi tắn, sạch sẽ đang gấp gáp cùng mẹ đến trường. Phía trước tôi là một tốp các anh, chị học sinh lớp Bốn, lớp Năm, khăn quàng đỏ trên vai đang trò chuyện vui vẻ.

Ai ai cũng muốn đến trường thật nhanh để được gặp lại bạn bè, thầy cô giáo. Riêng tôi lại cảm thấy bồi hồi khó tả. Trong đầu tôi hiện lên bao câu hỏi: không biết mình được học thầy hay cô? Trong lớp có bạn nào mình quen không? Liệu mình có học được không nhỉ? Đang mải suy nghĩ với những câu hỏi vẩn vơ, bỗng mẹ bảo tôi: "Sắp đến trường rồi đấy con ạ!" Tự nhiên tôi thấy trống ngực đập thình thình. Tôi nắm chặt tay mẹ hơn. Hình như mẹ cũng hiểu về tâm trạng của tôi. Mẹ bóp nhẹ tay tôi như để động viên, khuyến khích. Chẳng mấy chốc, ngôi trường mái ngói đỏ tươi đã hiện ra trước mắt. Cổng trường hôm nay được trang hoàng rất đẹp, nhiều khẩu hiệu và cờ được cắm ở khắp nơi. Trước cổng là một tấm biển lớn với dòng chữ: CHÀO MỪNG NĂM HỌC MỚI. Trong sân, tiếng cười nói ồn ào của các anh chị học sinh. Mẹ đưa tôi vào lớp. Cô giáo niềm nở đón tôi vào lớp học. Thế là từ nay, tôi đã trở thành một cô học trò nhỏ, ngày ngày cắp sách đi học cùng bạn bè.

Tập đọc **Trận bóng dưới lòng đường**

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng đọc thành tiếng: Đọc trôi chảy toàn bài, phát âm đúng các từ: *dẫn bóng, ngăn ngừa, khung thành, sưng lại, lão đảo, khuyu xuống, xích tới...* Biết phân biệt lời dẫn chuyện với lời các nhân vật (*bác đứng tuổi, Quang*).
- Rèn kĩ năng đọc - hiểu: Hiểu nghĩa các từ: *cánh phải, cầu thủ, khung thành, đối phương, húi cua*. Hiểu nội dung bài: *Phải tôn trọng luật lệ giao thông, không được chơi bóng dưới lòng đường.*

B. Tìm hiểu nội dung

Câu chuyện *Trận bóng dưới lòng đường* chia làm ba đoạn:

- Đoạn 1: Các bạn nam chơi bóng ở dưới lòng đường suýt nữa tông phải một người đi xe, cả bọn sợ chạy tán loạn.
- Đoạn 2: Các bạn vẫn tiếp tục chơi, quả bóng đập vào đầu một cụ già, cả đám lại hoảng sợ bỏ chạy.
- Đoạn 3: Ông cụ bị thương lại chính là ông nội của Quang, một cầu thủ trong đội chơi bóng dưới lòng đường.

I. Hướng dẫn luyện đọc

Đọc toàn bài với giọng nhanh, dồn dập thể hiện nhịp độ của trận đấu, riêng ở đoạn 3 nhịp độ chậm thể hiện hậu quả tai hại của việc chơi bóng dưới lòng đường. Ví dụ:

*Trận đấu vừa bắt đầu/ thì Quang **cướp** được bóng.// Quang **bấm nhẹ** bóng sang cánh phải cho Vũ.// Vũ **dẫn** bóng lên.// Bốn, / năm cầu thủ đội bạn **lao đến**. Vũ **ngăn ngừa** giây lát.// Chợt nhận ra cánh trái trống hẵn đi, / Vũ **chuyền** bóng cho Long.// Long như chỉ đợi có vậy, / **đốc bóng nhanh** về phía trước.// (giọng đọc nhanh)*

Quang sợ tái cả người.// Bỗng/ cậu thấy cái lưng còng của ông cụ/ sao giống lưng ông nội thế.// Cậu bé vừa chạy theo chiếc xích lô./ vừa mếu máo://

- Ông ơi.../ cụ ơi...!// Cháu xin lỗi cụ.//

(giọng đọc chậm, câu cuối đọc ngắt quãng thể hiện sự ân hận).

II. Hướng dẫn trả lời câu hỏi

1. Các bạn nhỏ chơi đá bóng ở đâu?

Các bạn nhỏ chơi đá bóng dưới lòng đường.

2. Vì sao trận bóng phải tạm dừng lần đầu?

Trận bóng phải tạm dừng lần đầu vì Long muốn dốc bóng nhanh về phía khung thành của đối phương nên chút nữa cậu đã tông phải xe gắn máy. Bác lái xe nổi nóng, cả bọn sợ chạy tán loạn.

3. Chuyện gì khiến trận bóng phải dừng hẳn?

Trận bóng phải dừng hẳn khi Quang sút rất mạnh quả bóng đi chênh vĩa hè và đập vào đầu một cụ già qua đường làm cụ lão đảo ôm đầu và khuỵu xuống. Thấy vậy đám học trò hoảng sợ bỏ chạy.

4. Tìm những chi tiết cho thấy Quang rất ân hận trước tai nạn do mình gây ra.

Quang rất ân hận trước tai nạn mình gây ra, Quang đứng nấp sau gốc cây, lén nhìn sang, sợ tái cả người, vừa chạy vừa meo meo:

– Ông ơi... cụ ơi... Cháu xin lỗi cụ.

5. Câu chuyện muốn nói với em điều gì?

– Chơi bóng dưới lòng đường rất nguy hiểm cho tính mạng của người qua đường, thậm chí cho cả chính mình (vì mãi chơi không để ý xe cộ qua lại).

– Lòng đường không phải là chỗ chơi đá bóng

– Tôn trọng trật tự nơi công cộng.

Kể chuyện Trận bóng dưới lòng đường

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng nói: Biết nhập vai một nhân vật kể lại câu chuyện này.
- Rèn kĩ năng nghe: Nghe bạn kể, biết nhận xét, đánh giá lời kể của bạn.

B. Tìm hiểu nội dung

Kể lại một đoạn của câu chuyện *Trận bóng dưới lòng đường* theo lời của nhân vật.

Hướng dẫn kể theo lời của Quang.

– Đoạn 1.

Trận đấu bóng vừa mới bắt đầu thì tôi cướp được bóng, tôi bấm nhẹ bóng sang cánh phải cho Vũ, Vũ hăng hái dẫn bóng lên. Trong

khi đó bốn năm cầu thủ đội bạn lao đến. Chợt nhận ra cánh trái trống hẳn, Vũ chuyển bóng cho Long. Long chỉ chờ có vậy, dốc bóng về khung thành đối phương. Bỗng một tiếng "kít... ít" làm cậu sững lại, chỉ một tí nữa thôi là cậu đã tông phải xe gắn máy. Bác lái xe nổi nóng làm cả bọn chúng tôi hoảng sợ chạy tán loạn.

– **Đoạn 2.**

Nhưng chỉ một lát, bọn tôi lại rủ nhau xuống lòng đường và lần này, tôi quyết chơi bóng bổng, chỉ còn cách khung thành năm mét, tôi co chân sút rất mạnh, quả bóng vút lên đi chệch lên vỉa hè và đập vào đầu một cụ già làm cụ lão đảo ngã khuyu xuống. Một bác đứng tuổi đi qua chạy đến đỡ cụ. Bác quát to: "Đây là chỗ chơi bóng đấy à"? Đám chúng tôi một lần nữa hoảng sợ bỏ chạy.

– **Đoạn 3.**

Nấp sau gốc cây, tôi lén nhìn sang. Một chiếc xích lô xích tới, bác đứng tuổi vừa dìu ông cụ lên xe vừa bức bối nói: "Thật là quá quắt". Tôi sợ tái cả người. Bỗng tôi nhìn thấy cái lưng còng của ông cụ sao giống lưng ông nội tôi thế. Tôi vừa chạy theo chiếc xích lô vừa meo meo gọi: "Ông ơi... cụ ơi... Cháu xin lỗi cụ".

Chính tả (Tập chép) Trận bóng dưới lòng đường

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng viết chính tả: Chép lại chính xác một đoạn trong bài *Trận bóng dưới lòng đường*.
- Làm đúng các bài tập phân biệt cách viết âm và vần dễ lẫn: *tr/ch; iên/iêng*.

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn tập chép

Đọc lại đoạn chép, hiểu được nội dung: *Sự ân hận muộn màng của Quang*. Đoạn văn gồm 7 câu. Những chữ phải viết hoa đó là chữ đầu câu, đầu đoạn, tên riêng của người (*Một, Bác, Thật, Quang, Bỗng, Cậu, Ông*). Chú ý viết đúng các tiếng khó: *xích lô, quá quắt, bổng,...*

II. Hướng dẫn làm bài tập

1. **Tập chép:** *Trận bóng dưới lòng đường* (từ *Một chiếc xích lô...* đến hết).

2. Điền vào chỗ trống và giải câu đố

a) tr hay ch?

Mình **tr**òn, mũi nhọn

Chẳng phải bò **tr**âu

Uống nước ao sâu

Lên cây ruộng cạn.

Lời giải: *cái bút mực.*

b) iên hay iêng?

Trên trời có **gi**êng nước trong

Con **ki**ến chẳng lợt, con ong chẳng vào.

Lời giải: *quả dưa.*

3. Viết vào vở những chữ và tên chữ còn thiếu trong bảng.

Số thứ tự	Chữ	Tên chữ
1	q	quy
2	r	e-rờ
3	s	ét-sì
4	t	tê
5	th	tê-hát
6	tr	tê-e-rờ

Số thứ tự	Chữ	Tên chữ
7	u	u
8	ư	ư
9	v	vê
10	x	ích-xì
11	y	i dài

www.sachgiai.com

Tập đọc

Lừa và ngựa

A. Mục tiêu bài học

– Rèn kĩ năng đọc thành tiếng: Đọc trôi chảy toàn bài, phát âm đúng các từ: *lừa, cưỡi ngựa, khẩn khoản, kiệt sức, ngã gục...* Biết phân biệt lời người dẫn chuyện với lời các nhân vật (lừa, ngựa).

– Rèn kĩ năng đọc - hiểu: Hiểu nghĩa của các từ: *kiệt sức, kiệt lực.* Hiểu nội dung câu chuyện: *Mọi người phải biết giúp đỡ lẫn nhau trong lúc hoạn nạn, khó khăn.*

B. Tìm hiểu nội dung

Câu chuyện *Lừa và ngựa* chia làm hai đoạn:

– Đoạn 1 (Từ đầu đến “*Tôi không giúp được chị đâu*”): Lừa mang nặng bị kiệt sức nhờ ngựa mang đỡ, ngựa từ chối.

– Đoạn 2 (Còn lại): Vì kiệt sức, lừa chết, ngựa phải mang hết đồ đạc, ngựa ân hận vì đã không giúp lừa.

I. Hướng dẫn luyện đọc

Đọc trôi chảy toàn bài, phân biệt giọng đọc của các nhân vật:

– Lời người dẫn chuyện: thông thả, rõ ràng. Ví dụ:

Người nọ có một con lừa và một con ngựa. // Một hôm, / có việc đi xa, / ông ta cưỡi ngựa, / còn bao nhiêu đồ đạc / thì chất lên lưng lừa. //

– Giọng của lừa: mệt mỏi, khẩn khoản van xin. Ví dụ:

Chị ngựa ơi! // Chúng ta là bạn đường. // Chị mang đỡ tôi với, / dù chỉ chút ít thôi cũng được. // Tôi kiệt sức rồi. //

– Giọng của ngựa lạnh lùng thờ ơ và có lúc run lên hồi hận. Ví dụ:

Thôi, / việc ai người ấy lo. // Tôi không giúp chị được đâu. // (giọng lạnh lùng thờ ơ).

Ôi, / tôi mới đại dột làm sao! // Tôi đã không muốn giúp lừa dù chỉ chút ít, / nên bây giờ phải mang nặng gập đôi. // (giọng run lên hồi hận).

II. Hướng dẫn trả lời câu hỏi

1. Lừa khẩn khoản xin ngựa điều gì?

Lừa khẩn khoản xin ngựa mang đỡ giúp lừa, dù chỉ chút ít thôi cũng được.

2. Vì sao ngựa không giúp lừa?

Ngựa không muốn giúp lừa vì ngựa ích kỉ, bởi ngựa nghĩ nếu giúp lừa mình sẽ phải vất vả, mệt nhọc.

3. Câu chuyện kết thúc như thế nào?

Câu chuyện kết thúc: Lừa kiệt sức ngã gục xuống và chết bên vệ đường. Người chủ chất tất cả đồ đạc từ lưng lừa sang lưng ngựa. Ngựa phải chở đồ đạc rất nặng, ngựa ân hận vì đã không giúp lừa.

4. Truyện này muốn nói với em điều gì?

Truyện này muốn nói với em:

- Phải biết giúp bạn trong lúc khó khăn.
- Không nên bỏ mặc bạn lúc khó khăn.
- Giúp bạn là giúp cho chính mình.
- Không giúp bạn có lúc mình phải hối hận...

Luyện từ và câu

Ôn tập về từ chỉ hoạt động, trạng thái

So sánh

A. Mục tiêu bài học

- Hiểu thêm một kiểu so sánh: so sánh sự vật với con người.
- Ôn về từ chỉ hoạt động trạng thái.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

1. Tìm các hình ảnh so sánh trong những câu thơ dưới đây:

a) Trẻ em như búp trên cành

Biết ăn ngủ, biết học hành là ngoan.

Hình ảnh so sánh: **Trẻ em** như **búp trên cành**.

b) Ngôi nhà như trẻ nhỏ

Lớn lên với trời xanh

Hình ảnh so sánh: **Ngôi nhà** như **trẻ nhỏ**.

c) Cây pơ mu đầu dốc

Im như người lính canh

Ngựa tuần tra biên giới

Đứng đỉnh đèo hí vang.

Hình ảnh so sánh: **Cây pơ mu im** như **người lính canh**.

d) Bà như quả ngọt chín rồi

Càng thêm tuổi tác, càng tươi lòng vàng.

Hình ảnh so sánh: **Bà** như **quả ngọt chín rồi**.

2. Đọc lại bài tập đọc *Trận bóng dưới lòng đường*. Tìm các từ ngữ:

a) Chỉ hoạt động chơi bóng của các bạn nhỏ: cướp bóng, bấm bóng, dẫn bóng, chuyền bóng, dốc bóng, chơi bóng, sút bóng, bắt bóng,...

b) Chỉ thái độ của Quang và các bạn khi vô tình gây ra tai nạn cho cụ già: hoảng sợ, sợ tái người.

3. Liệt kê những từ chỉ hoạt động, trạng thái trong bài tập làm văn cuối tuần 6 của em.

Tùy theo bài viết, các em tìm ra các từ chỉ hoạt động, trạng thái.

Tập viết

Ôn chữ hoa: -

A. Mục tiêu bài học

Củng cố cách viết chữ hoa , . Viết tên riêng -đê bằng chữ cỡ nhỏ. Viết câu ứng dụng.

B. Hướng dẫn viết

1. Luyện viết chữ hoa:

– Chữ hoa có trong bài: , .

• Chữ : Gồm 3 nét cong trái nối liền nhau tạo thành hai vòng xoắn, một to, một nhỏ giữa thân chữ.

• Chữ *ê*: Viết như chữ *ê* và thêm dấu mũ (nằm trên đầu chữ *ê* lệch về bên trái).

– Viết vào vở chữ *ê* 1 dòng; chữ *ê* 1 dòng.

2. Luyện viết từ ứng dụng:

ê-đê là một dân tộc sống chủ yếu ở tỉnh Đắk Lắk và Phú Yên, Khánh Hòa. Giữa chữ *ê* và chữ *đê* có dấu gạch nối viết vào vở 2 dòng chữ *ê*-đê.

3. Luyện viết câu ứng dụng: Em thuận anh hòa là nhà có phúc.

– Nội dung của câu tục ngữ: Anh em phải biết yêu thương sống phải hòa thuận đó là niềm hạnh phúc lớn cho gia đình.

– Chú ý giữa hai con chữ *ê* và *m* trong chữ *Em* không nối liền nét.

– Viết vào vở câu ứng dụng 5 lần.

Tập đọc

Bạn

A. Mục tiêu bài học

– Rèn kĩ năng đọc thành tiếng: Đọc trôi chảy bài thơ, phát âm đúng các từ: *làm lửa, cấy lúa, bạn, vẫy gió, vui nhỏ,...*

– Rèn kĩ năng đọc - hiểu: Hiểu nghĩa các từ: sông *Hồng*, vào mùa, đánh thù. Hiểu nội dung bài thơ: Mọi người, mọi vật trong cuộc sống đều bạn rộn, đều làm những việc có ích.

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn luyện đọc

Đọc diễn cảm bài thơ với giọng vui, khẩn trương thể hiện sự bạn rộn của mọi người. Chú ý cách ngắt giọng:

Trời thu/ **bạn** xanh/

Còn con/ **bạn** bú/

Sông *Hồng*/ **bạn** chảy/

Bạn ngủ/ **bạn** chơi/

Cái xe/ **bạn** chạy/

Bạn/ tập khóc cười/

Lịch **bạn** tính ngày/

Bạn/ nhìn ánh sáng.//

II. Hướng dẫn trả lời câu hỏi

1. Mọi vật, mọi người xung quanh bé bạn những việc gì?

Mọi vật, mọi người xung quanh bé đều rất bạn:

· Trời thu bạn xanh; sông *Hồng* bạn chảy; xe bạn chạy; hoa bạn đỏ; cò bạn vẫy gió; chữ bạn thành thơ; hạt bạn vào mùa; than bạn làm lửa; cô bạn cấy lúa; chú bạn đánh thù, mẹ bạn hát ru; bà bạn thổi cơm.

2. Bé bạn những việc gì?

Bé bạn bú, ngủ, bạn chơi, bạn tập khóc tập cười, bạn nhìn ánh sáng.

3. Vì sao mọi người, mọi vật bạn mà vui?

Mọi người, mọi vật bạn mà vui vì:

- Những công việc đó đều có ích cho con người.
- Những công việc luôn mang lại niềm vui
- Con người phải hoạt động thì mới khỏe mạnh được.

4. Học thuộc lòng bài thơ. (Học sinh tự học)

Chính tả (Nghe - viết)

Bạn

A. Mục tiêu bài học

Rèn kĩ năng viết chính tả: Nghe - viết chính xác một đoạn trong bài *Bạn*. Trình bày đúng, đẹp bài thơ 4 chữ. Ôn luyện vần khó: *en/oen*. Phân biệt tiếng có âm, vần dễ lẫn: *tr/ch ; iên/iêng*.

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn nghe - viết

- Đọc lại hai khổ thơ 2 và 3.
- Bài thơ viết theo thể bốn chữ. Các chữ đầu mỗi dòng thơ phải viết hoa. Viết lùi vào hai ô tính từ lề vở. Giữa khổ thơ 2 và 3 cách một dòng. Chú ý viết các tiếng khó: *bạn, thối nẫu, vui,...*

II. Hướng dẫn làm bài tập

1. Nghe - viết: *Bạn* (từ *Cô bạn cây lúa...* đến hết).

2. Điền vào chỗ trống *en* hay *oen*?

nhANH nh*en*; nh*oen* miệng cười, sắt h*oen* rỉ; h*en* nhát.

3. Tìm những tiếng có thể ghép với mỗi tiếng sau:

a) - trung, chung

* **trung**: *trung thành, trung kiên, trung dũng, trung bình, trung niên, trung hậu, tập trung,...*

* **chung**: *chung thủy, chung sức, cùng chung, chung lòng, chung sống, chung chăn,...*

- trai, chai

* **trai**: *ngọc trai, con trai, trai gái, trai tráng, trai trẻ, trai tài,...*

* **chai**: *cái chai, chai lọ, chai tay, chai sạn, chai đá,...*

- trống, chống

* **trống**: *cái trống, trống trải, trống rỗng, gà trống, trống chầu, trống cơm, trống đồng, trống mái, trống ngực, trống trôn,...*

* **chống**: *chống chế, chống chọi, chống cự, chống đỡ, chống phá, chống án, chèo chống,...*

b) - kiên, kiêng

* **kiên**: kiên cường, kiên nhẫn, kiên cố, kiên định, kiên trì, kiên trung,...

* **kiêng**: kiêng cử, kiêng nể, kiêng sợ, ăn kiêng....

- miến, miếng

* **miến**: miến gà, thái miến,...

* **miếng**: nước miếng, miếng đất, miếng trâu, miếng ăn,...

- tiến, tiếng

* **tiến**: tiến lên, tiên tiến, tiến bộ, tiến triển,...

* **tiếng**: tiếng nói, tiếng cười, tiếng kêu, tiếng khóc, nổi tiếng,...

Tập làm văn

Nghe - kể: *Không nỡ nhìn*

Tập tổ chức cuộc họp

A. Mục tiêu bài học

Rèn kĩ năng nói và nghe: Nghe câu chuyện *không nỡ nhìn*, nhớ nội dung và kể lại được. Biết cùng các bạn tổ chức cuộc họp.

B. Tìm hiểu nội dung (*Hướng dẫn làm bài tập*)

1. Nghe và kể lại câu chuyện *Không nỡ nhìn*.

Nội dung câu chuyện:

Không nỡ nhìn

Trên một chuyến xe buýt đông người, có anh thanh niên đang ngồi cứ lấy hai tay ôm lấy mặt. Một bà cụ ngồi bên thấy thế bèn hỏi:

– Cháu nhức đầu à? Có cần dầu xoa không?

Anh thanh niên nói nhỏ:

– Không ạ. Cháu không nỡ ngồi nhìn các cụ già và phụ nữ phải đứng.

(Theo Tiếng cười tuổi học trò)

Gợi ý:

a) Anh thanh niên làm gì trên chiếc xe buýt?

Anh ngồi hai tay ôm lấy mặt.

b) Bà cụ ngồi bên cạnh hỏi anh điều gì?

Cháu nhức đầu à? Có cần dầu xoa không?

c) Anh trả lời thế nào?

Cháu không nỡ ngồi nhìn các cụ già và phụ nữ phải đứng.

d) Em có nhận xét gì về anh thanh niên?

– Anh là người ích kỷ không muốn nhường chỗ cho người khác lại giả vờ mình là người lịch sự *không nỡ ngồi nhìn cụ già và phụ nữ phải đứng*.

– Đã không muốn nhìn cụ già và phụ nữ phải đứng thì đúng ra anh phải đứng lên nhường chỗ cho họ, trái lại anh vẫn ngồi yên, điều đó chứng tỏ anh là người giả dối.

– Anh là đàn ông còn trẻ mà lại không hiểu một phép lịch sự tối thiểu là phải biết nhường người già, phụ nữ và trẻ nhỏ.

2. Hãy cùng các bạn trong tổ mình tổ chức một cuộc họp.

Theo gợi ý ở sách giáo khoa các em có thể trao đổi về các nội dung:

- Tôn trọng luật đi đường.
- Bảo vệ của công.
- Giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn.

Ví dụ:

Cuộc họp bàn bạc về: *Giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn*

a) Mục đích cuộc họp	Thưa các bạn! Hôm nay chúng ta tổ chức họp bàn về việc giúp đỡ má Năm (mẹ thương binh liệt sĩ).
b) Tình hình	Má Năm là mẹ của một liệt sĩ và một thương binh hạng nặng. Hàng ngày, má phải lo kiếm sống và chăm sóc chú thương binh nên gia đình má gặp rất nhiều khó khăn.
c) Nguyên nhân	Hiện nay má đã già, sức khỏe lại yếu nên mấy mảnh vườn trồng rau của má không ai chăm sóc. Do vậy tôi đề nghị các bạn bàn bạc tìm ra cách giải quyết để giúp đỡ má Năm và chú thương binh (Thằng).
d) Cách giải quyết	Trong tổ trao đổi đi đến thống nhất là vào các buổi chiều và ngày chủ nhật các bạn sẽ đến chăm sóc vườn rau, dọn dẹp nhà cửa, gánh nước, cho lợn ăn giúp má.
e) Kết luận. Phân công.	– Các bạn nam ra vườn tưới cây, bón phân cho cây và gánh nước. – Các bạn gái: lau chùi bàn ghế, nhà cửa, nấu cơm và cho lợn gà ăn. Bắt đầu từ chiều mai chúng ta bắt tay vào làm việc.

TUẦN 8

Tập đọc

Các em nhỏ và cụ già

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng đọc thành tiếng: Đọc trôi chảy bài văn, phát âm đúng các từ: *lùi dần, sai cánh, sôi nổi, vệ cỏ, mệt mỏi,...* Biết phân biệt lời dẫn chuyện với lời nhân vật (đám trẻ, ông cụ).
- Rèn kĩ năng đọc hiểu: Hiểu nội dung câu chuyện: *Mọi người trong cộng đồng phải biết thương yêu và quan tâm săn sóc lẫn nhau.*

B. Tìm hiểu nội dung

Câu chuyện *Các em nhỏ và cụ già* chia làm năm đoạn:

- Đoạn 1: Giới thiệu cuộc dạo chơi của đám trẻ vào cảnh trời chiều.
- Đoạn 2: Trên đường trở về nhà các em gặp một cụ già ngồi ở vệ cỏ khiến các em phải dừng lại.
- Đoạn 3: Sự quan tâm của các em đối với cụ già.
- Đoạn 4: Cụ già kể về nỗi buồn của mình cho các em nhỏ nghe.
- Đoạn 5: Sự ái ngại của các em đối với ông cụ.

I. Hướng dẫn luyện đọc

Đọc thông thả rõ ràng câu chuyện, chú ý giọng đọc của các nhân vật.

- Giọng người dẫn chuyện chậm rãi ở đoạn 1 (cảnh trời chiều) và cảm động ở đoạn 4.

Ông đang **rất buồn**.// Bà lão nhà ông **nằm bệnh viện** mấy tháng nay rồi.// Bà ốm **nặng** lắm,/ **Khó** mà qua khỏi.// Ông ngồi đây chờ xe buýt/ để **đến bệnh viện**.// Ông **cảm ơn** lòng tốt của các cháu.// **Dẫu** các cháu không giúp gì được,/ nhưng ông cũng thấy lòng **nhẹ hơn**.// (giọng chậm rãi, buồn, xúc động).

- Giọng đám trẻ lo lắng, băn khoăn (đoạn 2); ân cần lễ độ (đoạn 3).

II. Hướng dẫn trả lời câu hỏi

1. Điều gì gặp trên đường khiến các bạn nhỏ phải dừng lại?

Các bạn nhỏ phải dừng lại khi các bạn gặp một cụ già đang ngồi ở vệ cỏ ven đường trông cụ mệt mỏi và cặp mắt biểu lộ vẻ u sầu.

2. Các bạn nhỏ quan tâm đến ông cụ như thế nào?

Sự quan tâm của các bạn nhỏ: Các bạn băn khoăn, trao đổi với nhau và đoán có lẽ cụ bị ốm, hay cụ đánh mất cái gì? Cuối cùng các bạn quyết định đến hỏi cụ. Sự quan tâm của các bạn thể hiện các bạn là những đứa trẻ ngoan, nhân hậu và muốn giúp đỡ người khó khăn.

3. Ông cụ gặp chuyện gì buồn?

Ông cụ gặp chuyện buồn vì bà lão nhà ông nằm bệnh viện mấy tháng nay, bà ốm nặng và khó qua khỏi.

4. Vì sao trò chuyện với các bạn nhỏ ông cụ thấy lòng nhẹ hơn?

Khi trò chuyện với các bạn nhỏ, ông cụ thấy lòng nhẹ hơn vì:

- Nỗi buồn của ông đã được chia sẻ.
- Ông thấy có người quan tâm tới mình.
- Ông cảm động trước tấm lòng của các bạn nhỏ.
- Ông không còn cảm thấy cô đơn.

5. Chọn một tên khác cho truyện theo gợi ý sau đây:

a) Những đứa trẻ tốt bụng.

b) Chia sẻ.

c) Cảm ơn các cháu.

Các em chọn lấy một tên truyện theo gợi ý nhưng phải nêu lí do.
Ví dụ:

– Chọn tên: **Những đứa trẻ tốt bụng** vì các bạn nhỏ trong truyện đã quan tâm, lo lắng và ái ngại cho hoàn cảnh của ông cụ.

– Chọn tên: **Chia sẻ** vì ông cụ cảm thấy đỡ buồn hơn, đỡ cô đơn khi có các bạn nhỏ đến chia sẻ với mình.

– Chọn tên: **Cảm ơn các cháu** vì lòng tốt của các bạn nhỏ đã làm ấm lại trong nỗi buồn cô đơn của ông, nên ông cảm thấy biết ơn các bạn nhỏ.

Kể chuyện Các em nhỏ và cụ già

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng nói: Biết nhập vai một bạn nhỏ trong truyện kể lại toàn bộ câu chuyện.
- Rèn kĩ năng nghe: Nghe bạn kể, biết nhận xét đánh giá lời kể của bạn.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn kể chuyện)

Kể lại câu chuyện *Các em nhỏ và cụ già* theo lời một bạn nhỏ.

Tham khảo cách kể sau:

• Đoạn 1.

Sau một ngày dạo chơi khá vui vẻ, chúng tôi rủ nhau ra về. Buổi chiều hôm nay thật là đẹp, mặt trời đang buông dần về chân núi phía xa. Trên cao, đàn sếu đang rải cánh bay gấp gáp về tổ.

• Đoạn 2.

Chúng tôi vừa đi vừa nói cười vui vẻ. Bỗng chúng tôi thấy một cụ già đang ngồi ở vệ cỏ ven đường. Trông dáng cụ có vẻ mệt mỏi lắm, đặc biệt đôi mắt thâm quầng lộ rõ một vẻ u sầu. Một bạn trai trong đám chúng tôi chợt lên tiếng:

– Chuyện gì xảy ra với ông cụ thế nhỉ?

Tiếp đó là những lời bàn tán sôi nổi:

– Chắc cụ bị ốm?

– Hay cụ bị mất tiền.

Tôi bèn nói với các bạn, chúng ta đừng bàn tán nữa thử hỏi ông cụ xem sao?

• Đoạn 3.

Thế là cả bọn chúng tôi kéo nhau đến hỏi ông cụ.

Tôi thay mặt các bạn lễ phép hỏi cụ:

– Thưa cụ, chúng cháu có thể giúp được gì cho cụ không ạ?

Cụ già thở nặng nhọc, nhưng đôi mắt thì lại ánh lên những tia ấm áp.

– Ông cảm ơn các cháu. Nhưng các cháu không giúp được ông đâu.

• Đoạn 4.

Rồi cụ già ngập ngừng kể cho chúng tôi nghe về nỗi buồn của cụ:

– Bà lão nhà ông nằm bệnh viện đã mấy tháng nay rồi. Bệnh của bà nặng lắm, khó mà qua khỏi. Ông ngồi đây chờ xe buýt để đến bệnh viện. Mặc dù các cháu không giúp được gì nhưng ông rất cảm ơn các cháu, các cháu là người tốt bụng và ông cũng cảm thấy lòng được nhẹ hơn.

• Đoạn 5.

Chúng tôi đưa cụ lên xe buýt mà lòng cảm thấy ái ngại. Xe đã chạy rồi, nhưng chúng tôi vẫn lặng đi một hồi lâu mới ra về.

Chính tả (Nghe - viết) Các em nhỏ và cụ già

A. Mục tiêu bài học

– Rèn kĩ năng viết chính tả: Nghe - viết chính xác một đoạn trong bài *Các em nhỏ và cụ già*.

– Làm đúng các bài tập tìm các từ chứa tiếng bắt đầu bằng *r/d/gi* hoặc vần *uôn/uông* theo nghĩa đã cho.

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn nghe - viết

– Đọc lại đoạn 4 của truyện *Các em nhỏ và cụ già*, hiểu nội dung đoạn viết: Ông cụ kể lại nỗi buồn của mình cho các bạn nhỏ nghe.

- Khi viết chú ý lời ông cụ đặt sau dấu hai chấm, xuống hàng, gạch đầu dòng, viết lùi vào 1 ô.
- Đoạn văn gồm 7 câu, nhớ viết hoa các chữ cái đầu câu.
- Viết đúng các từ khó: *ngừng lại, nghen ngào, bệnh viện, xe buýt,...*

II. Hướng dẫn làm bài tập

1. Nghe - viết: *Các em nhỏ và cụ già* (Đoạn 4).

2. Tìm các từ:

a) Chứa tiếng bắt đầu bằng *d /gi* hoặc *r*, có nghĩa như sau:

- Làm sạch quần áo, chăn màn... bằng cách vò, chải, giữ... trong nước: **giặt**.
- Có cảm giác khó chịu ở da, như bị bỏng: **rát**.
- Trái nghĩa với *ngang*: **dọc**.

b) Chứa tiếng có vần *uôn* hoặc *ông*, có nghĩa như sau:

- Trái nghĩa với *vui*: **buồn**.
- Phần nhà được ngăn bằng tường, vách kín đáo: **buồng**.
- Vật bằng kim loại, phát ra tiếng kêu để báo hiệu: **chuông**.

Tập đọc

Tiếng ru

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng đọc thành tiếng: Đọc diễn cảm bài thơ, phát âm đúng các từ: *yêu nước, mùa vàng, nhân gian, đóm lửa,...* Biết nghỉ hơi đúng lúc sau mỗi thể thơ và sau mỗi dòng thơ.
- Rèn kĩ năng đọc - hiểu: Hiểu nghĩa của các từ: *đồng chí, nhân gian, bồi*. Hiểu nội dung bài thơ: *Con người trong cuộc sống phải biết yêu thương nhau như anh em, bạn bè, đồng chí*.

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn luyện đọc

Đọc bài thơ với giọng tình cảm, thiết tha như một lời nhắn nhủ. Chú ý cách ngắt giọng và nhấn giọng:

- Con ông **làm mật**, / **yêu hoa** /
Con cá **bơi**, / **yêu nước**, // con chim **ca**, / **yêu trời** /
Con người **muốn sống** / con ơi /
Phải **yêu** đồng chí, / **yêu** người anh em. //
- Một ngôi sao / **chẳng sáng** đêm /
Một thân lúa chín, / **chẳng nên** mùa vàng /
Một người, / **đâu phải** nhân gian? //
- Sống chẳng**, / một đám lửa tàn mà thôi! //

II. Hướng dẫn trả lời câu hỏi

1. Con ong, con cá, con chim yêu những gì? Vì sao?

- Con ong yêu hoa vì có mật ngọt giúp cho ong làm mật.
- Con cá yêu nước vì có nước cá mới bơi lội, mới sống được.
- Con chim yêu trời vì bầu trời cao rộng, chim có thể tung bay khắp nơi.

2. Hãy nêu cách hiểu của em về mỗi câu thơ trong khổ thơ 2.

- *Một ngôi sao chẳng sáng đêm*
Một ngôi sao thì không thể làm nên đêm sao sáng.
Nhiều ngôi sao mới làm nên đêm sao sáng.
- *Một thân lúa chín, chẳng nên mùa vàng*
Một thân lúa thì không làm nên mùa lúa chín.
Nhiều thân lúa chín mới làm nên mùa lúa chín.
- *Một người - đâu phải nhân gian*
Sống chẳng, một đốm lửa tàn mà thôi!

Một người không phải cả loài người. Sống một mình giống như một đốm lửa đang tàn lụi.

Nhiều người mới làm nên nhân loại. Sống cô đơn một mình sẽ buồn tủi và giống như một đốm lửa nhỏ không tỏa sáng được.

3. Vì sao núi không nên chê đất thấp, biển không nên chê sông nhỏ?

- Núi không nên chê đất thấp bởi núi là phần nhô lên khỏi mặt đất, nhờ có đất bồi mà núi mỗi ngày một cao hơn.
- Biển không nên chê sông nhỏ bởi biển là vùng nước rộng lớn nhờ có nước của các con sông nhỏ chảy vào.

4. Câu thơ lục bát nào trong khổ thơ 1 nói lên ý chính của bài thơ.

Câu thơ lục bát trong khổ thơ 1 nói lên ý chính của bài thơ:

Con người muốn sống con ơi
Phải yêu đồng chí, yêu người anh em.

Bài thơ khuyên con người phải biết yêu thương nhau như anh em, đồng chí.

5. Học thuộc lòng bài thơ (Học sinh tự học).

Luyện từ và câu Mở rộng vốn từ: *Cộng đồng*

Ôn tập câu: *Ai làm gì?*

A. 1. Học thuộc lòng bài học

- Mở rộng vốn từ về *Cộng đồng*.
- Ôn tập kiểu câu: *Ai làm gì?*

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

1. Dưới đây là một số từ có tiếng **cộng** hoặc tiếng **đồng** và nghĩa của chúng. Em có thể xếp những từ nào vào mỗi ô trong bảng phân loại sau?

Những người trong cộng đồng	Thái độ, hoạt động trong cộng đồng
<i>cộng đồng, đồng bào, đồng đội, đồng hương</i>	<i>cộng tác, đồng tâm</i>

2. Mỗi thành ngữ, tục ngữ dưới đây nói về một thái độ ứng xử trong cộng đồng. Em tán thành thái độ nào và không tán thành thái độ nào?

- a) Chung lưng đấu cật. – ý nói về đoàn kết góp sức nhau cùng làm một việc.
- b) Cháy nhà hàng xóm bình chân như vại. – ý nói về con người sống ích kỉ, chỉ nghĩ đến mình không quan tâm đến người khác.
- c) Ăn ở như bát nước đầy. – ý nói về con người sống có trước có sau, thủy chung, sẵn sàng giúp đỡ mọi người.

Như vậy trong 3 câu tục ngữ trên cần tán thành câu (a) và (c), phê phán câu (b).

3. Tìm các bộ phận của câu:

- Trả lời câu hỏi “*Ai (cái gì, con gì)?*”.
- Trả lời câu hỏi “*Làm gì?*”.

a) Đàn sếu đang rải cánh trên cao.

- Câu hỏi:
- *Con gì đang rải cánh trên cao? (Đàn sếu)*
 - *Đàn sếu đang làm gì? (sải cánh trên cao)*

b) Sau một cuộc dạo chơi đám trẻ ra về.

- Câu hỏi:
- *Sau một cuộc dạo chơi ai ra về? (đám trẻ)*
 - *Sau một cuộc dạo chơi đám trẻ làm gì? (ra về)*

c) Các em tới chỗ ông cụ, lễ phép hỏi.

- Câu hỏi:
- *Ai tới chỗ ông cụ, lễ phép hỏi? (các em)*
 - *Các em tới chỗ ông cụ làm gì? (lễ phép hỏi)*

4. Đặt câu hỏi cho các bộ phận câu được in đậm

a) **Mấy bạn học trò** bỗng đứng nép bên người thân.

Đặt câu hỏi: – *Ai bỗng đứng nép bên người thân?*

b) Ông ngoại **dẫn tôi đi mua vở, chọn bút.**

Đặt câu hỏi: – *Ông ngoại làm gì?*

c) Mẹ tôi **âu yếm nắm tay tôi dẫn đi trên con đường làng.**

Đặt câu hỏi: – *Mẹ bạn làm gì?*

Tập viết

Ôn chữ hoa: *G*

A. Mục tiêu bài học

- Củng cố cách viết chữ hoa *G*. Viết tên riêng: *Gò Công* bằng chữ cỡ nhỏ.
- Viết câu ứng dụng bằng chữ cỡ nhỏ.

B. Hướng dẫn cách viết

1. Luyện viết chữ hoa: Các chữ hoa có trong bài: *G, C, K*.

- Chữ *G*: Cấu tạo gồm 3 nét, 2 nét cong trái nối liền nhau giống chữ *C* (viết liền một nét là sự kết hợp của hai nét cơ bản: cong dưới và cong trái nối liền nhau tạo vòng to ở đầu chữ) và một nét khuyết ngược (gần giống chữ *U*).

- Chữ *C*: (đã nói ở phần chữ *C*).

- Chữ *K*: Được viết bởi 3 nét, 2 nét đầu (1, 2) viết như chữ *I* (gồm 2 nét: nét 1 là kết hợp của hai nét cơ bản cong trái và lượn ngang, nét 2 là nét móc ngược trái phần cuối lượn vào trong, nét 3 được kết hợp của hai nét cơ bản: móc cuối trái và móc ngược phải nối liền nhau tạo vòng xoắn nhỏ (nét thắt) ở giữa thân chữ).

- Viết vào vở chữ *G* 1 dòng; chữ *C*, chữ *K* 1 dòng.

2. Luyện viết từ ứng dụng:

- *Gò Công* là tên một thị xã thuộc tỉnh Tiền Giang, trước đây là nơi đóng quân của ông Trương Định - một lãnh tụ của nghĩa quân chống Pháp.

- Chú ý khi viết: Nét cuối của chữ *G* chạm với nét cong trái của chữ *o* trong chữ (*Gò*). Chữ *C* và chữ *ô* không có sự nối liền nét trong chữ (*Công*).

- Viết vào vở 2 dòng từ ứng dụng: *Gò Công*.

3. Luyện viết câu ứng dụng:

Khôn ngoan đối đáp người ngoài

Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau.

- Hiểu câu tục ngữ: *Anh em trong nhà phải biết thương yêu, đoàn kết giúp đỡ nhau.*

- Biết trình bày đúng một câu thơ lục bát.

- Viết vào vở câu tục ngữ 2 lần.

Tập đọc

Những chiếc chuông reo

A. Mục tiêu bài học

– Rèn kĩ năng đọc thành tiếng: Đọc trôi chảy toàn bài, phát âm rõ các từ: *túp lều, vào lò, giữa, vàng xỉn, nặn, cái núm*,... Biết nghỉ hơi sau dấu chấm, dấu phẩy và giữa cụm từ.

– Rèn kĩ năng đọc - hiểu: Hiểu nghĩa các từ: *trò chơi ú tim, cây nêu*. Hiểu nội dung bài: *Tình cảm thân thiết giữa bạn nhỏ và gia đình bác thợ gạch*.

B. Tìm hiểu nội dung

Bài văn *Những chiếc chuông reo* chia làm ba đoạn:

– Đoạn 1 (Từ đầu đến “*đóng gạch*”): Giới thiệu gia đình bác thợ đóng gạch.

– Đoạn 2 (Từ “*Tôi rất thích ra lò gạch*” đến “*cây nêu trước sân*”): Tình cảm thân thương giữa gia đình bác thợ gạch và cậu bé.

– Đoạn 3 (Đoạn còn lại): Tiếng chuông đất đem lại niềm vui cho gia đình cậu bé.

I. Hướng dẫn luyện đọc

Đọc toàn bài với giọng kể vui, nhẹ nhàng. Chú ý nghỉ hơi sau dấu câu và nhấn giọng hợp lí ở các từ. Ví dụ:

*Tôi rất thích ra lò gạch chơi trò **ú tim** với thằng Cu và cái Cún, / con bác. // Một chiều giáp tết, / gạch vào lò, / sắp **nhóm lửa**, / thằng Cu rủ tôi **nặn** những chiếc chuông to hơn quả táo, / có **cái núm** để khâu dây, / lại thêm cả **một viên bi nhỏ** ở trong để tạo ra tiếng kêu. //*

II. Hướng dẫn trả lời câu hỏi

1. Nơi ở của gia đình bác thợ gạch có gì đặc biệt?

Nơi ở của gia đình bác thợ gạch có điều đặc biệt là ở giữa cánh đồng làm bằng phen rạ, xung quanh xếp đầy hàng gạch mới đóng.

2. Tìm những chi tiết nói lên tình thân giữa gia đình bác thợ gạch với cậu bé.

Những chi tiết nói lên tình thân giữa gia đình bác thợ gạch với cậu bé:

- Cậu bé thường ra lò gạch chơi trò chơi ú tim với các con bác thợ gạch.
- Con trai bác rủ cậu làm chuông đất.
- Bác giúp bọn trẻ nung chuông đất.
- Bác dùng dây thép khâu những chiếc chuông thành hai cái vòng: một treo trước cửa nhà bác và vòng kia tặng cậu bé.

3. Những chiếc chuông đất nung đã đem lại niềm vui như thế nào cho gia đình cậu bé?

Những chiếc chuông đất nung đã đem lại niềm vui cho gia đình cậu bé: Tiếng chuông kêu lanh canh trên cây nêu làm cho sân nhà cậu bé ấm áp và náo nức hẳn lên.

Chính tả (Nhớ - viết) Tiếng ru

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng viết chính tả: Nhớ và viết lại chính xác khổ thơ 1 và 2 của bài *Tiếng ru*, trình bày đúng bài thơ lục bát.
- Làm đúng các bài tập tìm từ chứa tiếng bắt đầu bằng *r/gi/d* và vần *uôn, ương* theo nghĩa đã cho.

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn nhớ - viết

- Nhớ lại hai khổ thơ 1, 2 của bài *Tiếng ru* để viết bài.
- Hai khổ thơ gồm 8 dòng thơ, chú ý dòng thứ 2 có dấu chấm phẩy, dòng 8 kết thúc bằng dấu chấm phẩy, dòng 7 có dấu hỏi chấm. Các chữ đầu dòng viết hoa.
- Chú ý viết các từ khó: *làm mật, mùa vàng, nhân gian*.

II. Hướng dẫn làm bài tập

1. Nhớ - viết: *Tiếng ru* (Khổ thơ 1 và 2).

Trong bài chính tả có những dấu câu sau: *dấu phẩy, dấu chấm hỏi, dấu chấm phẩy, dấu chấm, dấu chấm than, dấu gạch nối*.

2. Tìm các từ:

a) Chứa tiếng bắt đầu bằng *d, gi* hoặc *r* có nghĩa như sau:

- Làm chín vàng thức ăn trong dầu, mỡ sôi: **rán**.
- Trái nghĩa với *khó*: **đễ**.
- Thời điểm chuyển từ năm cũ sang năm mới: **giao thừa**.

b) Chứa tiếng có vần *uôn* hoặc *ương* có nghĩa như sau:

- (Sóng nước) nổi lên rất mạnh, từng lớp nổi tiếp nhau: **cuồn cuộn**.
- Nơi nuôi, nhốt các con vật: **chuồng**.
- Khoảng đất dài được vun cao lên để trồng trọt: **luống**.

Tập làm văn Kể về người hàng xóm

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng nói: Kể một cách tự nhiên, chân thật về người

hàng xóm của em.

– Rèn kĩ năng viết: Viết lại những điều vừa kể thành một đoạn văn (từ 5 đến 7 câu).

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

1. Kể về một người hàng xóm mà em quý mến.

Gợi ý:

a) Người đó tên là gì? Bao nhiêu tuổi?

b) Người đó làm nghề gì? (*bác sĩ, thầy giáo, bộ đội, công nhân,...*).

c) Tình cảm của gia đình em đối với người hàng xóm như thế nào? (*yêu mến, tôn trọng...*).

d) Tình cảm của người hàng xóm đối với gia đình em như thế nào? (*quý mến, thương yêu*).

Dựa vào những gợi ý đó các em có thể kể về một người hàng xóm mà các em yêu quý.

2. Viết những điều em vừa kể thành một đoạn văn (từ 5 đến 7 câu).

Bài tham khảo :

Em rất quý ông Tám, người hàng xóm mà em tôn trọng nhất. Ông Tám đã già rồi nhưng da dẻ vẫn đỏ hồng hào. Mỗi buổi sáng ông thường tập thể dục trước cửa nhà, sau đó ông dùng cái kéo nhỏ đi tỉa lá, cắt cành cho mấy cây bon sai của ông. Cây cảnh ông trồng trông rất đẹp, có dáng cong cong hình con hạc, có dáng lại uốn lượn ngoằn ngoèo. Tối đến em thường sang nhà ông Tám chơi, ông hay kể chuyện cổ tích cho em nghe, nhờ vậy mà vốn liếng về văn học của em dồi dào hẳn lên. Ông còn dạy em những điều tốt, điều hay. Em rất yêu mến ông, lúc nào em cũng mong ông được khỏe mạnh và sống lâu trăm tuổi.

Bài tham khảo 2

Cạnh nhà em có chú Hải, bộ đội phục viên mới về. Chú Hải năm nay chỉ độ 32 tuổi, dáng người cao lớn, ngực nở nang. Chú rất vui tính và đàn rất hay. Những buổi chiều gió mát em thường theo chú lên đồi thả diều. Chú dạy em cách làm diều, cách thả diều. Tiếng sáo từ con diều của chú phát ra tạo một âm thanh êm ả cho hàng xóm. Em rất thích chú bởi vì chú thường quan tâm đến em. Chú hay hỏi về bài vở của em, chú giúp em giải đáp những thắc mắc, những bài toán khó, những từ ngữ tiếng Việt trừu tượng, chính vì vậy mà sức học của em khá lên một cách rõ rệt. Chú là người em kính trọng và yêu quý nhất.

TUẦN 9

ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

Tiết 1

1. Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng.

Các em xem lại các bài tập đọc và học thuộc lòng đã học.

– Các bài tập đọc:

- *Cậu bé thông minh*
- *Ai có lỗi?*
- *Cô giáo tí hon*
- *Chiếc áo len*
- *Chú sẻ và hoa bằng lăng*
- *Người mẹ*
- *Ông ngoại*
- *Người lính dũng cảm*
- *Cuộc họp của chữ viết*
- *Bài tập làm văn*
- *Nhớ lại buổi đầu đi học*
- *Trận bóng dưới lòng đường*
- *Lừa và ngựa*
- *Các em nhỏ và cụ già*
- *Những chiếc chuông reo*

– Các bài học thuộc lòng:

- *Hai bàn tay em*
- *Khi mẹ vắng nhà*
- *Quạt cho bà ngủ*
- *Mẹ vắng nhà ngày bão*
- *Mùa thu của em*
- *Ngày khai trường*
- *Bận*
- *Tiếng ru*

2. Ghi lại tên các sự vật được so sánh với nhau trong những câu sau:

a) Từ trên gác cao nhìn xuống, hồ như một chiếc gương bầu dục khổng lồ, sáng long lanh.

Sự vật được so sánh: **hồ - chiếc gương bầu dục khổng lồ.**

b) Cầu Thê Húc màu son, cong cong như con tôm, dẫn vào đền Ngọc Sơn.

Sự vật được so sánh: **Cầu Thê Húc - con tôm.**

c) Người ta thấy có con rùa lớn, đầu to như trái bưởi nhô lên khỏi mặt nước.

Sự vật được so sánh: **đầu con rùa - trái bưởi.**

3. Chọn các từ ngữ trong ngoặc đơn thích hợp với mỗi chỗ trống để tạo thành hình ảnh so sánh:

a) Mảnh trăng non đầu tháng lơ lửng giữa trời như **một cánh diều.**

b) Tiếng gió rừng vi vu như **tiếng sáo.**

c) Sương sớm long lanh tựa **những hạt ngọc.**

Tiết 2

1. Ôn luyện các bài tập đọc và học thuộc lòng (đã nêu ở tiết 1).
2. Em đặt câu hỏi cho các bộ phận câu được in đậm dưới đây?

a) **Em** là hội viên của câu lạc bộ thiếu nhi phường.

Đặt câu hỏi: Ai là hội viên của câu lạc bộ thiếu nhi phường?

b) Câu lạc bộ thiếu nhi **là nơi chúng em vui chơi, rèn luyện và học tập.**

Đặt câu hỏi: Câu lạc bộ thiếu nhi là gì?

3. Kể lại một câu chuyện đã học trong 8 tuần đầu.

Các câu chuyện đã học trong 8 tuần đầu:

- Cậu bé thông minh.
- Người lính dũng cảm.
- Ai có lỗi?
- Bài tập làm văn.
- Chiếc áo len.
- Trận bóng dưới lòng đường.
- Người mẹ.
- Các em nhỏ và cụ già.

Các em hãy chọn lấy một câu chuyện và kể lại (xem lại phần hướng dẫn kể chuyện ở các tiết đã học).

Tiết 3

1. Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng (đã nêu ở tiết 1).

2. Đặt 3 câu theo mẫu Ai là gì?

- Mẹ em là cô nuôi dạy trẻ.
- Bố em là chiến sĩ trong quân đội nhân dân Việt Nam.
- Chúng em là những học sinh chăm ngoan.
- Chúng em là đội viên Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.
- Bà em là người mẹ Việt Nam anh hùng.
- Ông em là người công nhân nhà máy nước.

3. Em hãy hoàn thành đơn xin tham gia sinh hoạt câu lạc bộ thiếu nhi phường (xã, quận, huyện) theo mẫu sau:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2014

ĐƠN XIN THAM GIA SINH HOẠT CÂU LẠC BỘ

Kính gửi: Ban chủ nhiệm Câu lạc bộ Thiếu nhi.

Phường Bến Nghé – Quận 1 – TP. Hồ Chí Minh.

Em tên là: Nguyễn Quốc Tuấn.

Ngày sinh: 19 tháng 6 năm 2007 Nam (nữ): Nam

Địa chỉ: 90A Nguyễn Công Trứ – Quận I – TP. Hồ Chí Minh.

Học sinh: Lớp 3B Trường Kết Đoàn.

Em làm đơn này xin đề nghị Ban Chủ nhiệm cho em được tham gia sinh hoạt Câu lạc bộ Thiếu nhi phường Bến Nghé quận I.

Em xin hứa thực hiện đúng nội quy của Câu lạc bộ.

Em xin trân trọng cảm ơn.

Người làm đơn

Nguyễn Quốc Tuấn

Tiết 4

1. Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng (đã nêu ở tiết 1).

2. Đặt câu hỏi cho các bộ phận câu được in đậm dưới đây:

a) Ở câu lạc bộ, chúng em **chơi cầu lông, đánh cờ, học hát và múa**.

Đặt câu hỏi: Ở câu lạc bộ các em *làm gì*?

b) **Em** thường đến câu lạc bộ vào các ngày nghỉ.

Đặt câu hỏi: *Ai* thường đến câu lạc bộ vào các ngày nghỉ?

3. Nghe - viết: **Gió heo may**

– Các em đọc lại đoạn viết bài *Gió heo may* trong sách giáo khoa trang 70 hiểu nội dung đoạn viết: Có gió heo may về là mùa thu đến, gió heo may làm cho con người dễ chịu.

– Chú ý các tiếng khó viết: *heo may, nắng, thóc vàng dàu dậu...*

– Nghe đúng để viết đúng bài chính tả.

Tiết 5

1. Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng (đã nêu ở tiết 1).

2. Chọn từ ngữ thích hợp trong ngoặc đơn để bổ sung ý nghĩa cho các từ in đậm.

Mỗi bông hoa cỏ may như một cái **tháp** (*xinh xắn*) nhiều tầng. Trên đầu mỗi bông hoa lại dính một hạt sương. Khó có thể tưởng tượng **bàn tay** (*trình xảo*) nào có thể hoàn thành hàng loạt **công trình** đẹp đẽ (*trình tế*) đến vậy.

3. Đặt 3 câu theo mẫu Ai làm gì?

- Tôi làm bài.
- Trên trời, đàn cò trắng đang bay.
- Cô giáo đang giảng bài trên lớp.
- Bố tôi đang chữa xe máy.
- Mẹ tôi nấu cơm.

Tiết 6

1. Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng (đã nêu ở tiết 1).
2. Chọn từ ngữ thích hợp trong ngoặc đơn để bổ sung ý nghĩa cho các từ ngữ in đậm:

Xuân về, cây cỏ trải một **màu xanh non**. Trăm hoa đua nhau khoe sắc. Nào **chị hoa huệ trắng tinh**, **chị hoa cúc vàng tươi**, **chị hoa hồng đỏ thắm**, bên cạnh cô em vi-ô-let tím nhạt mảnh mai.

Tất cả đã tạo nên một **vườn xuân** rực rỡ.

3. Em có thể đặt dấu phẩy vào chỗ nào trong những câu sau:

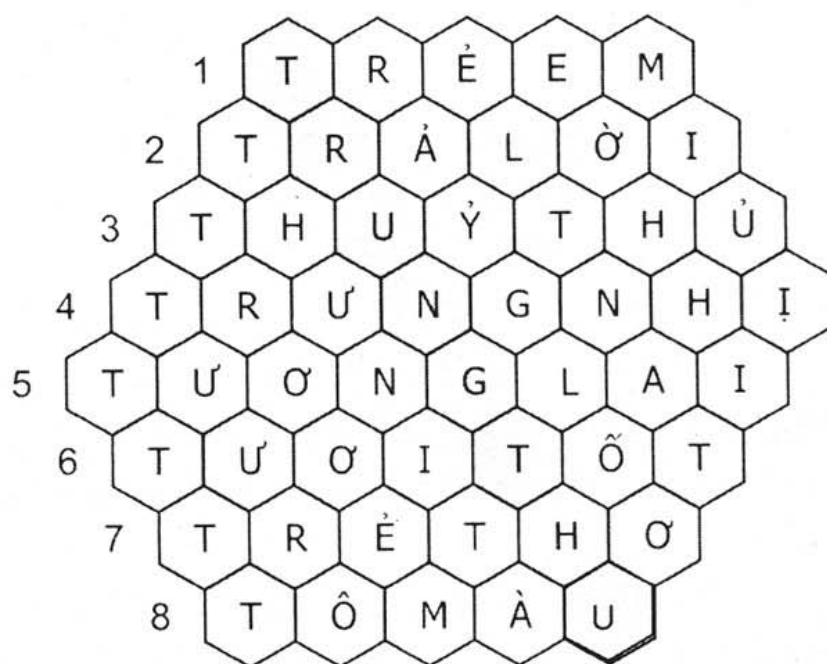
- a) Hàng năm, cứ vào đầu tháng 9, các trường lại khai giảng năm học mới.
- b) Sau ba tháng hè tạm xa trường, chúng em lại náo nức tới trường gặp thầy, gặp bạn.
- c) Đúng 8 giờ, trong tiếng Quốc ca hùng tráng, lá cờ đỏ sao vàng được kéo lên ngọn cột cờ.

Tiết 7

1. Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng (đã nêu ở tiết 1).
 2. Giải ô chữ:
- a) Có thể điền những từ ngữ nào vào các ô trống ở từng dòng dưới đây?

Gợi ý: Tất cả các từ ngữ đều bắt đầu bằng chữ T

- Dòng 1: Cùng nghĩa với *thiếu nhi* - **TRẺ EM**
- Dòng 2: Đáp lại câu hỏi của người khác - **TRẢ LỜI**
- Dòng 3: Người làm việc trên tàu thủy - **THỦY THỦ**
- Dòng 4: Tên của một trong Hai Bà Trưng - **TRÚNG NHỊ**
- Dòng 5: Thời gian sắp tới (trái nghĩa với *quá khứ*) - **TƯƠNG LAI**
- Dòng 6: Trái nghĩa với khô héo (nói về cây cối) - **TƯƠI TỐT**
- Dòng 7: Cùng nghĩa với cộng đồng (*tập ...*) - **TẬP THỂ**
- Dòng 8: Dùng màu làm cho tranh thêm đẹp - **TÔ MÀU**



b) Từ mới xuất hiện ở đây ô chữ in màu: **TRUNG THU**

Tiết 8

BÀI LUYỆN TẬP

A. Đọc thầm: *Mùa hoa sấu* (học sinh đọc SGK trang 73)

B. Dựa theo nội dung bài đọc, chọn câu trả lời đúng:

1. Cuối xuân, đầu hạ, cây sấu như thế nào?

- a) Cây sấu ra hoa.
- b) Cây sấu thay lá.
- c) Cây sấu thay lá và ra hoa (ý đúng).

2. Hình dạng hoa sấu như thế nào?

- a) Hoa sấu nhỏ li ti.
- b) Hoa sấu trông như những chiếc chuông nhỏ xíu (ý đúng).
- c) Hoa sấu thơm nhẹ.

3. Mùi vị hoa sấu như thế nào?

- a) Hoa sấu thơm nhẹ, có vị chua (ý đúng).
- b) Hoa sấu hăng hắc.
- c) Hoa sấu nở từng chùm trắng muốt.

4. Bài tập đọc trên (*Mùa hoa sấu*) có mấy hình ảnh so sánh?

- a) 1 hình ảnh
- b) 2 hình ảnh (ý đúng).
- c) 3 hình ảnh.

Bài *Mùa hoa sấu* có hai hình ảnh so sánh. Đó là các hình ảnh:

- Những chùm hoa nhỏ như những chiếc chuông tí hon.
- Vị hoa chua chua như vị nắng non.

5. Trong câu *Đi dưới rặng sấu, ta sẽ gặp những chiếc lá nghịch ngợm*, em có thể thay từ *nghịch ngợm* bằng từ nào?

- a) Tinh nghịch (ý đúng).
- b) Bướng bỉnh.
- c) Dại dột.

Em thay từ ***nghịch ngợm*** bằng từ ***tinh nghịch***

Tiết 9

BÀI LUYỆN TẬP

A. Nghe - viết: *Nhớ bé ngoan*.

- Đọc bài thơ *Nhớ bé ngoan* hiểu nội dung bài viết: *Tình cảm nhớ con của bố trong những ngày đi xa.*
- Chú ý viết đúng các tiếng khó: *tay xinh, bặm môi, miệt mài, tập vẽ, ngủ,...* Viết hoa các chữ đầu dòng thơ.
- Biết trình bày đúng, sạch, đẹp một bài thơ lục bát.

B. Tập làm văn

Hãy viết một đoạn văn ngắn (từ 5 đến 7 câu) kể về tình cảm của bố mẹ hoặc người thân của em đối với em.

Bài tham khảo

Bà ngoại là người rất yêu em. Hàng năm, em thường về Vĩnh Long thăm ngoại. Mỗi khi em về, ngoại mừng lắm, ngoại thường xoa đầu và khen em chóng lớn. Ngoại thường để dành cho em những củ ngon vật lạ, đặc biệt em rất thích ăn bưởi. Mặc dù mùa bưởi đã qua, nhưng bao giờ ngoại cũng để lại những quả to và nặng cho em. Ngoại lấy vôi bôi vào đầu nùm bưởi và để dưới gầm chạn. Ngoại nói làm như vậy mới để được lâu.

Những ngày ở với ngoại, ngoại thường kể chuyện và đọc thơ cho em nghe. Lời nói ấm áp của ngoại như đưa em trở lại thế giới xa xưa của các câu chuyện cổ tích. Em rất yêu ngoại, em mong sao ngoại mạnh khỏe sống lâu trăm tuổi với con cháu.

Tập đọc

Giọng quê hương

A. Mục tiêu bài học

– Rèn kĩ năng đọc thành tiếng: Đọc trôi chảy toàn bài, phát âm đúng các từ khó: *luôn miệng, dứt lời, nén nỗi xúc động, vui vẻ, xin lỗi, nghẹn ngào,...* Biết thay đổi giọng đọc qua lời đối thoại.

– Rèn kĩ năng đọc - hiểu: Hiểu nghĩa các từ: *đôn hậu, thành thực, Trung kì, bùi ngùi*. Hiểu nội dung truyện: *Tình cảm gắn bó thiết tha giữa những người có cùng một giọng nói quê hương.*

B. Tìm hiểu nội dung

Câu chuyện *Giọng quê hương* được chia thành ba đoạn:

- Đoạn 1: Giới thiệu mọi người cùng vào ăn ở một quán ở bên đường.
- Đoạn 2: Thuyên quên mang ví, sự xuất hiện của anh thanh niên khiến cho Đồng và Thuyên ngạc nhiên.
- Đoạn 3: Tình cảm thiết tha của các nhân vật đối với quê hương.

I. Hướng dẫn luyện đọc

Đọc toàn bài với giọng kể chậm rãi, chú ý phân biệt lời dẫn chuyện với lời nhân vật (anh thanh niên, Thuyên, Đồng). Ví dụ:

- *Xin lỗi.// Tôi quả thật chưa nhớ ra anh là...//* (giọng ngập ngừng kéo dài ở từ là).
- *Mẹ tôi là người miền Trung...// Bà qua đời đã hơn 8 năm rồi.//* (giọng đọc xúc động).

II. Hướng dẫn trả lời câu hỏi

1. Thuyên và Đồng cùng ăn trong quán với những ai?

Thuyên và Đồng cùng ăn trong quán với ba người thanh niên.

2. Chuyện gì xảy ra làm Thuyên và Đồng ngạc nhiên?

Thuyên và Đồng ngạc nhiên vì hai anh đang lung túng khi quên mang theo ví tiền thì một trong ba anh thanh niên xin được trả giúp tiền ăn.

3. Vì sao anh thanh niên cảm ơn Thuyên và Đồng?

Anh thanh niên cảm ơn Thuyên và Đồng vì hai bạn có giọng nói gợi cho anh nhớ đến người mẹ quá cố của mình trước đây ở miền Trung.

4. Những chi tiết nào nói lên tình cảm tha thiết của các nhân vật đối với quê hương?

Những chi tiết nói lên tình cảm tha thiết của các nhân vật đối với quê hương:

- Người trẻ tuổi: *lặng lặng cúi đầu, đôi môi mím chặt lộ vẻ đau thương.*
- Thuyên, Đồng: *bùi ngùi nhớ đến quê hương, yên lặng nhìn nhau, mắt rướm lệ.*

5. Qua câu chuyện, em nghĩ gì về giọng quê hương

Qua câu chuyện, em nghĩ về giọng quê hương như sau:

- Giọng quê hương khiến người ta nhớ đến nơi mình đã sinh ra và lớn lên.
- Giọng quê hương khiến người ta nhớ về những người thân của mình.
- Giọng quê hương nhớ đến những kỉ niệm với quê hương.
- Giọng quê hương làm gắn bó những người cùng quê hương.

Kể chuyện Giọng quê hương

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng nói: Dựa vào trí nhớ và tranh kể lại được từng đoạn của câu chuyện.
- Rèn kĩ năng nghe: Nghe bạn kể biết nhận xét đánh giá và kể tiếp được lời kể của bạn.

B. Tìm hiểu nội dung (*Hướng dẫn kể chuyện*)

Dựa vào tranh minh họa (SGK trang 78), hãy kể lại câu chuyện *Giọng quê hương*.

www.sachgiai.com
Bài tham khảo

* Tranh 1.

Thuyên và Đồng rời quê đi làm đã mấy năm nay. Một hôm hai người rủ nhau đi chơi xa nhưng đến giữa trưa thì lạc mất đường về. Hai người vào một cái quán bên đường để hỏi thăm đường tiện thể ăn luôn cho đỡ đói. Khi vào, họ đã thấy có ba thanh niên đang ăn uống trò chuyện rất vui vẻ.

* Tranh 2.

Ăn xong, lúc đứng lên trả tiền Thuyên mới biết là mình quên mang ví, anh quay sang hỏi Đồng, Đồng cũng quên mang theo. Trong lúc hai người đang lúng túng, thì một trong ba anh thanh niên bước lại gần và nói:

- Xin hai anh vui lòng cho tôi được trả tiền.

Thuyên ngạc nhiên nhìn anh thanh niên rồi bối rối nói:

- Xin lỗi. Tôi quả thật chưa nhớ ra anh.

Người thanh niên vội nói:

- Dạ, không! Bây giờ tôi mới được biết hai anh. Tôi muốn làm quen.

*** Tranh 3.**

Ngừng một lát, anh thanh niên nói tiếp:

– Hai anh đã cho tôi nghe lại giọng nói của mẹ tôi...

Bất ngờ trước tình cảm của người bạn mới, Thuyên chỉ biết nói:

– Xin cảm ơn anh.

Anh thanh niên xua tay:

– Tôi phải cảm ơn hai anh mới phải.

Rồi anh nghẹn ngào kể:

– Mẹ tôi là người miền Trung... Bà qua đời đã hơn tám năm rồi...

Nói đến đây, người trẻ tuổi lặng đi, đôi môi mím chặt lộ vẻ đau thương. Còn Thuyên và Đồng thì bùi ngùi nhớ đến quê hương, mắt rướm lệ.

Chính tả (Nghe - viết) Quê hương ruột thịt

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng chính tả: Nghe - viết đúng bài *Quê hương ruột thịt*.
- Luyện tiếng có vần khó *oai/oay*, tiếng có âm đầu hoặc thanh dễ lẫn *l/n; thanh hỏi/thanh ngã/thanh nặng*.

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn nghe - viết

- Đọc lại bài văn *Quê hương ruột thịt*, hiểu nội dung bài: *Tình cảm yêu quê hương của chị Sứ*.
- Bài văn có 3 câu. Chú ý viết các từ khó: *da dẻ, ruột thịt, biết bao, quả ngọt...*

II. Hướng dẫn làm bài tập

1. Nghe - viết: Quê hương ruột thịt.

- Các chữ trong bài phải viết hoa: *Quê, Chị Sứ, Chính, Và*.
- Các chữ trên phải viết hoa vì đó là các chữ đầu tên bài, đầu câu, tên riêng.

2. Tìm 3 từ chứa tiếng có vần *oai*, 3 từ chứa tiếng có vần *oay*.

- Tiếng chứa vần ***oai***: *khoai lang, oai vệ, khoan khoái, bà ngoại, ngoái đầu, quả xoài, thoải mái,...*
- Tiếng chứa vần ***oay***: *loay hoay, xoay người, ngoáy tai, ngo ngoáy,...*

3. Thi đọc, viết đúng và nhanh:

a) Lúc Thuyên đứng lên, chợt có một thanh niên bước lại gần anh.

b) Người trẻ tuổi lặng lẽ cúi đầu, vẻ mặt buồn bã xót thương.

Các em vừa đọc vừa viết cho nhanh; chú ý dấu hỏi, dấu ngã, dấu nặng.

Tập đọc

Quê hương

A. Mục tiêu bài học

– Rèn kĩ năng đọc thành tiếng: Đọc diễn cảm bài thơ, phát âm đúng các từ: *trèo hái, rợp bướm, con về, điều biếc, mỗi người, lớn nổi,...* Ngắt đúng nhịp, nghỉ hơi sau mỗi dòng thơ, khổ thơ.

– Rèn kĩ năng đọc - hiểu: Hiểu nghĩa của các từ: *quê hương, nón lá* (loại nón hình chóp, vành rộng). Hiểu nội dung bài: *Cảm nhận được vẻ đẹp giản dị, thân thuộc của cảnh vật quê hương.*

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn luyện đọc

Đọc diễn cảm toàn bài với giọng thông thả, nhẹ nhàng và tình cảm. Chú ý cách ngắt nhịp và nhấn giọng. Ví dụ:

*Quê hương/ là **chùm khế ngọt**/*

*Cho con **trèo hái**/ mỗi ngày/*

*Quê hương/ là **đường đi học**/*

*Con **về**/ rợp bướm vàng bay.//*

II. Hướng dẫn trả lời câu hỏi

1. Nêu những hình ảnh gắn liền với quê hương (ba khổ thơ đầu).

- Chùm khế ngọt
- Đường đi học rợp bướm vàng bay
- Con điều biếc thả trên cánh đồng
- Con đò nhỏ khua nước ven sông
- Cầu tre nhỏ
- Nón lá nghiêng che
- Đêm trăng tỏ
- Hoa cau rụng trắng ngoài hè.

2. Vì sao quê hương được so sánh với mẹ (khổ thơ cuối).

Quê hương được so sánh với mẹ vì quê hương là nơi ta được sinh ra và lớn lên cũng giống như mẹ đã sinh ra ta và nuôi dưỡng ta khôn lớn.

3. Em hiểu nghĩa hai dòng cuối bài thơ như thế nào?

Quê hương nếu ai không nhớ

Sẽ không lớn nổi thành người.

Hai dòng cuối bài thơ nhắc nhở chúng ta nếu ai không nhớ quê hương thì không thể trở thành người tốt được. Không nhớ quê hương tức là không nhớ không yêu mẹ, vì thế sẽ không trở thành người tốt được.

4. Học thuộc lòng bài thơ (Học sinh tự học).

Luyện từ và câu

So sánh - Dấu chấm

A. Mục tiêu bài học

- Tiếp tục làm quen với so sánh (so sánh âm thanh với âm thanh).
- Tập dùng dấu chấm để ngắt câu trong một đoạn văn.

B. Tìm hiểu nội dung (*Hướng dẫn làm bài tập*)

1. Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:

Đã có ai lắng nghe
Tiếng mưa trong rừng cọ
Như tiếng thác dội về
Như ào ào trận gió.

a) Tiếng mưa trong rừng cọ được so sánh với âm thanh của *tiếng thác, tiếng gió*.

b) Qua sự so sánh trên, em hình dung tiếng mưa trong rừng cọ rất to, rất mạnh và rất vang động; bởi mưa dội vào lá, các lá cọ lại va chạm vào nhau tạo nên những âm thanh đó.

2. Hãy tìm những âm thanh được so sánh với nhau trong mỗi câu thơ, văn dưới đây:

a) Côn Sơn suối chảy rì rầm
Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai.

Ở đây tác giả so sánh *tiếng suối chảy rì rầm* với *tiếng đàn cầm*.

b) Tiếng suối trong như tiếng hát xa
Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa.

Ở đây tác giả so sánh *tiếng suối trong* với *tiếng hát xa*.

c) Mỗi lúc, tôi càng nghe rõ tiếng chim kêu náo động như tiếng xóc những rổ tiền đồng. Chim đậu chen nhau trắng xóa trên những đầu cây mấm, cây chà là, cây vẹt rụng trụi gần hết lá.

Ở đây tác giả so sánh *tiếng chim kêu náo động* với *tiếng xóc những rổ tiền đồng*.

3. Ngắt đoạn văn dưới đây thành 5 câu và chép lại cho đúng chính tả.

Đoạn văn đã được ngắt thành 5 câu và chép lại đúng chính tả:

Trên nương, mỗi người một việc. Người lớn thì đánh trâu ra cày. Các bà mẹ cúi lom khom tra ngô. Các cụ già nhặt cỏ, đốt lá. Mấy chú bé đi bắc bếp thổi cơm.

Tập viết

Ôn chữ hoa: *G* (tiếp theo)

A. Mục tiêu bài học

- Củng cố cách viết chữ hoa *G*_i. Viết tên riêng: Ông *G*_ióng.
- Viết câu ứng dụng bằng chữ cỡ nhỏ.

B. Hướng dẫn viết

1. Luyện viết chữ hoa: Các chữ hoa có trong bài: *G* (hoặc *G*_i), *Ô*, *T*, *V*, *X*.

– Chữ *G*_i: Gồm 3 nét: 2 nét cong trái nối liền nhau (giống chữ *C*) và một nét khuyết ngược (gần giống chữ *U*) nét cuối của chữ *G* nối liền nét với con chữ *i*.

– Chữ *Ô*: Gồm 2 nét: một nét cong kín tạo nên chữ *o* hoa và dấu phụ (dấu mũ).

– Chữ *T*: Gồm một nét viết liền, là kết hợp của ba nét cơ bản: 2 nét cong trái và một nét lượn ngang.

– Chữ *V*: Gồm 3 nét (nét 1 là kết hợp của nét cong trái và nét lượn ngang, nét hai là nét lượn dọc, nét 3 là nét móc xuôi phải).

– Chữ *X*: Gồm một nét viết liền, là kết hợp của 3 nét cơ bản hai nét móc hai đầu và một nét xiên.

Viết vào vở chữ *G*_i 1 dòng; chữ *Ô*, *T* 1 dòng.

2. Luyện viết từ ứng dụng:

– Ông *G*_ióng còn gọi là Thánh *G*_ióng, quê ở làng *G*_ióng (nay thuộc xã Phù Đồng, ngoại thành Hà Nội) là người sống vào thời vua Hùng, đã có công đánh đuổi giặc Ân.

– Lưu ý cách viết liền mạch ở chữ *G*_ióng.

– Viết vào vở tên riêng Ông *G*_ióng 2 dòng.

3. Luyện viết câu ứng dụng:

*G*_ió đưa cảnh trúc la đà

*T*iếng chuông *T*ấn Vũ, canh gà *T*họ *X*ương.

– Hiểu được câu thơ: *Tả cảnh đẹp của Hồ Tây (Hà Nội)*.

– Các chữ phải viết hoa trong câu ca dao: *G*_ió, *T*iếng (đầu dòng thơ) *T*ấn Vũ, *T*họ *X*ương (tên riêng). Viết vào vở câu ca dao 4 dòng.

Tập đọc

Thư gửi bà

A. Mục tiêu bài học

– Rèn kĩ năng đọc thành tiếng: Đọc trôi chảy bức thư, phát âm đúng các từ: *dạo này, năm nay, ngày nghỉ, vẫn nhớ, kể chuyện cổ tích...*

– Rèn kĩ năng đọc - hiểu: Bước đầu hiểu được cách viết thư. Hiểu được nội dung bức thư: *Thấy được tình cảm yêu mến bà của cháu.*

B. Tìm hiểu nội dung

Khi viết một bức thư cần chú ý những vấn đề:

- Dòng đầu thư: Nơi gửi, ngày ... tháng ... năm ...
- Lời xưng hô với người nhận thư (ông, bà, chú, bác,...).
- Nội dung thư (Lời thăm hỏi, báo tin cho người nhận thư, lời chúc và hứa hẹn).
- Cuối thư: Lời chào, chữ kí và tên.

I. Hướng dẫn luyện đọc

- Đọc toàn bức thư với giọng nhẹ nhàng, tình cảm bộc lộ được tình yêu của người cháu đối với bà.

- Chú ý ngắt nghỉ hợp lí sau dấu câu. Ví dụ:

Hải Phòng, / ngày 6 / tháng 11 / năm 2003 (đọc rõ ràng, rành mạch).

Bà kính yêu! //

Lâu rồi, / cháu chưa được về quê, / cháu nhớ bà lắm. //

Dạo này bà có khỏe không ạ? //

(giọng đọc tình cảm, ân cần).

Cháu hứa với bà / sẽ học thật giỏi, / luôn chăm ngoan để bà vui. //

Cháu kính chúc bà luôn mạnh khỏe, / sống lâu. // Cháu mong chóng đến hè / để được về quê thăm bà. // (đọc rõ, thể hiện sự quyết tâm).

II. Hướng dẫn trả lời câu hỏi

1. Đức viết thư cho ai? Dòng đầu bức thư, bạn ghi thế nào?

- Đức viết thư cho bà ở quê.
- Dòng đầu bức thư Đức ghi nơi viết, ngày, tháng, năm (*Hải Phòng, ngày 6 tháng 11 năm 2003*).

2. Đức hỏi thăm bà điều gì? Đức kể với bà những gì?

- Đức hỏi thăm sức khỏe của bà - *Dạo này bà có khỏe không ạ?*
- Đức kể với bà về tình hình của gia đình, kể về việc học tập của mình và những ngày nghỉ của gia đình (*gia đình cháu vẫn bình thường. Năm nay cháu học lớp 3. Từ đầu năm học đến giờ cháu được 8 điểm 10. Ngày nghỉ, cháu thường được bố mẹ cháu cho đi chơi*).

Đức còn kể cho bà nghe kỉ niệm năm ngoái về quê được thả diều cùng anh Tuấn và đêm đêm ngồi nghe bà kể chuyện cổ tích dưới ánh trăng.

3. Đoạn cuối bức thư cho thấy tình cảm của Đức với bà như thế nào?

Đoạn cuối bức thư cho thấy Đức rất kính trọng và yêu quý bà. Đức hứa với bà sẽ học thật giỏi, luôn chăm ngoan để bà vui và kính chúc bà mạnh khỏe, sống lâu. Đức ước mong mau chóng đến hè để được về quê thăm bà.

Chính tả (Nghe - viết)

Quê hương

A. Mục tiêu bài học

Rèn kĩ năng viết chính tả: Nghe - viết chính xác 3 khổ thơ đầu bài *Quê hương*. Biết cách trình bày bài thơ 6 chữ. Viết đúng các chữ có vần khó: *et/oét*. Tập giải câu đố để xác định cách viết một số chữ có âm thanh dễ lẫn: *nặng - nặng; lá - là; cổ - cồ; co - cò - cỏ*.

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn nghe - viết

Đọc lại 3 khổ thơ đầu của bài thơ *Quê hương*. Hiểu nội dung bài: *Quê hương là những hình ảnh quen thuộc hàng ngày*. Chú ý viết đúng các từ khó: *trèo hái, rợp bướm, mỗi ngày, điều biết, trắng tỏ*.

II. Hướng dẫn làm bài tập

1. Nghe - viết: *Quê hương* (3 khổ thơ đầu).

Những chữ trong bài phải viết hoa là những chữ ở đầu dòng thơ.

2. Điền vào chỗ trống *et* hay *oet* ?

- | | |
|--------------------------------|-------------------|
| - em bé toét miệng cười | - mùi khét |
| - cửa xoèn xoet | - xem xét |

3. Viết lời giải câu đố sau:

- a) - Để nguyên ai cũng **lắc** lè
Bỏ **nặng**, thêm **sắc** - ngày hè chói chang.

Lời giải: Là những chữ *nặng - nặng*.

- Có **sắc** - mọc ở gần xa
Có huyền - vút thẳng áo quần cho em.

Lời giải: Là những chữ *lá - là (quần áo)*.

- b) - Để nguyên - giữa đầu và mình
Đổi sang dấu ngã sẽ thành bữa ngon

Lời giải: Là những chữ *cổ - cồ*.

- Không dấu - trời rét nằm cong
Thêm huyền - bay lả trên đồng quê ta
Có hỏi - xanh tươi mượt mà
Trâu bò vui gặm nhấm nhà từng đàn

Lời giải: Là những chữ *co - cò - cỏ*.

Tập làm văn

Tập viết thư và phong bì thư

A. Mục tiêu bài học

- Biết viết một bức thư ngắn (khoảng 8 - 10 dòng) để thăm hỏi, báo tin cho người thân.

– Diễn đạt rõ ý, biết trình bày đúng hình thức một bức thư và ghi rõ nội dung trên phong bì thư.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

1. Dựa theo mẫu bài tập đọc *Thư gửi bà*, em hãy viết một bức thư ngắn cho người thân.

Các em có thể gửi thư cho ông bà, cô bác, cậu mợ...

Đề bài: *Em hãy viết một bức thư gửi ông ngoại của em*

Bài tham khảo

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm

Ông kính mến!

Đã lâu rồi, cháu chưa được ra Hà Nội thăm ông, cháu nhớ ông vô cùng.

Ông dạo này có được khỏe không ạ? Cái chân của ông có còn sưng lên nữa không? Cháu lo mùa đông này trời lạnh sẽ làm chân ông đau.

Mẹ con cháu ở trong này vẫn bình thường. Năm nay, cháu lên lớp ba rồi đấy. Năm học này cháu học rất giỏi, cháu được rất nhiều điểm 10 ông ạ! Vào những ngày nghỉ, cháu được mẹ chở đi hiệu sách Nguyễn Huệ để xem và mua sách. Cháu thích đọc sách lắm. Cháu nhớ năm ngoái cháu ra thăm ông, ông thường đọc sách cho cháu nghe. Cháu còn nhớ lời ông nói: "Muốn học giỏi, hiểu biết nhiều thì phải đọc sách". Bây giờ cháu đang biến lời nói của ông thành sự thật.

Ông ơi! Cháu sẽ hứa với ông học thật giỏi, chăm ngoan để ông vui. Cháu kính chúc ông luôn mạnh khỏe, sống lâu muôn tuổi. Hè này, cháu nhất định xin phép bố mẹ ra thăm ông

Cháu của ông

Long

Hồ Thành Long

2. Tập ghi trên phong bì thư

Người gửi / From: <i>Hồ Thành Long</i> <i>5/52 Nơ Trang Long - Phường 7</i> <i>Quận Bình Thạnh - TP. Hồ Chí Minh</i>	Tem
Người nhận / To: <i>Nguyễn Văn Chuẩn</i> <i>415 Đường Âu Cơ - Phường Nhật Tân</i> <i>Quận Tây Hồ - TP. Hà Nội</i>	

TUẦN 11

Tập đọc

Đất quý, đất yêu

A. Mục tiêu bài học

– Rèn kĩ năng đọc thành tiếng: Đọc trôi chảy câu chuyện, phát âm đúng các từ: Ê-ti-ô-pi-a, thiêng liêng, lời nói, đất nước, chiêu đãi, sản vật, hạt cát,... Biết phân biệt lời dẫn chuyện với lời nhân vật (hai vị khách, viên quan).

– Rèn kĩ năng đọc - hiểu: Hiểu nghĩa của các từ: Ê-ti-ô-pi-a, cung điện, khâm phục. Hiểu ý nghĩa của câu chuyện: Đất đai của Tổ quốc là thứ thiêng liêng và cao quý nhất.

B. Tìm hiểu nội dung

Câu chuyện *Đất quý, đất yêu* chia làm ba đoạn:

– Đoạn 1: Giới thiệu hai người khách du lịch đến thăm đất nước Ê-ti-ô-pi-a và sự hiếu khách của vua nước Ê-ti-ô-pi-a.

– Đoạn 2: Đất đai là thứ thiêng liêng và cao quý nhất.

– Đoạn 3: Sự khâm phục của hai người khách du lịch đối với người dân Ê-ti-ô-pi-a.

I. Hướng dẫn luyện đọc

Đọc thông thả, rõ ràng với giọng kể cảm xúc, chú ý giọng đọc của các nhân vật.

– Lời người dẫn chuyện: khoan thai, nhẹ nhàng. Ví dụ:

*Ngày xưa/ có hai người khách du lịch đến nước Ê-ti-ô-pi-a.// Họ đi **khắp đất nước** thăm đường xá,/ núi đồi,/ sông ngòi.// Vua nước Ê-ti-ô-pi-a **mời họ** vào cung điện/ **mở tiệc chiêu đãi**/ và **tặng họ** nhiều vật quý.*

– Lời người khách: ngạc nhiên, sửng sốt. Ví dụ:

Tại sao ông lại phải làm như vậy? (cao giọng ở từ dùng để hỏi).

– Lời viên quan: giọng cảm động, tự hào. Ví dụ:

Đất nước Ê-ti-ô-pi-a là cha,/ là mẹ,/ là anh em ruột thịt của chúng tôi.//

Hiểu nghĩa của từ *khách du lịch*: người đi chơi, đi xem phong cảnh ở phương xa. Từ *sản vật*: vật được làm ra hoặc khai thác, thu nhặt từ thiên nhiên.

II. Hướng dẫn trả lời câu hỏi

1. Hai người khách được vua Ê-ti-ô-pi-a đón tiếp như thế nào?

Hai người khách được vua Ê-ti-ô-pi-a đón tiếp rất niềm nở và nồng hậu (vua mời họ vào cung điện, mở tiệc chiêu đãi và tặng họ nhiều vật quý).

2. Khi khách sắp xuống tàu, có điều gì bất ngờ xảy ra?

Khi hai vị khách sắp xuống tàu thì viên quan yêu cầu khách cởi giày ra và sai người cạo sạch đất ở đế giày của khách rồi mới để họ xuống tàu về nước.

3. Vì sao người Ê-ti-ô-pi-a không để khách mang đi, dù chỉ là một hạt cát nhỏ?

Người Ê-ti-ô-pi-a không để khách mang đi, dù chỉ là một hạt cát nhỏ vì họ coi đất đai của quê hương là một thứ thiêng liêng và cao quý nhất (song đất Ê-ti-ô-pi-a đối với chúng tôi là thiêng liêng và cao quý nhất, chúng tôi không thể để các ông mang đi dù chỉ là một hạt cát nhỏ).

4. Theo em, phong tục trên nói lên tình cảm của người Ê-ti-ô-pi-a với quê hương như thế nào?

Theo em, phong tục trên nói lên người Ê-ti-ô-pi-a rất yêu quê hương, tổ quốc. Họ yêu quý, trân trọng mảnh đất của mình và coi đó là tài sản thiêng liêng nhất.

Kể chuyện Đất quý, đất yêu

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng nói: Biết sắp xếp lại các tranh theo thứ tự hợp lí. Dựa vào tranh kể lại được câu chuyện với lời kể trôi chảy, tự nhiên.
- Rèn kĩ năng nghe: Nghe bạn kể, biết nhận xét, đánh giá lời kể của bạn.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn kể chuyện)

1. Sắp xếp lại các tranh dưới đây (SGK trang 86) theo đúng thứ tự trong câu chuyện Đất quý, đất yêu.

Thứ tự đúng của các bức tranh: 3 - 1 - 4 - 2

- * Tranh 1 (là tranh 3 trong SGK).

Giới thiệu hai vị khách đến thăm nước Ê-ti-ô-pi-a.

- * Tranh 2 (là tranh 1 trong SGK).

Vua mời hai vị khách vào cung điện và mở tiệc chiêu đãi, tặng họ nhiều vật quý.

- * Tranh 3 (là tranh 4 trong SGK).

Viên quan sai người cạo đất dưới đế giày của hai vị khách du lịch khiến cho hai vị khách này hết sức ngạc nhiên.

- * Tranh 4 (là tranh 2 trong SGK).

Viên quan giải thích cho hai người khách du lịch về phong tục tập quán của người Ê-ti-ô-pi-a.

2. Dựa vào các tranh trên, kể lại toàn bộ câu chuyện.

Tham khảo cách kể sau:

Đất quý, đất yêu

Ngày xưa, có hai người khách từ phương xa đến thăm đất nước Ê-ti-ô-pi-a. Tới nơi, họ đi thăm đường sá, đồi núi, sông ngòi, họ còn được vua đất nước này mời vào cung điện, vua mở tiệc chiêu đãi và còn cho họ nhiều vật quý.

Sau đó, vua sai một viên quan đưa họ xuống tàu. Khi họ định bước xuống tàu thì viên quan yêu cầu họ dừng lại và cởi giày ra rồi ông sai người cạo sạch đất ở đế giày mới cho họ xuống tàu trở về nước. Hai người khách rất đỗi ngạc nhiên và hỏi:

– Tại sao các ông lại làm như vậy?

Viên quan bình tĩnh trả lời:

– Đây là mảnh đất yêu quý của chúng tôi, chúng tôi sinh ra ở đây và chết cũng ở đây. Trên mảnh đất này, chúng tôi trồng trọt, chăn nuôi. Đất này chính là cha mẹ, anh em ruột thịt của chúng tôi. Chúng tôi đã tiếp các ông rất ân tình và vua nước tôi cũng tặng cho các ông nhiều sản vật quý, nhưng đất của Ê-ti-ô-pi-a đối với chúng tôi là thiêng liêng, cao quý. Chúng tôi không thể để các ông mang đi, dù chỉ là một hạt cát nhỏ.

Nghे những lời nói chân tình như vậy, hai người khách càng thêm khâm phục tấm lòng yêu quê hương của những người dân Ê-ti-ô-pi-a.

Chính tả (Nghe - viết) Tiếng hò trên sông

A. Mục tiêu bài học

– Rèn kĩ năng viết chính tả: Nghe - viết chính xác bài *Tiếng hò trên sông*. Biết viết hoa các chữ đầu câu và tên riêng.

– Phân biệt những tiếng có vần khó: *ong/oong*. Tìm những tiếng có âm, vần dễ lẫn: *s/x; ươn/ương*.

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn nghe - viết

– Đọc lại bài *Tiếng hò trên sông*, hiểu nội dung bài viết: *Điệu hò của chị Gái vang lên trên sông khiến tác giả nghĩ đến quê hương với dòng sông Thu Bồn của mình.*

– Tập viết các từ khó: *gió chiều, lơ lửng, chèo thuyền, thổi, chảy lại,...* Viết hoa các chữ cái đầu câu.

II. Hướng dẫn làm bài tập

1. Nghe - viết: *Tiếng hò trên sông*.

- Bài chính tả có 4 câu.
- Các tên riêng trong bài: *Gái, Thu Bồn*

2. Em chọn chữ nào trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống?

- a) (*cong, coong*): chuông xe đạp kêu kính **coong**, vẽ đường **cong**
b) (*xong, xoong*): làm **xong** việc, cái **xoong**

2. Thi tìm nhanh viết đúng.

- a) - Từ ngữ chỉ sự vật có tiếng bắt đầu bằng **s**: *sông, san hô, sao, sáo, sâu, cây sậy, sếu, sim, cây sồi,...*
- Từ ngữ chỉ hành động, đặc điểm, tính chất có tiếng bắt đầu bằng **x**: *xinh xinh, xinh xắn, xào xạc, xây đắp, xé xạc, xe tơ, xem bói, xẹo xọ, xét đoán, xềnh xoàng, xếp xó, xiên xẹo, xin xỏ, xoèn xoẹt,...*
b) - Từ ngữ có tiếng mang vần **ươn**: *cá ươn, vườn, lươn, vượn, bay lượn, sườn, muồn muột,...*
- Từ ngữ có tiếng mang vần **ương**: *xương sống, vẩn vương, hũ tương, lương, thương yêu, giường, số lượng, trường học, trưởng thành,...*

Tập đọc

Vẽ quê hương

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng đọc thành tiếng: Đọc diễn cảm bài thơ, phát âm đúng các từ: *xanh tươi, làng xóm, lượn quanh, xanh mát, đỏ tươi,...* Biết ngắt nhịp bài thơ.
- Rèn kĩ năng đọc hiểu: Hiểu nghĩa của từ: *sông máng*. Hiểu nội dung bài thơ: *Thể hiện tình yêu quê hương của tác giả qua việc miêu tả cảnh đẹp của quê hương.*

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn luyện đọc

Đọc bài thơ với giọng vui tươi, phấn khởi, hồn nhiên, nhấn mạnh vào các từ ngữ gợi tả màu sắc: *xanh tươi, đỏ thắm, xanh mát, xanh ngắt, đỏ tươi, đỏ thắm, đỏ chót,...* Chú ý cách ngắt nhịp bài thơ:

<i>Em vẽ làng xóm /</i>	<i>A, / nắng lên rồi /</i>
<i>Tre xanh, lúa xanh /</i>	<i>Mặt trời đỏ chót /</i>
<i>Sông máng lượn quanh /</i>	<i>Lá cờ Tổ quốc /</i>
<i>Một dòng xanh mát</i>	<i>Bay giữa trời xanh... //</i>
<i>Trời mây bát ngát /</i>	
<i>Xanh ngắt mùa thu /</i>	
<i>Xanh màu ước mơ... //</i>	

II. Hướng dẫn trả lời câu hỏi

1. Kể tên những cảnh vật được tả trong bài thơ:

Những cảnh vật được tả trong bài thơ: tre, lúa, sông máng, trời mây, nhà ở, ngôi mới, trường học, cây gạo, mặt trời, lá cờ Tổ quốc.

2. Cảnh vật quê hương được tả bằng nhiều màu sắc. Hãy kể tên những màu sắc ấy.

Cảnh vật quê hương được tả bằng nhiều màu sắc như: *tre xanh, lúa xanh, sông máng xanh mát, trời mây xanh ngắt, ngôi mới đỏ tươi, trường học đỏ thắm, mặt trời đỏ chói.*

3. Vì sao bức tranh quê hương rất đẹp? Chọn câu trả lời em cho là đúng nhất:

- a) Vì quê hương rất đẹp.
- b) Vì bạn nhỏ trong bài thơ vẽ rất giỏi.
- c) Vì bạn nhỏ yêu quê hương.

Câu (c) là đúng nhất vì bạn nhỏ yêu quê hương nên bạn thấy quê hương mình rất đẹp.

4. Học thuộc lòng bài thơ (Học sinh tự học).

Luyện từ và câu

Mở rộng vốn từ: *Quê hương*

Ôn tập câu: *Ai làm gì?*

www.sachgiai.com

A. Mục tiêu bài học

- Mở rộng và hệ thống hóa vốn từ *Quê hương*.
- Củng cố mẫu câu: *Ai làm gì?*

B. Tìm hiểu nội dung (*Hướng dẫn làm bài tập*)

1. Xếp những từ ngữ sau vào hai nhóm: *cây đa, gấn bó, dòng sông, con đò, nhớ thương, yêu quý, mái đình, thương yêu, ngọn núi, phố phường, bụi ngùi, tự hào.*

Nhóm	Từ ngữ
1. Chỉ sự vật ở quê hương	<i>cây đa, dòng sông, con đò, mái đình, ngọn núi, phố phường</i>
2. Chỉ tình cảm đối với quê hương	<i>gấn bó, nhớ thương, yêu quý, thương yêu, bụi ngùi, tự hào</i>

2. Tìm từ ngữ trong ngoặc đơn có thể thay thế cho từ *quê hương* ở đoạn văn sau (SGK trang 169):

Các từ có thể thay thế cho từ *quê hương* ở đoạn văn là: *quê quán, quê cha đất tổ, nơi chôn rau cắt rốn.*

3. Những câu nào trong đoạn văn dưới đây được viết theo mẫu câu *Ai làm gì?* Hãy chỉ rõ mỗi bộ phận câu trả lời câu hỏi “*Ai*” hoặc “*Làm gì?*”.

Các câu được viết theo mẫu câu: *Ai làm gì?*

Ai?	làm gì?
- <i>Cha</i>	làm cho tôi chiếc chổi cọ để quét nhà, quét sân.
- <i>Mẹ</i>	đựng hạt giống đầy móm lá cọ, treo lên gác bếp để gieo cấy mùa sau.
- <i>Chị tôi</i>	đan nón lá cọ, lại biết đan cả mành cọ, làn cọ xuất khẩu.
- <i>Chúng tôi</i>	rủ nhau đi nhặt những trái cọ rơi đầy quanh gốc về om, ăn vừa béo, vừa bùi.

4. Dùng mỗi từ ngữ sau để đặt một câu theo mẫu *Ai làm gì?*: *bác nông dân, em trai tôi, những chú gà con, đàn cá.*

Đặt câu theo mẫu *Ai làm gì?*

- *Bác nông dân* đang cày ruộng / *Bác nông dân* đang gặt lúa / *Bác nông dân* đang gánh lúa.

- *Em trai tôi* đang học bài / *Em trai tôi* đang chơi đá bóng / *Em trai tôi* đang ăn cơm.

- *Những chú gà con* đang theo mẹ ra vườn / *Những chú gà con* đang mổ thóc / *Những chú gà con* đang nép vào đôi cánh của gà mẹ.

- *Đàn cá* đang bơi lội tung tăng / *Đàn cá* đang ngoi lên mặt nước đón mồi.

Tập viết

Ôn chữ hoa: *Ÿ* (tiếp theo)

A. Mục tiêu bài học

- Củng cố cách viết hoa chữ *Ÿ*. Viết tên riêng: *Ÿhênk Ráng*.
- Viết câu ca dao bằng chữ cỡ nhỏ.

B. Hướng dẫn luyện viết

1. **Luyện viết chữ hoa:** Các chữ hoa có trong bài: *Ÿ* (*Ÿh*), *R*, *A*, *D*, *L*, *E*, *V*.

- Chữ *Ÿ* (*Ÿh*) xem cách hướng dẫn viết hoa chữ *Ÿ* ở tuần 10.
- Chữ *R*: cấu tạo gồm 2 nét: nét 1 giống nét 1 của chữ *B* (nét móc ngược trái) nét 2 là kết hợp của 2 nét cơ bản: nét cong dưới và nét móc ngược phải nối vào nhau tạo vòng xoắn giữa thân chữ.
- Chữ *A*: gồm 3 nét, hai nét lượn từ trái sang phải (một nét từ dưới lên trên, một nét từ trên xuống dưới) và một nét lượn ngang.
- Chữ *D*: được viết liền mạch từ ba nét cơ bản: nét lượn đứng và

nét cong phải nối liền nhau tạo một nét thắt nhỏ ở chân chữ. Nét 3 là một nét ngang ngắn.

– Chữ $\mathcal{L}$: gồm 3 nét: cong trái, lượn đứng và lượn ngang nối liền nhau tạo một vòng xoắn (nét thắt) to ở đầu chữ (gần giống phần đầu các chữ cái viết hoa $\mathcal{C}, \mathcal{G}$) và vòng xoắn (nét thắt) nhỏ ở chân chữ.

– Chữ $\mathcal{C}$: Gồm 1 nét viết liền, là kết hợp của 3 nét cơ bản: 2 nét cong trái và 1 nét lượn ngang.

– Chữ $\mathcal{V}$: gồm 3 nét (nét 1 là kết hợp của nét cong trái và nét lượn ngang, nét 2 là nét lượn dọc, nét 3 là nét móc xuôi phải).

Viết vào vở chữ $\mathcal{G}$ 1 dòng; chữ $\mathcal{R}, \mathcal{D}$ 1 dòng.

2. Luyện viết từ ứng dụng:

– Ghềnh Ráng là một địa danh ở miền Trung nước ta.

– Chú ý viết từ nét khuyết xuôi của chữ $\mathcal{G}$ nối với nét khuyết ngược ở chữ $\mathcal{h}$ trong chữ $\mathcal{G}hềnh$.

– Viết vào vở tên riêng $\mathcal{G}hềnh Ráng$ 1 dòng.

3. Luyện viết câu ứng dụng:

Ai về đến huyện Đông Anh

Ghé xem phong cảnh Loa Thành Thục Vương.

– Hiểu nội dung câu ca dao: Bộc lộ niềm tự hào về di tích lịch sử Loa Thành (Thành Cổ Loa được xây theo hình vòng xoắn như tròn ốc từ thời An Dương Vương).

– Biết trình bày một câu thơ lục bát: Dòng 6 chữ cách lề 3 ô, dòng 8 chữ cách lề 2 ô. Viết hoa các chữ: Ai, Ghé, Đông Anh, Loa Thành, Thục Vương.

– Viết vào vở câu ca dao 2 lần.

Tập đọc

Chỗ bánh khúc của dì tôi

A. Mục tiêu bài học

– Rèn kĩ năng đọc thành tiếng: Đọc trôi chảy toàn bài, phát âm đúng các từ khó: lá rau, lướt tuyết, chơ bánh, dất tay, đầy rổ, nghi ngút, già nhỏ,... Biết đọc đúng giọng văn miêu tả (nhấn vào các từ ngữ gợi tả, gợi cảm).

– Rèn kĩ năng đọc - hiểu: Hiểu nghĩa của các từ: chơ, pha lê. Hiểu nội dung của bài: Bánh khúc một đặc sản của quê hương. Tình yêu quê hương của tác giả.

B. Tìm hiểu nội dung

Bài văn *Chỗ bánh khúc của dì tôi* được chia làm hai đoạn:

- Đoạn 1 (Từ đầu đến “*hái đầy rổ mới về*”): Giới thiệu cây rau khúc.
- Đoạn 2 (Đoạn còn lại): Hương vị thơm ngon của bánh khúc khiến tác giả nhớ tới quê hương.

I. Hướng dẫn luyện đọc

Đọc trôi chảy toàn bài nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả, gợi cảm: *rất nhỏ, mầm cỏ non, mạ bạc, lượt tuyết cực mỏng, long lanh, nghi ngút...* Đọc đúng các câu sau:

- Cây rau khúc **rất nhỏ**,/ chỉ bằng một mầm **cỏ non mới nhú**.// Lá rau như **mạ bạc**,/ trông như được phủ một **lượt tuyết cực mỏng**.// Những hạt sương sớm đọng trên lá **long lanh**/ như những bóng đèn pha lê.//

- Những cái bánh màu rêu xanh/ **lấp ló** trong áo xôi nếp trắng/ được đặt vào những miếng lá chuối/ hơ qua lửa thật mềm,/ trông đẹp như **những bông hoa**.//

II. Hướng dẫn trả lời câu hỏi

1. Tác giả tả cây rau khúc như thế nào?

Tác giả tả cây rau khúc: Cây rau khúc *rất nhỏ*, chỉ bằng một mầm *cỏ non mới nhú*. Lá như *mạ bạc* trông như được phủ một *lượt tuyết cực mỏng*, sương đọng trên lá *long lanh* như bóng đèn pha lê.

2. Tìm những câu văn tả chiếc bánh khúc.

Những câu văn tả chiếc bánh khúc:

Những chiếc bánh màu rêu xanh lấp ló trong áo xôi nếp trắng được đặt vào những miếng lá chuối hơ qua lửa thật mềm trông đẹp như những bông hoa. Nhân bánh là một viên đậu xanh già nhỏ vàng ươm, xen một thỏi mỡ xinh xắn, pha hạt tiêu. Cắn một miếng thì như thấy cả hương đồng, cỏ nội gói vào trong đó.

3. Vì sao tác giả không quên được mùi vị của những chiếc bánh khúc quê hương?

Tác giả không thể quên được mùi vị của chiếc bánh khúc quê hương vì nó là một mùi vị đặc biệt của đồng quê đã gắn với tác giả những năm thời thơ ấu.

Chính tả (Nhớ - viết)

Vẽ quê hương

A. Mục tiêu bài học

Rèn kĩ năng viết chính tả: Nhớ - viết chính xác và trình bày đúng một khổ thơ trong bài *Vẽ quê hương*. Phân biệt một số âm, vần dễ nhầm lẫn: *s/x; ươn/ương*.

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn nhớ - viết

- Học thuộc đoạn thơ, hiểu nội dung: *Tình yêu quê hương của bạn nhỏ.*
- Chú ý viết đúng các từ khó: *làng xóm, lượn quanh, đỏ thắm, bát ngát, xanh ngát,...* Trình bày sạch đẹp bài thơ 4 chữ.

II. Hướng dẫn làm bài tập

1. Nhớ - viết: *Vẽ quê hương* (từ đầu đến... *Em tô đỏ thắm*).

- Những chữ phải viết hoa là những chữ đầu tên bài, đầu dòng thơ.
- Cách trình bày bài thơ 4 chữ: Chữ đầu mỗi dòng thơ cách lề vở 3 ô li.

2. Điền vào chỗ trống:

a) s hay x?

Một nhà **s**àn đơn **s**ơ vách **n**ứa
Bốn bên **s**uối chảy, cá bơi vui
Đêm đêm cháy hồng bên bếp lửa
Ánh đèn khuya còn **s**áng lung **đ**ôi.

b) ươn hay ương?

- Mồ hôi mà đổ xuống **v**ườn
Dâu xanh lá tốt vấn **v**ương tơ **t**ằm
- Cá không ăn muối cá **u**ơn
Con cãi cha mẹ trăm **đ**ường con **h**ư.

Tập làm văn

Nghe - kể: *Tôi có đọc đâu*

Nói về quê hương

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng nói: Nghe - nhớ các tình tiết để kể lại đúng nội dung câu chuyện vui *Tôi có đọc đâu*.
- Biết nói về quê hương, bộc lộ tình cảm yêu quê hương của mình.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

1. Nghe và kể lại câu chuyện Tôi có đọc đâu!

Nội dung câu chuyện

Tôi có đọc đâu!

Một người ngồi viết thư cho bạn ngay trong bưu điện. Bỗng anh ta thấy người ngồi cạnh ghé mắt đọc trộm thư của mình. Bực mình, anh ta bèn viết thêm vào thư: "Xin lỗi. Minh không viết tiếp được nữa, vì hiện có người đang đọc trộm thư." Người ngồi bên cạnh liền kêu lên: – Không đúng! Tôi có đọc trộm thư của anh đâu?

Gợi ý:

- a) Người viết thư thấy người bên cạnh làm gì? (Ghé mắt đọc trộm thư của mình).
- b) Người viết thư viết thêm vào điều gì? (Xin lỗi. Minh không viết tiếp được nữa vì hiện có người đang đọc trộm thư).
- c) Người ngồi bên cạnh kêu lên như thế nào? (Không đúng! Tôi có đọc trộm thư của anh đâu!)

Dựa vào 3 câu hỏi gợi ý này, các em hãy kể lại một cách tự nhiên câu chuyện vui Tôi có đọc đâu!

2. Hãy nói về quê hương hoặc nơi em đang ở theo gợi ý sau:

- a) Quê em ở đâu? (Hà Nội, Đà Nẵng, T/P Hồ Chí Minh, Vĩnh Long, Cần Thơ,...).
- b) Em yêu nhất cảnh vật gì của quê hương? (Cảnh Hồ Gươm, Hồ Tây, Đầm Sen, cầu Bắc Mĩ Thuận, chùa Non Nước,...).
- c) Cảnh vật đó có gì đáng nhớ? (đẹp, hùng vĩ, gắn với kỉ niệm,...).
- d) Tình cảm của em đối với quê hương thế nào? (nhớ da diết, muốn được về thăm,...).

Bài tham khảo

Nhà em ở thành phố Hồ Chí Minh nhưng quê của em là Hà Nội. Hà Nội có nhiều cảnh đẹp và nhiều di tích lịch sử, nhưng để lại cho em nhiều ấn tượng nhất là cảnh đẹp của Hồ Gươm. Hồ Gươm nằm giữa lòng thủ đô, nước hồ xanh như màu ngọc bích, ở giữa hồ có Tháp Rùa. Chung quanh hồ những hàng liễu ngả bóng soi mình xuống mặt hồ. Buổi sáng, khi bác mặt trời chiếu những tia nắng vàng, cả mặt hồ như được dát vàng. Lúc đó, cảnh Hồ Gươm mới đẹp làm sao.

A. Mục tiêu bài học

– Rèn kĩ năng đọc thành tiếng: Đọc trôi chảy toàn bài, phát âm đúng ở các từ: *nắng phương Nam, sưng lại, vui lắm, xoắn xuýt, sưng sốt, cuộn cuộn, gửi ra,...* Biết phân biệt lời dẫn chuyện và lời nhân vật (Phương, Uyên).

– Rèn kĩ năng đọc - hiểu: Hiểu nghĩa của các từ: *đường Nguyễn Huệ, sắp nhỏ, lòng vòng, dân ca, xoắn xuýt, sưng sốt*. Hiểu nội dung của bài: *Thấy được tình cảm gắn bó giữa các bạn thiếu nhi hai miền Nam - Bắc.*

B. Tìm hiểu nội dung

Bài văn *Nắng phương Nam* chia làm ba đoạn:

- Đoạn 1: Giới thiệu các bạn nhỏ đi chơi chợ hoa ngày Tết.
- Đoạn 2: Ước mong của các bạn được gửi ra miền Bắc một chút nắng của phương Nam.
- Đoạn 3: Món quà tình nghĩa của các bạn gửi cho Vân (cành mai).

I. Hướng dẫn luyện đọc www.sachgiai.com

Đọc toàn bài với giọng sôi nổi, diễn tả đúng sắc thái tình cảm của các nhân vật. Nhấn giọng ở các từ gợi tả, gợi cảm. Đọc đúng các câu sau:

- *Nè/ sắp nhỏ **kia**,/ đi đâu vậy?//*
- *Có phải Vân **hát dân ca** ở trại hè Nha Trang không?//*
- *Hà Nội đang **rao rức** trong những ngày giáp Tết//*
*Trời cuối đông **lạnh buốt**.// Những dòng suối hoa trôi dưới bầu trời **xám đục**/ và làn mưa bụi **trắng xóa**.//*

II. Hướng dẫn trả lời câu hỏi

1. Uyên và các bạn đi đâu, vào dịp nào?

Uyên và các bạn đi chợ hoa Nguyễn Huệ vào dịp 28 Tết.

2. Nghe đọc thư Vân, các bạn ước mong điều gì?

Nghe đọc thư Vân thấy tiết trời Hà Nội đang vào cuối đông, lạnh buốt, các bạn muốn gửi cho Vân một ít nắng phương Nam.

3. Phương nghĩ ra sáng kiến gì?

Phương nghĩ ra sáng kiến là tặng cho Vân một cành mai, đây là một vật mà ngoài Bắc không có.

4. Vì sao các bạn chọn cành mai làm quà Tết cho Vân?

Các bạn chọn cành mai làm quà Tết cho Vân vì ở miền Bắc người ta không trồng được mai mà ở ngoài đó chỉ có đào thôi và như thế món quà của các bạn gửi cho Vân là một món quà đặc biệt.

5. Chọn thêm một tên khác cho truyện:

a) *Câu chuyện cuối năm* - vì câu chuyện hôm đó xảy ra vào ngày 28 Tết

b) *Tình bạn* - vì câu chuyện thể hiện sự quan tâm lẫn nhau của các bạn nhỏ giữa hai miền Nam - Bắc.

c) *Cành mai Tết* - Một món quà thể hiện tấm lòng, tình bạn thân thiết đẹp đẽ của các bạn nhỏ miền Nam đối với Vân.

Kể chuyện **Nắng phương Nam**

A. Mục tiêu bài học

– Rèn kĩ năng nói: Dựa vào gợi ý trong sách giáo khoa kể lại từng đoạn của câu chuyện.

– Rèn kĩ năng nghe: Nghe bạn kể, biết nhận xét đánh giá lời kể của bạn.

B. Tìm hiểu nội dung (*Hướng dẫn kể chuyện*)

Dựa theo các ý tóm tắt dưới đây, hãy kể lại từng đoạn của câu chuyện *Nắng phương Nam*.

a) Đoạn 1: *Đi chợ Tết.*

– Chuyện xảy ra vào lúc nào? (*chuyện xảy ra vào ngày 28 Tết tại chợ hoa trên đường Nguyễn Huệ.*)

– Uyên và các bạn đi đâu? (*Uyen và các bạn đang đi chợ hoa, hoa nhiều đến nỗi các bạn tưởng rằng mình đang đi trong mơ giữa một rừng hoa.*)

– Vì sao mọi người sưng lại? (*vì nghe thấy một tiếng gọi: "Nè, sắp nhỏ kia đi đâu vậy?"*)

b) Đoạn 2: *Bức thư.*

– Vân là ai? (*Vân là người bạn hiện đang sống ở Hà Nội*).

– Tết ngoài Bắc ra sao? (*Tết ở ngoài Bắc rất lạnh, Hà Nội đang rạo rức trong những ngày giáp Tết. Những dòng suối hoa trôi dưới bầu trời xám đục và làn mưa trắng xóa.*)

– Các bạn mong ước điều gì? (*gửi một ít nắng phương Nam ra Bắc*).

c) Đoạn 3: **Món quà.**

– Sáng kiến của Phương. (Tặng cho nhỏ Vân một vật mà ngoài Bắc không có: một cành mai).

– Quay lại chợ hoa. (Một rừng mai vàng thắm đang rung rinh dưới nắng).

Dựa vào các gợi ý trên, hãy kể từng đoạn câu chuyện.

Chính tả (Nghe - viết) **Chiều trên sông Hương**

A. Mục tiêu bài học

– Rèn kĩ năng viết chính tả: Nghe - viết chính xác, trình bày đúng bài *Chiều trên sông Hương*.

– Viết đúng các tiếng có vần khó: *oc/ooc*; giải đúng câu đố viết đúng các tiếng có âm đầu và vần dễ lẫn: *trâu - trâu - trấu; cát*.

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn nghe - viết

– Đọc lại bài *Chiều trên sông Hương*, hiểu được nội dung bài: *Tả cảnh buổi chiều trên sông Hương một dòng sông đẹp nổi tiếng ở Huế*.

– Chú ý viết các tiếng khó: *lạ lũng, nghi ngút, vắng lặng, buổi chiều, yên tĩnh, thuyền chài*.

II. Hướng dẫn làm bài tập

1. Nghe - viết: *Chiều trên sông Hương*.

– Bài chính tả có 3 câu.

– Những chữ trong bài phải viết hoa: *Chiều* - chữ đầu tên bài; *Cuối, Phía, Đâu* - chữ đầu câu; *Hương, Huế, Cồn Hến* - tên riêng.

2. Điền vào chỗ trống *oc* hay *ooc*?

con **sóc**, mặc quần **soóc**, cần cầu **móc** hàng, kéo xe rơ-**moóc**.

3. Viết lời giải các câu đố sau:

a) Để nguyên - giúp bác nhà nông

Thêm *huyền* - ấm miệng cụ ông, cụ bà.

Thêm *sắc* - từ lúa mà ra

Đố bạn đoán được đó là chữ chi?

Là những chữ: *trâu, trâu, trấu*.

• Giải thích: *Trâu* là con vật giúp bác nhà nông. Nếu thêm dấu huyền chữ *trâu* sẽ thành chữ *trầu* - Trầu làm ấm miệng cụ già. Thêm dấu sắc thì *trâu* thành *trấu* - Trấu là vỏ của hạt lúa.

- b) Quen gọi là hạt
Chẳng nở thành cây
Nhà cao nhà đẹp
Dùng tôi để xây.

Là hạt cát.

Tập đọc Cảnh đẹp non sông

A. Mục tiêu bài học

– Rèn kĩ năng đọc thành tiếng: Đọc diễn cảm toàn bài, phát âm đúng các từ: *Kì Lừa, cànhr trúc, ngàn sương, quanh quanh, nước biếc, bát ngát, sừng sững, thẳng cánh,...* Ngắt nhịp đúng giữa các dòng thơ lục bát, thơ bảy chữ.

– Rèn kĩ năng đọc - hiểu: Hiểu nghĩa của các từ: *Đồng Đăng, la đà, canh gà, nhịp chày Yên Thái, Tây Hồ, xứ Nghệ, Hải Vân, Nhà Bè, Đồng Tháp Mười*. Hiểu nội dung của bài: *Sự giàu đẹp của các miền trên đất nước ta.*

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn luyện đọc

– Đọc diễn cảm bài thơ với giọng đọc nhẹ nhàng, thiết tha bộc lộ niềm tự hào với các cảnh đẹp của đất nước.

– Chú ý cách ngắt giọng ở các câu:

- Đồng Đăng/ có phố Kì Lừa/
Có nàng Tô Thị,/ có chùa Tam Thanh.//
- Gió đưa/ cànhr trúc la đà/
Tiếng chuông Trấn Vũ,/ canh gà Thọ Xương.//
Mịt mù/ khói tỏa/ ngàn sương/
Nhịp chày Yên Thái,/ mặt gương Tây Hồ.//
- Đồng Tháp Mười/ cò bay thẳng cánh/
Nước Tháp Mười/ lóng lánh cá tôm.//

II. Hướng dẫn trả lời câu hỏi

1. Mỗi câu ca dao nói đến một vùng. Đó là những vùng nào?

Mỗi câu ca dao nói đến một vùng. Đó là những vùng:

- Câu 1: vùng Lạng Sơn.
- Câu 2: Hà Nội.
- Câu 3: Nghệ An - Hà Tĩnh.
- Câu 4: Thừa Thiên Huế - Đà Nẵng.

- Câu 5: TP. Hồ Chí Minh - Đồng Nai.
- Câu 6: Long An - Tiền Giang - Đồng Tháp.
- Cả sáu câu thơ trên đều nói về ba miền Bắc - Trung - Nam của đất nước ta (câu 1, 2 nói về cảnh đẹp của miền Bắc; câu 3, 4 nói về cảnh đẹp của miền Trung; câu 5, 6 nói về cảnh đẹp của miền Nam).

2. Mỗi vùng có cảnh gì đẹp?

Mỗi vùng có cảnh đẹp riêng:

- Lạng Sơn: có phố Kỳ Lừa, có hình nàng Tô Thị bế con đứng ở trên đỉnh núi; có chùa Tam Thanh.
- Hà Nội: có cảnh đẹp của Hồ Tây với những cành trúc nghiêng mình trên mặt hồ, có tiếng chuông chùa, có tiếng gà gáy sang canh, có tiếng chày giã cối...
- Thừa Thiên Huế - Đà Nẵng: có đèo Hải Vân, có hòn Hồng đứng trong vịnh Hàn.
- Nghệ An - Hà Tĩnh: có những con đường uốn lượn đẹp như một bức tranh họa đồ.
- TP. Hồ Chí Minh - Đồng Nai: có con sông Đồng Nai uốn lượn chia hai.
- Long An - Tiền Giang - Đồng Tháp: có những cánh đồng lúa rộng bao la, thẳng cánh cò bay, sông nước đầy tôm cá.

3. Theo em, ai đã giữ gìn tô điểm cho non sông ta ngày càng đẹp hơn?

Để cho non sông ta ngày càng tươi đẹp hơn, từ xưa ông cha ta đã gây dựng nên đất nước này và chính ông cha ta đã tô điểm cho non sông đất nước ngày càng tươi đẹp hơn.

4. Học thuộc lòng những câu ca dao trên (học sinh tự học).

Luyện từ và câu

Ôn tập về từ chỉ hoạt động

So sánh

A. Mục tiêu bài học

Tiếp tục làm quen với phép so sánh (so sánh hoạt động với hoạt động). Cũng cố hiểu biết về mẫu câu *Ai làm gì?*

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

1. Đọc khổ thơ dưới đây và trả lời câu hỏi?

Con mẹ đẹp sao

Những hòn tơ nhỏ

Chạy như lăn tròn
Trên sân, trên cỏ.

- a) Các từ chỉ hoạt động trong khổ thơ trên: *chạy, lăn*.
b) Hoạt động *chạy* của những chú gà con được miêu tả bằng cách so sánh với những hòn tơ nhỏ đang *lăn tròn*. Đây là cách so sánh hoạt động với hoạt động. Cách so sánh này cho ta thấy hoạt động của các chú gà con thật ngộ nghĩnh, đáng yêu.

2. Trong các trích đoạn sau, những hoạt động nào được so sánh với nhau?

- a) Con trâu đen lông mượt
Cái sừng nó vênh vênh
Nó cao lớn lênh khênh
Chân đi như đập đất!

Hoạt động được so sánh: (chân) *đi* như *đập đất*.

- b) Cau cao, cao mãi
Tàu vươn giữa trời
Như tay ai vẫy
Hứng làn mưa rơi.

Hoạt động được so sánh: *vuôn* như *tay vẫy*.

- c) Xuồng con đậu quanh thuyền lớn giống như đàn con nằm quanh bụng mẹ. Khi có gió, thuyền mẹ cọt két rên rĩ, đám xuồng con lại húc húc vào mạn thuyền mẹ như đòi bú tí.

Hoạt động được so sánh:

- *đậu* quanh thuyền lớn như đàn con *nằm* quanh bụng mẹ.
- *húc húc* vào mạn thuyền mẹ như *đòi bú tí*.

3. Chọn từ ngữ thích hợp ở hai cột A và B để ghép lại thành câu:

A		B
Những ruộng lúa cấy sớm		huơ vôi chào khán giả.
Chú voi đứng đầu tiên		đã trở bông.
Cây cầu làm bằng thân dừa		lao băng băng trên sông.
Con thuyền cắm cờ đỏ		bắc ngang dòng kênh.

Tập viết

Ôn chữ hoa: *H*

A. Mục tiêu bài học

Củng cố cách viết chữ hoa *H*. Viết tên riêng: *Hàm Nghi* bằng cỡ chữ nhỏ. Viết câu ca dao bằng chữ cỡ nhỏ.

B. Hướng dẫn cách viết

1. **Luyện viết chữ hoa:** Các chữ hoa có trong bài: *ℋ, ℳ, V*.

– Chữ *ℋ*: Cấu tạo bởi 3 nét, nét 1 là kết hợp của hai nét cơ bản: cong trái và lượn ngang; nét 2 là kết hợp của 3 nét cơ bản: khuyết ngược, khuyết xuôi và móc phải, nét 3 là nét thẳng đứng (nằm giữa đoạn nối của hai nét khuyết).

– Chữ *ℳ*: Gồm 3 nét; nét 1 móc ngược phải, nét 2 thẳng đứng; nét 3 xiên phải.

– Chữ *V*: Gồm 3 nét, nét 1 là kết hợp của nét cong trái và nét lượn ngang; nét 2 là nét lượn dọc; nét 3 là nét móc xuôi phải.

Viết vào vở chữ *ℋ* 1 dòng; chữ *ℳ, V* 1 dòng.

2. **Luyện viết từ ứng dụng:**

– *Hàm Nghi* là tên một nhà vua. Ông lên ngôi năm 12 tuổi có tinh thần yêu nước, chống thực dân Pháp. Ông bị thực dân Pháp bắt và đưa đi đày ở An-giê-ri rồi mất ở đó.

– Viết vào vở tên riêng *ℋàm ℳgħi* 2 dòng.

3. **Luyện viết câu ứng dụng:**

ℋải Vân bát ngát nghìn trùng

ℋòn ℋồng sừng sừng đứng trong vịnh ℋàn.

– Tả cảnh đẹp hùng vĩ của đèo *ℋải Vân* nằm giữa tỉnh Thừa Thiên Huế và thành phố Đà Nẵng.

– Biết trình bày câu thơ lục bát (dòng 6 tiếng viết lùi vào 3 ô li tính từ lề vở) dòng 8 tiếng 2 ô li.

– Viết hoa các chữ (*ℋải Vân, ℋòn ℋồng; ℋàn*).

– Viết vào vở câu ca dao 2 lần.

Tập đọc

Luôn nghĩ đến miền Nam

A. Mục tiêu bài học

– Rèn kĩ năng đọc thành tiếng: Đọc trôi chảy toàn bài, phát âm đúng các từ: *trăm năm, hai mươi mốt năm, mệt nặng, chỉ sợ, hằng nghĩ, mỉm cười, vẫn hỏi,...* Phân biệt lời dẫn chuyện với lời nhân vật (chị cán bộ miền Nam, Bác Hồ).

– Rèn kĩ năng đọc hiểu: Hiểu nghĩa của các từ: *sợ Bác trăm tuổi, hóm hỉnh.*

B. Tìm hiểu nội dung

Bài văn *Luôn nghĩ đến miền Nam* chia làm hai đoạn:

– Đoạn 1 (Từ đầu đến “*không ai dám nhắc đến*”): Giới thiệu chị cán bộ miền Nam ra Bắc được gặp Bác Hồ.

– Đoạn 2 (Còn lại): Tình cảm của Bác đối với đồng bào miền Nam.

I. Hướng dẫn luyện đọc

– Đọc bài văn với giọng thông thả nhẹ nhàng, tình cảm. Nhấn giọng ở các từ gợi cảm (*một trăm năm, trăm tuổi, mới trăm tuổi cơ,...*).

– Đọc đúng lời của các chị cán bộ miền Nam:

*Chúng cháu đánh giặc Mĩ, đến **một trăm năm** cũng **không sợ**. // **Chỉ sợ** một điều là / *Bác... // **trăm tuổi*** (giọng đọc ngập ngừng ở dấu chấm lửng).*

– Lời của Bác: ân cần.

*Còn **hai mươi một năm** nữa. Bác mới trăm tuổi cơ. // Bác kêu gọi các cô, / các chú đánh Mĩ **năm năm, / mười năm, / hai mươi năm** / chứ có nói **hai mươi một năm** đâu. // Nếu hai mươi năm nữa mà ta thắng Mĩ thì Bác cũng **còn một năm** / để đi vào thăm đồng bào miền Nam.*

II. Hướng dẫn trả lời câu hỏi

1. Chị cán bộ miền Nam thưa với Bác điều gì?

Chị cán bộ miền Nam thưa với Bác: *Chúng cháu đánh giặc Mĩ đến một trăm năm cũng không sợ. Chỉ sợ một điều là Bác... trăm tuổi.*

2. Câu nói đó thể hiện tình cảm của đồng bào miền Nam với Bác như thế nào?

Câu nói đó thể hiện tình cảm của đồng bào miền Nam đối với Bác:

– Đồng bào miền Nam không sợ khó khăn gian khổ, không sợ hi sinh, chỉ sợ không gặp được Bác.

– Đồng bào miền Nam yêu kính Bác, mong được gặp Bác.

3. Tình cảm của Bác đối với đồng bào miền Nam thể hiện như thế nào?

Tình cảm của Bác đối với đồng bào miền Nam:

– Bác mệt, sắp qua đời nhưng Bác vẫn luôn nghĩ đến miền Nam trong chiến đấu và trong chiến thắng.

– Bác mong được mau chóng thống nhất đất nước để được vào Nam thăm đồng bào.

– Bác tuy rất mệt nhưng vẫn nói đùa để chị cán bộ miền Nam yên lòng.

Chính tả (Nghe - viết) Cảnh đẹp non sông

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng viết chính tả: Nghe - viết chính xác 4 câu ca dao cuối trong bài *Cảnh đẹp non sông*.
- Trình bày đúng các câu thơ lục bát, song thất lục bát. Viết đúng một số tiếng có âm đầu hoặc vần dễ lẫn: *ch / tr, at / ac*.

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn nghe - viết

- Đọc lại 4 câu ca dao cuối trong bài *Cảnh đẹp non sông*.
- Chú ý viết các từ khó: *quanh quanh, non xanh, nghìn trùng, sừng sững, nước chảy, thẳng cánh,...*

II. Hướng dẫn làm bài tập

1. Nghe - viết: *Cảnh đẹp non sông* (từ *Đường vô xứ Nghệ...* đến hết).

- Các tên riêng có trong bài chính tả: *Nghệ, Hải Vân, Hồng, Hàn, Nhà Bè, Gia Định, Đồng Nai, Tháp Mười*.
- Nhận xét cách trình bày các câu ca dao:
 - Câu ca dao thể lục bát: Dòng 6 chữ bắt đầu viết cách lề 3 ô li.
Dòng 8 chữ bắt đầu viết cách lề 2 ô li.
 - Hai dòng cuối bài là thể thơ 7 chữ: Cả hai chữ đầu mỗi dòng cách lề 2 ô li.

2. Tìm các từ:

a) Chứa tiếng bắt đầu bằng *ch* hoặc *tr* có nghĩa như sau:

- Loại cây có quả kết thành nải, thành buồng: *cây chuối*.
- Làm cho người khỏi bệnh: *chữa bệnh*.
- Cùng nghĩa với nhìn: *trông*.

b) Chứa tiếng có vần *at* hoặc *ac*, có nghĩa như sau:

- Mang vật nặng trên vai: *vác*.
- Có cảm giác cần uống nước: *khát*.
- Dòng nước từ trên cao đổ xuống thấp: *thác*.

Tập làm văn Nói, viết về cảnh đẹp đất nước

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng nói: Dựa vào một bức tranh (hoặc một tấm ảnh) nói về cảnh đẹp của đất nước ta, nói được những điều đã biết về cảnh đó.

– Rèn kĩ năng viết: Viết những điều đã nói thành một đoạn văn (từ 5 đến 7 câu).

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

1. Mang tới lớp tranh, ảnh về một cảnh đẹp ở nước ta (ảnh chụp, bưu ảnh, tranh ảnh cắt từ báo chí,...). Nói những điều em biết về cảnh đẹp ấy theo gợi ý dưới đây:

Gợi ý: Tranh vẽ một cảnh đẹp Phan Thiết (Mũi Né).

a) Tranh (ảnh) vẽ (chụp) cảnh gì? Cảnh đó ở đâu?

(Tranh vẽ cảnh đẹp của Mũi Né - Cảnh đó ở thành phố Phan Thiết).

b) Màu sắc của tranh (ảnh) như thế nào?

(Màu sắc của tranh là một sự hòa hợp giữa màu xanh của mây trời với màu xanh của nước biển và rừng dừa, đan xen có màu trắng của cồn cát).

c) Cảnh trong tranh (ảnh) có gì đẹp?

(Bầu trời trong xanh vời vời, mặt nước phẳng lặng một màu xanh ngọc bích. Trên bờ có những rừng dừa xanh đang vẫy tay trong gió. Xa xa những ngôi nhà ngói mọc lên, phía xa hơn nữa là Hòn Rơm phủ đầy một màu xanh lá. Ở giữa biển nổi lên cồn cát trắng càng làm cho cảnh biển ở đây có một vẻ đẹp quyến rũ lòng người).

d) Cảnh trong tranh (ảnh) gợi cho em những suy nghĩ gì?

(Đất nước ta có nhiều cảnh đẹp, ước mơ được đến đó nghỉ ngơi, tham quan).

2. Viết những điều nói trên thành một đoạn văn từ 5 đến 7 câu.

Đoạn văn tham khảo

Mũi Né là một cảnh đẹp nổi tiếng ở Phan Thiết. Bao trùm cả bức tranh là một màu xanh, xanh của trời, xanh của nước biển của cây cối và núi non. Giữa màu xanh ấy nổi lên một màu trắng tinh của một cồn cát. Dọc theo bờ biển là những rừng dừa xanh um đang dang tay đón gió. Phía xa là những ngôi nhà mái ngói đỏ tươi. Núi và biển kề sát bên nhau tạo nên một cảnh đẹp hữu tình, huyền ảo. Cảnh đẹp trong tranh làm em tự hào về đất nước của mình, em mong muốn được đến đây để nghỉ ngơi và thưởng thức cảnh đẹp.

TUẦN 13

Tập đọc

Người con của Tây Nguyên

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng đọc thành tiếng: Đọc trôi chảy toàn bài, phát âm đúng các từ: *bok Pa, lữ làng, lòng suối, làm rẫy giỏi lắm, huân chương...* Phân biệt lời dẫn chuyện với lời nhân vật (Núp, anh Thế).
- Rèn kĩ năng đọc - hiểu: Hiểu nghĩa của các từ: *Núp, bok, càn quét, lữ làng, sao rua, mạnh hung, người Thượng.*

B. Tìm hiểu nội dung

Bài văn *Người con của Tây Nguyên* chia làm ba đoạn:

- Đoạn 1: Núp được tỉnh cử đi dự Đại hội thi đua.
- Đoạn 2: Thành tích đánh giặc của người làng Kông Hoa.
- Đoạn 3: Món quà thiêng liêng mà Đại hội tặng Núp.

I. Hướng dẫn luyện đọc

– Đọc diễn cảm toàn bài với giọng kể chậm rãi, lời của anh Núp với lữ làng: mộc mạc, tự hào; lời cán bộ và dân làng: hào hứng sôi nổi. Riêng đoạn cuối đọc với giọng cảm động.

- Đọc ngắt giọng đúng một số câu sau:

• *Đất nước mình bây giờ mạnh hung rồi.// Người Kinh,/ người Thượng,/ con gái/ con trai,/ người già,/ người trẻ/ **đoàn kết đánh giặc,** / làm rẫy **giỏi lắm.** //*

• *Núp mở những thứ Đại hội tặng cho mọi người coi:/ một cái ảnh Bok Hồ vác cuốc đi làm rẫy,/ một bộ quần áo bằng lụa của Bok Hồ,/ một cây cờ có thêu chữ,/ một huân chương cho cả làng,/ một huân chương cho Núp. //*

• *Lữ làng đi rửa tay thật sạch/ rồi cầm lên từng thứ,/ coi đi,/ coi lại,/ coi mãi đến nửa đêm. //*

II. Hướng dẫn trả lời câu hỏi

1. Anh Núp được tỉnh cử đi đâu?

Anh Núp được tỉnh cử đi dự Đại hội thi đua.

2. Ở Đại hội về, anh Núp kể cho dân làng biết những gì?

Ở Đại hội về anh Núp kể cho dân làng nghe đất nước mình bây giờ mạnh hung rồi. Người Kinh, người Thượng, con gái, con trai, người già, người trẻ đoàn kết đánh giặc, làm rẫy giỏi lắm.

3. Chi tiết nào cho thấy Đại hội rất khâm phục thành tích của dân làng Kông Hoa?

Đại hội rất khâm phục thành tích của người làng Kông Hoa qua chi tiết: Núp được mời lên kể chuyện về làng Kông Hoa. Nghe xong nhiều người chạy lên, đặt Núp trên vai, công kênh đi khắp nhà, mừng không biết bao nhiêu.

4. Đại hội tặng dân làng Kông Hoa những gì? Khi xem những vật đó, thái độ của mọi người ra sao?

– Đại hội tặng dân làng Kông Hoa một cái ảnh Bok Hồ vác cuốc đi làm rẫy, một bộ quần áo bằng lụa của Bok Hồ, một cây cờ có thêu chữ, một huân chương cho cả làng, một huân chương cho Núp.

– Thái độ của mọi người rất vui mừng, họ coi những vật đó là thiêng liêng, cao quý nên phải rửa tay thật sạch trước khi cầm lên từng thứ (*coi đi, coi lại, coi mãi đến nửa đêm...*).

Kể chuyện Người con của Tây Nguyên

A. Mục tiêu của bài học

– Rèn kĩ năng nói: Biết kể một đoạn của câu chuyện theo lời một nhân vật trong truyện.

– Rèn kĩ năng nghe: Nghe bạn kể, biết nhận xét, đánh giá lời kể của bạn.

B. Tìm hiểu nội dung (*Hướng dẫn kể chuyện*)

Tập kể một đoạn của câu chuyện *Người con của Tây Nguyên* bằng lời một nhân vật.

Tham khảo các cách kể sau:

*** Kể theo lời của anh hùng Núp.**

Tháng ba năm ấy, trên tỉnh có giấy kêu tôi đi dự Đại hội thi đua. Tôi nói với anh Thế:

– Nên để bok Pa đi, anh ấy kể được nhiều việc hơn tôi. Anh Thế không đồng ý, cười nói với tôi:

– Không! Tỉnh kêu anh đi đấy. Đi để học mà.

Tôi đi dự Đại hội về giữa lúc Pháp cần quét lớn. Ban ngày, tôi chỉ huy đánh giặc, ban đêm kể chuyện Đại hội cho lũ làng nghe. Tất cả mọi người vây quanh tôi. Tôi nói với lũ làng: "Đất nước mình bây giờ mạnh hùng rồi. Người Kinh, người Thượng, con trai, con gái, người già, người trẻ đoàn kết đánh giặc, làm rẫy giỏi lắm."

Tôi còn kể cho họ nghe, những chuyện tôi kể ở Đại hội. Ở đó khi nghe tôi kể xong, nhiều người chạy lên đặt tôi trên vai, công kênh đi khắp nhà. Khi nghe chuyện anh Thế nói: "Pháp đánh một trăm năm

cũng không thắng nổi đồng chí Núp và làng Kông Hoa đâu!" Lũ làng nghe tới đó vui quá bèn đứng hết dậy. Họ đồng thanh nói lớn:

– Đúng đấy! Đúng đấy!

Rồi tôi mở những thứ Đại hội tặng cho mọi người cùng coi: một cái ảnh Bok Hồ vác cuốc đi làm rẫy, một bộ quần áo bằng lụa của Bok Hồ, một cây cờ có thêu chữ, một huân chương cho cả làng và một huân chương cho tôi.

Lũ làng đi rửa tay thật sạch vì họ cho rằng đó là những vật thiêng liêng cao quý rồi họ cầm lên từng thứ coi đi, coi lại đến mãi nửa đêm.

*** Kể theo lời của anh Thế (cán bộ).**

Tháng ba năm ấy, trên tỉnh cờ giấy kêu anh Núp đi dự Đại hội thi đua. Anh Núp nói với tôi:

– Nên để cho bok Pa đi, anh ấy kể được nhiều việc hơn tôi.

Tôi cười nói với anh:

– Không, tỉnh kêu anh đi đấy. Đi để học mà.

Anh Núp đi dự Đại hội về giữa lúc Pháp cần quét lớn.

Ban ngày, anh chỉ huy đánh giặc. Ban đêm anh cùng bà con quây quần kể chuyện Đại hội cho họ nghe. Anh nói với lũ làng: "Đất nước mình bây giờ mạnh hung rồi. Người Kinh, người Thượng, con gái, con trai, người già, người trẻ đoàn kết đánh giặc, làm rẫy giỏi lắm." Ở Đại hội anh còn lên kể chuyện làng Kông Hoa. Khi nghe anh kể xong mọi người chạy lên đặt anh trên vai, công kênh đi khắp nhà.

Tôi nói với mọi người: "Pháp đánh một trăm năm cũng không thắng nổi đồng chí Núp và làng Kông Hoa đâu!". Thấy tôi nói thế, lũ làng vui quá bèn đứng dậy, tất cả cùng đồng thanh:

– Đúng đấy! Đúng đấy!

Rồi Núp mở những thứ Đại hội tặng cho mọi người cùng xem: một cái ảnh Bok Hồ vác cuốc đi làm rẫy, một bộ quần áo bằng lụa của Bok Hồ, một cây cờ có thêu chữ, một huân chương cho cả làng, một huân chương của anh.

Lũ làng rủ nhau đi rửa tay thật sạch rồi họ cầm lên từng thứ coi đi, coi lại, coi đến mãi nửa đêm.

Chính tả (Nghe - viết) Đêm trăng trên Hồ Tây

A. Mục tiêu bài học

– Rèn kĩ năng viết chính tả: Nghe - viết chính xác bài *Đêm trăng trên Hồ Tây*. Viết đúng những chữ có vần kho: *iu/uyu*.

– Tập giải câu đố để xác định cách viết một số chữ có âm, vần thanh dễ lẫn: *ruồi, giếng, khi, chổi, đu đủ*.

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn nghe - viết

– Đọc thông thả, rõ ràng bài *Đêm trăng trên Hồ Tây*, hiểu nội dung bài viết: *Tả cảnh đẹp của Hồ Tây vào đêm trăng*.

– Bài viết có 6 câu. Những chữ phải viết hoa trong bài: *Đêm, Hồ, Trăng, Thuyền, Một, Bấy, Mùi* đó là những chữ đầu bài và đầu dòng, đầu câu: *Hồ Tây* (tên riêng). Chú ý các từ khó: *đêm trăng, nước trong vắt, tỏa sáng, lăn tăn, gần tàn, ngào ngạt,...*

II. Hướng dẫn làm bài tập

1. Nghe - viết: *Đêm trăng trên Hồ Tây*.

2. Điền vào chỗ trống *iu* hay *uy*?

đường đi khúc khuỷu, gậy kháng khiu, khuỷu tay.

3. Viết lời giải câu đố sau:

a) – Vừa bằng hạt đỗ ăn giỗ cả làng. (Lời giải: Là *con ruồi*).

– Sông không đến, bến không vào
Lơ lửng giữa trời làm sao có nước. (Lời giải: Là *quả dừa*).

– Vừa bằng cái nong
Cả làng đông không hết. (Lời giải: Là *cái giếng*).

o) – Con gì nhảy nhót leo trèo
Mình đầy lông lá, nhăn nheo làm trò. (Lời giải: Là *con khi*).

– Trong nhà có bà hay quét. (Lời giải: Là *cái chổi*).

– Tên em không thiếu, chẳng thừa
Chín vàng ngon ngọt rất vừa lòng anh. (Lời giải: Là *quả đu đủ*).

Tập đọc

Vàm cỏ Đông

A. Mục tiêu bài học

– Rèn kĩ năng đọc thành tiếng: Đọc diễn cảm bài thơ, phát âm đúng các từ: *dòng sông, nước chảy, lông trên sóng nước, Vàm Cỏ Đông, mãi gọi, tha thiết, vườn cây...* Ngắt nhịp đúng các câu thơ.

– Rèn kĩ năng đọc - hiểu: Hiểu nghĩa các từ: *Vàm Cỏ Đông, ăm ắp*. Hiểu nội dung bài: *Niềm tự hào và tình yêu con sông quê hương của tác giả*.

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn luyện đọc

– Đọc diễn cảm toàn bài với giọng nhẹ nhàng, thiết tha bộc lộ tình cảm yêu thương, tự hào. Chú ý cách ngắt nhịp:

*Ở tận sông Hồng, / em có biết /
Quê hương anh / cũng có dòng sông /
Anh mãi gọi / với lòng tha thiết, /
Vàm Cỏ Đông! // Ôi Vàm Cỏ Đông! //
Đây con sông / xuôi dòng nước chảy /
Bốn mùa soi / từng mảnh mây trời /
Từng ngọn dừa / gió đưa phe phẩy /
Bóng lồng / trên sóng nước / chơi vơi. //*

– Hiểu nghĩa của từ *sóng nước chơi vơi* ý nói dòng sông đầy nước rộng mênh mang.

– Từ *trang trải* có nghĩa là đem đến, trải rộng ra.

II. Hướng dẫn trả lời câu hỏi

1. Tình cảm của tác giả đối với dòng sông thể hiện qua những câu nào ở khổ thơ 1?

Tình cảm của tác giả đối với dòng sông (khổ thơ 1): *Anh mãi gọi với lòng tha thiết: Vàm Cỏ Đông! Ôi Vàm Cỏ Đông!*

2. Dòng sông Vàm Cỏ Đông có những nét gì đẹp? (Khổ thơ 2).

Những nét đẹp của dòng sông Vàm Cỏ Đông: *Bốn mùa soi từng mảnh mây trời / Từng ngọn dừa gió đưa phe phẩy / Bóng lồng trên sóng nước chơi vơi.*

3. Vì sao tác giả ví con sông quê mình như dòng sữa mẹ?

Tác giả ví dòng sông quê mình như dòng sữa mẹ vì con sông này đã đưa nước về tưới cho đồng ruộng, vườn cây. Con sông đầy ắp như dòng sữa mẹ mang nặng tình thương yêu.

4. Học thuộc lòng bài thơ (học sinh tự học).

Luyện từ và câu Mở rộng vốn từ: *Từ địa phương* Dấu chấm hỏi, chấm than

A. Mục tiêu bài học

– Nhận biết và sử dụng đúng một số từ thường dùng ở miền Bắc, miền Trung, miền Nam.

– Luyện tập sử dụng đúng dấu chấm hỏi, dấu chấm than.

B. Tìm hiểu nội dung (*Hướng dẫn làm bài tập*)

1. Chọn và xếp các từ ngữ sau vào bảng phân loại:

Từ dùng ở miền Bắc	Từ dùng ở miền Nam
bố, mẹ, anh cả, quả, hoa, dứa, sắn, ngan.	ba, má, anh hai, trái, bông, thơm (khóm), mì, vịt xiêm.

2. Các từ in đậm trong đoạn thơ sau thường được dùng ở một số tỉnh miền Trung. Em hãy tìm những từ trong ngoặc đơn cùng nghĩa với các từ ấy.

Gan **gì** gan thế mẹ à?
 Mẹ rằng: Cứu nước, mình chờ **gì** ai?
 Chẳng bằng con gái, con trai
 Sáu mươi còn một chút tài đồ đưa
 Tàu bay **nó** bắn sớm trưa
 Thì **tôi** cứ việc nằng mưa đưa đồ...
 (thế, nó gì, tôi, à)

3. Em điền dấu câu nào vào mỗi ô trống dưới đây?

Cá heo ở vùng biển Trường Sa

Đêm trăng, biển yên tĩnh. Một số chiến sĩ thả câu. Một số khác quây quần trên boong tàu ca hát, thổi sáo. Bỗng có tiếng đập nước ùm ùm như có ai đang tập bơi. Một người kêu lên: "Cá heo **!**" Anh em ùa ra vỗ tay hoan hô: "A **!** Cá heo nhảy múa đẹp quá **!**" Thế là cá thích, nhảy vút lên thật cao. Có chú quá đà, vọt lên boong tàu cách mặt nước đến một mét. Có lẽ va vào sắt bị đau, chú nằm im, mắt nhắm nghiền. Một anh chiến sĩ đến nâng con cá lên hai tay, nói nựng:

– Có đau không, chú mình **?** Lần sau, khi nhảy múa, phải chú ý nhé **!**

Anh vuốt ve con cá rồi thả xuống nước. Cả đàn cá quay lại phía boong tàu, nhảy vung lên một cái như để cảm ơn rồi tỏa ra biển rộng.

Tập viết

Ôn chữ hoa: Ơ, Ơ, Ơ

A. Mục tiêu bài học

Củng cố cách viết chữ hoa Ơ. Viết tên riêng Ông Ích Khiêm bằng chữ cỡ nhỏ. Viết câu ứng dụng: Ít chất chiu hơn nhiều phung phí.

B. Hướng dẫn viết chữ

1. Luyện viết chữ hoa: Các chữ hoa có trong bài: Ơ, Ơ, Ơ.

– Chữ Ơ hoa: gồm 2 nét, 1 nét cong khép kín tạo nên chữ Ơ hoa và dấu phụ (dấu mũ).

– Chữ Ơ hoa: gồm 2 nét: nét 1 kết hợp của hai nét cơ bản cong

trái và lượn ngang, nét 2 móc ngược phải, phần cuối lượn vào trong.

– Chữ *K* hoa: Gồm 3 nét: 2 nét đầu (1, 2) viết như chữ *I*, nét 3 được kết hợp của 2 nét cơ bản: móc cuối trái và móc ngược phải nối liền nhau, tạo vòng xoắn nhỏ (nét thắt) ở giữa thân chữ.

– Viết vào vở chữ *J* 1 dòng; chữ *Ô* và *K* 1 dòng.

2. Luyện viết từ ứng dụng:

– Ông Ích Khiêm sinh năm 1832 mất năm 1884, quê ở Quảng Nam, là một vị quan nhà Nguyễn văn võ toàn tài.

– Viết vào vở tên riêng Ông Ích Khiêm 2 dòng.

Khi viết chú ý giữa chữ *J* và chữ *ch* không nối liền nét.

3. Luyện viết câu ứng dụng: Ít chữ chừa hơn nhiều phung phí.

– Hiểu nội dung câu tục ngữ: *Khuyến nhủ mọi người trong cuộc sống cần phải tiết kiệm.* Viết câu tục ngữ vào vở 5 lần.

Tập đọc

Cửa Tùng

A. Mục tiêu bài học

– Rèn kĩ năng đọc thành tiếng: Đọc trôi chảy toàn bài, phát âm đúng ở các từ: *lịch sử, cứu nước, lũy tre làng, xanh lơ, chiến lược, mệnh mệnh, sóng biển...* Biết đọc đúng giọng văn miêu tả.

– Rèn kĩ năng đọc hiểu: Hiểu nghĩa của các từ: *Bến Hải, Hiền Lương, đôi môi bạch kim.* Hiểu nội dung của bài: *Tả vẻ đẹp kì diệu của Cửa Tùng, một cửa biển thuộc miền Trung nước ta.*

B. Tìm hiểu nội dung

Bài văn *Cửa Tùng* chia làm ba đoạn:

– Đoạn 1 (Từ đầu đến “*phi lao rì rào gió thổi*”): Giới thiệu dòng sông Bến Hải với dấu ấn lịch sử và vẻ đẹp của nó.

– Đoạn 2 (Từ “*Từ cầu Hiền Lương*” đến “*đổi sang màu xanh lục*”): Vẻ đẹp kì diệu của Cửa Tùng.

– Đoạn 3 (Đoạn còn lại): Cảm nhận của con người về Cửa Tùng.

I. Hướng dẫn luyện đọc

Đọc diễn cảm bài văn với giọng nhẹ nhàng, tràn đầy cảm xúc ngưỡng mộ một vẻ đẹp kì diệu. Nhấn giọng ở các từ gợi tả, gợi cảm (*mướt màu xanh, rì rào gió thổi, biển cả mệnh mệnh, Bà chúa của bãi tắm...*). Đọc đúng các câu văn:

– *Thuyền chúng tôi đang xuôi dòng Bến Hải / – con sông in đậm dấu ấn lịch sử một thời chống Mỹ cứu nước. // Đôi bờ thôn xóm mướt*

màu xanh lũy tre làng/ và những rặng phi lao **rì rào** gió thổi.//

– Diệu kì thay/ trong một ngày,/ Cửa Tùng có ba sắc màu nước biển.// Bình minh,/ mặt trời như chiếc thau đồng **đỏ ối** chiếu xuống mặt biển,/ nước biển nhuộm màu **hồng nhạt**.// Trưa,/ nước biển **xanh lơ**/ và khi chiều tà thì đổi sang màu **xanh lục**.//

II. Hướng dẫn trả lời câu hỏi

1. Cảnh hai bên bờ sông Bến Hải có gì đẹp?

Cảnh hai bên bờ sông Bến Hải rất đẹp, thôn xóm mượt màu xanh của lũy tre làng và những rặng phi lao rì rào gió thổi.

2. Em hiểu thế nào là “Bà chúa của các bãi tắm”?

“Bà chúa của các bãi tắm” là bãi tắm đẹp nhất của tất cả các bãi tắm.

3. Sắc màu nước biển Cửa Tùng có gì đặc biệt?

Sắc màu nước biển Cửa Tùng rất đặc biệt, nó thay đổi ba lần trong một ngày nên có 3 sắc màu nước biển: *Bình minh, mặt trời như chiếc thau đồng đỏ ối chiếu xuống mặt biển, nước biển nhuộm màu hồng nhạt. Trưa, nước biển xanh lơ. Chiều tà đổi sang màu xanh lục.*

4. Người xưa so sánh bãi biển Cửa Tùng với cái gì?

Người xưa so sánh biển Cửa Tùng giống như một chiếc lược chải mái tóc bạc kim của sông biển. Hình ảnh so sánh này càng làm tăng thêm vẻ đẹp lung linh, hấp dẫn của Cửa Tùng một cửa biển của miền Trung nước ta.

Chính tả (Nghe - viết)

Vàm Cỏ Đông

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng viết chính tả: Nghe - viết chính xác và trình bày đẹp hai khổ thơ đầu bài *Vàm Cỏ Đông*.
- Viết đúng một số tiếng có vần khó *it/uyt*. Phân biệt tiếng chứa âm đầu hoặc thanh dễ lẫn: *r/d/gi; thanh hỏi/thanh ngã*.

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn nghe - viết

- Đọc lại 2 khổ thơ đầu của bài *Vàm Cỏ Đông*.
- Biết trình bày đúng, đẹp bài thơ 7 chữ. Bắt đầu viết các dòng thơ cách lề 2 ô li. Chú ý viết các từ khó: *xuôi dòng, nước chảy, Vàm Cỏ Đông, mãi gọi, tha thiết,...*

II. Hướng dẫn làm bài tập

1. Nghe - viết: *Vàm cỏ đông* (2 khổ thơ đầu).

Những chữ trong bài phải viết hoa: *Vàm Cỏ Đông, Hồng* (tên riêng); *Ở, Quê, Anh, Oi, Đây, Bón, Tùng, Bón* (chữ đầu các dòng thơ).

2. Điền vào chỗ trống *it* hay *uyt* ?

huýt sáo, hít thở, suýt ngã, đứng sít vào nhau.

3. Tìm những tiếng có thể ghép với các tiếng sau:

a) – rá, giá:

- rá: *rổ rá, rá gạo, rá xôi,...*
- giá: *giá áo, giá buốt, giá cả, giá lạnh, giá thành, giá trị, giá vốn,...*
- rụng, rụng
- rụng: *rụng rời, rơi rụng, rụng xuống,...*
- rụng: *dụng binh, dụng cụ, dụng tâm, dụng võ, dụng ý, vô dụng,...*

b) – vẽ, vẽ

- vẽ: *vẽ vời, vẽ chuyện, bày vẽ, vẽ đường cho hươu chạy,...*
- vẽ: *vẽ vang, vui vẻ, nhiều vẻ, vẻ mặt, vẻ đẹp,...*
- nghĩ, nghĩ:
- nghĩ: *ngĩ ngợi, ngẫm nghĩ, suy nghĩ, nghĩ bụng, nghĩ lại,...*
- nghĩ: *ngỉ ngơi, ngỉ hè, ngỉ tay, ngỉ việc, ngỉ phép, ngỉ học,...*

Tập làm văn

Viết thư

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng viết: Viết thư cho bạn cùng lứa tuổi.
- Trình bày đúng thể thức một bức thư.

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

Viết một bức thư cho bạn ở một tỉnh miền Nam (hoặc miền Trung, miền Bắc) để làm quen và hẹn bạn thi đua học tốt.

Bài tham khảo

TP Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 11 năm

Hương Lan thân mến!

Chắc bạn sẽ ngạc nhiên khi nhận được lá thư này của mình. Nhưng mình lại biết rất rõ về bạn vì mình đã đọc báo *Khăn quàng đỏ* và nhìn thấy hình cũng như thành tích của bạn. Mình rất khâm phục ý chí phấn đấu vượt khó trong học tập của bạn. Mình tin bạn là cô gái giàu nghị lực. Mình rất muốn được làm quen với bạn.

Mình tự giới thiệu nhé: Mình tên là Hồ Thị Vân Anh, học sinh lớp 3B trường Hòa Bình thành phố Hồ Chí Minh.

Nhận được thư này bạn viết thư cho mình nhé. Chúc bạn học giỏi, chăm ngoan. Hẹn gặp bạn ở thư sau.

Người bạn mới quen

Hồ Thị Vân Anh

Chủ điểm

ANH EM MỘT NHÀ TUẦN 14

Tập đọc

Người liên lạc nhỏ

A. Mục tiêu bài học

– Rèn kĩ năng đọc thành tiếng: Đọc trôi chảy toàn bài, phát âm đúng ở các từ: *gậy trúc, lưỡng thũng, huyết sáo, nhanh nhẹn, thần nhiên, thông minh,...* Biết phân biệt lời dẫn chuyện với lời của các nhân vật (*ông Ké, Kim Đồng, bọn lính*).

– Rèn kĩ năng đọc - hiểu: Hiểu nghĩa các từ: *Kim Đồng, ông Ké, Nùng, Tây đồn, thầy mo, thông minh*. Hiểu nội dung bài: *Ca ngợi sự nhanh trí, dũng cảm khi làm nhiệm vụ dẫn đường, bảo vệ cán bộ cách mạng của anh Kim Đồng - một chiến sĩ liên lạc*.

B. Tìm hiểu nội dung

Bài văn *Người liên lạc nhỏ* chia làm bốn đoạn:

- Đoạn 1: Giới thiệu anh Kim Đồng làm nhiệm vụ dẫn đường.
- Đoạn 2: Sự nhanh trí của Kim Đồng và ông Ké.
- Đoạn 3: Sự bình tĩnh và thông minh của Kim Đồng.
- Đoạn 4: Sự ngu dốt của kẻ thù.

I. Hướng dẫn luyện đọc

Đọc toàn bài với giọng kể chậm rãi, nhấn mạnh vào các từ tả dáng đi nhanh nhẹn của Kim Đồng, phong thái ung dung của ông Ké (*hiền hậu, nhanh nhẹn, lưỡng thũng*). Chú ý giọng đọc ở các đoạn:

- Đoạn 1: Giọng đọc chậm rãi.
- Đoạn 2: Giọng hồi hộp (cảnh hai bác cháu gặp địch).
- Đoạn 3: Giọng bọn lính hống hách, giọng Kim Đồng bình tĩnh.
- Đoạn 4: Giọng vui, phấn khởi.
- *Nào,/ bác cháu ta lên đường!* // (giọng thân mật vui vẻ)
- *Bé con đi đâu sớm thế?* // (giọng hống hách).
- *Đón thầy mo này về cho mẹ ốm.* // (giọng bình tĩnh, thần nhiên).

II. Hướng dẫn trả lời câu hỏi

1. Anh Kim Đồng được giao nhiệm vụ gì?

Anh Kim Đồng được giao nhiệm vụ dẫn cán bộ (ông Ké) đến địa điểm mới.

2. Vì sao bác cán bộ phải đóng vai một ông già Nùng?

Bác cán bộ phải đóng vai một ông già Nùng vì đây là vùng người

Nùng ở, đóng vai người Nùng để dễ hòa hợp với mọi người, che mắt bọn giặc vì chúng tưởng ông là người địa phương.

3. Cách đi đường của hai bác cháu như thế nào?

Cách đi đường của hai bác cháu: *Kim Đồng đeo túi nhanh nhẹn đi trước, ông Ké lưng thùng đằng sau. Gặp điều gì đáng ngờ, người đi trước làm hiệu, người đằng sau tránh vào ven đường.*

4. Hãy tìm những chi tiết nói lên sự nhanh trí và dũng cảm của Kim Đồng khi gặp địch.

Những chi tiết nói lên sự nhanh trí và dũng cảm của Kim Đồng khi gặp địch:

- Sự nhanh trí của Kim Đồng:
 - Khi gặp địch Kim Đồng bình tĩnh huýt sáo báo hiệu.
 - Khi bị giặc hỏi anh nhanh trí trả lời: *Đón thầy mo này về cúng cho mẹ ốm.*
 - Khi trả lời địch xong, anh thản nhiên gọi ông Ké đi tiếp - *Già ôi! Ta đi thôi! Về nhà cháu còn xa đấy!*

Sự nhanh trí của anh khiến cho bọn giặc không nghi ngờ nên chúng để cho hai bác cháu đi tiếp.

- Sự dũng cảm của Kim Đồng:

Mặc dù còn rất nhỏ tuổi nhưng anh đã là một người liên lạc, dẫn đường, bảo vệ cán bộ. Gặp địch anh không lo sợ, trái lại anh bình tĩnh tìm cách đối phó với địch.

Kể chuyện

Người liên lạc nhỏ

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng nói: Dựa vào trí nhớ và tranh minh họa kể lại được toàn bộ câu chuyện *Người liên lạc nhỏ*.
- Rèn kĩ năng nghe: Nghe bạn kể, biết nhận xét, đánh giá lời kể của bạn.

B. Tìm hiểu nội dung (*Hướng dẫn kể chuyện*)

Dựa vào các tranh sau (SGK trang 114) kể lại toàn bộ câu chuyện *Người liên lạc nhỏ*.

Tham khảo cách kể sau:

* Tranh 1.

Kim Đồng được nhận nhiệm vụ đưa ông Ké đến một địa điểm mới. Để đảm bảo an toàn cho ông Ké, Kim Đồng đeo túi nhanh nhẹn

đi trước, ông Ké lững thững theo sau. Gặp điều gì bất trắc Kim Đồng sẽ làm hiệu để ông Ké tránh vào ven đường.

*** Tranh 2.**

Đến một quãng suối, bất thành linh gặp bọn Tây đồn đi tuần. Kim Đồng bình tĩnh huyết sáo. Thấy động ông Ké nấp vào tảng đá ven đường và ngồi xuống đó một cách thản nhiên như người đi đường xa ngồi nghỉ.

*** Tranh 3.**

Bọn giặc thấy thế liền hỏi Kim Đồng:

– Bé con đi đâu sớm thế!

Kim Đồng thản nhiên nói:

– Đón thầy mo này về cúng cho mẹ ốm.

Trả lời xong, Kim Đồng gọi:

– Già ơi! Ta về thôi! Về nhà cháu còn xa lắm!

*** Tranh 4.**

Bọn giặc không nghi ngờ gì cả, chúng cứ tưởng đó là chuyện thật. Thế là hai bác cháu lại ung dung lên đường.

Chính tả (Nghe - viết)

Người liên lạc nhỏ

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng viết chính tả: Nghe - viết chính xác một đoạn trong bài *Người liên lạc nhỏ*.
- Phân biệt cặp vần dễ lẫn: *au / âu, l / n*; âm giữa vần *i / ie*.

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn nghe - viết

- Đọc lại đoạn viết, hiểu nội dung bài: *Kim Đồng nhận nhiệm vụ đưa cán bộ đến địa điểm mới.*
- Trong đoạn viết, có nhiều tên riêng phải viết hoa: *Đức Thanh, Kim Đồng, Hà Quang, Nùng*. Lời của nhân vật được viết sau dấu hai chấm xuống dòng gạch đầu dòng:
 - *Nào, bác cháu ta lên đường!*
 - *Chú ý viết đúng các từ khó: gây trúc, nhanh nhẹn, lững thững,...*

II. Hướng dẫn làm bài tập

1. Nghe - viết: Người liên lạc nhỏ (từ đầu đến *lững thững* đằng sau).

- Các tên riêng có trong bài chính tả: *Đức Thanh, Kim Đồng, Hà Quang, Nùng*.
- Các tên riêng trên phải được viết hoa.

2. Điền vào chỗ trống ay hay ây?

- cây s**ây**; chà**y** giã gạo
- d**ạy** học, ngủ d**ậy**
- số b**ảy**; đòn b**ẩy**

3. Điền vào chỗ trống:

a) / hay n?

Trưa **n**ay bà mệt phải **n**ằm
Thương bà, cháu đã giành phần **n**ấu cơm
Bà cười: vừa **n**át vừa thơm
Sao bà ăn được nhiều hơn mọi lần.

b) / hay iê?

Kiến xuống suối tìm nước uống. Chẳng may, sóng trào lên cuốn kiến đi và suýt nữa thì chìm chết nó. Chim gáy thấy thế liền thả cành cây xuống nước cho kiến - Kiến bám vào cành cây, thoát **hi**ểm.

Tập đọc

Nhớ Việt Bắc

A. Mục tiêu bài học

– Rèn kĩ năng đọc thành tiếng: Đọc diễn cảm bài thơ, phát âm đúng các từ: *nắng ánh, thất lung, đỏ tươi, chuốt, rừng phách, đỏ vàng...* Ngắt nghỉ hơi đúng các câu thơ lục bát. Biết nhấn giọng ở những từ gợi tả, gợi cảm.

– Rèn kĩ năng đọc - hiểu: Hiểu nghĩa của các từ: *Việt Bắc, đèo, dang, phách, ân tình, thủy chung*. Hiểu nội dung của bài: *Cả ngợi cảnh đẹp của Việt Bắc và người Việt Bắc đánh giặc giỏi, thủy chung.*

II. Tìm hiểu nội dung

1. Hướng dẫn luyện đọc

- Đọc diễn cảm bài thơ với giọng hồi tưởng, thiết tha, tình cảm.
- Chú ý đọc đúng các câu thơ sau:

• *Ta về, / mình có nhớ ta /
Ta về, / ta nhớ / những hoa cùng người /
Rừng xanh, / hoa chuối đỏ tươi /
Đèo cao nắng ánh / dao gài thất lung /
Ngày xuân / mơ nở trắng rừng
Nhớ người đan nón / chuốt từng sợi giang /
Ve kêu / rừng phách đổ vàng
Nhớ cô em gái / hái măng một mình //*

*Nhớ khi giặc đến, / giặc lòng /
Rừng cây / núi đá / ta cùng đánh Tây //
Núi giăng thành lũy / sắt dày
Rừng che bộ đội, / rừng vây quân thù. //*

II. Hướng dẫn trả lời câu hỏi

1. Người cán bộ về xuôi nhớ những gì ở Việt Bắc?

Người cán bộ về xuôi nhớ cảnh vật và núi rừng Việt Bắc, nhớ con người Việt Bắc (*Nhớ hoa cùng người*).

2. Tìm những câu thơ cho thấy:

a) Việt Bắc rất đẹp: Đó là cảnh rừng Việt Bắc (*Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi; Ngày xuân mơ nở trắng rừng; Ve kêu rừng phách đổ vàng; Rừng thu trăng rọi hòa bình*).

Cảnh rừng Việt Bắc chan hòa bởi các sắc màu: xanh, đỏ, trắng, vàng làm cho rừng trở nên sống động và tươi mát.

b) Việt Bắc đánh giặc giỏi: (*Rừng cây núi đá ta cùng đánh Tây; Núi giăng thành lũy sắt dày; Rừng che bộ đội, rừng vây quân thù*). Người dân Việt Bắc đánh giặc giỏi, dũng cảm trong chiến đấu.

3. Vẻ đẹp của người Việt Bắc được thể hiện qua những câu thơ nào?

Vẻ đẹp của người Việt Bắc được thể hiện qua các câu thơ:

- Người Việt Bắc chăm chỉ lao động:
 - *Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng.*
 - *Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang.*
 - *Nhớ cô em gái hái măng một mình.*
- Người Việt Bắc ân tình, thủy chung:
 - *Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung.*

4. Học thuộc lòng 10 dòng thơ đầu. (Học sinh tự học).

Luyện từ và câu Ôn tập về từ chỉ đặc điểm Ôn tập câu: *Ai thế nào?*

A. Mục tiêu bài học

Ôn tập về từ chỉ đặc điểm. Ôn kiểu câu *Ai thế nào?* Tìm đúng bộ phận trong câu trả lời câu hỏi *Ai (con gì, cái gì)?* và *Thế nào?*

B. Tìm hiểu nội dung (Hướng dẫn làm bài tập)

1. Tìm các từ chỉ đặc điểm trong những câu thơ sau:

Em vẽ làng xóm
Tre xanh, lúa xanh
Sông máng lượn quanh
Một dòng xanh mát
Trời mây bát ngát
Xanh ngắt mùa thu.

Các từ chỉ đặc điểm: *tre xanh; lúa xanh; xanh mát, bát ngát, xanh ngắt.*

2. Trong những đoạn trích sau, các sự vật được so sánh với nhau về những đặc điểm nào?

Sự vật (A) được so sánh với sự vật (B) về những đặc điểm sau:

Sự vật A	So sánh về đặc điểm	Sự vật B
a) Tiếng suối	<i>trong</i>	tiếng hát
b) Ông Bà	<i>hiền hiền</i>	hạt gạo suối trong
c) Cam Xã Đoài	(giọt) <i>vàng</i>	mật ong

3. Tìm bộ phận của câu:

- Trả lời câu hỏi "*Ai (con gì, cái gì)?*"
- Trả lời câu hỏi "*Thế nào?*"

a) Anh Kim Đồng rất nhanh trí và dũng cảm.

b) Những hạt sương sớm long lanh như những bóng đèn pha lê.

c) Chợ hoa trên đường Nguyễn Huệ đông nghịt người.

Tham khảo cách trả lời sau:

Câu văn	Ai (cái gì, con gì?)	Thế nào?
a) Anh Kim Đồng rất nhanh trí và dũng cảm.	<i>Anh Kim Đồng</i>	<i>rất nhanh trí và dũng cảm.</i>
b) Những hạt sương sớm long lanh như những bóng đèn pha lê.	<i>Những hạt sương sớm</i>	<i>long lanh như những bóng đèn pha lê.</i>
c) Chợ hoa trên đường Nguyễn Huệ đông nghịt người.	<i>Chợ hoa</i>	<i>đông nghịt người</i>

Tập viết

Ôn chữ hoa: *K*

A. Mục tiêu bài học

- củng cố cách viết chữ hoa *K*
- Viết tên riêng *Việt Kiều* và viết câu ứng dụng bằng chữ cỡ nhỏ.

B. Hướng dẫn viết chữ

1. Luyện viết chữ hoa: Các chữ hoa có trong bài: *Ư, K*.

- Chữ *K*: gồm ba nét; hai nét đầu (1, 2) viết như chữ *I*, nét 3 được kết hợp của hai nét cơ bản: móc cuối trái và móc ngược phải nối liền nhau, tạo vòng xoắn nhỏ (nét thắt) ở giữa thân chữ.

- Chữ *Ư*: gồm hai nét là nét móc hai đầu và nét khuyết ngược.

Viết vào vở chữ *K* 1 dòng; chữ *Kk, Ư* 1 dòng.

2. Luyện viết từ ứng dụng:

- *Yết Kiêu* là một tướng tài của Trần Hưng Đạo. Ông có tài bơi lặn dưới nước nên đã đục thủng được nhiều thuyền chiến của giặc.

- Viết vào vở tên riêng *Yết Kiêu* 2 dòng.

3. Luyện viết câu ứng dụng:

Khi đói cùng chung một dạ

Khi rét cùng chung một lòng.

- Ý nghĩa của câu tục ngữ: *Khuyến con người trong lúc khó khăn, hoạn nạn phải biết thương yêu, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau.*

Viết vào vở câu tục ngữ 2 lần.

www.sachgiai.com

Tập đọc **Một trường tiểu học vùng cao**

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng đọc thành tiếng: Đọc trôi chảy toàn bài, phát âm đúng các từ: *Sủng Thái, lặn lội, Sùng Tờ Dìn, dẫn, vui...* Phân biệt lời kể của vị khách với Dìn trong lời đối thoại.

- Rèn kĩ năng đọc - hiểu: Hiểu nghĩa của các từ: *Sủng Thái, trường nội trú, cải thiện*. Hiểu nội dung của bài: *Giới thiệu một trường nội trú ở vùng cao với cuộc sống, sinh hoạt còn nhiều khó khăn nhưng các bạn rất chăm học và yêu ngôi trường của mình.*

B. Tìm hiểu nội dung

Bài văn *Một trường tiểu học vùng cao* chia làm ba đoạn:

- Đoạn 1 (Từ đầu đến “*Các thầy cô ăn ở cùng học sinh*”): Giới thiệu trường nội trú ở vùng cao

- Đoạn 2 (Từ “*Vừa đi, Dìn vừa kể*” đến “*cải thiện bữa ăn*”): Cuộc sống hàng ngày của các bạn nội trú vùng cao.

- Đoạn 3 (Còn lại): Lòng yêu trường của các bạn nhỏ.

I. Hướng dẫn luyện đọc

Đọc trôi chảy toàn bài, phân biệt được lời kể của vị khách với Dìn trong đoạn đối thoại.

- Giọng của Dìn chân thật, tự nhiên, vui vẻ:

- *Cứ sáng thứ hai, / chúng em đến trường cùng với gạo ăn một tuần, / chiều thứ bảy lại về. // Nhà ai nghèo thì Ủy ban xã giúp gạo. //*
- *Buổi sáng, / chúng em học trên lớp, / buổi chiều làm bài. //*
Ngoài giờ học, / chúng em hát, / chơi thể thao hoặc trồng rau, / nuôi gà để cải thiện bữa ăn. //

- Giọng của người khách ân cần:

- *Hàng ngày, / các em làm gì? //*
- *Đi học cả tuần, / Dìn có nhớ nhà không? //*

II. Hướng dẫn trả lời câu hỏi

1. Ai dẫn khách đi thăm trường?

Người dẫn khách đi thăm trường là bạn liên đội trưởng Sùng Tờ Dìn.

2. Bạn Dìn giới thiệu những gì về trường mình?

Bạn Dìn giới thiệu với khách về trường mình như sau:

- Bạn dẫn khách đi thăm trường: các phòng học, nhà bếp, phòng ăn và nhà ở.

- Bạn kể cho khách về sinh hoạt và học tập của các bạn nội trú:

• Sáng thứ hai đến trường cùng với gạo ăn một tuần, nhà ai nghèo thì Ủy ban xã giúp gạo.

• Chiều thứ bảy lại về.

• Lịch học hàng ngày: buổi sáng học trên lớp, buổi chiều làm bài.

• Lịch sinh hoạt: hát, múa, chơi thể thao hoặc trồng rau, nuôi gà để cải thiện bữa ăn.

- Dìn kể về tình cảm của các bạn: Lúc đầu nhớ nhà, nhưng ở trường rất vui. Về nhà, ai cũng mong sớm đến để lại được gặp nhau.

3. Em hãy giới thiệu một vài nét về trường em.

Bài tham khảo

Trường em mang tên vị anh hùng trẻ tuổi Trần Quốc Toản.

Trường nằm trên một khu đất rộng bằng phẳng trong khuôn viên Bàu Cát. Trường có ba dãy lầu kết thành hình chữ U có những hàng cây xanh um che bóng mát, có những bức tường chắc chắn bao bọc. Các dãy lớp học nằm san sát nhau, mỗi lớp đều có hai cửa sổ và một cửa ra vào. Nhìn vào trong, bàn ghế đều sạch sẽ. Đặc biệt phía trên cửa lớp đều xuất hiện một tấm bảng ghi tên lớp mình màu xanh

thăm nổi bật trên nền trắng. Khu văn phòng nằm gần phía cổng, đằng trước có một bồn hoa hồng đỏ xen kẽ với hoa cúc vàng tạo nên một vẻ đẹp rực rỡ. Nơi đây là chỗ các thầy cô giáo làm việc và hội họp. Cạnh đó là phòng của Ban Giám hiệu. Đi thêm vài bước nữa, là thư viện của trường với kho tàng kiến thức vô giá, những lúc rảnh rỗi em thường vào thư viện để đọc sách.

Nơi giúp chúng em giải trí, vui đùa thỏa thích sau những giờ học căng thẳng là sân trường. Sân trường được lát bằng những viên gạch Tàu đỏ thẫm tạo thành từng ô vuông thẳng tắp đến cuối sân. Chính giữa là cột cờ cao chừng mười mét với lá cờ đỏ sao vàng tung bay phấp phới. Bao quanh sân là những cây điệp vàng đang đua nhau khoe sắc.

Em rất yêu ngôi trường của em. Mai đây dù có đi xa, em vẫn nhớ mãi ngôi trường Trần Quốc Toản thân thương này.

Chính tả (Nghe - viết)

Nhớ Việt Bắc

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng viết chính tả: Nghe - viết, trình bày đúng một đoạn thơ trong bài *Nhớ Việt Bắc*. Biết trình bày sạch đẹp bài thơ lục bát.
- Phân biệt các cặp vần dễ lẫn: *au / âu*; âm đầu: *l / n*; âm giữa vần: *i / ie*.

www.sachgiai.com

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn nghe - viết

- Đọc lại 10 dòng thơ đầu của bài thơ *Việt Bắc*, hiểu nội dung đoạn viết: *Ca ngợi cảnh và con người Việt Bắc*.
- Bài chính tả có những chữ phải viết hoa: Các chữ đầu dòng thơ và tên riêng *Việt Bắc*.
- Cách trình bày các dòng thơ:
 - Lùi vào 5 ô viết tựa đề *Nhớ Việt Bắc*.
 - Lùi vào 3 ô viết dòng thơ 6 chữ.
 - Lùi vào 2 ô viết dòng thơ 8 chữ.

II. Hướng dẫn làm bài tập

1. Nghe - viết: *Nhớ Việt Bắc* (từ đầu đến *ân tình thủy chung*).

- Cách viết các dòng thơ lục bát: Dòng 6 chữ viết lùi vào 3 ô li và dòng 8 chữ viết lùi vào 2 ô li so với lề vở.
- Những từ trong bài chính tả cần viết hoa: Các từ đầu mỗi dòng thơ và tên riêng *Việt Bắc*.

2. Điền vào chỗ trống *au* hay *âu*?

- hoa **mẫu** đơn; mưa **mau** hạt
- lá **trầu**; đầu **trầu**
- sáu **điểm**; quả **sấu**.

3. Điền vào chỗ trống:

a) *l* hay *n*?

- Tay làm hàm **nhai**, tay quai miệng **trề**.
- Nhai kĩ **no** lâu, cày sâu tốt **lúa**.

b) *i* hay *ê*?

- Chim có **tổ**, người có **tông**.
- **Tiên** học lễ, **hậu** học văn.
- Kiến tha lâu cũng đầy **tổ**.

Tập làm văn **Nghe - kể: Tôi cũng như bác** Giới thiệu hoạt động

A. Mục tiêu bài học

Rèn kĩ năng nói: Nghe - kể lại một cách tự nhiên câu chuyện *Tôi cũng như bác*. Biết giới thiệu với đoàn khách đến thăm lớp về tổ và hoạt động trong tổ của em trong tháng vừa qua.

B. Tìm hiểu nội dung (*Hướng dẫn làm bài tập*)

1. Nghe và kể lại câu chuyện *Tôi cũng như bác*.

Nội dung câu chuyện

Tôi cũng như bác

Một nhà văn già ra ga mua vé. Ông muốn đọc bản thông báo của nhà ga, nhưng quên mang kính nên không đọc được chữ gì. Thấy có người đứng cạnh, ông liền nhờ:

- *Phiền bác đọc giúp tôi tờ thông báo này với!*

Người kia buồn rầu đáp:

- *Xin lỗi. Tôi cũng như bác thôi, vì lúc bé không được học nên bây giờ đành chịu mù chữ.*

Dựa vào gợi ý trong SGK, kể lại câu chuyện vui một cách tự nhiên.

a) Vì sao nhà văn không đọc được bản thông báo? (*Vì ông quên không mang kính*).

b) Ông nói gì với người đứng cạnh? (*Phiền bác đọc giúp tôi tờ thông báo này với*).

c) Người đó trả lời ra sao? Câu trả lời có gì đáng buồn cười?

- Người đó trả lời: *Xin lỗi. Tôi cũng như bác thôi, vì lúc bé*

không được học nên bây giờ đành chịu mù chữ.

– Câu trả lời buồn cười: Người đó cứ tưởng nhà văn giống mình không biết chữ.

2. Hãy giới thiệu về tổ em và hoạt động của tổ em trong tháng vừa qua với một đoàn khách đến thăm lớp. Theo gợi ý của sách giáo khoa:

a) Tổ em gồm những bạn nào? Các bạn là người dân tộc nào? (*Tổ em gồm 6 bạn đó là: Vân Anh, Lan Hương, Quỳnh Trang, Tuyết Mai, Sơn Khanh và Kim Dung - các bạn đều là người dân tộc Kinh*).

b) Mỗi bạn có đặc điểm gì? (*Vân Anh học giỏi môn Văn; Lan Hương giỏi môn Toán; Quỳnh Trang rất khéo tay; Tuyết Mai có giọng hát hay; Sơn Khanh múa rất đẹp còn Kim Dung có tài hùng biện*).

c) Tháng vừa qua, các bạn làm được những việc gì tốt? (*Vân Anh và Lan Hương đi thi học sinh giỏi Toán Văn. Các bạn còn lại đều tham gia vào ban văn nghệ của lớp để chuẩn bị cho cuộc thi Văn nghệ toàn trường nhân Ngày Nhà giáo Việt Nam 20 - 11*).

Dựa vào các gợi ý, các em hãy viết lời giới thiệu về tổ và hoạt động của tổ mình với đoàn khách đến thăm lớp.

Bài tham khảo

Sáng nay, trường em được vinh dự đón đoàn khách của Sở Giáo dục thành phố về thăm.

Khi đoàn đến lớp 3C của chúng em, cô giáo yêu cầu từng tổ tự giới thiệu về tổ mình cũng như hoạt động trong tổ.

Vân Anh - tổ trưởng thay mặt các bạn trong tổ báo cáo:

Tổ của chúng em gồm sáu bạn nữ: em là Vân Anh học giỏi môn Văn, Lan Hương giỏi môn Toán, Quỳnh Trang có đôi bàn tay rất khéo léo được mệnh danh là người có đôi "bàn tay vàng", Tuyết Mai có giọng hát rất hay, đó là "con chim sơn ca" của lớp. Sơn Khanh đáng đi uể chuyển nên múa rất đẹp. Còn Kim Dung có tài hùng biện.

Mặc dù chúng em mỗi người có một sở thích khác nhau nhưng chúng em rất thương yêu nhau như chị em một nhà. Ngay từ đầu năm Vân Anh và Lan Hương đã giặt giải nhất trong kì thi học sinh giỏi cấp quận, các bạn mang về cho lớp, cho trường niềm vinh dự. Hiện nay, toàn tổ chúng em đang tập hai bài hát để chuẩn bị cho liên hoan văn nghệ toàn trường nhân Ngày Nhà giáo Việt Nam 20 - 11. Bên cạnh đó toàn tổ chúng em quyết tâm học tập tốt để đạt thành tích cao trong học kì I này.

TUẦN 15

Tập đọc

Hũ bạc của người cha

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng đọc thành tiếng: Đọc trôi chảy toàn bài, phát âm đúng ở các từ: *siêng năng, lười biếng, thản nhiên, hũ bạc, nhắm mắt, vất vả*... Phân biệt lời dẫn chuyện và lời các nhân vật (ông lão).
- Rèn kĩ năng đọc - hiểu: Hiểu nghĩa của các từ: *người Chăm, hũ, dú, thản nhiên, dành dụm*. Hiểu nội dung câu chuyện: *Nhờ chăm chỉ lao động con người trở nên giàu có, lao động chính là nguồn tạo nên của cải.*

B. Tìm hiểu nội dung

Câu chuyện *Hũ bạc của người cha* chia làm năm đoạn:

- Đoạn 1: Lời dặn dò của người cha.
- Đoạn 2: Sự giận dữ của người cha với người con lười biếng chỉ biết lêu lổng.
- Đoạn 3: Người con lao động và sự chắt chiu dành dụm của người con.
- Đoạn 4: Người con biết quý đồng tiền mà mình làm ra.
- Đoạn 5: Sự hài lòng của người cha về con.

I. Hướng dẫn luyện đọc

Đọc toàn bài với giọng kể chậm rãi, khoan thai. Chú ý giọng của ông lão:

- Khuyến bảo khi dạy và đưa tiền con ra đi tập kiếm miếng ăn.
- *Cha muốn trước khi **nhắm mắt** / thấy con **kiếm nổi bát cơm**. Con hãy **đi làm** / và **mang tiền** về đây. //*
- Nghiêm khắc trước hành động của con (*vứt tiền xuống ao*).
- *Đây **không phải** tiền con làm ra. //*
- Ân cần cảm động khi thấy con đã biết quý trọng đồng tiền.
- *Bây giờ cha **tin** tiền đó chính tay con làm ra. // Có **làm lưng vất vả**, / người ta mới biết **quý** đồng tiền. //*

4. Hướng dẫn trả lời câu hỏi

1. Ông lão muốn con trai trở thành người như thế nào?

Ông lão muốn con trai trở thành người siêng năng, chăm chỉ, tự mình kiếm nổi bát cơm.

2. Ông lão rút tiền xuống ao để làm gì?

Ông lão rút tiền xuống ao để:

- Thử xem đứa con có biết quý trọng đồng tiền không.
- Cảnh cáo con đây không phải đồng tiền do chính con làm nên.

3. Người con đã làm lụng vất vả và tiết kiệm như thế nào?

- Người con đã làm lụng vất vả: xay thóc thuê (*xay một thúng thóc được trả công hai bát gạo*) trong ba tháng.
- Người con đã tiết kiệm: một ngày chỉ dám ăn một bát (*ngày được hai bát*). Suốt ba tháng dành được chín mươi bát gạo, anh bán lấy tiền mang về.

4. Khi ông lão rút tiền vào bếp người con làm gì? Vì sao?

Khi ông lão rút tiền vào bếp, người con vội thọc tay vào lửa lấy tiền ra vì anh ta sợ cháy mất tiền, đồng tiền đó là mồ hôi nước mắt, sự chắt chiu, dành dụm của anh trong suốt ba tháng qua. Anh đã biết quý trọng đồng tiền.

5. Hãy tìm những câu trong truyện nói lên ý nghĩa của truyện này.

Những câu văn nói lên ý nghĩa của truyện:

- *Có làm lụng vất vả, người ta mới biết quý đồng tiền.*
- *Hũ bạc tiêu không bao giờ hết chính là hai bàn tay con.*

Kể chuyện

Hũ bạc của người cha

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng nói: Sau khi sắp xếp lại các tranh theo đúng thứ tự trong câu chuyện *Hũ bạc của người cha*, dựa vào tranh kể lại được câu chuyện này.
- Rèn kĩ năng nghe: Nghe bạn kể, biết nhận xét, đánh giá lời kể của bạn.

B. Tìm hiểu nội dung (*Hướng dẫn kể chuyện*)

1. Sắp xếp lại các tranh sau theo đúng thứ tự trong câu chuyện *Hũ bạc của người cha*.

Thứ tự đúng của các tranh là: 3 - 5 - 4 - 1 - 2.

2. Kể lại toàn bộ câu chuyện.

- * Tranh 1 (là tranh 3 trong sách giáo khoa).

Ngày xưa, có một người nông dân rất chăm chỉ, siêng năng. Về già, ông để dành được một hũ bạc. Tuy vậy, nhưng ông rất buồn vì con trai của ông rất lười biếng, suốt ngày chỉ chơi lêu lổng.

Một hôm, ông gọi con đến và bảo:

– Cha muốn trước khi nhắm mắt, thấy con kiếm nổi bát cơm. Con hãy đi làm và mang tiền về đây.

*** Tranh 2 (là tranh 5 trong sách giáo khoa).**

Sợ con vất vả, bà mẹ liền dúm cho anh một ít tiền. Anh không đi làm mà chỉ đi chơi. Khi còn lại vài đồng, anh trở về nhà và đưa tiền cho cha. Người cha liền rút ngay số tiền đó xuống ao và thấy con vẫn thản nhiên, ông nghiêm giọng:

– Đây không phải tiền con làm ra.

*** Tranh 3 (là tranh 4 trong sách giáo khoa).**

Người con lại ra đi. Lần này bà mẹ chỉ dám cho con một ít tiền ăn đường. Sau khi ăn hết tiền, anh đành tìm vào một làng xin xay thóc thuê. Xay một thúng thóc được trả công hai bát gạo. Cả ngày anh chỉ dám ăn một bát. Suốt ba tháng trời ròng rã anh dành dụm được chín mươi bát gạo, anh bán lấy tiền mang về nhà.

*** Tranh 4 (là tranh 1 trong sách giáo khoa).**

Khi anh mang tiền về, ông lão đang ngồi bên bếp lửa, ông chẳng nói gì bèn quẳng ngay vào bếp. Thấy vậy, anh vội thọc tay vào bếp lấy ra. Ông lão cười và nói: www.sachgiai.com

– Bây giờ cha tin tiền đó chính tay con làm ra. Có làm lụng vất vả người ta mới biết quý đồng tiền.

*** Tranh 5 (là tranh 2 trong sách giáo khoa).**

Ông lão đào hũ bạc lên đưa cho con và nói:

– Nếu con lười biếng, dù cha có một trăm hũ bạc cũng không đủ. Hũ bạc tiêu không bao giờ hết chính là hai bàn tay con.

Chính tả (Nghe - viết) Hũ bạc của người cha

A. Mục tiêu bài học

– Rèn kĩ năng viết chính tả: Nghe - viết đúng một đoạn (đoạn 4) của truyện *Hũ bạc của người cha*.

– Điền vào chỗ trống tiếng có vần khó *ui / uôi*. Viết đúng chính tả các từ chứa tiếng có âm, vần dễ lẫn: *s / x; â / ă*.

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn nghe - viết

– Đọc lại đoạn 4 câu chuyện *Hũ bạc của người cha*, hiểu nội dung đoạn viết: *Người con đã biết quý trọng đồng tiền*.

– Đoạn viết gồm 6 câu. Những chữ phải viết hoa: *Hôm, Ông, Anh, Ông, Bấy, Có* vì đây là những chữ đầu câu.

– Lời nói của người cha viết sau dấu hai chấm, xuống dòng, gạch đầu dòng. Chú ý viết đúng các từ khó: *ông lão, bếp lửa, chảy nước mắt, làm lụng vất vả,...*

II. Hướng dẫn làm bài tập

1. **Nghe - viết:** *Hũ bạc của người cha* (từ *Hôm đó* đến *biết quý đồng tiền*).

2. **Điền vào chỗ trống *ui* hay *uôi*?**

- | | |
|--------------------------------------|---------------------------------------|
| – m <u>ui</u> dao; con m <u>uôi</u> | – hạt m <u>uối</u> ; m <u>úi</u> bưởi |
| – n <u>úi</u> lửa; n <u>uôi</u> nấng | – t <u>uổi</u> trẻ; t <u>ủi</u> thân. |

3. **Tìm các từ:**

a) **Chứa tiếng bắt đầu bằng *s* hoặc *x*, có nghĩa như sau:**

- Còn lại một chút do sơ ý hoặc quên: **sót**.
- Món ăn bằng gạo nếp đồ chín: **xôi**.
- Trái nghĩa với tốt: **xấu**.

b) **Chứa tiếng có vần *âc* hoặc *ât*, có nghĩa như sau:**

- Chất lỏng, ngọt, màu vàng óng, do ong hút nhụy hoa làm ra: **mật**.
- Vị trí trên hết trong xếp hạng: **nhất**.
- Một loại quả chín, ruột màu đỏ, dùng để thổi xôi: **gấc**.

Tập đọc

Nhà bồ ở

A. Mục tiêu bài học

– Rèn kĩ năng đọc thành tiếng: Đọc diễn cảm bài thơ, phát âm đúng các từ: *Páo, ngọn núi, nhòa dần, quanh co, leo đèo, chót vót, thang gác,...* Biết ngắt nghỉ đúng sau mỗi dòng thơ và khổ thơ.

– Rèn kĩ năng đọc - hiểu: Hiểu nghĩa của từ: *sừng sững, thang gác*. Hiểu nội dung bài thơ: *Sự ngạc nhiên, ngỡ ngàng của bạn nhỏ miền núi lên thăm bố ở thành phố*.

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn luyện đọc

– Đọc diễn cảm bài thơ với giọng kể thông thả biểu hiện đúng tâm trạng ngạc nhiên ngỡ ngàng của bạn nhỏ miền núi lên thăm bố ở thành phố.

- Chú ý ngắt nghỉ hơi đúng giữa các dòng thơ và khổ thơ. Ví dụ:

*Nghỉ hè, / Páo đi thăm bố /
Ngọn núi / ở lại cùng mây /
Mặt trời / theo về thành phố /
Tiếng suối / nhòà dần sau cây... //
Con đường sao mà rộng thế /
Sông sâu / chẳng lội được qua /
Người, / xe / đi như gió thổi /
Ngước lên / mới thấy mái nhà. //*

II. Hướng dẫn trả lời câu hỏi

1. Quê Páo ở đâu? Những câu thơ nào cho biết điều đó?

- Quê Páo ở miền núi.
- Những câu thơ cho biết điều đó:
 - *Ngọn núi ở lại cùng mây.*
 - *Tiếng suối nhòà dần sau cây.*
 - *Quanh co như Páo leo đèo.*
 - *Gió như đỉnh núi bắn ta.*
 - *Nhớ sao đèo dốc quê nhà.*

2. Páo đi thăm bố ở đâu?

Páo đi thăm bố ở thành phố.

3. Những điều gì ở thành phố khiến Páo thấy lạ?

Những điều ở thành phố khiến Páo thấy lạ:

- Con đường rất rộng.
- Sông sâu không lội được qua.
- Người, xe đi lại nhiều.
- Nhà cao như núi có hàng trăm cửa sổ, đi theo thang gác ở giữa nhà.

4. Những gì ở thành phố Páo thấy giống quê mình?

Những điều ở thành phố Páo thấy giống quê mình:

- Nhà cao giống như núi.
- Bố ở tầng năm gió lộng như gió ở bản.
- Lên xuống thang gác như leo đèo.

Lần đầu Páo về thành phố nên nhìn đâu Páo cũng thấy ngạc nhiên, ngỡ ngàng. Chính sự lạ lẫm đó khiến Páo liên tưởng đến cảnh vật của quê mình. Bằng sự so sánh giữa cảnh ở thành phố và cảnh của miền núi càng làm tăng thêm sự ngạc nhiên của Páo.

5. Học thuộc lòng những khổ thơ em thích.

(Học sinh tự học và nêu rõ lí do vì sao thích khổ thơ đó).

Luyện từ và câu Mở rộng vốn từ: *Các dân tộc*

Luyện đặt câu có hình ảnh so sánh

A. Mục tiêu bài học

- Mở rộng vốn từ về các dân tộc. Điền đúng những từ ngữ thích hợp vào ô trống.
- Tiếp tục học về phép so sánh: đặt câu có hình ảnh so sánh.

B. Tìm hiểu nội dung (*Hướng dẫn làm bài tập*)

1. Hãy kể tên một số dân tộc thiểu số ở nước ta mà em biết.

Một số dân tộc thiểu số ở nước ta: *Tày, Nùng, Thái, Mường, Dao, Hmông, Cơ-ho, Khơ-mú, Ê-đê, Ba-na, Gia-rai,...*

2. Chọn từ ngữ thích hợp trong ngoặc đơn để điền vào chỗ trống:

- a) Đồng bào miền núi thường trồng lúa trên những thửa ruộng **bạc thang**.
- b) Những ngày lễ hội, đồng bào các dân tộc Tây Nguyên thường tập trung bên **nhà rông** để múa hát.
- c) Để tránh thú dữ, nhiều dân tộc miền núi thường làm **nhà sàn** để ở.
- d) Truyện *Hũ bạc của người cha* là truyện cổ của dân tộc **Chăm**.

3. Quan sát từng cặp sự vật được vẽ dưới đây (SGK trang 126) rồi viết những câu có hình ảnh so sánh các sự vật trong tranh:

Trả lời:

- *Tranh 1*: Trăng tròn như quả bóng (trăng được so sánh với quả bóng tròn).
- *Tranh 2*: Bé cười tươi như hoa (nụ cười của bé được so sánh với bông hoa).
- *Tranh 3*: Đèn sáng như sao (đèn được so sánh với sao sáng).
- *Tranh 4*: Bản đồ Việt Nam giống như hình chữ S (hình dáng của nước ta được so sánh với hình chữ S).

4. Tìm những từ ngữ thích hợp với mỗi ô trống:

- a) Công cha nghĩa mẹ được so sánh như *núi Thái Sơn*, như *nước trong nguồn chảy ra*.
- b) Trời mưa, đường đất sét trơn như *bôi mỡ*.
- c) Ở thành phố có nhiều tòa nhà cao như *núi*.

Tập viết

Ôn chữ hoa: L

A. Mục tiêu bài học

- Củng cố cách viết hoa chữ L.
- Viết tên riêng Lê Lợi bằng chữ cỡ nhỏ.
- Viết câu ứng dụng bằng chữ cỡ nhỏ.

B. Hướng dẫn viết

1. Luyện viết chữ hoa: Chữ hoa có trong bài L.

– Chữ L: gồm ba nét: cong trái, lượn đứng và lượn ngang nối liền nhau tạo vòng xoắn (nét thắt) to ở đầu chữ (gần giống phần đầu các chữ cái viết hoa C, G) và vòng xoắn (nét thắt) nhỏ ở chân chữ (giống chân chữ cái viết hoa D).

- Viết vào vở chữ L 2 dòng.

2. Luyện viết từ ứng dụng (tên riêng)

– Lê Lợi (1385 - 1433) là vị anh hùng dân tộc có công lớn đánh đuổi giặc Minh, giành độc lập cho dân tộc, lập ra triều đình nhà Lê.

- Viết vào vở tên riêng Lê Lợi 2 dòng.

3. Luyện viết câu ứng dụng:

Lời nói chẳng mất tiền mua

Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.

– Hiểu nội dung câu tục ngữ: Khi nói năng với mọi người phải biết lựa chọn lời nói để cho người nói chuyện với mình cảm thấy hài lòng, dễ chịu.

- Viết vào vở câu tục ngữ 2 lần.

Tập đọc

Nhà rông ở Tây Nguyên

A. Mục tiêu bài học

– Rèn kĩ năng đọc thành tiếng: Đọc trôi chảy toàn bài, phát âm đúng các từ ngữ: múa rông chiêng, ngọn giáo, vương mái, thần làng, vũ khí, bảo vệ,... Biết nhấn giọng ở những từ ngữ tả đặc điểm của nhà rông.

– Rèn kĩ năng đọc - hiểu: Hiểu nghĩa của các từ: rông chiêng, nông cụ. Hiểu nội dung của bài: Biết đặc điểm của nhà rông Tây Nguyên và những sinh hoạt cộng đồng của người Tây Nguyên.

B. Tìm hiểu nội dung

Bài văn *Nhà rông ở Tây Nguyên* chia làm bốn đoạn:

- Đoạn 1 (Từ đầu đến “*không vướng mái*”): Giới thiệu nhà rông và sự chắc chắn của nó.
- Đoạn 2 (Từ “*Gian đầu nhà rông*” đến “*dùng khi cúng tế*”): Gian đầu của nhà rông.
- Đoạn 3 (Từ “*Gian giữa*” đến “*khách của làng*”): Gian giữa với bếp lửa.
- Đoạn 4 (Đoạn còn lại): Công dụng của gian thứ ba.

I. Hướng dẫn luyện đọc

Đọc diễn cảm toàn bài, nhấn giọng ở các từ chỉ đặc điểm của nhà rông: *loại gỗ bền chắc, dàn voi đi qua không đụng sàn, ngọn giáo không vướng mái, nơi thờ thần làng, nơi tiếp khách, nơi thanh niên ngủ tập trung...* Ví dụ:

*Nhà rông thường được làm bằng các **loại gỗ bền chắc** / như lim, / gụ, / sếu, / táu. // Nó phải cao để **dàn voi đi qua không đụng sàn** / và khi múa rông chiêng trên sàn, / **ngọn giáo không vướng mái**. //*

II. Hướng dẫn trả lời câu hỏi

1. Vì sao nhà rông phải chắc và cao?

Nhà rông phải chắc và cao là vì: Nhà rông phải chắc để dùng được lâu dài, chịu được gió, bão. Nhà rông phải rộng để chứa được nhiều người khi tụ tập hội họp hoặc nhảy múa, ca hát. Nhà rông cũng phải cao để dàn voi đi qua không đụng sàn, khi múa rông chiêng ngọn giáo không vướng mái.

2. Gian đầu của nhà rông được trang trí như thế nào?

Gian đầu của nhà rông được trang trí rất trang nghiêm vì đó là nơi thờ thần làng: *Trên vách treo một giỏ mây đựng hòn đá thần. Xung quanh hòn đá thần treo những cành hoa đan bằng tre, vũ khí, nông cụ của cha ông truyền lại và chiêng trống dùng khi cúng tế.*

3. Vì sao nói gian giữa là trung tâm của nhà rông?

Gian giữa là trung tâm của nhà rông vì gian giữa là nơi có bếp lửa, nơi các già làng thường tụ họp để bàn bạc việc lớn, nơi tiếp khách của làng.

Chính tả (Nghe - viết) Nhà rông ở Tây Nguyên

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng viết chính tả: Nghe - viết đúng một đoạn trong bài *Nhà rông ở Tây Nguyên*.
- Làm đúng bài tập điền từ vào chỗ trống, cặp vần dễ lẫn: *úi / ươi*.
- Tìm những tiếng có thể ghép với các tiếng có âm đầu hoặc vần dễ lẫn: *s / x; â / ă*.

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn nghe - viết

- Đọc lại đoạn viết trong bài *Nhà rông ở Tây Nguyên*, hiểu nội dung đoạn viết: *Giới thiệu gian đầu của nhà rông và cách trang trí*.
- Đoạn văn gồm 3 câu. Những chữ cần phải viết hoa: *Gian, Đó, Xung* là những chữ cái đầu dòng và đầu câu.
- Chú ý viết đúng các từ khó: *gian, thờ thần làng, nhặt, vũ khí,...*

II. Hướng dẫn làm bài tập

1. **Nghe - viết:** *Nhà rông ở Tây Nguyên* (từ *Gian đầu nhà rông...* đến *dùng khi cúng tế*)

2. **Điền vào chỗ trống ử hay ươi?**

- | | | |
|------------|-------------|------------|
| – khung cử | – cưỡi ngựa | – sưởi ấm |
| – mát rượi | – gửi thư | – tưới cây |

3. **Tìm những tiếng có thể ghép với mỗi tiếng sau:**

a) – **xâu, sâu:**

- **xâu:** *xâu kim, xâu bánh, xâu cá, xâu chuối,...*
- **sâu:** *nông sâu, sâu bọ, sâu sắc, sâu xa,...*
- **xẻ, sẻ:**
- **xẻ:** *xẻ tà áo, xẻ gỗ, cửa xẻ, nứa xẻ,...*
- **sẻ:** *chia sẻ, chia sẻ, san sẻ,...*

b) – **bật, bậc:**

- **bật:** *bật cười, bật lửa, bật đèn, tắt bật, run bần bật,...*
- **bậc:** *bậc tiền bối, bậc tam cấp, cấp bậc, bậc cửa,...*
- **nhất, nhắc:**
- **nhất:** *thứ nhất, thống nhất, nhất trí cao, đẹp nhất,...*
- **nhắc:** *nhắc chân, nhắc gót, nhắc bóng,...*

Tập làm văn

Nghe - kể: *Giấu cà*

Giới thiệu về tổ em

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng nói: Nghe - nhớ và kể lại đúng nội dung câu chuyện *Giấu cà*.
- Rèn kĩ năng viết: Dựa vào bài tập làm văn miệng ở tuần 14 viết một đoạn văn giới thiệu về tổ em.

B. Tìm hiểu nội dung (*Hướng dẫn làm bài tập*)

1. Nghe và kể lại câu chuyện *Giấu cà*.

Nội dung câu chuyện

Giấu cà

Có một người đang cà ruộng thì vợ gọi về ăn cơm. Thấy vợ gọi riết quá, bác ta hét to trả lời:

– Để tôi giấu cái cà vào bụi dẽ!

Về nhà, bác ta bị vợ trách:

– Ông giấu cà mà la to như thế, kẻ gian nó biết chỗ, lấy cà đi thì sao?

Lát sau, cơm nước xong, bác ta ra ruộng. Quả nhiên cà mất rồi. Bác ta bèn chạy một mạch về nhà. Nhìn trước, nhìn sau chẳng thấy ai, bác ta mới ghé sát tai vợ, thì thào:

– Nó lấy mất cà rồi!

Dựa vào gợi ý trong SGK, kể lại câu chuyện một cách tự nhiên với giọng kể vui.

a) Khi được gọi về ăn cơm, bác nông dân nói thế nào?

(Bác hét to: Để tôi giấu cái cà vào bụi dẽ!)

b) Vì sao bác bị vợ trách?

(Vì giấu cà mà la to như thế, kẻ gian biết chỗ sẽ lấy mất cà).

c) Khi thấy mất cà, bác làm gì?

(Chạy một mạch về nhà. Nhìn trước, nhìn sau chẳng thấy ai, ghé sát tai vợ, thì thào: Nó lấy mất cà rồi!)

2. Dựa vào bài tập làm văn miệng tuần trước, hãy viết một đoạn văn giới thiệu về tổ em.

(Các em xem lại bài văn đã viết ở tuần 14).

Chủ điểm THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN

TUẦN 16

Tập đọc Đôi bạn

A. Mục tiêu bài học

– Rèn kĩ năng đọc thành tiếng: Đọc trôi chảy cả bài, phát âm đúng các từ: *san sát, nườm nượp, lấp lánh, vùng vẫy, tuyệt vọng, lướt thướt...* Biết phân biệt lời dẫn truyện với lời nhân vật (lời kêu cứu, lời bố).

– Rèn kĩ năng đọc - hiểu: Hiểu nghĩa của các từ: *sơ tán, sao sa, công viên, tuyệt vọng*. Hiểu nội dung của bài: *Ca ngợi phẩm chất tốt đẹp của người làng quê. Tình cảm gắn bó của người thành phố với người làng quê.*

B. Tìm hiểu nội dung

Câu chuyện *Đôi bạn* chia làm ba đoạn:

– Đoạn 1: Thành và Mến là đôi bạn thân. Mến ở làng quê ra thành phố thấy gì cũng lạ.

– Đoạn 2: Hành động dũng cảm của Mến.

– Đoạn 3: Tấm lòng đáng quý của người làng quê.

I. Hướng dẫn luyện đọc

Đọc toàn bài với giọng kể thông thả, chú ý giọng đọc của người dẫn chuyện, lời kêu cứu, lời của bố.

– Người dẫn chuyện: giọng đọc thông thả chậm rãi ở đoạn 1, 2. Đọc nhanh và hồi hộp ở cuối đoạn 2.

– Lời kêu cứu: thất thanh.

– Lời của bố: điềm đạm, ôn tồn, cảm động.

Ví dụ:

*Hai năm sau, / bố Thành đón Mến ra chơi. // Thành dẫn bạn đi thăm khắp nơi; // **Cái gì** đối với Mến **cũng lạ**. // Ở đây, có nhiều phố quá. // Phố nào cũng **nhà ngói san sát**, / cái cao / cái thấp, / chẳng giống những ngôi nhà ở quê. // Mỗi sáng, / mỗi chiều / những dòng xe cộ đi lại **nườm nượp**. // Ban đêm, / đèn điện lấp lánh như sao sa. //*

II. Hướng dẫn trả lời câu hỏi

1. Thành và Mến kết bạn vào dịp nào?

Thành và Mến kết bạn với nhau từ lúc còn nhỏ (Ngày ấy giặc Mĩ ném bom phá hoại miền Bắc, Thành theo bố mẹ sơ tán về quê Mến. Mĩ thua Thành về lại thị xã.)

2. Mến thấy thị xã có gì lạ?

Mến ra thị xã thấy cái gì cũng lạ: *Có nhiều phố. Phố nào cũng nhà ngói san sát, cái cao, cái thấp. Những dòng xe cộ đi lại nườm nượp. Ban đêm, đèn điện lấp lánh như sao sa.*

3. Mến đã có hành động gì đáng khen?

Hành động đáng khen của Mến: Khi nghe thấy tiếng kêu cứu, Mến đã lao xuống hồ cứu được một cậu bé. Hành động của Mến là một hành động dũng cảm không sợ nguy hiểm đến tính mạng của mình, sẵn sàng cứu giúp người khác.

4. Em hiểu câu nói của người bố như thế nào?

Câu nói của người bố đã ca ngợi hành động dũng cảm của bạn Mến đồng thời ca ngợi tấm lòng đáng quý của người làng quê.

5. Tìm những chi tiết nói lên tình cảm thủy chung của gia đình Thành đối với những người đã giúp đỡ mình.

Những chi tiết nói lên tình cảm thủy chung của gia đình Thành đối với những người đã giúp đỡ mình:

- Bố Thành đón Mến ra chơi.
- Thành dẫn bạn đi thăm khắp nơi.
- Bố Thành có những suy nghĩ tốt đẹp về người làng quê (*Người làng quê như thế đấy con ạ. Lúc đất nước có chiến tranh, họ sẵn lòng sẻ nhà sẻ cửa cho ta. Cứu người, họ không hề ngần ngại*).

Kể chuyện

Đôi bạn

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng nói: Kể lại từng đoạn và toàn bộ câu chuyện theo gợi ý của SGK.
- Rèn kĩ năng nghe: Nghe bạn kể, biết nhận xét, đánh giá lời kể của bạn.

B. Tìm hiểu nội dung (*Hướng dẫn kể chuyện*)

a) Đoạn 1: *Trên đường phố.*

- **Bạn ngày nhỏ.**

Mến và Thành là đôi bạn thân ngay từ khi còn nhỏ. Ngày ấy, giặc Mĩ ném bom phá hoại miền Bắc, gia đình Thành sơ tán về quê Mến. Khi Mĩ thua Thành về lại thị xã.

- **Đón bạn ra chơi.**

Hai năm sau, bố Thành đón Mến ra chơi. Thành dẫn Mến đi thăm thị xã. Mến thấy cái gì cũng lạ. Ở đây, nhà cửa mái ngói san sát, cái

cao, cái thấp, chẳng giống những ngôi nhà ở quê. Dòng người và xe cộ đi lại nườm nượp. Ban đêm, đèn sáng như sao sa.

b) Đoạn 2: Trong công viên.

– Công viên.

Là chỗ vui nhất, có hoa, có cầu trượt, có đu quay, có cả một cái hồ lớn. Hồ rộng hơn cái đầm ở làng Mến. Nhìn mặt hồ lăn tăn gợn sóng, hai đứa nhớ lại kỉ niệm bơi thuyền thúng ra hồ hái hoa sen.

– Ven hồ.

Đang mãi nói chuyện, bỗng Mến và Thành nghe tiếng kêu cứu thất thanh:

- Cứu với!

– Cứu em nhỏ.

Trong lúc Thành chưa kịp hiểu chuyện gì thì Mến đã lao xuống nước. Giữa hồ, một cậu bé đang vùng vẫy tuyệt vọng. Trên bờ, mấy chú bé hốt hoảng kêu la. Mến bơi rất nhanh, chỉ một loáng cậu đã túm được tóc em bé và đưa vào bờ.

c) Đoạn 3: Lời của bố.

– Bố biết chuyện.

Về nhà, Thành và Mến không dám kể cho bố nghe chuyện xảy ra vì cả hai cậu sợ bố lo. Mãi khi Mến đã về quê, bố mới biết chuyện.

– Bố nói gì?

Bố bảo:

- Người ở làng quê rất tốt. Lúc đất nước có chiến tranh, họ sẵn lòng sẻ nhà sẻ cửa cho ta. Cứu người, họ không hề ngần ngại.

Chính tả (Nghe - viết)

Đôi bạn

A. Mục tiêu bài học

– Rèn kĩ năng viết chính tả: Nghe - viết chính xác đoạn 3 của câu chuyện *Đôi bạn*.

– Làm bài tập phân biệt âm đầu, dấu thanh dễ nhầm lẫn: *ch / tr*; *dấu hỏi / dấu ngã*.

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn viết chính tả

– Đọc lại đoạn 3 bài *Đôi bạn*, hiểu nội dung đoạn viết: *Ca ngợi tấm lòng tốt đẹp, đáng quý của người làng quê*.

– Đoạn viết gồm 6 câu. Các chữ phải viết hoa: chữ đầu đoạn, đầu câu, tên riêng (*Về, Mãi, Bố, Người, Lúc, Cứu, Thành, Mến*).

– Lời của bố viết sau dấu hai chấm, xuống dòng, gạch đầu dòng.

II. Hướng dẫn làm bài tập

1. Nghe - viết: *Đôi bạn* (đoạn 3).

2. Em chọn từ ngữ nào trong ngoặc đơn để điền vào chỗ trống.

a) – (châu, trâu): Bạn em đi chăn **trâu**, bắt được nhiều **châu** chấu.

– (chật, trật): Phòng họp **chật** chội và nóng bức nhưng mọi người vẫn rất **trật** tự.

– (chầu, trầu): Bọn trẻ ngồi **chầu** hẫu, chờ bà ăn **trầu** rồi kể chuyện cổ tích.

b) – (bão, bảo): Mọi người **bảo** nhau dọn dẹp đường làng sau cơn **bão**.

– (vẽ, vẻ): Em **vẽ** mấy bạn **vẻ** mặt tươi vui đang trò chuyện.

– (sữa, sửa): Mẹ em cho em bé ăn **sữa** rồi **sửa** soạn đi làm.

Tập đọc

Về quê ngoại

A. Mục tiêu bài học

– Rèn kĩ năng đọc thành tiếng: Đọc diễn cảm bài thơ, phát âm đúng các từ: *đầm sen nở, rực màu rom phơi, gập trắng gập gió, thuyền trôi,...* Ngắt nghỉ đúng nhịp giữa các dòng thơ, các câu thơ lục bát.

– Rèn kĩ năng đọc - hiểu: Hiểu nghĩa của các từ: *hương trời, chân đất*. Hiểu nội dung bài: *Cả ngôi cảnh đẹp của làng quê từ đó thể hiện lòng yêu quê, yêu những người nông dân làm ra hạt gạo.*

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn luyện đọc

– Đọc toàn bài với giọng đọc thiết tha, nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả, gợi cảm: *mê hương trời, rực màu rom, như lá thuyền trôi êm đềm, yêu thêm cuộc sống, yêu thêm con người, chân đất thật thà,...*

– Chú ý ngắt đúng nhịp các câu thơ:

*Em về quê ngoại / nghỉ hè /
Gặp đầm sen nở / mà mê hương trời. //
Gặp bà / tuổi đã tám mươi, /
Quên quên nhớ nhớ / những lời ngày xưa. //
Gập trắng, / gập gió / bất ngờ, /
Ở trong phố / chẳng bao giờ có đâu. //*

II. Hướng dẫn trả lời câu hỏi

1. Bạn nhỏ ở đâu về thăm quê?

Bạn nhỏ ở thành phố về thăm quê. Câu thơ thể hiện điều đó:

Ở trong phố chẳng bao giờ có đâu.

2. Quê ngoại bạn ở đâu?

Quê ngoại của bạn ở nông thôn.

3. Bạn thấy ở quê có những gì lạ?

Bạn nhớ về quê thấy cái gì cũng lạ:

- Đầm sen nở tỏa mùi hương ngát.
- Gặp trăng, gặp gió mà ở thành phố chẳng bao giờ có.
- Con đường đất rực màu rơm phơi.
- Bóng tre rợp mát.
- Vàng trăng như lá thuyền trôi.

4. Bạn nghĩ gì về những người làm ra hạt gạo?

Bạn nhớ nghĩ về những người làm ra hạt gạo: Mặc dù bạn ăn gạo lâu rồi nhưng hôm nay bạn mới gặp những người làm ra hạt gạo. Họ là những người chân đất thật thà. Bạn nhớ thương họ như thương bà ngoại của mình.

5. Học thuộc lòng bài thơ (Học sinh tự học).

Luyện từ và câu

Mở rộng vốn từ: *Thành thị - Nông thôn*



www.sachgiai.com

A. Mục tiêu bài học

- Mở rộng vốn từ về thành thị, nông thôn.
- Ôn luyện dấu phẩy (có chức năng ngăn cách các bộ phận đồng chức trong câu).

B. Tìm hiểu nội dung (*Hướng dẫn làm bài tập*)

1. Em hãy kể tên:

a) Một số thành phố ở nước ta: Hà Nội, Hải Phòng, Huế, Đà Nẵng, Nha Trang, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ,...

b) Một số vùng quê mà em biết: Hạc Trì, Tam Nông, Cẩm Khê, Hòa Lạc, Long Thành, Long Khánh, Ba Tri, Mỏ Cày, Cai Lậy,...

2. Hãy kể tên các sự vật và công việc:

a) Thường thấy ở thành phố:

- Sự vật: đường phố, nhà cao tầng, cao ốc, công viên, đèn cao áp, rạp chiếu bóng, rạp hát, trung tâm thể thao, trung tâm văn hóa, bến xe, sân bay,...

- Công việc: kinh doanh, biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang, nghiên cứu khoa học,...

b) Thường thấy ở nông thôn:

- Sự vật: ruộng, vườn, nhà ngói, nhà lá, cây tre, cây đa, bến đò, ao cá, hồ sen, đường làng đất đỏ, lúa, bò, lợn, gà,...
- Công việc: cấy cà, gặt lúa, xay thóc, giã gạo, trồng rau, chăn nuôi gia súc,...

3. Hãy chép lại đoạn văn sau và đặt dấu phẩy vào những chỗ thích hợp.

Đoạn văn sau khi đã đặt dấu phẩy vào những chỗ thích hợp:

Nhân dân ta luôn ghi sâu lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Đồng bào Kinh hay Tày, Mường hay Dao, Gia-rai hay Ê-đê, Xơ-đăng hay Ba-na và các dân tộc anh em khác đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt. Chúng ta sống chết có nhau, sướng khổ cùng nhau, no đói giúp nhau.

Tập viết

Ôn chữ hoa: M

A. Mục tiêu bài học

- củng cố cách viết chữ hoa M.
- Viết tên riêng Mạc Thị Bưởi bằng chữ cỡ nhỏ.
- Viết câu ứng dụng bằng chữ cỡ nhỏ.

II. Hướng dẫn viết

1. Luyện chữ viết hoa: Các chữ hoa cơ trong bài: M, T, B.

- Chữ M: Cấu tạo gồm 4 nét: Nét 1: móc ngược phải; nét 2: thẳng đứng; nét 3: xiên phải; nét 4: móc xuôi phải.
- Chữ T: Gồm một nét viết liền, là kết hợp của ba nét cơ bản: 2 nét cong trái và 1 nét lượn ngang.
- Chữ B: Gồm 2 nét: Nét móc ngược trái, nét cong trái và phải nối liền nhau tạo vòng xoắn nhỏ ở giữa thân chữ.

Viết vào vở chữ M 1 dòng; chữ T, B 1 dòng.

2. Luyện viết từ ứng dụng (tên riêng).

- Mạc Thị Bưởi quê ở Hải Dương là một nữ du kích hoạt động trong vùng tạm chiếm thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp. Chị bị địch bắt tra tấn rất dã man, nhưng chị quyết không khai, bọn địch đã cắt cổ chị.
- Chú ý nét móc xuôi của chữ M nối liền với nét cong trái của chữ a trong chữ (Mạc).
- Viết vào vở tên riêng Mạc Thị Bưởi 2 dòng.

3. Luyện viết câu ứng dụng:

Một cây làm chẳng nên non

Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.

- Hiểu nội dung câu tục ngữ: *Khuyến mọi người phải đoàn kết. Đoàn kết là sức mạnh.*
- Viết vào vở câu ứng dụng 2 lần.

Tập đọc

Ba điều ước

I. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng đọc thành tiếng: Đọc trôi chảy câu chuyện, phát âm đúng ở các từ: *thợ rèn, vua, buôn, bông bênh, vang tiếng búa,...*
- Rèn kĩ năng đọc - hiểu: Hiểu nghĩa của các từ: *đe* (xem SGK), *cung cấm* (cung vua có lính canh giữ nghiêm ngặt, người ngoài không vào được). Hiểu nội dung của bài: *Con người chỉ thực sự sung sướng khi làm được điều có ích, được mọi người quý trọng.*

II. Tìm hiểu nội dung

Bài văn *Ba điều ước* chia làm bốn đoạn:

- Đoạn 1 (Từ đầu đến “*Rít bỏ cung điện ra đi*”): Rít ước điều ước lần đầu.
- Đoạn 2 (Từ “*Lần kia*” đến “*chẳng làm chàng vui*”): Lần ước thứ hai.
- Đoạn 3 (Từ “*Chỉ còn điều ước*” đến “*được về quê*”): Lần ước thứ ba.
- Đoạn 4 (Đoạn còn lại): Lao động chính là điều đáng mơ ước.

I. Hướng dẫn luyện đọc

Đọc toàn bài với giọng kể nhẹ nhàng, chậm rãi, nhấn mạnh vào các điều ước. Đọc đúng các câu sau:

Nghĩ trên đời chỉ có vua là sung sướng nhất, / Rít ước trở thành vua. // Phút chốc, / chàng đã đứng trong cung cấm tấp nập người hầu. // Nhưng / chỉ mấy ngày, / chán cảnh ăn không ngồi rồi, / Rít bỏ cung điện ra đi. //

II. Hướng dẫn trả lời câu hỏi

1. Nêu ba điều ước của chàng thợ rèn:

- Điều ước 1: Muốn được làm vua.
- Điều ước 2: Ước được nhiều tiền.
- Điều ước 3: Bay được như mây để ngắm cảnh trên trời dưới biển.

2. Vì sao ba điều ước không mang lại hạnh phúc cho chàng?

Ba điều ước không mang lại hạnh phúc cho chàng vì:

- Rít chán làm vua vì chỉ ăn không ngồi rồi.
 - Rít chán tiền bạc vì luôn bị bọn cướp rình rập.
 - Rít chán thú vui bay trên trời vì ngắm cảnh mãi rồi cũng chán.
- Chính vì những lí do trên mà Rít muốn trở về quê.

3. Cuối cùng, chàng hiểu điều gì mới đáng mơ ước?

Cuối cùng, Rít thấy rằng lao động, làm việc có ích, sống giữa sự quý trọng của con người mới là điều đáng mơ ước nhất.

4. Nếu có ba điều ước, em sẽ ước những gì?

Tùy vào sự lựa chọn của các em, các em có thể ước: Học giỏi, chăm ngoan, ước trở thành người có ích cho xã hội...

Chính tả (Nhớ - viết)

Về quê ngoại

A. Mục tiêu bài học

Rèn kĩ năng viết chính tả: Nhớ - viết chính xác 10 dòng thơ đầu bài *Về quê ngoại*. Biết trình bày đúng, sạch đẹp bài thơ thể lục bát. Phân biệt tiếng có âm đầu, dấu thanh dễ lẫn: *ch/ tr*; *dấu hỏi/ dấu ngã*.

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn nhớ - viết

- Học thuộc lòng 10 dòng thơ đầu bài *Về quê ngoại*, hiểu nội dung đoạn viết: *Vẻ đẹp của quê ngoại*.

- Những chữ trong bài viết hoa: *Về, Em, Gặp, Gặp, Quên, Gặp, Ở, Bạn, Qua, Bóng, Vàng* đó là chữ cái đầu bài và chữ đầu dòng thơ.

- Cách trình bày: Dòng 6 chữ viết lùi vào lề 2 ô. Dòng 8 chữ viết lùi vào lề 1 ô.

II. Hướng dẫn làm bài tập

1. Nhớ - viết: *Về quê ngoại* (10 dòng thơ đầu).

2. a) Điền vào chỗ trống *ch* hay *tr*?

Công **cha** như núi Thái Sơn

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn **chảy** ra.

Một lòng thờ mẹ kính **cha**

Cho **tròn** **chữ** hiếu mới là đạo con.

b) Đặt *dấu hỏi* hay *dấu ngã* trên các chữ in đậm? Giải câu đố.

- Cái gì mà **lươi** bằng gang

Xới lên mặt đất **những** hàng **thẳng** bằng.

Giúp nhà có gạo **để** ăn

Siêng năng thì **lươi** sáng bằng mặt gương.

(Lời giải: *Cái lươi cày*).

- **Thuở** bé em có hai sừng
Đến **tuổi nửa** chừng mặt đẹp như hoa.
Ngoài hai mươi **tuổi đã** già
Gần ba mươi lại mọc ra hai sừng.

(Lời giải: Mặt trăng vào những ngày đầu tháng, giữa tháng, cuối tháng).

Tập làm văn Nghe - kể: *Kéo cây lúa lên*

Nói về thành thị, nông thôn

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng nói: Nghe - nhớ kể lại đúng nội dung câu chuyện *Kéo cây lúa lên*.
- Kể những điều em biết về nông thôn (hoặc thành thị).

B. Tìm hiểu nội dung (*Hướng dẫn làm bài tập*)

1. Nghe và kể lại câu chuyện *Kéo cây lúa lên*.

Nội dung câu chuyện

Kéo cây lúa lên

Có một chàng ngốc ra thăm đồng. Thấy ruộng nhà mình lúa xấu hơn ruộng bên, anh ta bèn lấy tay kéo cây lúa nhà mình lên cho cao hơn cây lúa nhà người. Về nhà, anh ta khoe:

– Lúa nhà ta xấu quá. Nhưng hôm nay tôi đã kéo nó lên cao hơn lúa ở ruộng bên rồi.

Chị vợ ra đồng thì thấy bao nhiêu lúa nhà mình đã héo rũ.

Dựa vào gợi ý ở sách giáo khoa kể lại câu chuyện này thật dí dỏm.

Gợi ý:

- Khi thấy lúa ở ruộng nhà mình xấu, chàng ngốc đã làm gì? (*anh ta lấy tay kéo cây lúa nhà mình lên cho cao hơn cây lúa nhà người*).
- Về nhà anh chàng nói gì với vợ? (*Lúa của nhà ta xấu quá. Nhưng hôm nay tôi đã kéo nó cao hơn ở ruộng bên rồi*).
- Vì sao lúa nhà chàng ngốc bị héo? (*Lúa bị kéo lên đứt rễ nên héo rũ*).

2. Kể những điều em biết về nông thôn (hoặc thành thị).

Tham khảo cách kể sau:

- Những điều em biết về nông thôn:

Tuần trước, em theo mẹ về Củ Chi thăm bà ngoại. Dọc hai bên đường là những cánh đồng lúa xanh mơn mớn. Thỉnh thoảng những

đợt gió thổi qua, cây lúa ngã nghiêng như sóng lượn trông rất đẹp mắt. Cổng làng là một hồ sen, từ xa em đã ngửi thấy hương thơm của hoa sen ngào ngạt, những bông sen trắng nổi bật trong lùm lá xanh. Bao bọc quanh làng là những rặng tre cao vút. Em nghe nói nhờ những rặng tre này mà bọn lính Mĩ không vào được làng bắt bớ cán bộ.

Nhà bà ngoại em có một khu vườn trồng toàn cây ăn quả. Những cây sầu riêng cao lớn thẳng đuột. Những quả mít tròn mọng như những chú lợn con đang bú mẹ, những cây cam sai trĩu quả, chỉ cần giơ tay là hái được ngay. Lần nào về thăm bà, em cũng ra ngay vườn ăn no một bụng trái cây. Em rất thích khu vườn của ngoại, em mong được thường xuyên về thăm ngoại để được thưởng thức các hương vị trái cây.

– Những điều em biết về thành thị:

Đã có lần em theo bố ra Nha Trang nghỉ mát. Nơi đây là một thành phố xinh đẹp và đầy quyến rũ. Dọc theo đường Trần Phú là những khách sạn cao tầng suốt ngày đưa, đón khách du lịch. Phía trước khách sạn là cả một vùng nước rộng lớn mênh mông. Phóng tầm mắt ra xa, em thấy biển có một màu xanh lục. Tiếng sóng biển rì rào như bài ca bất tận ca ngợi sự giàu có của thế giới đại dương. Thỉnh thoảng những cơn sóng xô bờ tung bọt trắng xóa.

Phía đông mặt trời tròn xoe ửng hồng đang từ từ nhô lên tỏa ánh sáng lấp lánh như hình rẽ quạt nhiều màu rực rỡ chiếu xuống mặt biển làm mặt nước sóng sánh như dát vàng.

Trong ánh sáng dịu dàng buổi đầu bình minh, trên mặt biển xuất hiện những cánh buồm nâu, được nắng chiếu vào hồng rực lên như đàn bướm múa lượn giữa trời xanh. Chỗ gần bờ người đến tắm thật đông, tiếng reo cười ồn ào, náo nhiệt hòa cùng với tiếng sóng vỗ ì ầm. Thỉnh thoảng những cơn sóng lớn trườn vào bờ làm mọi người phải nhảy lên đón sóng. Gặp bờ cát, sóng tan ra thành muôn ngàn bọt nước li ti và đám đông vui vẻ kia lại dập dềnh cùng những chiếc phao nổi trên mặt nước.

Con người ở Nha Trang rất mến khách, họ vui vẻ chỉ đường cho khách du lịch.

Những ngày nghỉ ở bãi biển Nha Trang trôi qua thật mau, kì nghỉ mát đã lùi vào quá khứ nhưng em nhớ mãi thành phố du lịch đầy quyến rũ này.

TUẦN 17

Tập đọc

Mồ côi xử kiện

A. Mục tiêu bài học

– Rèn kĩ năng đọc thành tiếng: Đọc toàn bài, phát âm đúng ở các từ: *Vùng quê nọ, nông dân, vịt rán, miếng cơm nắm, giã nải, phiên xử,...* Phân biệt lời dẫn chuyện với lời nhân vật (*chủ quán, bác nông dân, Mồ Côi*).

– Rèn kĩ năng đọc - hiểu: Hiểu nghĩa của các từ: *công đường, bồi thường*. Hiểu nội dung câu chuyện: *Ca ngợi sự thông minh, tài trí của Mồ Côi*.

B. Tìm hiểu nội dung

Câu chuyện *Mồ côi xử kiện* chia làm ba đoạn:

– Đoạn 1: Giới thiệu các nhân vật và sự việc xảy ra.
– Đoạn 2: Sự việc được trình bày giữa chủ quán và bác nông dân với Mồ Côi.

– Đoạn 3: Cách giải quyết sự việc của Mồ Côi.

I. Hướng dẫn luyện đọc

Đọc toàn bài, phân biệt giọng đọc của các nhân vật.

– Giọng của người dẫn truyện: khách quan, công bằng.

– Giọng của chủ quán: vu vạ, thiếu thật thà.

*Bác này vào quán tôi **hít hết mùi thơm** lợn quay, / gà luộc, / vịt rán mà không trả tiền. // Nhờ ngài xét cho. //*

– Giọng bác nông dân: thật thà, phân trần, ngạc nhiên.

• *Tôi chỉ vào quán ngồi nhờ để ăn miếng cơm nắm. // Tôi không mua gì cả. // (giọng thật thà)*

• *Tôi có đụng chạm gì đến thức ăn trong quán đâu mà phải trả tiền? // (giọng ngạc nhiên)*

– Giọng Mồ Côi: nhẹ nhàng, đoạn cuối giọng cương quyết.

Bác này đã bồi thường cho chủ quán đủ số tiền. // Một bên "hít mùi thịt", / một bên "nghe tiếng bạc". // Thế là công bằng. //

II. Hướng dẫn trả lời câu hỏi

1. Chủ quán kiện bác nông dân về việc gì?

Chủ quán kiện bác nông dân về tội bác vào quán hít mùi thơm của lợn quay, gà luộc, vịt rán mà không trả tiền.

2. Tìm câu nêu rõ lí lẽ của bác nông dân.

Câu nêu rõ lí lẽ của bác nông dân:

• *Tôi chỉ vào quán ngồi nhờ để ăn miếng cơm nắm. Tôi không mua gì cả.*

• *Tôi có dụng cụ gì đến thức ăn trong quán đâu mà phải trả tiền?*

3. Tại sao Mồ Côi bảo bác nông dân xóc 2 đồng bạc đủ 10 lần?

Mồ Côi bảo bác nông dân xóc 2 đồng bạc đủ 10 lần vì có xóc 2 đồng bạc 10 lần mới đủ 20 đồng ($2 \times 10 = 20$).

4. Em hãy thử đặt một tên khác nữa cho truyện.

Em có thể đặt các tên khác cho truyện như sau:

- *Lão chủ quán tham lam.*
- *Đáng đời tên chủ quán.*
- *Mồ Côi thông minh.*
- *Phiên tòa thú vị.*
- *Vị quan tòa tài trí, thông minh.*

Kể chuyện

Mồ côi xử kiện

A. Mục tiêu bài học

– Rèn kĩ năng nói: Dựa vào trí nhớ và tranh minh họa kể lại được toàn bộ câu chuyện *Mồ Côi xử kiện*.

– Rèn kĩ năng nghe: Nghe bạn kể, biết nhận xét, đánh giá lời kể của bạn.

B. Tìm hiểu nội dung (*Hướng dẫn kể chuyện*)

Dựa vào các tranh sau (SGK trang 141) kể lại câu chuyện *Mồ côi xử kiện*:

Tham khảo cách kể sau

* Tranh 1.

Ngày xưa, ở một vùng quê nọ có một ông quan xử kiện rất công bằng tên là Mồ Côi.

Một hôm, có hai người đưa nhau đến công đường. Lão chủ quán bèn thưa:

– Bác này vào quán của tôi hít hết mùi thơm của lợn quay, gà luộc, vịt rán mà không trả tiền.

* Tranh 2.

Mồ Côi hỏi bác nông dân:

– Có đúng như lời chủ quán thưa không?

Bác nông dân vội trả lời:

– Tôi chỉ vào quán ngồi nhờ để ăn miếng cơm nắm. Tôi không mua gì cả.

Mồ Côi lại hỏi:

– Nhưng bác có hít mùi thơm thức ăn trong quán không?

Bác nông dân thật thà đáp:

– Thưa có.

Mồ Côi bèn nói:

– Thế thì bác phải bồi thường. Chủ quán muốn bồi thường bao nhiêu?

Nghe nói có bồi thường, tên chủ quán vui ra mặt, hần bèn nói:

– Thưa Ngài, hai mươi đồng.

Nghe nói vậy, bác nông dân giãy nảy:

– Tôi có đụng chạm gì đến thức ăn trong quán đâu mà phải trả tiền?

*** Tranh 3.**

Mồ Côi nói:

– Bác cứ đưa tiền đây.

Bác nông dân ăm ức nói:

– Nhưng tôi chỉ có hai đồng.

Mồ Côi thản nhiên cầm lấy hai đồng bạc, bỏ vào một cái bát rồi úp một cái bát khác lên đưa cho bác nông dân và nói:

– Bác hãy xóc cho đủ mười lần. Còn ông chủ quán hãy chịu khó mà nghe.

Mặc dù hai người chưa hiểu chuyện gì nhưng cũng cứ làm theo. Khi đồng bạc trong bát úp kêu lạch cạch đến mười lần Mồ Côi phán rằng:

– Bác này đã bồi thường cho chủ quán đủ số tiền. Một bên "hít mùi thơm", một bên "nghe tiếng bạc". Thế là công bằng.

*** Tranh 4.**

Nói xong, Mồ Côi trả hai đồng bạc cho bác nông dân và tuyên bố kết thúc phiên tòa. Còn lão chủ quán thì tiu nghỉu ra về.

Chính tả (Nghe - viết) Vàng trắng quê em

A. Mục tiêu bài học

Rèn kĩ năng viết chính tả: Nghe - viết chính xác, trình bày đúng đẹp đoạn văn *Vàng trắng quê em*. Làm đúng bài tập điền các tiếng chứa âm, vần dễ lẫn: *d / gi / r; ăc / ăt*.

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn nghe - viết

– Đọc hai lần bài *Vàng trắng quê em*. Hiểu nội dung bài viết: *Tả cảnh đẹp của quê em vào đêm trăng*.

– Bài viết gồm 7 câu. Các chữ cần viết hoa: *Vàng, Làn, Trăng, Khuya, Làng, Chỉ* đó là các chữ tựa bài, đầu dòng và đầu câu.

– Chú ý chữ đầu dòng viết lùi vào 1 ô.

II. Hướng dẫn làm bài tập

1. Nghe - viết: *Vàng trắng quê em*.

2. a) Em chọn những tiếng nào trong ngoặc đơn để điền vào chỗ trống?

Giải câu đố:

– (dì / gì, rẻo / dẻo, ra / da, duyên / ruyền).

Cây **gì** gai mọc đầy mình
Tên gọi như thể bông bênh bay lên
Vừa thanh, vừa **dẻo**, lại bền
Làm **ra** bàn ghế, đẹp **duyên** bao người?

(Lời giải: Là *cây mây*)

– (gì / rì, dúi / đan / ríu / ran)

Cây **gì** hoa đỏ như son
Tên gọi như thể thổi cơm ăn liền
Tháng ba, đàn sáo huyền thuyên
Ríu ran đến đầy đầy trên các cành?

(Lời giải: Là *cây gạo*)

b) Điền vào chỗ trống **ất** hay **ắc**?

- Tháng chạp thì **mắc** trồng khoai
Tháng giêng trồng đậu, tháng hai trồng cà
Tháng ba cày vỡ ruộng ra
Tháng tư **bắc** mạ, thuận hòa mọi nơi
Tháng năm **gặt** hái vừa rồi
Bước sang tháng sáu, nước trôi đầy đồng
- Đèo cao thì **mặc** đèo cao
Trèo lên tới đỉnh ta cao hơn đèo
Đường lên, hoa lá vẫy theo
Ngắt hoa cài mũ tai bèo ta đi.

Tập đọc

Anh Đóm Đóm

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng đọc thành tiếng: Đọc diễn cảm bài thơ, phát âm đúng các từ: gác núi, lan dân, chuyên cần, gió mát, ngon giấc, từng bước...
- Rèn kĩ năng đọc hiểu: Hiểu nghĩa của các từ: đóm đóm, chuyên cần, cò bọ, vạc. Hiểu nội dung bài: Cuộc sống của các loài vật ở làng quê vào ban đêm.

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn luyện đọc

Đọc diễn cảm toàn bài với giọng nhẹ nhàng, nhấn giọng vào các từ gợi tả: *lan dân, chuyên cần, lặng lẽ, long lanh, quay vòng, rộn rịp,...* Nghỉ hơi đúng các dòng thơ, khổ thơ. Ví dụ:

*Từng bước, / từng bước /
Vung ngọn đèn lồng /
Anh Đóm quay vòng /
Như sao bùng nổ. //*

II. Hướng dẫn trả lời câu hỏi

1. Anh Đóm lên đèn đi đâu?

Anh Đóm lên đèn đi gác cho mọi người ngủ ngon.

2. Anh Đóm thấy những cảnh gì trong đêm?

Trong đêm anh Đóm thấy những cảnh sau:

- Tiếng chị Cò Bọ ru con (*Ru hời, ru hời / Hời bé tôi ơi / Ngủ cho ngon giấc*).
- Thấy thím Vạc đi mò tôm (*Ngoài sông thím Vạc / Lặng lẽ mò tôm*).
- Thấy sao Hôm in hình xuống đáy nước (*Bên cạnh sao Hôm / Long lanh đáy nước*).

3. Tìm một hình ảnh đẹp, của anh Đóm trong bài thơ.

Những hình ảnh đẹp của anh Đóm:

- *Đóm đi suốt đêm
Lo cho người ngủ*
- *Từng bước, từng bước
Vung ngọn đèn lồng
Anh Đóm quay vòng
Như sao bùng nổ.*

4. Học thuộc lòng bài thơ (Học sinh tự học).

Luyện từ và câu

Ôn về từ chỉ đặc điểm

Ôn tập câu: *Ai thế nào?* Dấu phẩy

A. Mục tiêu bài học

- Ôn tập về từ chỉ đặc điểm của người, vật.
- Ôn mẫu câu: *Ai thế nào?* Ôn về dấu phẩy.

B. Tìm hiểu nội dung (*Hướng dẫn làm bài tập*)

1. Hãy tìm những từ ngữ thích hợp để nói về đặc điểm của nhân vật trong các bài tập đọc mới học:

- a) Chú bé Mến trong truyện *Đôi bạn*.
- b) Anh Đom Đóm trong bài thơ cùng tên.
- c) Anh Mồ Côi (hoặc người chủ quán) trong truyện *Mồ Côi xử kiện*.

Nhân. vật	Từ ngữ thích hợp nói về đặc điểm của nhân vật
a) Mến	<i>dũng cảm, không ngần ngại cứu người, biết sống vì người khác.</i>
b) Đom Đóm	<i>chuyên cần, chăm chỉ, tốt bụng, lo cho mọi người.</i>
c) - Chàng Mồ Côi	<i>thông minh, tài trí, công minh, biết bảo vệ lẽ phải, biết giúp đỡ người bị oan.</i>
d) - Chú quán	<i>tham lam, dối trá, vu oan cho người khác, xấu xa.</i>

2. Đặt câu theo mẫu *Ai thế nào?* để miêu tả:

- a) Một bác nông dân.
- b) Một bông hoa trong vườn.
- c) Một buổi sớm mùa đông.

Đặt câu:

Ai	thế nào?
a) Bác nông dân	<i>chăm chỉ/ cần cù/ chịu khó/ hiền lành/ cày xong một thửa ruộng.</i>
b) Bông hoa trong vườn	<i>nhỏ rất đẹp/ xinh đẹp./ trông thật tươi tắn.</i>
c) Buổi sớm mùa đông	<i>thật lạnh/ lạnh buốt/ rất đẹp.</i>

3. Em có thể đặt dấu phẩy vào chỗ nào trong mỗi câu sau?

Các câu văn đã đặt dấu phẩy vào chỗ thích hợp:

- a)Ếch con ngoan ngoãn, chăm chỉ và thông minh.
- b) Nắng cuối thu vàng ông, dù giữa trưa cũng chỉ dịu dịu.
- c) Trời xanh ngắt trên cao, xanh như dòng sông trong, trôi lặng lẽ giữa những ngọn cây hè phố.

Tập viết

Ôn chữ hoa: *N*

A. Mục tiêu bài học

- củng cố cách viết chữ hoa *N*.
- Viết tên riêng *Ngô Quyền* bằng chữ cỡ nhỏ.
- Viết câu ứng dụng bằng chữ cỡ nhỏ.

B. Hướng dẫn viết

1. Luyện viết chữ hoa. Các chữ hoa có trong bài: *N*, *Q*, *D*.

- Chữ *N*: Cấu tạo bởi 3 nét. Nét 1: móc ngược phải. Nét 2: thẳng đứng. Nét 3: xiên phải.
- Chữ *Q*: Cấu tạo gồm 2 nét. Nét 1 giống chữ *Q*. Nét 2 là nét lượn ngang giống như một dấu ngã lớn.
- Chữ *D*: Được viết liền mạch từ 2 nét cơ bản: nét lượn đứng và nét cong phải nối liền nhau tạo một nét thắt nhỏ ở chân chữ, thêm một nét ngang ngắn.
- Viết vào vở chữ *N* 1 dòng; chữ *Q*, *D* 1 dòng.

2. Luyện viết từ ứng dụng (tên riêng)

– *Ngô Quyền* là vị anh hùng dân tộc nước ta, đã lãnh đạo nghĩa quân đánh bại quân xâm lược Nam Hán trên sông Bạch Đằng, mở đầu thời kì độc lập dân chủ ở nước ta.

- Viết vào vở tên riêng *Ngô Quyền* 2 dòng.

3. Luyện viết câu ứng dụng:

*Đường vô xứ Nghệ quanh quanh
Non xanh nước biếc như tranh họa đồ.*

- Hiểu nội dung câu ca dao: *Ca ngợi vẻ đẹp của phong cảnh xứ Nghệ.*
- Viết câu ứng dụng vào vở: 2 lần. Trình bày sạch đẹp. Câu 6 chữ viết lùi vào 3 ô. Câu 8 chữ viết lùi vào 2 ô (tính từ lề vào).

Tập đọc

Âm thanh thành phố

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng đọc thành tiếng: Đọc diễn cảm bài văn, phát âm đúng các từ: *thành phố*, *náo nhiệt*, *ồn ã*, *lách cách*, *vi-ô-lông*, *pi-a-nô*, *Bét-tô-ven*.
- Rèn kĩ năng đọc - hiểu: Hiểu nghĩa của các từ: *Vi-ô-lông*, *ban công*, *pi-a-nô*, *Bét-tô-ven*. Hiểu nội dung của bài: *Thấy được cuộc sống sôi*

động, náo nhiệt ở thành phố với muôn vàn âm thanh, tuy nhiên vẫn có những âm thanh êm ả đem lại cho con người cảm giác dễ chịu.

B. Tìm hiểu nội dung

Bài văn *Âm thanh thành phố* chia làm ba đoạn:

– Đoạn 1 (Từ đầu đến “trên đường ray âm âm”): cuộc sống náo nhiệt ở thành phố với muôn vàn âm thanh.

– Đoạn 2 (Từ “Rồi tất cả” đến “ở một căn gác”): Âm thanh của tiếng đàn pi-a-nô và vi-ô-lông.

– Đoạn 3 (Đoạn còn lại): Cảm giác dễ chịu của Hải khi nghe bản nhạc *Ánh trăng* của Bét-tô-ven bằng đàn pi-a-nô.

I. Hướng dẫn luyện đọc

– Đọc toàn bài chú ý giọng đọc khác nhau ở mỗi đoạn. Đoạn 1 đọc rộn ràng nhấn giọng vào các từ gợi tả âm thanh: *rền rĩ, lách cách, gay gắt, thét lên, âm âm*. Đoạn 2 và 3 giọng trở nên chậm lại, trầm xuống diễn tả cảm xúc dễ chịu. Ví dụ:

*Hồi còn đi học, / Hải rất say mê âm nhạc. // Từ căn gác nhỏ của mình, / Hải có thể nghe **tất cả âm thanh** náo nhiệt, / ồn ã của thủ đô. // Tiếng ve kêu **rền rĩ** trong những đám lá cây bên đường. // Tiếng kéo **lách cách** / của những người bán thịt bò khô. // Tiếng còi ô tô xin đường **gay gắt**. // Tiếng còi tàu hỏa **thét lên** và tiếng bánh sắt lăn trên đường ray **âm âm**. //*

II. Hướng dẫn trả lời câu hỏi

1. Hàng ngày, anh Hải nghe thấy những âm thanh nào?

Hàng ngày, anh Hải nghe thấy tiếng ve kêu *rền rĩ*, tiếng kéo *lách cách* của những người bán thịt bò khô, tiếng còi ô tô, tiếng còi tàu hỏa, tiếng bánh xe sắt lăn trên đường ray, tiếng đàn vi-ô-lông và tiếng đàn pi-a-nô.

2. Tìm những từ ngữ tả âm thanh ấy.

Những từ ngữ tả âm thanh:

- Tiếng ve kêu *rền rĩ* trong đám lá cây.
- Tiếng kéo *lách cách* của người bán thịt bò khô.
- Tiếng còi ô tô xin đường *gay gắt*.
- Tiếng còi tàu hỏa *thét lên*.
- Tiếng bánh xe lăn trên đường ray *âm âm*.
- Tiếng đàn pi-a-nô và vi-ô-lông vang lên khi những tiếng ồn *im lặng*.

3. Các âm thanh trên nói lên điều gì về cuộc sống ở thành phố?

Các âm thanh nói lên cuộc sống ở thành phố thật sôi động và náo nhiệt. Nhưng đồng thời ở thành phố, con người cũng có những phút giây thoải mái, dễ chịu khi thưởng thức những âm thanh êm ả của những bản nhạc.

Chính tả (Nghe - viết) Âm thanh thành phố

A. Mục tiêu bài học

- Rèn kĩ năng viết chính tả: Nghe - viết đúng, chính xác và trình bày sạch đẹp đoạn 3 trong bài *Âm thanh thành phố*.
- Làm các bài tập tìm tiếng có vần khó: *ui / uôi*. Chứa tiếng bắt đầu bằng *d / gi / r* hoặc có vần *ăt / ăc* theo nghĩa đã cho.

B. Tìm hiểu nội dung

I. Hướng dẫn nghe - viết

- Đọc lại đoạn 3 bài *Âm thanh thành phố*, hiểu nội dung đoạn viết: *Cảm giác dễ chịu, thoải mái của Hải khi nghe bản nhạc Ánh trăng của Bết-tô-ven bằng đàn pi-a-nô.*
- Đoạn viết gồm 3 câu, những chữ phải viết hoa: *Hải, Mỗi, Anh, Hà Nội, Ánh, Bết-tô-ven* đó là những chữ đầu dòng, đầu câu và tên riêng. Viết đúng các từ: *ngồi lặng, dễ chịu, căng thẳng, Bết-tô-ven, pi-a-nô.*

II. Hướng dẫn làm bài tập

1. **Nghe - viết:** *Âm thanh thành phố* (từ *Hải đã ra Cẩm Phả...* đến hết).
 - Các tên riêng trong bài chính tả: *Hải, Bết-tô-ven, Hà Nội, Ánh trăng.*
 - Các từ *Bết-tô-ven, pi-a-nô* khi viết phải có dấu gạch nối giữa các chữ.
2. **Tìm 5 từ có vần *ui*, 5 từ có vần *uôi*.**
 - *ui*: *cặm cùi, dụi mắt, bụi bay, đui mắt, bùi tai,...*
 - *uôi*: *đuôi, đuổi, tuổi, suối, buổi, chuôi,...*
3. **Tìm các từ:**
 - a) **Chứa tiếng bắt đầu bằng *d / gi* hoặc *r* có nghĩa như sau:**
 - Có nét mặt, hình dáng, tính nết, màu sắc... gần như nhau: **giống.**
 - Phần còn lại của cây lúa sau khi gặt: **rạ.**
 - Truyền lại kiến thức, kinh nghiệm cho người khác: **dạy.**
 - b) **Chứa tiếng có vần *ăt* hoặc *ăc* có nghĩa như sau:**
 - Ngược với phương nam: phương **bắc.**
 - Bấm đứt ngọn rau, hoa, lá... bằng hai đầu ngón tay: **ngắt.**
 - Trái nghĩa với rộng: **đặc.**

Tập làm văn **Viết về thành thị, nông thôn**

A. Mục tiêu bài học

Rèn kĩ năng viết: Viết được một lá thư cho bạn kể về những điều em biết về nông thôn hoặc thành thị.

B. Tìm hiểu nội dung (*Hướng dẫn làm bài tập*)

Dựa vào bài tập làm văn miệng ở tuần 16, em hãy viết một bức thư ngắn (khoảng 10 câu) cho bạn, kể những điều em biết về thành thị hoặc nông thôn.

Bài tham khảo

Bến Tre, ngày 24 tháng 12 năm 2011

Tuyệt Mai thân mến!

Tuần qua, mình được theo mẹ lên thành phố Hồ Chí Minh chơi. Thành phố này thật là rộng lớn với những ngôi nhà cao tầng đồ sộ, với những con đường lớn rộng thênh thang, nhưng ở đây âm thanh cũng thật náo nhiệt và ồn ã.

Mới có sáu giờ sáng, đường phố đã bắt đầu hoạt động huyên náo. Những chiếc xe lớn nhỏ hiệu Hyun-Đai, Tô-yô-ta chở cán bộ, công nhân đi làm bóp còi inh ỏi. Những chiếc xe vận tải nhẹ chở hàng hóa, thực phẩm từ vùng ngoại ô đổ về các chợ đầu mối... Hàng trăm chiếc xe máy nổ ầm ầm lũ lượt ngược xuôi. Xe đạp, xe ba gác nườm nượp nối đuôi nhau chạy nhanh trên mặt đường. Người và xe cộ đi lại như mắc cửi, nhiều lúc ùn tắc lại dài hàng trăm mét.

Trên vỉa hè, người đi bộ tấp nập. Các bạn nhỏ học sinh gọn gàng trong bộ đồng phục, các chị sinh viên tha thướt trong tà áo dài trắng đang hối hả đến trường. Các bà, các chị nhanh chân ra chợ để mua thức ăn cho tươi và kịp giờ đi làm. Các hàng quán bày la liệt: nào là miến gà, phở gà, hủ tiếu... tiếng mời chào đơn đả. Từ trong các nhà hàng, quán cà phê, tiếng nhạc mở xập xình. Cả đường phố vang lên một thứ âm thanh hỗn độn.

Dòng người và xe cộ ngược xuôi loang loáng. Nhìn cảnh đường phố nhộn nhịp, mình mới thấy hết sức sống mạnh mẽ, khẩn trương sôi nổi trong một ngày của thành phố công nghiệp. Thành phố mang tên Bác đáng yêu và đẹp quá phải không Tuyệt Mai.

Thôi mình dừng bút, khi nào có điều kiện Mai nhớ lên thăm thành phố Hồ Chí Minh nhé. Chúc Mai khỏe, vui và học giỏi.

Bạn thân của Tuyệt Mai

Nguyễn Thị Đoan Trang

TUẦN 18

ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I

Tiết 1

1. Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng.

* Ôn các bài tập đọc:

- Giọng quê hương
- Thư gửi bà
- Đất quý, đất yêu
- Chỗ bánh khúc của dì tôi
- Nắng phương Nam
- Luôn nghĩ đến miền Nam
- Người con của Tây Nguyên
- Cửa Tùng
- Người liên lạc nhỏ
- Một trường tiểu học ở vùng cao
- Hũ bạc của người cha
- Nhà rông ở Tây Nguyên
- Đôi bạn
- Ba điều ước
- Mồ Côi xử kiện
- Âm thanh thành phố

* Ôn các bài học thuộc lòng:

- Quê hương
- Vẽ quê hương
- Cảnh đẹp non sông
- Vàm Cỏ Đông
- Nhớ Việt Bắc
- Nhà bố ở
- Về quê ngoại
- Anh Đom Đóm

Đọc kĩ các bài tập đọc và học thuộc các bài thuộc lòng nêu trên.

2. Nghe - viết: Rừng cây trong nắng (Xem sách giáo khoa trang 148).

- Hiểu nội dung bài: *Tả vẻ đẹp của rừng cây trong ánh nắng mặt trời.*
- Những chữ phải viết hoa trong bài: *Rừng, Trong, Những, Từ, Tiếng* đó là những chữ đầu bài, đầu dòng và đầu câu.
- Viết đúng các tiếng: *nắng, vàng óng, vươn thẳng lên trời, lá xanh, vang xa, vọng mãi...* Chữ “*Trong*” đầu dòng lùi vào 1 ô (cách lề).

Tiết 2

1. Ôn luyện các bài tập đọc và học thuộc lòng (xem ở tiết 1).

2. Tìm hình ảnh so sánh trong các câu sau.

Hình ảnh 1	Từ chỉ sự so sánh	Hình ảnh 2
a) Những thân cây tràm vươn thẳng lên trời	như	những cây nến khổng lồ.
b) Đước mọc san sát, thẳng đuột	như	hàng hà sa số cây dù xanh cắm trên bãi.

– Những thân cây tràm được so sánh với những ngọn nến.

– Đước được so sánh với những cây dù xanh.

3. Từ **biển** trong câu sau có ý nghĩa gì?

Từ trong biển lá xanh rờn, ngát dậy một mùi hương lá tràm bị hun nóng dưới mặt trời.

Từ **biển** trong câu này không có nghĩa là vùng nước rộng mênh mông mà nó mang nghĩa là một tập hợp nhiều sự vật: lượng lá tràm bạt ngàn khiến người ta liên tưởng như đang đứng trước một biển lá.

Tiết 3

1. Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng (xem tiết 1).

2. Lớp em tổ chức liên hoan chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20 - 11.

Em hãy viết giấy mời cô (thầy) hiệu trưởng theo mẫu dưới đây:

GIẤY MỜI

Kính gửi: Thầy hiệu trưởng trường Tiểu học Hòa Bình.

Lớp 3B trân trọng kính mời thầy

Tới dự buổi liên hoan chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20 - 11.

Vào hồi: 9 giờ ngày 18 tháng 11 năm 2014.

Tại phòng học lớp 3B.

Chúng em rất mong được đón thầy tới dự.

Ngày 16 tháng 11 năm 2014

Lớp trưởng

Nguyễn Mạnh Tuấn

Tiết 4

1. Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng (xem tiết 1).

2. Em điền **dấu chấm** hay **dấu phẩy** vào mỗi ô trống trong đoạn văn sau?

Đoạn văn sau khi đã điền **dấu chấm** và **dấu phẩy** vào mỗi ô trống.

Cà Mau đất xộp ☐ Mùa nắng ☐ đất nẻ chân chim, nền nhà cũng rạn nứt ☐ Trên cái đất phập phều và lấm gió lấm đông như thế ☐ cây đứng lẻ, khó mà chống chọi nổi. Cây bình bát ☐ cây bần cũng phải quây quần thành chòm ☐ thành rặng ☐ Rễ phải dài ☐ phải cắm sâu vào lòng đất.

Tiết 5

1. Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng (xem tiết 1).
2. Em bị mất thẻ đọc sách. Hãy viết một lá đơn đề nghị thư viện trường cấp lại thẻ cho em.

Mẫu: CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN CẤP LẠI THẺ ĐỌC SÁCH

Kính gửi: Thư viện trường Tiểu học Võ Thị sáu

Em tên là: Nguyễn Hải Anh

Học sinh lớp: 3C trường tiểu học Võ Thị Sáu

Em làm đơn này xin đề nghị Thư viện cấp lại cho em thẻ đọc sách năm học 2014 - 2015 vì em lỡ làm mất. Em hứa sẽ giữ gìn thẻ cẩn thận và tuân theo những quy định của Thư viện.

Em xin chân thành cảm ơn.

Ngày 20 tháng 10 năm 2014

Người làm đơn

Nguyễn Hải Anh



Tiết 6

1. Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng (xem tiết 1).
2. Hãy viết thư thăm một người thân hoặc một người mà em quý mến (ông, bà, cô, bác, cô giáo cũ, bạn cũ...).

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm

Cô kính mến!

Em là Ý Phương đứa học trò cũ của cô đây. Thế là đã qua một mùa khai giảng và bây giờ trên các cành cây hoa phượng đã nở đỏ rực, đâu đó có tiếng kêu của các chú ve báo hiệu mùa hè đã đến, lòng em lại nhớ đến cô da diết.

Kính thưa cô! Em viết thư này trước hết là kính thăm sức khỏe của cô và gia đình, em cầu chúc cho cô luôn luôn mạnh khỏe để dìu dắt học sinh ngày một tiến bộ.

Cô ơi! Nhớ đến cô là em lại nhớ đến giọng nói dịu dàng và ánh mắt trìu mến của cô. Không biết khí hậu ở miền biển có làm cô khỏe hơn hay không? Hay cô vẫn gầy như trước? Cô chuyển về môi trường mới cô có quen không? Lâu rồi không được gặp cô em muốn biết nhiều lắm.

Còn em, vẫn học giỏi như ngày nào cô dạy em. Năm nay em sẽ phấn đấu trở thành học sinh giỏi cấp thành phố để làm quà tặng cô.

Cuối cùng, em chúc cô và gia đình mạnh khỏe. Em hy vọng một ngày không xa em sẽ đến thăm cô.

Học trò cũ của cô
Ý Phương

Tiết 7

1. Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng (xem tiết 1).
2. Chép mẫu chuyện sau vào vở. Nhớ điền những *dấu chấm* hoặc *dấu phẩy* còn thiếu vào chỗ thích hợp.

Mẫu chuyện đã được điền *dấu chấm* hoặc *dấu phẩy* vào chỗ thích hợp:

Người nhát nhát

Một cậu bé được bà dẫn đi chơi phố. Lúc về, cậu nói với mẹ:

– Mẹ ạ, bây giờ con mới biết là bà nhát lắm.

Mẹ ngạc nhiên:

– Sao con lại nói thế?

Cậu bé trả lời:

– Vì cứ mỗi khi qua đường, bà lại nắm chặt tay con.

Tiết 8

BÀI LUYỆN TẬP

- A. Đọc thầm bài: *Đường vào bản* (học sinh đọc).
- B. Dựa theo nội dung bài đọc, chọn ý đúng trong các câu trả lời sau:
 1. Đoạn văn trên tả cảnh vùng nào?
 - a) Vùng núi.
 - b) Vùng biển.
 - c) Vùng đồng bằng.Câu trả lời đúng: a) *Vùng núi*.
 2. Mục đích chính của đoạn văn trên là tả cái gì?
 - a) Tả con suối.
 - b) Tả con đường.
 - c) Tả ngọn núi.Câu trả lời đúng: b) *Tả con đường*.
 3. Vật gì nằm ngang đường vào bản?
 - a) Một ngọn núi.
 - b) Một rừng vầu.
 - c) Một con suối.Câu trả lời đúng: c) *Một con suối*.

4. Đoạn văn trên có mấy hình ảnh so sánh?

a) Một hình ảnh.

b) Hai hình ảnh.

c) Ba hình ảnh.

Câu trả lời đúng: b) Hai hình ảnh.

5. Trong các câu dưới đây, câu nào không có hình ảnh so sánh.

Câu trả lời đúng: b) Con đường đã nhiều lần đưa tiễn người bạn tôi đi công tác và cũng đã từng đón mừng cô giáo về bán dạy chữ. Không có hình ảnh so sánh.

Tiết 9

BÀI LUYỆN TẬP

A. Nghe - viết: *Anh Đom Đóm* (từ đầu đến ngon giấc).

B. Tập làm văn

Hãy viết một đoạn văn ngắn (từ 7 đến 10 câu) kể về việc học tập của em trong học kì I.

Bài tham khảo

Năm nay em học lớp ba. Bước vào năm học mới em vô cùng ngỡ ngàng vì bài vở năm nay nhiều và khó hơn năm ngoái. Sau những tiết học căng thẳng ở lớp, về nhà em vui đầu vào học bài và làm bài.

Những bài Tiếng Việt năm nay thật học búa, nhiều thuật ngữ cũng thật mới lạ đối với em. Bên cạnh đó còn có những câu đố cực kì khó khiến em nhiều lúc nghĩ cả ngày cũng không tìm ra được lời giải...

Tuy có những khó khăn như vậy, nhưng em cảm thấy rất vui vì năm nay em được học cô giáo mới. Cô giáo của em còn trẻ và đẹp lắm. Dáng người cô thon thả. Mái tóc đen mượt mà ôm lấy khuôn mặt trái xoan. Cô giảng bài rất hay. Mỗi lần nghe cô giảng, em như bị cuốn hút bởi giọng nói ấm áp và truyền cảm của cô. Cô thường kể chuyện cổ tích cho chúng em nghe mỗi khi lớp ngoan và có tiến bộ. Cô thường động viên em cố gắng trong học tập, chính vì thế dù bài khó và nhiều đến đâu, em cũng cố gắng hoàn thành. Hiện nay em đang thi đua phấn đấu trở thành học sinh giỏi trong học kì một này.